ĐẠI-ĐẠO TAM-KỲ PHỔ-ĐỘ

TÒA-THÁNH TÂY-NINH

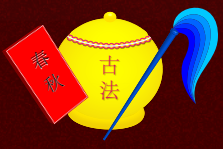

Đại Đạo

Triết Lý Nhân Bản

Huệ Phong

TÀI LIỆU SƯU TẦM 2017

hai•không•một•bảy

Ebook được làm theo Ấn-Bản phổ biến trên Website của **daocaodai.info**. Mọi góp ý, đề nghị bổ túc, sửa đổi những sơ sót, có thể có, xin vui lòng gởi điện thư vào địa chỉ: *Tamnguyen351@live.com*

Thành thật tri ơn **Soạn Giả HUỆ PHONG**, **Ban Phụ Trách Phổ Biến Kinh Sách Website daocaodai.info** đã bỏ nhiều tâm-huyết và công sức trong việc sưu tập, biên khảo, đánh máy, in ấn hay phổ biến trên Website ngỏ hầu **Giáo-Lý Đại-Đạo** được phổ truyền rộng rãi, lưu lại di-sản tinh-thần vô-giá cho thế-hệ hiện tại và nhiều thế-hệ tiếp nối mai sau.

California, 31/08/2017

Tầm Nguyên

ĐẠI ĐẠO TRIẾT LÝ NHÂN BẢN

Biên Soạn: HUỆ PHONG

MỤC LỤC

ĐẠI ĐẠO TRIẾT LÝ NHÂN BẢN 9

- LỜI CẢM TƯỞNG
  QUYỂN "TRIẾT LÝ NHÂN BẢN" 11
- ĐỀ TẶNG SOẠN GIẢ
  QUYỂN «TRIẾT LÝ NHÂN BẢN» 13
- CẢM TƯỞNG VỀ QUYỂN
  ĐẠI ĐẠO TRIẾT LÝ NHÂN BẢN 14
- LỜI MỞ ĐẦU 15
- 1– CHÂN LÝ ĐẠO TRỜI 19
- 2– ĐẠO DỤNG ÂM THINH 23
- 3– TINH KHÍ THẦN
  VÀ PHÁP ĐỊNH VỊ CÀN KHÔN 26
- 4– TRỜI LÀ THẦN THIÊN LƯƠNG
  CỦA NHÂN LOẠI 35
- 5– DỊCH LÀ ĐẠO PHÁP 41
- 6– CƠ HOẰNG PHÁP 45
- 7– SÁM TRUYỀN MINH TẢ 51
- 8–TAM THÁNH KÝ HÒA ƯỚC 66
- 9– CỜ PHƯỚN VÀ CHƠN LÝ ĐẠO 75
- 10–TRONG NGHI LỄ HOÁN ĐÀN 85
- 11– TRIẾT LUẬN ĐẠO VÀ ĐỨC 94
- 12– LỄ ĐẠI ĐÀN VÀ CHƠN PHÁP ĐẠO 101
- 13– NGÔI ĐỀN
  VỚI NGUYÊN LÝ ĐẠO PHÁP 153

- 14– NHÃN THỊ CHỦ TÂM 171
- 15– TAM GIÁO ĐỒNG NGUYÊN 176
- 16– PHẬT PHÁP TĂNG TRONG VẬT LOẠI..... 178
- 17– PHẬT CHÚA
  NGUYÊN LÝ ĐẠO TRỜI.....182
- 18– NHỮNG TRIỆU ỨNG VỀ CAO ĐÀI 185
- 19– ĐỨC HỘ PHÁP VỚI LÝ SỐ NHƯ KINH 192
- 20– TRAI KỲ
  TUẦN CỬU, TIỂU TƯỜNG, ĐẠI TƯỜNG 199
- 21– NGHI LỄ ĐẠO PHÁP LUẬN 208
- 22– PHƯƠNG TU THỂ PHÁP LUẬN 227
- 23– PHẬT LÃO LÝ SỐ LUẬN.....232
- 24– CUNG ĐẠO VỚI BỬU PHÁP 235
- 25– THẬP NHỊ THỜI QUÂN SỐ ĐỊA CHI.....239
- 26– TÒA THÁNH THỂ HÌNH BỐN QUẢ CẦU..... 242
- 27– NGUYÊN NHÂN TẠO CỰC LẠC CẢNH..... 244
- 28– HỮU TƯỢNG LÝ HỮU ĐỊNH THỂ 251
- 29– NGŨ CHI LÀ
  MÔI TRƯỜNG NĂM LỚP 254
- 30– ĐẠO TRỜI
  TƯỢNG LÝ LONG HOA HỘI.....259
- 31–BÁT QUÁI CAO ĐÀI..... 262
- 32–Ý NGHĨA CÚNG THỜI..... 264
- 33–RỒNG CÓ VÒI, RỒNG KHÔNG VÒI..... 266
- 34– TAM THÁNH
  CÓ MỘT ĐƯỢC CÚNG ĐÀN 268
- 35– NHỮNG TIỀM THỨC TRONG KÝ ỨC 272
- 36– MÔ HÌNH LONG HOA THỊ BAN SƠ.....275
- 37– NHỮNG NGUYÊN NHÂN CỦA NĂM THÂN 280

- 38– TỪ TÒA THÁNH TẠM ĐẾN BÊ TÔNG 285
- 39– KẾT ĐỀ VỀ
  SỰ TẠO TÁC ĐỀN THÁNH 303
- 40– BA CUNG BA ĐỘNG 310
- 41– LỄ KHÁNH THÀNH TÒA THÁNH
  VÀ QUANG CẢNH NỘI Ô 320
- 42– HÌNH THỨC
  CAO ĐÀI QUI NHỨT TÍN NGƯỠNG.....325
- 43– CHỦ CHI THẾ
  THỰC HÀNH THỂ PHÁP 329
- 44– TỔNG LUẬN
  PHẬT PHÁP TĂNG VÀ NHÂN NGHĨA.....335
- 45– NGUYÊN LÝ TÔN GIÁO TRIẾT LUẬN.....338
- 46–TẬP TỤC QUỐC PHONG CHI BỔN..... 341
- 47– PHẦN THỰC TẬP 346
- 48– PHẦN BIỆN MINH
  THAY CÁO TRÌNH 354

ĐẠI ĐẠO TRIẾT LÝ NHÂN BẢN

(Bàn thảo để sửa chữa và bổ sung, khi hoàn tất sẽ trình Hội-Thánh kiểm duyệt và quyết định.)

LỜI CẢM TƯỞNG QUYỂN "TRIẾT LÝ NHÂN BẢN"

Giáo Lý và Triết Lý của một Tôn Giáo rất là mầu nhiệm, siêu việt mà người trần thế tìm tòi để TU, nhưng nhiều khi hết một kiếp sống riêng của đời mình cũng chưa thấu triệt để gọi hiểu một chút gì của Tạo Hóa đã sắp bày.

May duyên cho Nhơn loại vào thời kỳ Hạ Nguơn Mạt Pháp nầy ĐỨC CHÍ TÔN NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ GIÁO ĐẠO NAM PHƯƠNG TÁ DANH CAO ĐÀI, ĐẠI ÂN XÁ cho chúng sanh TU, để tự mình sửa tánh ăn Hiền ở Lành, biến đời dữ hóa ra Hiền đặng giữ bền Cơ Sanh Hóa và cũng để mỗi người tự lập công tạo âm chất khi viên mãn về bái mạng ĐỨC CHÍ TÔN, ĐỨC PHẬT MẪU cùng các Đấng Thiêng Liêng không hổ thẹn.

Nhưng vì vật chất dục người phải nặng mang trong kiếp sống nên sự TU trau luyện phần Hồn phải kém đi, do đó sự truyền bá mối Đạo Trời đến đại chúng lắm khi phải bị chậm và sự học hỏi ở Tinh Thần Đạo Đức phải kém.

Nay có Hiền Huynh HUỆ PHONG đã ra công dài sưu tầm về Đạo Giáo Cao Đài phần triết lý viết rõ LÝ của ĐẠO để giải đáp cho ai muốn tìm hiểu triết lý Đạo CAO ĐÀI ở mọi đề mục, đề tài.

Sưu tầm về triết của Đạo Cao Đài không phải đơn thuần tự hiểu biết do bản thân HUỆ PHONG mà thôi, tôi thiết nghĩ vì lòng mộ Đạo và trọn đức Tin Tín Ngưỡng

nên ĐỨC CHÍ TÔN, ĐỨC PHẬT MẪU, các Đấng thiêng liêng đã khai khiếu sáng được Huệ Nhãn cho HUỆ PHONG thấy sự Huyền Bí và Huyền Linh để viết thành tài liệu cho Đạo lưu lại mai sau.

Đó là một công dài của Hiền Huynh HUỆ PHONG góp phần Đại Nghiệp Đạo Cao Đài rất quí giá trong nền Tôn Giáo.

Tôi có lời xin giới thiệu đến Đại Chúng Đạo Đời mong đọc giả sẽ thấy và hiểu về nền ĐẠI ĐẠO CAO ĐÀI TÒA THÁNH TÂY NINH phần Triết Lý Đạo do ĐỨC CHÍ TÔN dùng Huyền Diệu Cơ Bút khai mở nền Đại Đạo Cao Đài Đại Ân Xá cho toàn cả Nhơn loại trong kỳ Hạ Ngươn Tam Chuyển nầy.

Tòa Thánh, Ngày 12 tháng 2 năm 1999
(ÂL: 27–12 Mậu Dần)
Phối sư THƯỢNG NHÃ THANH
Nguyên Quyền Thượng Chánh Phối Sư

ĐỀ TẶNG SOẠN GIẢ QUYỂN «TRIẾT LÝ NHÂN BẢN»

Mừng bạn Huệ Phong đã thành công trong sự nghiệp văn chương và đạo đức với quyển "*Triết Lý Nhân Bản*". Vậy tôi xin cảm tưởng một bài thi coi như gởi trọn tấm chân tình để thay lời xác minh cùng bạn đọc.

THI

Mừng bạn Huệ Phong bút nở hoa,
Phát huy triết lý thuyết trung hòa.
Búa rìu phàm tục không lay chí,
Ân điển Thánh Linh hằn giúp ta.
Tánh giống Đồng Hồ nêu những thật,
Tâm như Lục Tổ giải đâu ngoa.
Nhu cầu Đại Đạo vui nguồn sống,
Tam lập đường tu rạng Thánh tòa.

Tòa Thánh ngày 15 tháng 2 Tân Mùi (1991)
CHÁNH CÔNG

CẢM TƯỞNG VỀ QUYỂN ĐẠI ĐẠO TRIẾT LÝ NHÂN BẢN

Triết thuyết Cao Đài lý nhiệm thay,
Hữu duyên Trời giúp được công dài.
Huệ Phong bút hiệu làng thi cũ,
Phẩm vị Thiên Thần buổi hiện nay.
Am hiểu cơ mầu nền Chánh Giáo,
Âu nhờ ân điển khiếu quang khai.
Đề ra Nhân Bản sưu tầm đọc,
Làm đuốc soi đường bước hậu lai.

Ngày 1 tháng Giêng Kỷ Mão
(dl. 16–2–1999)
Giáo Hữu
THƯỢNG BUỘI THANH
Tự Hoài Lẹ

LỜI MỞ ĐẦU

Chỉ có đạo Cao Đài Tòa Thánh Tây Ninh tượng hình một quả Càn khôn đặt giữa tòa Bát Quái. Trên quả Càn khôn, chúng ta thấy ngôi Bắc Đẩu, trên đó vẽ một con mắt bên trái để cho nhơn sanh sùng bái với ý nghĩa thờ Trời, cũng là thờ Người. Đây là nguyên lý độc nhứt vô nhị.

Bởi Đức Chí Tôn đến lập Đạo Kỳ ba, muốn bảo tồn triết lý nhơn sanh trong đạo pháp nên dạy thờ Thiên Nhãn tức là thờ thần Thiên lương của nhơn loại.

Bao quanh Thiên Nhãn là khung mây hình tam giác tiêu biểu cho lý Thái cực, bao trùm cả Thiên Nhãn, ở bên trong thể hiện vòng vô cực, chính giữa có nhứt điểm thần. Ở người là con ngươi.

Còn ở trời đất là cái Tròn với cái Vuông của hai đấng Chí Tôn. Quả Càn Khôn tượng cái bản thể viên dung ở lý đạo, vốn con số "*không*" (0), chớ thuở Hồng Mông đạo sanh nhứt là Phật, nhứt sanh nhị là Pháp, nhị sanh tam là Tăng, nên giữa khoảng không phát một tiếng nổ thì khí hư vô biến sanh ngôi Thái Cực tức là phần Tăng của nguơn vô thỉ, liền có Đức Chí Tôn hiện nơi khối lửa Thái Cực, ngự trị cả Phật, Pháp, Tăng. Đức Chí Tôn chuyển vận linh tánh biến xuất ba nguơn khí là: *1) Lý phản phục, 2) Pháp thu liễm, 3) Cơ định vị,* rồi mới khởi thỉ tạo Càn Khôn Thế giới. Xong, khối lửa ấy tắt không còn nữa tức làThái Cực nhi Vô Cực.

Từ cái không hình thành cái có. Từ cái có trở lại cái không đều do đạo pháp hư vô. Nên cơ Tạo đoan Càn Khôn Vũ Trụ, Thái Cực là khởi thỉ, Vô Cực là nhi trị, ở trời đất cũng như ở con người tư tưởng của tâm, còn hành động ở tánh, nhưng tâm cũng là tánh.

Thờ quả Càn Khôn với Tôn giáo Cao Đài là thờ cái lý âm dương của trời đất, ấy là Đạo, bởi âm dương hòa sanh hóa Càn Khôn vạn vật và chư Thần Thánh Tiên Phật cũng do đó mà ra. Nói về Pháp, cái phần siêu thể để tượng lý nguơn khí của Chí linh tức là thờ Trời. Còn về vật thể là hình ảnh của Vạn linh ấy là đất nên thờ quả Càn Khôn có nghiã là thờ Chí linh và Vạn linh. Ta nhìn vào Chơn Pháp của Đức Chí Tôn dạy phải đốt trong lòng quả Càn Khôn một cây đèn, thay cho ngọn huệ đăng chiếu rực Tam Thập Lục Thiên, còn ở chúng ta tâm cũng thuộc hoả làm điểm dương của lý Thái Cực để vận hành tiểu thể thiên địa nầy, Thái Cực ở Trời tức là Tam Tài nên triết lý Cao Đài đã thể hiện khung hình tam giác nơi ngôi thờ Đức Chí Tôn là một đấng chủ tể Càn Khôn nắm quyền Phật, chủ cả Pháp và Tăng.

Với cơ năng ba hào dương, tạo hóa đã tượng hình tam giác bằng ba ngọn đèn Thái Cực và Lưỡng Nghi khi hành lễ, để phát huy ba điểm dương của Đức Chí Tôn trong cơ khởi thỉ Càn Khôn. Từ Thái Cực, Lưỡng Nghi gác tréo sanh tứ tượng không tính số toàn là dương. Chừng biến tứ âm thành Bát Quái là cơ chưởng giải của đại Vũ Trụ, nên nơi tòa Bát Quái thờ quả Càn Khôn có đủ lý âm dương. Bên trong quả Càn Khôn có ba mươi sáu cọng sườn nằm theo chiều dọc, thể hiện cho Tam Thập Lục Thiên là con số cửu của Trời, mặt ngoài có Thất Thập Nhị Địa là con

số cửu của đất, Bề kính tâm 3 thước 3 tấc, 3 nhân với 3 lại là 9, thành ra ba hào dương của cung Càn là Trời. 3 lần 9 là 27 cũng từ 9, là con số định vị cho Càn Khôn. Nếu lấy số chín mà cộng với "*tam*" của Tam Thiên Thế Giái là con số mười hai, vốn số Thập Nhị Địa Chi của Phật Mẫu, với Đức Chí Tôn ba là con số khởi thỉ, 9 là con số định vị tức thị con số Thập Nhị Khai Thiên vì lẽ đó mà cả chúng sanh phải vận hành theo qui luật tạo đoan giữa không gian và thời gian của một chu kỳ. Chẳng vật thể gì ở ngoài pháp can chi của trời đất biến dịch, Chi là hệ ngang, Can là hệ dọc cũng như pháp tứ tượng ở nơi tiểu Vũ Trụ của chúng ta, trí là hệ thống âm, tâm là hệ thống dương, người có cả hai không thể thiếu, nếu thiếu chiều dọc là con người quên hẳn nguồn gốc Thiên lương, thảng họ được chiều ngang thì giỏi phần tấn hóa, dầu có tài trí, nhưng tánh ý không hiền.

Đại Đạo là một triết lý duy nhân. Do đó, chúng ta muốn hiểu đạo học phải tầm gốc ở nhơn sinh chỗ tình người, bởi nhơn sinh là một phần tối linh của Thượng Đế, không phải duy thiên duy địa mà bỏ nhân, nên mọi sự sống nhất tịnh nhất động với hệ thống có qui luật nhịp nhàng do máy hành tàng... "*các hữu Thái Cực*". Cái của Chí Linh ở trong Vạn Linh giữa Chí linh và Vạn linh, nên Cao Đài giáo đã thể hình hai chữ Thiên Thượng và Thiên Hạ, riêng chúng ta là phẩm tối linh phải gìn còn cái thiên lương để xử kỷ tiếp vật, tất nhiên chúng ta thật hành cái triết lý Trời Người đồng trị, nên phần nhơn sinh nhìn vào bản thể là một tiểu Vũ Trụ, phải kết tụ cái pháp thân bằng thần của Vạn linh. Nhờ vật loại cộng sinh vào đó để làm hình ảnh thiên lương của Chí linh tức là Trời.

Chúng ta muốn hiệp được cùng Trời thì tâm tu không xa rời bổn thiện, về phần nội tại ta nên nhận thức Đại Đạo là cơ qui nhứt của Đức Chí Tôn với chơn pháp đồng nguyên thì sự luận giải về triết lý Vũ Trụ phải gắn liền với triết lý nhơn sinh ở mặt tâm linh và đạo pháp.

Thánh Địa Cao Đài, ngày 6–5 (nh) Canh Ngọ
(DL 28–6–90)
Soạn giả: HUỆ PHONG

1– CHÂN LÝ ĐẠO TRỜI

Tôn giáo Cao Đài là một nền minh triết gồm cả bí quyết của trời đất và vạn vật, Tam Giáo và Ngũ Chi để phát huy cơ huyền nhiệm của Vũ trụ, là một "*đại nhứt thể*" có quan hệ với nhơn sinh ở mặt tâm linh và đạo pháp, do càn khôn hữu hạp biến tướng cơ hữu hình, thì hình ảnh của Chí linh ở trong Vạn linh, chúng ta phải dùng tầm mắt thiên lương mới nhìn thấy đặng.

Trước trời đất, thuở Hồng Mông hỗn độn trược thanh lộn lạo do hạo nhiên khí kết thành khối sanh quang, bỗng dưng tách rời ra hai làn sanh khí, thì đạo biến sinh pháp, pháp ấy vốn ánh diệu quang của khối sanh quang luân lưu giữa khoảng không vô lượng. Thời gian hai làn sanh khí đụng với nhau phát vang tiếng nổ đầu tiên nơi cõi hư vô đó là nguyên lý Thái Cực về cơ khởi thỉ. Liền đó, có Đức Chí Tôn ngự trị trong ngôi Thái Cực, chuyển đạo pháp biến xuất Chơn thần cho Càn Khôn, rồi Càn Khôn mới phân định âm dương biến tạo Chơn thần cho chúng sanh, mỗi chúng sanh là mỗi linh lực, đó là "*các hữu thái Cực*" của Chí linh ở trong Vạn linh.

Đức Chí Tôn nói Khí Hư Vô sanh có mình Thầy; rồi Thầy mới sanh cả chư Thần,Thánh,Tiên, Phật. Như vậy Đức Mẹ Chơn thần của chư Tiên Phật và chúng sanh do đâu mà có? Bởi Phật, Tiên nguyên thỉ có 3 vị do pháp tánh Đức Chí Tôn bao trùm ngôi Thái Cực mới biến

xuất là: 1) Thái Thượng, 2) Nguơn Thỉ, 3) Hộ Pháp. Thủy là Chơn âm của Đức Phật Mẫu, Hỏa là Chơn dương của Đức Chí Tôn.

Khi tạo Càn Khôn, Đức Chí Tôn biến ra ba nguơn khí tượng lý cho ba ngôi pháp đó là con số "*tam sanh vạn vật*". Bắt đầu khởi thỉ nếu luận theo cổ giáo Bà La Môn thì ba ngôi đó tức là "*Tam Thế Chí Tôn*" trong cơ sáng tạo, hay là Tam Hồn của Đức Chí Tôn. Ngài là đấng chủ tể Càn Khôn thế giái nắm quyền chưởng giải ở nghi hóa dục. Lý phản phục do Thái Thượng, Pháp thu liễm do NguơnThỉ, Cơ định vị do Hộ Pháp.

Nhờ ba Đấng đó giúp Đức Ngài phân quyền ngự trị biến xuất hào cửu tam, hào cửu nhị và hào sơ cửu. Cửu (9) là số lão dương sẽ sanh âm ở lý đạo. Càn là Trời, tượng thể 3 vạch mới tách rời thành Khôn lục đoạn dương đã biến xuất âm. Ngôi *"Dương"*

dĐức Chí Tôn là *Thần,* Thái Thượng là *Khí,* do ánh Thái Cực phát xuất Thái Bạch là *Tinh,* tức thị ánh sáng của khối nguơn linh chiếu vào cảnh giới hữu hình tạo thành cơ hóa dục. Còn ngôi *"Âm"* Đức Nguơn Thỉ là *Thần,* Hộ Pháp là *Khí* nắm cơ định Càn Khôn thế giới xong. Khí vật chất phát xuất Thông Thiên Giáo chủ là *Tinh,* tượng thể phần xác thú của Vạn linh. Đất là căn nguyên của Thông Thiên Giáo chủ để tạo xác thú cho con người. Nên thân chúng ta là thành phần triệt giáo thuộc về nhơn dục của con vật,

Ngôi Thái Cực do Đức Chí Tôn phân tánh trong cơ khởi thỉ tạo đoan pháp hóa vận hành biến thành phản động lực Thái Cực, chuyển mình với hình tam giác, liền phát xuất mầm móng lưỡng nghi, xoay tứ tượng, biến

Bát Quái, do nhị khí âm dương giữa Phật Mẫu cùng Đức Chí Tôn mới tạo thành Càn Khôn Thế giái do hai ngôi Đạo và Pháp.

Đạo tượng lý do chơn khí phát xuất. Pháp tướng của Đức Chí Tôn là Nhiên Đăng ngự trị cõi Hư Vô Thiên. Nhưng đến đời Hiên Viên mới giáng sanh, Đức Thái Bạch tới đời Đường mới biến thân với họ Lý. Còn vào thời nhà Châu Đức Nguơn Thỉ mới biến thân là Doãn Hỉ, cùng thời Đức Thái Thượng biến thân là LãoTử.

Trong cơ khởi thỉ đến định vị xong, Thái Cực là cái "*có*" trở lại cái "*không*" thì chơn khí Vô Cực của Phật Mẫu phát xuất. Pháp tướng của Đức Mẹ là Di Đà trước ngực với chữ Vạn xoay theo chiều thu liễm thuộc pháp giới của Phật Mẫu, để chưởng quyền Lôi Âm Tự có nghĩa đức Di Đà an ngự ngôi tiếng sấm Hồng Mông mà đạo trời cũng tượng lý trong dương phải có âm, âm dương tương hòa là cơ sanh hóa càn khôn vạn vật. Phật Tiên nguyên thỉ chỉ có 7 vị lấy lý tượng số thất diệu cho ngôi Bắc Đẩu của Đức Chí Tôn, nên phần âm kể như cái bóng ở ngôi dương có nghĩa Phật Mẫu là pháp thân của Đức Chí Tôn đó vậy. Nhưng ngôi Thái Cực ở Đức Chí Tôn là tiếng nổ khai thiên với khối điển lực chiếu sáng rực cả hư không, còn Đức Phật Mẫu là ngôi tiếng vang bao trùm cả Vũ Trụ của cơ lập địa. Tiếng nổ tạo ra tiếng vang. Tiếng vang có là do nơi tiếng nổ. Đền Thánh gốc ở đạo Trời nên thể hiện hai đài Chung Cổ Lôi Âm và Bạch Ngọc. Cổ là tiếng nổ ở bên âm, Chung là tiếng vang ở bên dương, tức thị Chơn dương hữu âm trung, Chơn âm hữu dương trung; vì lẽ đó khi cúng đàn trước khởi trống triệt cả hư không, dầu nơi Bạch Ngọc Kinh chư Thần Thánh cũng nương ánh

Linh Quang đạo pháp của Đức Chí Tôn đến mà chầu Lễ, và chư Thần Thánh ở tại thế cũng vậy. Cúng đàn hành Đại Lễ hay Tiểu Lễ được thể hiện ở lý âm dương có phướn Chi Đạo và Chi Thế. Chư Thiên Phong cùng Chư Tín đồ nam nữ sắp hàng đâu đó nghiêm trang, gần nữa hồi chuông thì Đức Hộ Pháp đến ngự trên Ngai, tay ban cờ lệnh cho vị Hộ Đàn Pháp Quân quì xuống tiếp nhận, xong đứng dậy xá rồi bước ra.

Nếu Đại Đàn hành Đại Lễ, vị Hộ Đàn Pháp Quân ra tại chỗ để mời chư Chức sắc Thiên Phong nam nữ nhập đàn. Hàng Thánh đổ lên đi theo sau phướn Thượng Phẩm do Hữu Phan Quân cầm phướn chi Đạo dẫn đầu, kế chư vị Hiệp Thiên Đài là Pháp, đến chư Thánh Cửu Trùng Đài là Thế. Còn hàng Thiên Thần đổ xuống đi sau phướn Thượng Sanh do vị Tả Phan Quân cầm, mỗi vị phải bắt ấn tý từ vị trí để vào. Còn khi cúng Đàn thường chư Chức sắc để ý thấy vị Hộ Đàn ra tại tam cấp phất cờ lệnh thì chư Chức sắc và chư Tín đồ nam nữ tuần tự vào, Chức sắc đến ngưỡng cửa Tịnh Tâm Đài phải bắt ấn tý, còn Tín đồ nam nữ vào cửa bên hông Hiệp Thiên Đài, đến Cấp Tam Qui Thường Bộ phải bắt ấn tý là pháp trấn tâm tùng cơ định vị trong giờ hành lễ.

Còn chuông dọng thì phóng Phong Đô với cơ ân xá của Đại Đạo các tội hồn xuất khỏi cảnh u đồ, nên pháp kệ chuông với câu "*Tam Kỳ vận chuyển Kim Quang hiện*". Về pháp đó là con dao hai lưỡi đối ở tâm đức của chúng ta. Người tu hành chơn chính hiện chữ "*Tiên*", tức là phù hộ mạng cho bản thân, còn hạng tà tâm sẽ hiện chữ "*Sứ*" để dẫn dắt chúng ta đến chỗ đọa nghiệt trần do sự gieo nhân phải gặt quả tùy ở sự dữ lành.

2– ĐẠO DỤNG ÂM THINH

Đạo "*Dụng Âm Thinh*" thể hiện cái Linh lực của Trời Đất đối cùng vạn vật. Khi cúng đàn, khởi trống dứt rồi mới khởi chuông. Sự thực hành lễ cúng đàn tiêu biểu cho pháp giới tạo đoan Càn Khôn Vũ Trụ. Khởi đầu đánh ba tiếng trống (Lôi Âm Cổ), và ba tiếng chuông (Bạch Ngọc Chung), thể hiện nguyên lý Tam Thiên: Thượng Thiên là Phật, Trung Thiên là Pháp, Hạ Thiên là Tăng. Kế tiếp đánh và kệ bốn dùi Khai Chung Cổ. Bốn dùi trống, ngôi tiếng nổ, là tứ dương; bốn tiếng chuông, ngôi tiếng vang, là tứ âm. Xong điểm nhẹ mỗi mỗi đều sáu, thể hiện con số khai nguơn của hai ngôi Đạo và Pháp, rồi đánh lên ba hồi. Mỗi hồi mười hai chập, mỗi chập là mười hai dùi. Vậy, mỗi hồi là 144 dùi, ba chữ số cộng lại là chín. Ba hồi là con số cửu của cung "*Càn*", ngôi dương thể hiện cho Tam Thập Lục Thiên. Mỗi hồi 144 dùi, ba hồi là 144x3=432 dùi, cộng ba chữ số lại cũng là 9, đó là con số của pháp định vị Càn Khôn. Chung Cổ mỗi chập đánh 12 dùi, trong đó đánh 9 dùi, tiếng điểm 10 làm 1 thành nhồi 3 là 12; 12 là số khai thiên, trong đó 3 là số khởi thỉ, 9 là số định vị.

Với lý đạo tiếng nổ là ngôi dương ở bên âm, còn tiếng vang là ngôi âm ở bên dương, thì lẽ đương nhiên trong âm phải có dương, nên chuông cũng đánh 3 hồi 12 chập thể hiện ngôi tiếng nổ ở bên âm triệt cả Tam Thập Lục Thiên, ngôi tiếng vang ở bên dương làm cho thức tỉnh Tam Thập Lục Động. Dứt lợi 3 dùi, để giục tỉnh Tam Hồn của

chúng sanh đặng vận hành pháp giới tâm linh trụ cả tinh thần nơi đàn nội để cung nghinh Thượng Đế.

Trong nhạc phải có lễ, trong lễ phải có nhạc. Nhạc là cơ điều hòa, lễ là pháp trật tự, cũng như trong luật phải có pháp, trong pháp phải có luật, tiếng nổ Thái Cực ở Chí Tôn là ngôi luật điều hòa trong Càn Khôn, còn tiếng vang của ngôi Vô Cực ở Phật Mẫu là pháp trật tự trong Vũ Trụ, khác nào tất cả nhạc khí thể hiện luật điều hòa, còn sanh phách là pháp trật tự.

Chung kim sanh thủy, chày mộc sanh hỏa, còn trống văm bằng cây, mặt bằng đồng có đủ cả lý âm dương, những vật dầu kim thạch thảo mộc, thú cầm đều do tay người chế nhạc tạo thành bát âm của vạn loại. Khi hiến lễ cũng hòa rập các món nhạc khí với chơn lý của Thượng Đế tận độ chúng sanh trong buổi Tam Kỳ mà đạo Trời thể hiện.

Mỗi khi Lễ cúng đàn, khởi trống rồi mới khởi chuông. Kế tiếp khởi nhạc. Sự biểu tượng chứng tỏ vạn vật xuất phát do ngôi tiếng nổ và ngôi tiếng vang của hai đấng tạo đoan, nên bát âm của vạn vật dấy lên để chiêm ngưỡng. Còn bên Công Giáo, khi hành Lễ chỉ giựt chuông mà thôi. Dầu Chúa Cứu Thế là con một của Chúa Trời, nhưng thuộc ngôi hai, bởi chuông thể hiện cho tiếng vang để thức tỉnh chúng sanh. Chúa cùng một nguơn linh phần giác hồn của Đức Chí Tôn, vì đó mà Chúa Cứu Thế với Đức Hộ Pháp biết được Đức Chí Tôn, mới cho nhơn loại biết rằng Đức Đại Từ Phụ của chúng ta trên cõi hằng sống là Đấng Vi Chủ phần Linh hồn. Đến như Đức Thích Ca cũng để lời phỏng ngôn mà thôi. Bởi Đức Thích Ca là Giáo Chủ cõi ta bà, còn Đức Di Đà Giáo Chủ Tây phương Cực Lạc, Đức Địa Tạng Giáo Chủ cõi u minh. Phật vì chúng

sinh lập cơ tận độ các tội hồn còn ở Phong Đô, nhưng buổi Nhị Kỳ Thập Điện Minh Vương nắm luật Thiên điều như vị quan tòa để mà buộc tội. Nay là buổi Tam Kỳ với cơ đại ân xá của Đức Chí Tôn, thì 10 vị đó trở thành Thập Điện Từ Vương tức là Trạng Sư của tội hồn. Ngôi Đền Thánh, Tòa ngự của Đức Chí Tôn hiệp Ngũ Chi qui Tam giáo, có thờ Đức Thích Ca nhưng kinh xưng tụng Đức Nhiên Đăng, cũng như bên nhà Thiền tăng đồ thờ Thích Ca mà niệm Di Đà, xưng tụng Đức Nhiên Đăng là xưng tụng cái đức khai nguyên, vị Phật đầu tiên ven đường mở ngõ dọn nền. Còn thờ Đức Thích Ca là thờ cái công lập nên ngôi nhà Phật Giáo, đó là cái lý hữu thỉ hữu chung mới là trung đạo sẽ thành Đại Đạo; về Tiên Giáo Tâm Kinh xiển dương oai linh Thái Thượng, ⅔ niệm danh cũng Thái Thượng, nhưng cúng đàn ngày sinh của Lão Tử, cũng như thờ Đức Quan Âm Thị Kính, mà cúng đàn ngày của Đức Quan Âm Diệu Thiện; về Thánh Giáo Tâm Kinh xưng tụng Đức Văn Xương cũng vậy nhưng niệm danh Khổng Thánh là vị hưng Nho. Cúng đàn cũng ngày của Khổng Thánh. Đây là ba Tôn giáo buổi Nhị Kỳ vị Giáo Chủ cõi ta bà làm cái lý trung hoà, nên Đức Thích Ca thuyết kinh Di Đà, vị Phật buổi Nhứt Kỳ, đắc lịnh phổ truyền giáo pháp. Đến Tam Kỳ Đức Thích Ca còn thuyết Di Lạc Chơn Kinh đó là lễ bàn giao cơ tận độ chúng sinh cho Cao Đài ở thời kỳ Đức Di Lạc. Bởi Sơ hội Long Hoa Đức Nhiên Đăng Chưởng giáo Thanh Vương Đại Hội, Nhị hội Long Hoa Đức Di Đà Chưởng Giáo Hồng Vương Đại Hội, Tam hội Long Hoa Đức Di Lạc Chưởng Giáo Bạch Vương Đại Hội; Đức Di Lạc vị cỗ Phật thứ ba đứng ra cứu đời, vâng mệnh trời đến để lập lại thời Thượng Nguơn Thánh Đức.

3– TINH KHÍ THẦN VÀ PHÁP ĐỊNH VỊ CÀN KHÔN

Trong cơ khởi thỉ, pháp giới tạo đoan, Càn Khôn đã định vị, Đức Chí Tôn mới giao quyền cho Phật Mẫu quản khí Hư Vô. Hư là hư linh, Vô là vô cực, bởi nguyên nhân đó mà chúng sanh niệm danh Đức Diêu Trì Kim Mẫu với hai chữ Thiên Tôn là vậy.

Ngôi Vô Cực ở Đức Phật Mẫu là pháp giới phát xuất khí hư vô biến tạo Chơn thần cho chúng sanh trong khối Vạn Linh nhờ phối hợp âm dương mới đủ Tinh Khí Thần như trời đất đúng như câu "*Thiên địa vạn vật đồng nhất thể*". Nên sự hiến lễ của Tôn Giáo Cao Đài dùng hoa tượng trưng cho Tinh, rượu tượng trưng cho Khí, trà thì tượng trưng cho Thần. Lễ dâng rượu phải đúng Ngọ và Tý bởi hai thời đó Nguơn Khí của trời đất hưng vượng, còn trà dâng phải thời Mẹo và thời Dậu bởi hai giờ đó Nguơn Thần của trời đất hưng vượng. Như vậy Trời Đất cũng có Tinh-Khí-Thần. Bởi ánh Thái Cực nảy sanh Thái Bạch là nguơn tinh, nên buổi Tam Kỳ Đức Lý Đại Tiên kiêm nhiệm Giáo Tông, cầm quyền chuyển thế vừa sửa trị vừa định vị cho thánh thể của Đức Chí Tôn. Trong nguơn bảo tồn dầu ở chơn trời gốc bể cũng có Bàn trị sự là Hội Thánh Em thay hình thể cơ tận độ của Thầy.

Đạo tượng lý Thái Cực do cung Càn biến xuất dưới một vạch ngang hai vạch chỏi lên thành hình tam giác, mọi vật thể cực lớn từ hữu hình lẫn vô hình chẳng lọt

ra ngoài, còn cực nhỏ ví như hạt nguyên tử cũng khó ẩn được bên trong. với cái không không là vô cực, giữa thái cực và vô cực Đức Thái Thượng và Đức Hộ Pháp là đầu mối trung hòa lưỡng cực, nhờ đó mà tạo thành khối điển lực sanh quang cho Càn Khôn Thế Giới, vì thế mà tôn giáo vẫn quí ba ngôi báu của trời đất. Người tu theo Phật hằng niệm Phật-Pháp-Tăng, tâm ta biết thọ giáo là qui y Phật, tánh biết giữ giới là qui y Pháp, thân biết hành sãi vãi là qui y Tăng. Triết lý của Đức Chí Tôn đối với con người từ thể xác đến Linh hồn, thì Phật là tượng lý, Pháp là định vị, Tăng là phát huy chơn tướng của đạo nhờ đó mà xây dựng nên nền chánh giáo phổ truyền.

Giữa Tiên Thiên và Hậu Thiên, Tăng là Tinh, phần sanh hóa, Pháp là Khí, lý trưởng dưỡng, Phật là Thần cơ an định. Đối với người tu hằng niệm Phật-Pháp-Tăng coi như hằng kỉnh vậy, hễ kỉnh Phật thì xá vô, kỉnh Pháp thì xá ra, kỉnh Tăng thì xá ngang tức mỗi người chúng ta tạo nơi đàn nội một pháp Tứ Tượng nhứt âm, nhứt dương của trời đất, nhờ đó mà biến sanh vạn vật.

Xá Tăng là xá cái nguyên lý về cơ sáng tạo ở cõi vô hình trước kia, cũng như ở mặt hữu vi, nhờ sự khởi thỉ mới có chỗ để cho chúng ta sùng bái, tức nhiên phải kỉnh Tăng, trước cũng như sau: vô thì chào, ra thì kiếu, chớ không phải xá đối tượng giữa nam và nữ. Còn luận về Phật Pháp, từ vô thỉ đến khởi thỉ, Tăng là nguyên lý phát khởi Càn Khôn đó là cơ mầu nhơn đạo của Đức Chí Tôn, vừa phân hóa vừa phân quyền định vị mỗi vật thể, mỗi chơn hồn với bản năng sanh tồn tự hữu, nhờ Tăng mà phát huy cơ tạo đoan cùng chân lý đạo, nên người tu đắc pháp rồi mới đắc Phật,

Khi xá chí trán kỉnh Thiên, chí đơn điền kỉnh Địa, chí ngực kỉnh Nhân. Nhân tức tâm, tâm tức thiên, thiên giả ngã dả, còn xá với phép định vị là Thiên-Địa-Nhân. Ý nghĩa lạy tiêu biểu lý phục nguyên Thiên-Nhân-Địa, thấy rõ con người chúng ta là pháp trung hoà giữa Thiên và Địa, nên khởi lạy trước đem cái điểm dương của Thiên vào Tâm. Chừng ngất dậy đem cái điểm âm của địa lên, tức hệ thống dương của bản tâm đã đắc nhứt hình thành pháp Tứ Tượng ở con người, cũng như nơi đàn nội, lúc ngất lên để lạy tiếp thể hiện Địa-Nhân-Thiên của mỗi Thừa trong chín phẩm với pháp Dục Tấn là Địa-Nhân-Thiên.

Kỉnh Phật hay các Đấng đều xá ba xá là bởi chúng ta ngưỡng vọng cái lý Tam Tài, còn kỉnh Pháp xá có một, với chân lý vạn pháp qui nhứt. Kỉnh Tăng cũng xá một, bởi nhứt thuyết chúng sanh nhứt điểm linh. Riêng sự bái lễ Đức Phật Mẫu không lấy dấu Phật-Pháp-Tăng nhưng thể hiện trong câu niệm Nam mô Diêu Trì Kim Mẫu là Phật, Nam mô Cửu Vị Tiên Nương là Pháp, Nam mô Bạch Vân Động Chư Thánh là Tăng. Ngọc Hư là Thiên điều, còn Cung Diêu Trì là Pháp giới, do nguyên lý đó nên Tôn giáo Cao Đài đem luật áp dụng ở mặt điều hành về pháp cốt yếu để giữ thăng bằng cho cơ đạo. Dầu Tín đồ dĩ chí Thiên phong muốn tạo công lập vị phải đi trong khuôn luật Cửu Trùng Đài, còn Hiệp Thiên Đài lẽ đương nhiên là Pháp định vị.

Đời lập Pháp Viện Tối Cao để chủ lấy luật, với Đạo lại khác, có Phật rồi mới có Pháp. Do đó ngôi luật của Đức Chí Tôn nắm quyền Phật chủ cả Pháp và Tăng. Người tu biết tùng khuôn luật của Đạo do sự tìm tàng đạt được chơn lý là đắc Pháp, rồi gắng trau dồi thân tâm, trụ được

chơn tánh là đắc Phật, lúc nhập định xuất Thần được gần gũi với các đấng để học hỏi gọi là đắc Duyên, nhờ đó mở được con mắt giữa nơi trán là cái cửa của tâm linh. Với cái nhìn quán thông căn cơ của mình chỗ Bản lai diện mục là đắc Vị.

Ở Cơ Tạo đoan có Phật Pháp rồi mới có Tăng. Dầu những đấng thay Trời lập giáo cũng không ngoài chân lý đó. Khổng Thánh dạy chúng sanh tu thân giữ điều nhân với phép tồn tâm, Thái Thượng dạy lập đức để tu mệnh làm phương dưỡng tánh. Thích Ca dạy về Linh hồn có luân hồi quả báo. Trong Tam Giáo, Phật là Thần, Tiên là Khí, Thánh là Tinh, bởi cớ Khổng Tử chiêm bao gặp Lão Tử rủ bay lên không trung, nhưng cố gắng mà vẫn quá chậm chừng gặp núi non hiểm trở lo sợ, Lão Tử mới nói đó là tư tưởng chớ chẳng có chi, cứ bình tĩnh tự nhiên bay qua thì được. Khi đó Khổng Tử nhìn thấy đôi cánh mình nhỏ lần, chỉ còn ba cọng lông còi, nghe hỏi nặng nề nên hạ cánh trở về cùng mặt đất, tất nhiên đạo Thánh thể hiện phần Tinh của con người.

Con người phải đủ Tinh Khí Thần. Đó là triết lý của Tam Giáo. Trong con người chúng ta phải có đủ ba tôn giáo, Phật là Linh hồn, Tiên là Chơn thần, Thánh là xác thân.T ôn giáo Cao Đài đã biểu tượng cho cơ qui nhứt của Đức Chí Tôn trong sự hiến lễ: hoa thể hiện cho nguơn Tinh, rượu thể hiện cho nguơn Khí, trà thể hiện cho nguơn Thần. Trà có chung nước trắng tượng lý âm dương, Rượu là Khí sao lại ba chung? Ba chung cùng một nguyên lý giữa con người với trời đất thể hiện cơ định vị là ba nguơn Khí của Thiên-Địa-Nhơn. Về tượng lý khởi thỉ của cơ tạo đoan Càn Khôn Vũ Trụ, ngôi Thái Cực

Đức Chí Tôn phát xuất ba nguơn Khí: 1) Thái Thượng, 2) Nguơn Thỉ 3) Hộ Pháp. Luận đến vô thỉ là ba nguơn khí của Phật-Pháp-Tăng ở ba ngôi nhứt Cực, nhì Nghi, tam Tài.

Loài người là phẩm tối linh để đại diện cho chúng sanh, nên trong giờ hiến lễ, coi như nguơn Khí của Vạn linh được hiệp cùng đấng Chí linh. Nguơn Vô Thỉ khởi điểm có tượng lý, có định vị bằng pháp số nhứt Cực, nhì Nghi, tam Tài, vì vậy mà đạo Cao Đài rất chú trọng lễ dâng Tam Bửu.

Tại sao Hành Chánh, Phước Thiện hai bên thực hiện nghi lễ cúng đàn dâng Tam Bửu cho Đức Chí Tôn cùng Đức Phật Mẫu, sự bái lễ thấy không giống nhau? Trước kia Đức Hộ Pháp đã dạy Lễ viện Đền Thánh cũng như Báo Ân Từ đều bái lễ như nhau khi dâng Tam Bửu. Về sau, đàn anh chúng ta, có thỉnh ý Hội Thánh xin sửa đổi về cách lạy, có khác ở pháp số.

Đầu năm Đinh Hợi (1947) ông Giáo sư Ngọc Ninh Thanh người thâm Nho học được bổ nhiệm nắm quyền Thượng Thống Lễ Viện Cữu Trùng Đài, mới đề nghị cùng Hội Thánh về cách bái lễ khi dâng Tam Bửu như sau: trường hợp dâng một Bửu thì lạy ba lạy (mỗi lạy bốn gật), còn dâng đủ ba Bửu thì mỗi Bửu lạy một lạy, mỗi lạy bốn gật, để khi dâng một Bửu hay ba Bửu thì cũng giữ đủ mười hai lạy cho đúng số 12 của Thầy, đề nghị này được Hội Thánh đồng ý ra Châu tri ban hành nhưng tài liệu đó đã bị thất lạc.

Tương tự, ngày 18–8 Mậu Dần (10–10–38), Hội Thánh ra Châu Tri số 61, do ba vị cầm quyền Chánh Phối Sư ký, là: 1) Giáo sư Thái Phấn Thanh, 2) Giáo sư Thượng

Chữ Thanh, 3) Phối sư Ngọc Trọng Thanh, trong đó điều 5 qui định về lạy từ Bàn Trị Sự đổ xuống như sau: "*Chánh Trị Sự đổ xuống Tín đồ lạy bốn lạy" . Như vậy kể như mất hết hai phẩm Nhơn Thần (Bàn Trị Sự) và Địa Thần (Tín đồ giữ đủ trai giới 10 ngày đổ lên) trong cửu phẩm Thần Tiên, theo Thánh ngôn của Thầy đã dạy "Lạy Thần, Thánh ba lạy, lạy vong phàm bốn lạy*". Vong phàm là thân nhân chúng ta chưa biết đạo hoặc những tín đồ bị Hội Thánh trục xuất, hay không giữ đủ trai giới vv... Cả hai Châu Tri đều được Đức Hộ Pháp phê chuẩn. Nhưng thiết nghĩ do Đức Ngài vẫn trọng cái chủ quyền của Hội Thánh là hình thể Đức Chí Tôn nên chấp thuận vì đủ ba ấn ký. Kể hai văn bản đó có đủ quyền Chí Linh, nếu có quyền Vạn linh cầu xin thì quyền Chí Linh sẽ cứu xét cho lại. Bởi vị Chánh Trị Sự là Đầu Sư em, Phó Trị Sự là Giáo Tông em, Thông Sự là Hộ Pháp em, xem đó là vong phàm thì làm sao điều hành phận sự của Hội Thánh em đặng, vì hai phẩm chót của Hạ thừa chức việc là Thần của người, tín đồ là Thần của đất phải cúng triêu tịch không điện tam bửu chớ nơi bàn linh có đủ để biểu tượng tinh khí thần cho người tu. Với lý đạo có Tinh Khí mà thiếu Thần mất cơ an định, có Thần mà không Tinh Khí khó huờn được đệ nhị xác thân. Về phép tu phải hiệp Tam bửu mới đắc vị.

Nên lạy Tam tài thể hiện nguyên lý của ba ngôi Trời có Nhựt Nguyệt Tinh, đất có Thủy Hỏa Phong, người có Tinh Khí Thần ý nghĩa là vậy.

Trường hợp trong thời cúng thường ngày, nếu hiến lễ Thầy một bửu thì lạy ba lạy, còn ba bửu thì lạy mỗi bửu một lạy để giữ đươc con số 12 của lý Khai Thiên như Ông Giáo sư Ngọc Ninh Thanh hướng dẫn. Nhưng như

thế sẽ mất con số biến dịch của đạo pháp về Tam Thập Lục Thiên, kể dâng Tam Bửu mỗi bửu 3 lạy, mỗi lạy 4 gật cộng thành 12 mỗi lần lạy, như vậy tính chung ba lần là 36, tổng hai chữ số là 9, đó để làm con số định vị của ngôi Dương, Từ khởi thỉ đến chung kết phải giữ đúng lý số của cơ huyền nhiệm, nên sự hành lễ của Tôn Giáo Cao Đài biểu tượng Pháp giới tạo đoan có liên quan cùng Pháp giới chúng sanh trong tứ thời hành lễ.

Khi cúng tứ thời, về niệm danh Đức Cao Đài trong bốn bài: Niệm hương, Ngọc Hoàng Kinh, dâng một Bửu, Ngũ nguyện, mỗi bài lạy ba lạy, mỗi lạy 4 gật, tổng số là: 4 (bài) x 3 (lạy) x 4 (gật) = 48, tổng hai chữ số là 12, con số Khai Thiên. Như vậy, khởi thỉ bằng bài Niệm hương 3 lạy, 4 gật (12), chung kết cũng con số 12 thì mới đúng pháp. Danh Thầy có 12 chữ, mỗi lạy 4 gật thành 48 chữ, tổng hai chữ số cũng 12.

Về Lễ Cúng Đại Đàn, niệm danh Thầy trong 7 lần như: Niệm hương (1), bài Ngọc Hoàng Kinh (1), Dâng Tam Bửu (3), Thượng sớ (1), bài Ngũ nguyện (1), mỗi lần lạy 3 lạy, mỗi lạy 4 gật, tổng số là: 7 (lần) x 3 (lạy) x 4 (gật) = 84 tổng hai chữ số vẫn là 12, đó là con số Nhứt bổn tán vạn thù, Vạn thù qui nhứt bổn, mới là lý số của đạo pháp biến dịch, chớ dâng đủ tam Bửu mà mỗi Bửu có 4 lạy (kể cả lạy và gật) thì mất hết 24 lạy chỉ còn có 60 lạy, tức nhiên con số chung kết không trở lại chỗ khởi thỉ là số 12.

Trong Tứ Thời Xưng Tụng Tam Giáo Tâm Kinh, khi dứt mỗi bài kinh, lạy 3 lạy, mỗi lạy 3 gật. Lạy mỗi vị 9 lạy (kể cả lạy và gật), ba bài kinh có 27 lạy, cộng hai chữ số là 9. Danh mỗi vị trong Tam Giáo gồm 12 chữ. Mỗi lạy 3 gật, mỗi lần niệm 12 chữ, ba lần niệm 36 chữ, 3 với 6 là

9, đó là pháp định vị cho 3 ngôi Tinh-Khí-Thần. Phật là Thần, Tiên là Khí, Thánh là Tinh. Khi cúng Tứ thời nơi Báo Ân Từ, về niệm danh Đức Diêu Trì Kim Mẫu trong 5 bài: Niệm hương, Phật Mẫu Chơn Kinh, Tán Tụng Công Đức DTKM, Dâng một Bửu, Ngũ nguyện, mỗi bài lạy ba lạy, mỗi lạy 3 gật, tổng số là: 5 (bài) x 3 (lạy) x 3 (gật) = 45, tổng hai chữ số là 9, biểu tượng cho Cửu Thiên Khai Hóa.

Trường hợp cúng Đàn thì dâng đủ Tam Bửu, có thượng sớ, bớt bài Tán Tụng Công Đức DTKM, tính ra là 7 bài (bớt một bài, thêm ba bài). Mỗi bài lạy 9 lạy (kể cả lạy và gật), 7 bài 63 lạy, tổng hai chữ số là 9. Đó là pháp định vị cho Càn Khôn ở con số cửu, nên rượu cúng 3 chung, mỗi chung 3 phân, cộng lại cũng là 9. Trừ khi Lễ điện 9 phân vì có một ly. Còn trà cúng, mỗi chung 8 phân, tượng thể con số Bát Quái hai ngôi ở lý âm dương lưỡng hiệp là Thần. Phẩn hoa tiêu biểu cho nguơn Tinh, tức hình thể của phẩm tối linh, phải tốt đẹp thơm tho mới đem ra hiến lễ cho hai đấng Tạo Đoan. Vì con người ảnh hưởng Pháp giới tạo đoan trong tiểu thể thiên địa cũng như đại thể, do Ngũ khí biến Ngũ hành, cõi đất sanh ngũ sắc, dầu nơi mặt thế, người hay vật cũng chia ra có 5 màu. Nên sự hiến lễ thể hiện phần nguơn tinh của chúng sinh, với lý đạo thài hoa tươi năm sắc là vậy.

Luận về triết ta phải có cái nhìn quán triệt hai chiều. Triết có nghĩa là triệt cùng một vấn đề nếu triệt thượng luận về Vũ trụ còn triệt hạ thì diễn tả ở sự vật. Nhưng cũng đồng nhất cái lý tạo đoan chỗ khởi thỉ. Khí hư vô còn hồn hồn ngạc ngạc mới biến ra ngôi Thái Cực, nên phần tượng lý âm trước dương, có nghĩa là đạo sanh nhứt, nhị sanh tam là âm sanh dương, đó là khối sanh khí của

nguơn vô thỉ, chừng khởi thỉ tạo Càn Khôn Thế Giới rồi do cơ định vị của tạo đoan biến ra pháp giới chúng sanh mới định danh thì Thiên trước Địa.

Cơ khởi thỉ tạo nhơn loại cũng thế, Đức Thượng Đế là Chúa Trời lấy đất nặn hình rồi hà sanh khí vào liền có sự sống đó là ông A Dông. Chúa Trời bèn lấy cọng sườn của ông A Dông, là hệ thống ngang thuộc âm của ngôi dương là xương sống ở hệ dọc, lấy đó mà tạo ra bà Ê Va thì nữ phải tùng nam, nam nữ thể hiện lý âm dương của chí linh ở trong Vạn linh để bảo tồn cơ sanh hóa.

Vì đó mà đạo vợ chồng kể như một xác thịt, một Linh hồn. Nên kỳ ba Đức Chúa Trời đến cũng nhắc lại, đó là Đức Chí Tôn nói lên trong giờ hành Pháp Hôn Phối trong bài thi tứ hôn ở câu "*Mãn thế bất ly thể dử hồn*", có nghĩa đôi vợ chồng trọn đời xác thịt với Linh hồn chẳng rời nhau, thảng như để bỏ không có điều kiện thích đáng, coi như mình tự phân thây mình vậy.

4– TRỜI LÀ THẦN THIÊN LƯƠNG CỦA NHÂN LOẠI

Tôn Giáo Cao Đài dạy thờ Thiên Nhãn, tức thờ Trời mà cũng là thờ chúng ta đó. Về lý âm dương giữa Trời và Người cũng như pháp thập tự giá với hình tứ tượng có ác, có thiện, thể hiện đạo Chúa đủ lý âm dương mới trường tồn, còn ta thờ Đức Chí Tôn bằng Thiên Nhãn, với căn bản tinh túy ở nguyên lý âm dương. Thờ Thiên Nhãn tức là thờ Thần Thiên Lương của nhơn loại sự trọng đại chỗ Trời Người hiệp nhứt, Thượng Đế tức là chúng ta mà chúng ta cũng là Thượng Đế, vì thế chúng ta sùng bái cái điểm linh của bản tâm, bởi Nhãn thị chủ Tâm. Thần cư tại nhãn, Thiên Nhãn là căn bản của chúng sanh, vì mỗi chúng sanh đều thọ một phần nguơn linh của Tạo Hóa.

Thờ Thiên Nhãn là thờ đủ Phật-Pháp-Tăng. Luận về Tăng, thờ Thiên Nhãn là thờ cái bản thể chữ "*Chủ*", luận về Pháp, thờ Thiên Nhãn là thờ cái bản tâm của con người, luận về Phật thờ Thiên Nhãn là thờ cái bản chân của Thượng Đế, tức là Thần Thiên Lương của nhơn loại. Bởi cớ mà người tu phải vì nhơn loại tức vì Thượng Đế, nếu biết vì Thượng Đế phải dùng thiên lương của mình đặng chế ngự dục tình, mới xứng danh đại diện cho Chí Linh trong cơ truyền giáo để phổ cáo triết lý thờ Thiên Nhãn tức là thờ Tâm Linh.

Nếu chúng ta luận đến tâm linh, biết cái chi để

điển hình cho nó. Chỉ có con người, tâm linh mới nhìn thấy được phần lý giải, dầu rằng cái trong thân là thực tại, ngược lại là hư không. Tâm là cái hư không, vốn của thời gian, bởi nó là điểm Linh quang của ánh lửa Thái Cực, khi ba tất hơi ở con người đã dứt thì nó trở về với nguyên lý Thái Cực rất an nhàn tự tại nhập vào khối đại Linh quang, vì lẽ đó cầu hồn khi hấp hối được đọc "*Bài ba mươi sáu cõi Thiên Tào...*" để rước Chơn linh, còn lễ cầu siêu cho những Chơn thần thiếu chay lạt chỉ cầu Bạt tiến mà thôi. Bạt tiến có nghĩa rút níu lên, đọc bài "*Đầu vọng bái...*" để cầu các Đấng hợp điển lực cùng chúng ta mà cầu rỗi cho Chơn thần, vì bởi Chơn thần có liên hệ cùng xác thân, mà kiếp người tu không trọn chẳng dám đưa lên cao sợ lôi điển đánh Chơn thần ra tro bụi.

Tánh là không gian, Tâm là thời gian. Nếu cái Tâm ta biết trau thành cõi Niết Bàn thì Tánh sẽ hoàn nguyên Phật vị nơi cõi Hằng Sống. Tâm là cái "*không*" ở trong cái "*có*" là Thân, mà cái có đó lại là cái không, vì bản thân chưa phải trường tồn, Linh hồn mới là bất diệt, nên triết lý đạo thể hiện những cái "*có*" để làm sáng tỏ cái "*không*". Trong bản thân của chúng ta, Tánh là màn ảnh của Tâm, Tâm vốn là linh thể của Vũ trụ. Chỗ vừa khởi ra ánh diệu quang là Vũ, vừa kết tụ làn từ khí là Trụ, ở chơn tướng biến thành pháp trí để làm cái lý trung hòa cho thần khí vận hành, do đó mà biến sanh tiềm lực cho cơ thể là Chí, còn Ý ví như tia phản chiếu tự động để soi vào màn ảnh giữa Tánh và Tâm, cái phần nội tại phát xuất ở ngoại diện cho mọi người thấy. Tâm có đức làm hình thức cho cái đạo thường hằng, Tánh có hạnh để biểu tượng sự cứu cánh về nghi lễ đối với con người và Thần linh. Còn thân

có mệnh, mệnh ấy là Trời nên mọi sự sống ở cõi đời do Trời vi chủ và định mệnh, nhưng Ý của Tâm ở tại Tánh, Trí của Tánh ở tại Tâm. Chẳng khác nào hai thanh âm chuông mõ để biểu tượng cho Lễ Nhạc, Mõ thể hiện cho nhạc để điều hòa câu kinh khi tụng niệm, chuông thể hiện cho lễ để giữ trật tự nơi lòng nhắc chừng kỉnh bái. Chuông mõ còn có ý nghĩa của kim mộc. Mộc năng sanh hỏa, kim năng sanh thủy. Thủy bên tả, hỏa ở bên hữu cùng đổi vị trí coi như pháp ký tế.

Còn ý nghĩa năm cây nhang trong ba là án tam tài, ngoài hai là tượng ngũ khí. Khi thắp lên cái phần thực tại là an lư thể cho ngũ hành, còn cái phần bốc lên lập đảnh tượng cho ngũ khí, với Trời là ngũ khí, với Đất là ngũ hành, với nhơn sanh là ngũ tạng. Cùng thể cho ngũ hành, khéo luyện sanh ngũ khí triều nguyên với pháp tiên đạo trong cơ khởi thỉ, Thái Cực, Lưỡng Nghi Tam Tài là pháp định danh và định vị.

Luận về nguơn vô thỉ, phần tượng lý nhứt Cực là Phật, nhì Nghi là Pháp, tam Tài là Tăng, tức thị cung "*Càn*." Cực là hào cửu sơ, Nghi là hào cửu nhị, Tài là hào cửu tam. Khi cắm năm cây hương, ngoài hai cây, biểu tượng hai làn sanh khí của thuở Hồng Mông, còn trong ba cây, tượng Tam Tài Phật-Pháp-Tăng, nên khi bái lễ với Phật ta phải trụ được nguơn Thần, với Pháp ta phải định được nguơn Khí, với Tăng ta phải chuyển được nguơn Tinh. Về cơ khởi thỉ Đức Chí Tôn là Phật, Diêu Trì Kim Mẫu là Pháp, vạn vật là Tăng, nên ở trong trời đất cái tự nhiên đó là Phật, cái an nhiên đó là Pháp, cái hiển nhiên đó là Tăng. Vậy, ta phải luyện cái tự nhiên cho Tánh, tập cái an nhiên cho Tâm, tu cái hiển nhiên cho Thân. Thân

là thành phần mắc vướng, nó sẽ ảnh hưởng cho Tánh và Tâm. Nay cơ tận độ Kỳ ba nên Đức Chí Tôn đến lần đầu tiên với tiền bối chúng ta xưng Thánh danh bằng ba chữ A, Ă, Â nghĩa ám chỉ ngôi thờ Đức Thượng Đế tức là tòa Bạch Ngọc Kinh tại thế, A là Pháp (Hiệp Thiên Đài), Ă là Tăng (Cửu Trùng Đài), Â là Phật (Bát Quái Đài).

Ngoài ra, ba chữ A, Ă, Â về đạo pháp là một triết lý uyên thâm huyền nhiệm. A là chữ đầu của 24 chữ cái tức là Đạo, Ă là một dấu dương, Â là một dấu âm đủ chứng tỏ là một Đấng Chủ Tể Càn Khôn. Trong Kỳ ba Đức Chí Tôn đến lập Đạo để cứu đời, nên A là Pháp, Ă là Tăng, Â là Phật, buổi Tam Kỳ cơ tuần huờn phản tiền vi hậu, Thầy là Phật chủ cả Pháp Tăng, với chơn lý cơ tận độ Thầy tức là Phật là Â, nhưng thờ ở sau để đưa cả chúng tăng là Ă trở vào Hư Vô Chi Khí, A là Pháp, đó là lời của Đức Chí Tôn xưng với môn đồ.

Nói về Pháp, bản thân của ta là khối sanh vật có vàn vàn nguơn chất, tức là khối chúng sanh, chơn lý đạo kỳ ba dạy ta độ tận chúng sanh, tức phải dứt tiệt dục vọng và phiền não của chúng sanh trong con người. Muốn tận độ chúng sanh, cúng Tứ Thời ta nhớ niệm danh của Đại Từ Phụ 12 chữ (Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát) Tam Giáo cũng niệm danh mỗi vị 12 chữ. Kể như Thầy đã nắm trọn Phật-Pháp-Tăng vào tay ở câu niệm. Cao Đài là *Nho*, Tiên Ông là *Lão,* Bồ Tát là *Thích,* còn hai chữ Nam mô là một triết lý quan yếu đối với trời đất cùng vạn vật.

Thuở hỗn độn Hồng Mông trong pháp sơ tạo, Đạo khởi thỉ Trời Đất nên chữ được niệm đầu tất cả các Thánh Danh là Nam vô đọc trại là Nam mô. Nam Bính Đinh hỏa

lửa Thái Cực ở lý nhứt nguyên biến cung Càn thành ba vạch, Vô là chỗ tách rời hình Khôn, lục đoạn với khoảng không đó là vòng Vô Cực nơi phát xuất sanh quang cho Vũ Trụ, dầu đời hay đạo cũng sống trong cái lý của tạo đoan. Khi tâm Thành tưởng niệm thì hai chữ Nam mô trước, (RỒNG TIÊN NGUYÊN LÝ DỊCH). Do vậy, cái bản tính của con người Việt nam với tinh thần sùng thượng, không quên cái nguyên lý chỗ cơ khởi thỉ để tưởng niệm cái thiêng liêng nhứt là ba ngày của đầu năm trong dịp Tết Nguyên Đán. Tổ tiên ta còn giữ tập tục đều dán trước cổng nhà 4 chữ thật to gọi là "*Tam Dương Khai Thới*" chứng tỏ nòi giống ta còn nhớ tới nguyên lý tạo đoan về ba hào dương cung Càn. Với sự hiếu kỉnh đó nên Đức Chí Tôn đem ánh Linh quang khai cơ tận độ, để giáo Đạo Nam phương trong buổi Tam Kỳ trên dải đất rồng tiên được may duyên gội nhuần ân huệ của Thượng Đế.

Nước Việt từ Đức Quốc Tổ truyền kế trên danh tự 18 đời Hùng Vương, cộng cũng 9, đó là con số khai cơ định vị của trời đất, lẽ tất nhiên đạo Trời là cơ khởi thỉ, đầu là Thượng Nguơn đệ nhứt chuyển, hễ có khởi thỉ thì phải có chung kết trong giai đoạn. Nay là Hạ Nguơn tam chuyển hầu mãn nguơn thứ 9 thì Trời khai Đạo tại nước Việt Nam tức là pháp định vị cho một Chu Kỳ có cả không gian lẫn thời gian, vì nòi giống chúng ta còn mang nặng cái truyền thống của Tổ Tiên về nguyên lý đạo của Trời đất, nhân đó mà chúng ta mới có sự may duyên cho miền Nam nước Việt (Nam Bính Đinh Hỏa). Bởi Đức Hộ Pháp Giáo chủ đạo Cao Đài là người thừa lịnh. Căn cứ Pháp Chánh Truyền lời dạy của Đức Chí Tôn. Cung Đoài tức Cung Đạo ở giữa, hữu Cung Khôn, còn bên tay

trái của Thầy là Cung Càn. Nên Đức Hộ Pháp lật Bát Quái Hậu Thiên trở lại thành Bát Quái Trung Thiên đưa Cung "*Càn*" về phía Tây Nam tức là "*Đài tại Nam Phương Đạo thống truyền*". Ba cung Càn, Khảm, Cấn đổi vị trí Khôn, Ly, Tốn.

Nền minh triết của nòi giống Rồng Tiên phát khởi do nguyên lý của đạo pháp. Về hai chữ Rồng Tiên, Tiên ở núi, Rồng ở bể, thể hiện lý âm dương của trời đất, về dân tộc tánh chưa mất nguồn gốc trên bốn ngàn năm lịch sử của Tổ Tiên lưu lại cho con cháu Âu Lạc. Âu là Âu Cơ mẹ của chúng ta là Tiên ở núi (Liên Sơn Thành Khí), còn Lạc là Lạc Long Quân tức cha của chúng ta là Rồng ở bể, vốn thủy sanh. Khí coi như phép ký tế của đạo pháp, giữa nhị khí tạo thành lý Thái Cực mới sanh một bọc trăm trứng, nhờ đó mà biến ra nguyên chủng Rồng Tiên, chẳng khác nào buổi khai thiên lập địa trăm ức nguyên nhân giáng trần trong cơ khởi thỉ.

Nguyên nhân vốn là siêu khí của Càn Khôn do đạo pháp biến sanh chủng tử, đó là nguơn chất ở Kim Bồn, chưa đến kiếp người nên chẳng có pháp thân, không phân nam nữ. Vì lẽ đó, cái nguyên lý Rồng Tiên của chúng ta 50 người theo Cha xuống biển là dương gián, thể hiện đạo Trời với chơn lý từ ngôi dương đến ngôi âm cơ sanh hóa, còn 50 người theo Mẹ lên núi là âm phù, coi như từ ngôi âm trở về ngôi dương của lý trưởng dưỡng, trong số đó chẳng có nói nam hay nữ đều ám chỉ lý âm dương giữa Cha và Mẹ mà thôi. Với con số Ngũ của trời đất ở Khung Hồng Phạm mới biến dịch cơ tạo đoan Càn Khôn và vạn vật.

5– DỊCH LÀ ĐẠO PHÁP

Đến đời Tây Châu, Đức Văn Vương ngồi tù nơi Vũ Lý bảy năm, nhầm con số Thất Diệu, định thần mở khiếu huệ quang để nghiên cứu cơ huyền nhiệm của Vũ trụ. Khi về nước mới tìm lại những vạch ở Hà Đồ của Phục Hi, để lại gọi Tiên Thiên Bát Quái, và căn cứ Lạc Thư soạn ra Hậu Thiên Bát Quái, cũng lấy số tượng cho lý.

Đến Đức Khổng Phu Tử nhìn thấy cơ hành xử của Vũ Trụ nên phụ chú vào cho mỗi hào thêm sáng tỏ mới có sách gọi là Kinh Dịch, đây cũng bằng chứng cụ thể kể nòi giống Rồng Tiên mới là Thỉ Tổ của Dịch Lý, nên chuyện bánh chưng bánh dầy không ngoài ý nghĩa về minh triết của đạo pháp ở câu "*Thiên viên Địa phương*". Nếu có một nền triết lý trên tôn chỉ thiếu đạo pháp, thì nó chỉ để áp dụng cho bản thể nhị nguyên mà thôi, coi như ngày nào phục hồi được môi trường về tâm linh thì thế giới mới có hoà bình nhơn loại.

Với sự chiêm ngưỡng của tín đồ trong nền Đại Đạo, Toà Thánh Tây Ninh là nơi thờ Trời được thể hình pháp Địa Chi có mười hai cửa nội ô ra vào, còn ngôi thờ cũng biểu tượng ba đài Bát Quái là Phật, Hiệp Thiên là Pháp, Cửu Trùng là Tăng, để phát huy chơn tướng của Đạo. Cửu Trùng Đài là phần xác, Bát Quái Đài là Linh hồn, Hiệp Thiên Đài là Chơn Thần, chẳng khác nào ở bản thân của con người chúng ta cũng có ba, một là Thân, hai

là Tâm, ba là Tánh, y như ngôi Đền Thánh mà Đức Hộ Pháp đã tạo, Bát Quái Đài phần nguơn linh tức là Đạo, Hiệp Thiên Đài phần nguơn khí tức là Pháp, còn Cửu Trùng Đài phần nguơn Tinh tức là Thế. Mỗi đài đều có liên hệ ảnh hưởng cho nhau. Chẳng khác nào Thân Tâm và Tánh, Tánh là cái thể của Tâm, nhưng Tâm cũng là Tánh, Tánh để tiêu biểu mọi sắc thái về hành động, còn Tâm là cái trừu tượng xuất phát những tư tưởng cho Tánh, Tâm thay vì tòa Bát Quái, Tánh ví như cửa HiệpThiên, Thân tượng thể ví Cửu Trùng, đó là phần xác của Vạn linh được tiêu biểu đạo pháp của Càn Khôn tức là hình ảnh Chí Linh đó vậy.

Chính giữa Cửu Trùng Đài có Nghinh Phong Đài tức là Đài tiếp giá..., tầng dưới vuông tượng thể địa phương. Với qui luật công bình, bốn bên thể hình Thập Nhị Địa Chi bằng 12 ô chữ, nhưng thấy có 10, bởi bên trong Nghinh Phong Đài đông và tây đọc được hai chữ Lôi-Điển còn bên ngoài mười ô toàn là chữ triện hay cổ tự, chữ Lôi đỡ đầu đòn dông, Nghinh Phong Đài giáp với Bát Quái Đài hướng chánh đông, chớ kỳ thật bên ngoài Nghinh Phong Đài do hai nóc đền chập lại nên mất hết 2 ô chữ, còn phía trong Nghinh Phong Đài từ Hiệp Thiên Đài nhìn lại chữ Điển đỡ đầu đòn dông phía chánh Tây Nghinh Phong Đài. Như vậy chữ Lôi chánh Đông tiêu biểu tiếng nổ là Đạo, còn chữ Điển chánh Tây tượng lý tiếng vang về ánh chớp là Pháp. Bên trong nhìn cũng có mười ô chữ như bên ngoài, vì tô liền hướng Bắc hết một ô, hướng Nam một ô, chỉ thấy có mười ô coi như pháp Địa Chi phối hợp cùng Thiên Can tạo cơ hóa trưởng Càn Khôn.

Tầng trên Nghinh Phong Đài thì tròn tượng thể

Thiên viên ở nguyên lý của sự bác ái với cái không chẳng có giới hạn, giáp vòng chỉ có mười ô chữ tiêu biểu cho Thập Thiên Can, nhưng ngay chánh Tây bên ngoài đủ mười, nhưng bên trong tô kín chỉ còn có chín ô của Pháp định vị cho hai chữ Can Chi, Can Chi tượng lý âm dương ở Trời Đất. Chi là cành hệ thống ngang, Can là gậy hệ thống dọc, phần trên hình quả địa cầu nó tròn với bản viên dung ở lý đạo, còn vuông với định hướng bình phương về Pháp.

Trên nóc địa cầu có hình Long Mã phụ Hà Đồ với tám cung Bát Quái, Càn trên Khôn dưới chính giữa là Thái Cực Đồ với hai điểm chấm hình bầu dục tạo sức hút đun đẩy mãi của lý Thái Cực tức châu kỳ Vô Cực, về đạo học là Thái Cực, với khoa học cái lý đồng nhất là *"đi na mô"* một đầu phát âm điện, một đầu phát dương điện, sở dụng là chỗ biến ra trung hòa điện. Đó là chân lý Đạo Trời mới tạo cho đời sự sống có ánh sáng mà Khoa Học thể hiện với điều kiện của Đạo Học ở cơ hóa dục quần linh. Còn Hà Đồ tượng thể cho không gian và thời gian với triết lý tạo đoan cái không lẫn trong cái thời, cái thời chẳng rời cái không. Không gian là pháp an nhiên thời gian là cơ chuyển hóa, chuyển hóa ấy là Đạo, an nhiên ấy là Đức. Đạo có nghĩa là thời, thời có nghĩa là dịch, dịch có nghĩa là lý âm dương của Trời đất. Hình Long mã đứng giữa quả địa cầu coi như chỗ Vạn Pháp qui nhứt giữa Tiên Thiên và Hậu Thiên hòa hợp nguơn khí của đạo pháp biến xuất can chi để vận hành cơ hóa trưởng của Vũ Trụ. Do đó, có tám rồng vàng đỡ quả địa cầu cất đầu bao quanh chia thành tám hướng tượng thể Bát Quái Tiên Thiên, thân kèo châu lại như tám đuôi rồng tại nóc trái đất ở bên trong, tất nhiên nằm ngay rúng Long mã.

Long mã tiêu biểu Tiên Thiên Khí. Địa cầu tiêu biểu cho Hậu Thiên Khí, kể như pháp ký tế của Trời đất buổi Hạ Nguơn của cơ tuần huờn Vũ Trụ.

6– CƠ HOẰNG PHÁP

Trời mở đạo kỳ ba với cơ qui nhứt, căn cứ trên nguyên lý Lạc Thư Hà Đồ của nền Tôn giáo Cao Đài đã biểu tượng huyền pháp Hư Vô của trời đất, tất nhiên là cơ qui nhứt của nền Đại Đạo với khối đức tin lớn vốn con đường cả Trời mở kỳ ba. Tam giáo qui nguyên Ngũ Chi phục nhứt tức là ba cổ xe đồng hành, cổ Hạ Thừa dành cho Thần Đạo Nhơn Đạo mới đủ phương độ rỗi đưa chúng sanh về nơi bổn thiện. Đạo có nghĩa là con đường để cho các Chơn Linh bị đọa trần nhờ nương nơi đó mà lần về cựu vị. Chúng ta tin nơi Đức Thượng Đế giáng thế kỳ ba theo Thánh Ngôn đã dạy. Hiệp Thiên Đài là nơi Thầy ngự nên nơi đó có đủ ba ngôi: Thông Thiên Đài là Phật, Phi Tưởng Đài là Pháp, Tịnh Tâm Đài là Tăng, nên khi Thầy đến dụng huyền năng cơ bút mở đạo kỳ ba cho chúng sanh Thầy mới xưng danh Ngọc Hoàng Thượng Đế lần đầu tiên tại tư gia đức Cao Thượng Phẩm, dạy thiết Lễ Hội Yến Diêu Trì. Đức Chí Tôn có đến dự nhưng Phật Mẫu không hề thấy, chứng tỏ cái Hội Yến Diêu Trì năm Ất Sửu là phát khởi bào thai của nền Đại Đạo có đủ Chủ âm quang và dương quang, nếu nói đó là bào thai thì phải hợp đủ Tinh Khí Thần. Nên Đức Chí Tôn dạy lập đàn Vọng Thiên cầu Đạo trong đó Thầy kêu có 3 vị Thượng Phẩm, Hộ Pháp, Thượng Sanh với cái danh thì đủ chủ ba chi Đạo-Pháp-Thế. Thế thể cho Tinh, Pháp thể cho Khí, Đạo thể cho Thần, quì trước đàn Vọng Thiên. Với ý nghĩa chi Đạo tiêu biểu cho

nguơn Thần, chi Pháp tiêu biểu cho nguơn Khí là ngôi chủ quyền pháp giới Ngũ Lôi nơi cõi Hư Linh, còn Chi Thế tiêu biểu cho nguơn Tinh. Chừng khai sanh Đạo mới tạo nên hình thể của Thầy là ngày lập cơ phong Thánh, cũng là lập Pháp.

Hôm nay được Hội Thánh thay mặt cho nhơn sanh dạy công thợ tạc tượng Đức Hộ Pháp đặt lên Ngai nhằm ngày 13 qua 14 tháng 12 năm Quí Mão. Buổi sáng làm lễ an vị xong, tối lại 3 Hội Thánh Hiệp Thiên, Cửu Trùng, Phước Thiện đồng vào Cung Đạo làm lễ cầu nguyện Đức Chí Tôn cùng các Đấng đặng dán Thiên Nhãn cũ lên quả Càn Khôn mới lợp lại lần này bằng kim loại (nhôm), làm lễ an vị cúng Tý Thời Tiểu Đàn Vọng Nhựt và cầu ơn trên Đại Từ Phụ trấn thần Bửu Tượng Hộ Pháp, kế sau Bửu Tượng Đức Thượng Sanh được Hội Thánh làm lễ an vị ngày 1–7 Đinh Tỵ, còn Bửu Tượng của Đức Thượng Phẩm tạc lúc Tòa Thánh đã hoàn thành cuối năm Bính Tuất, Đức Hộ Pháp còn sanh tiền cầm quyền chưởng quản Nhị Hữu Hình Đài.

Hiện. tam Vị tiền bối Hiệp Thiên Đài đã ngự trên Ngai để chúng sanh chiêm ngưỡng ân đức của ba Ngài đã dày công trong cơ lập đạo mà còn với sứ mạng để cứu đời. Riêng về Bửu Tượng Đức Hộ Pháp mình mặc giáp đầu đội mão chỉa Tam Sơn, ngự trên Thất Đầu Xà, buộc dây Sắc Lịnh, bên trong thả mối nơi hông mé Đức Thượng Phẩm, thấy đó đã chứng tỏ Pháp trị Đạo, nhưng thuộc bên hữu của bản thân kể như nắm phần trị Thế nữa, tay hửu cầm cây Kim Tiên, Đức Ngài có đủ quyền điều khiển lôi điển Càn Khôn Vũ Trụ, thay vì Giáng Ma Xử đã trấn giữ Cực Lạc Thế giới.

Khi cúng đàn, lúc đứng dựa Ngai là Đức Ngài chuyển pháp, lúc ngồi là trụ pháp, nơi để chân và gác tay chính Đức Ngài đã ngự trị bốn cái nộc độc ở trong con người. Đó là ai, nộ, ố, dục. Nếu người tu biết trưởng dưỡng ba cái thể hiện bên sau Đức Ngài là Hỉ, Ái, Lạc thì cơ giải thoát chúng ta được khai thông thất khiếu sanh quang bằng bửu pháp Kim Tiên. Vì bửu pháp Kim Tiên ở Đức Ngài có đủ quyền tác phước cho người trước kia hung dữ mà nay biết khử ám hồi minh nên hóa giải tội tình với cơ tận độ kỳ ba.

Bửu tượng Đức Cao Thượng Phẩm ngự giữa thân mình thể hiện lý đạo phải bảo trọng bản tâm, tay hữu cầm bửu Pháp Long Tu Phiến do điển khí Tam Thập Lục Thiên kết thành nên tượng hình bằng 36 lông cò trắng. Phần đầu Long Tu Phiến là ngọn Phất trần để quét sạch bợn trần rồi mới dùng Long tu Phiến quạt đưa Chơn Thần về cõi Hư Linh, tay tả nắm xâu chuỗi Từ Bi để phát huy tinh thần độ rỗi chúng sanh và dâng Đạo cho Đức Hộ Pháp.

Bửu tượng Đức Thượng Sanh ngự ở phần đuôi lưng buộc dây Thần Thông ở bên trong, ngoài có dây Sắc Lịnh, bên sau giắt Thư Hùng Kiếm, tuy một mà thể hiện cho hai: một lưỡi trống một lưỡi mái tức là pháp âm dương của Chi Thế đương nhiên có đủ quyền về Thế Đạo trị ở phần đuôi "*Thể tạo thế và chuyển thế.*" Tay hữu cầm cây Phất Chủ dâng Thế vào cho Hộ Pháp, tay tả nắm xâu Chuỗi Từ Bi dâng Đạo cho nhân sanh.

Giữa Đạo và Thế, Long Tu Phiến, Phất Chủ, Thư Hùng Kiếm là ba bửu pháp giúp tay chuyển thế Cửu Trùng Đài trong cơ truyền giáo. Dưới quyền ba Chi của 3 Ngài có Thập Nhị Thời Quân và Thập Nhị Bảo Quân tức là

lấy số tượng cho lý kể như 24 vị Trưởng Lão lo phụng sự cho Đức Chúa Trời nơi Tòa Thánh, thể hình Bạch Ngọc Kinh tại thế. Bửu pháp nơi mão mỗi Chi đều khác, Chi Pháp Bình Bát Vu, Chi Đạo quạt Long Tu có Phất Trần, Chi Thế Phất Chủ và Thư Hùng kiếm, lúc thi hành sứ mạng Chi Pháp buộc dây Sắc Lịnh thả mối ngay giữa, Chi Đạo thả mối bên hữu, Chi Thế thả mối bên tả. Phần tiểu cấp bên Hiệp Thiên Đài, phẩm Luật Sự do Sắc Lịnh số 24 của Đức Hộ Pháp đề ngày 23–5 Bính Tý (DL. 16–6–1936) dạy mở khoa mục thi Luật sự, còn phẩm Sĩ Tải. Truyền Trạng, Thừa Sử, Giám Đạo, Cải Trạng, Chưởng Ấn, Tiếp Dẫn Đạo Nhơn, do Thánh Giáo của Đức Chưởng Đạo dạy lập 18–2 Ất Hợi (22–3–1935). Những vị trên đây nơi mão đề phẩm trật và cân "*Công bình*" với Thiên Nhãn. Đây là mão hệ dọc, còn mão thuộc hệ ngang bên sau có ba Cỗ Pháp Xuân Thu, Phất Chủ, Bát Vu.

Từ Thời Quân dĩ chí phẩm Luật sự áo mão toàn màu trắng, chỉ có Thời Quân ba chi đều có mão tròn mỗi chi mỗi bửu pháp dùng để ngồi tòa y như mão của Chánh Bảo Thể vậy. Nếu hành lễ cúng Đại Đàn, quí Ngài đội Nhựt Nguyệt Mạo, còn cúng thường thì đội Hỗn Nguơn Mạo. Còn Chức Sắc tiểu cấp giúp việc cho Hiệp Thiên Đài, những vị được mang dây Sắc Lịnh của Pháp Chánh ban cho để thừa hành sứ mạng, thả mối ngay giữa với nhiệm vụ Pháp Chánh Địa Phương hay Trung ương đặng giải quyết mọi việc đạo, chỉ dùng trong phiên họp mà thôi.

Chức Sắc Hiệp Thiên Đài không phân nam tả nữ hữu như bên Cửu Trùng Đài, nhưng có hai Chi: Đạo và Thế thể hiện cho âm dương còn lý trung hòa là Chi Pháp. Cửa Hiệp Thiên biểu tượng nguyên lý là Nguơn Thần

trong cơ khởi thỉ chỉ gọi bằng nguyên nhân chưa phân nam nữ. Chừng chuyển hóa trong bát phẩm chơn hồn được về cùng Đức Chí Tôn và Đức Phật Mẫu, do công phu tu luyện nhờ đó mà phục vị đắc đệ nhị pháp thân, thì Chơn Thần đó mới có nam nữ như người ở thế vậy.

Tam vị tiền bối Hiệp Thiên Đài đã triều thiên được Hội Thánh tạc tượng đồng ngự trên ngai Thất Đầu Xà bao quanh ba cái đôn với tòa sen màu đỏ. Chiếc đôn ba Ngài hình bát giác có tám chân thể hiện cho pháp giới tạo đoan liên quan pháp giới chúng sanh ba con số bát tức 24 vốn của ba ngôi Phật-Pháp-Tăng, chủ Chi Pháp Đức Ngài thứ 8, chủ chi Đạo Đức Ngài thứ tư, Chủ Chi Thế Đức Ngài cũng thứ tư, sự biểu tượng Đạo là Tứ dương, Thế là Tứ âm về thứ tự ba Chi cũng là pháp giới y như tuổi Tý Sửu Dần của ba Ngài vậy.

Lúc tạc tượng của ba Ngài, thợ nhìn bửu ảnh mà đắp Đức Thượng Phẩm Chi Đạo đứng bộ Lưỡng Nghi trên tòa sen dưới chân không nệm, mang giày trắng đế vàng, mũi giày có chữ Đạo, bên trong áo tràng trắng ngoài mặc áo lá xanh để tóc phủ vai, để râu, đầu không đội mão bởi đạo với vẻ tự nhiên.

Bửu tượng Đức Hộ Pháp thể hiện uy quyền, mình mặc giáp, đầu đội mão chỉa Tam Sơn, chơn mang hia chót mũi hia có chữ Pháp, đứng bộ chữ nhơn trên cái nệm đỏ, chứng tỏ Đức Ngài ấn nguơn khí sanh quang để ngự trị phần Tăng, thuộc pháp giới chúng sanh trong bát phẩm chơn hồn. Chữ Khí màu vàng ở trong cái phong nền đỏ tức là Phật ở trong Tăng cũng như Đạo ở trong Pháp.

Bửu tượng Đức Thượng Sanh, trong mặc áo tràng trắng ngoài áo lá xanh, chơn mang giày trắng mũi giày có

chữ Thế. Đầu bịt Thanh Cân, Chơn đứng bộ chữ bát trên chiếc nệm xanh để vận chuyển pháp giới chúng sanh biết tùng cơ dục tấn, vì vạn vật hữu sanh, hữu chủ, hữu định mệnh do Đấng Tạo Hóa. Thượng Sanh chủ Chi Thế tức chủ phần Tăng, nên mỗi vật hình điều riêng bản năng sinh tồn tự hữu do Trời phú tánh với câu "*Thiên sử ư Tánh*" vì đó mà tất cả chúng sanh mỗi mỗi điều có linh tánh, riêng con người là phẩm tối linh nhờ trí thông minh khôn hơn vạn vật, vạn vật có Sanh hồn, Giác hồn. Nếu phần Sanh lấn phần Giác thì linh tánh trở nên ác tánh. Về con người chúng ta Thượng Đế ban cho có đủ ba hồn Sanh hồn, Giác hồn và Linh hồn. Nếu Chơn Thần kẻ thế quá hôn trầm thì lương tâm sanh ác tâm, tức là mê hồn trở thành con người lộn lương tâm chỉ biết tùng nhơn dục của xác thú.

7– SÁM TRUYỀN MINH TẢ

Tòa Thánh Tây Ninh đạo Cao Đài đã thể hình Bạch Ngọc Kinh tại thế để thờ Đức Thượng Đế tức là Chúa Trời mà Sám truyền Ky Tô Giáo đã minh tả bên trong có 24 vị Trưởng Lão (đó là Thập Nhị Thời Quân và Thập Nhị Bảo Quân), vòng thành có 12 cửa. Nhưng ngôi đền thể hình con linh vật dưới nách có nhiều tròng đó là số Thiên Nhãn giáp vòng ngôi đền với hình Long Mã, mà Cao Đài đã tượng thể tòa Bạch Ngọc Kinh với chơn pháp khi vô chầu lễ từ phẩm Nhơn Thần đổ xuống vào hai bên lỗ tai nam tả nữ hữu với bổn phận để nghe và nhắc nhở cho nhau chưa đủ quyền lập đàn thuyết đạo. Còn từ phẩm Thiên Thần đổ lên vào ngay cửa giữa tức là miệng dầu nam hay nữ với điều kiện có sứ mạng thuyết đàn giáo hóa, mỗi vị Thiên Thần là một cái loa của Hội Thánh để truyền đạt lời của Chúa Trời. Theo triết lý Phật, phẩm đi vào lỗ tai chia ra có 3 hạng Tín đồ hàng Thinh văn, chức việc phụ hàng Duyên Giác, Bàn Trị Sự hàng La Hán, còn vào cửa miệng thể hiện sự giáo hóa Lễ sanh hàng Bồ Tát sơ Tâm, Giáo hữu hàng Bồ Tát Thâm hạnh, còn Giáo sư đến Đầu sư là hàng đại Bồ Tát với sứ mạng đội mão Bát Quái, nhưng khi Hoán Đàn số ít Chánh Trị Sự với Giáo Nhi được lịnh đi nối tiếp phẩm Thiên Thần ở pháp dục tấn.

Ngôi Tòa Thánh vòng quanh nách đền có 23 Khuôn Thiên- Nhãn đắp 2 mặt nằm trong khung hình tam giác tức là 46, trước Hiệp Thiên Đài một, trên Cung Đạo một,

nơi quả Càn Khôn một, với Thánh Tượng Thờ bên trong Thông Thiên Đài một, tức 50 Thiên Nhãn tượng lý số ngũ của Khung Hồng Phạm Ngũ Hành bao quanh cửu trù mà ngôi đền đạo Trời đã thể hiện Tòa Thánh hình Long Mã.

Ngôi đền có tứ tướng tượng ngũ hình là Long Mã, ngũ hình sinh tứ tướng là Long, Lân, Qui, Phụng đã thể hiện, chúng ta nhìn hai lầu chuông trống là cặp gạt rồng, chỗ Đức Di Lạc ngự là ngù lân, đá cẩn nền giáp vòng thể hình là Qui, tầng ô ngói mái đền phơi bày như chim sè cánh là Phụng. Cái dụng của ngôi Đền là hình Long Mã nằm, cửa Tịnh Tâm Đài là cái miệng, 2 cột rồng 4 cột hoa sen đứng chõi bao lơn là hàm răng, cái lưỡi dựng lên bên trong là phong chữ Khí, bên ngoài Tam Thánh ký hòa ước, ba Cổ Pháp trước bảng Đại Đạo là sóng mũi, Thiên Nhãn Kế trên là tam tinh, 2 chữ Nhân Nghĩa là đôi mắt, 2 cái vòm ở lầu chuông trống cửa để vào đền là lỗ tai, với 4 cửa có Kim Mao Hầu là chơn, hình Long Mã nhỏ ở nóc địa cầu là phụ Hà Đồ, chỗ đại bửu tòa của Tam Thế Phật trên Bát Quái là cái đuôi.

Trở lại mặt tiền ngôi đền nơi bao lơn Tòa Thánh tiêu biểu những tấm gương bất hủ có đủ hạng người từ vua chí thứ dân, bên hữu cánh đền nhìn qua Hạ Võ là *nhân,* Ngu Thuấn là *hiếu,* Toại Hữu là *công,* Phạm Lãi là *trung,* Lữ Vọng là *thời,* Bá Nha là *nghĩa,* Hứa Do là *trí,* Mãi Thần là *chí.* Những sự tích có đủ hạng người Sĩ Nông Công Thương, Canh Tiều Ngư Mục đây là Tứ Thú. Phần đầu là Tứ Dân, đạo trời biểu tượng tinh thần hòa hợp cuộc sống của nhơn loại, đặc biệt có hai tích nếu tả nhìn qua hữu Mãi Thần nhứt *sĩ,* bằng bên hữu xem qua tả Hạ Võ nhứt *nông,* còn Toại Hữu là *công,* Phạm Lãi là

thương, với Tứ Thú về lao công không phải ở tài nghệ tiêu khiển Cầm Kỳ Thi Họa, *Canh* là Ngu Thuấn, *Tiều* là Tử Kỳ, *Ngư* là Lữ Vọng, *Mục* là Sào Phủ.

Sự lành dữ ở con người do lỗ miệng nên cửa đền bên tả thể hình ông Thiện, bên hữu thể hình ông Ác, ông Thiện thể hiện dưới chơn một tòa sen, còn ông Ác xuất phát dưới chơn một khối lửa, giữa ác và thiện đạo trời thể hiện cái lý âm dương, nếu kẻ ác biết giác ngộ sẽ thành, bằng có sở hành lấn áp người thiện, thì người thiện với điều kiện tự vệ tay tả cầm đao bửu pháp để sát sanh tâm đặng bảo tồn bổn thiện.

Kìa sự thể hiện 2 món báu của ông Ác, tay hữu cầm Thiết Song Phủ vốn cái rìu của thời Cổ với người tu phải nhờ ông ác dùng những nhát rìu chạm trổ mới ra thiệt tướng, tay tả cầm Lưu Tinh Chì, hai loại binh khí võ quan, ông Ác giác ngộ cũng thành thì con người biết hối lỗi lo tu hành đến phút chung qui được nhập cửa lầu Bát Quái. Phần trên Tam Bửu kết tụ, thì ba cái hành tàng của kiếp sanh rơi xuống trụ dưới chân thành khối lửa nó là Hỏa Tinh Tam muội, lửa phàm của bản thân ba cái Tham, Sân, Si, còn Tam muội Chơn Hỏa là lửa phật của Tinh Khí Thần.

Giữa ác và thiện ta khó biện biệt được bởi sắc phục y nhau, nhưng chúng ta hãy nhìn vào ông Ác khác ông Thiện ở chỗ tâm đức. Bởi ông Ác xuất phát làn từ khí hai mối ở trong khối lửa uốn quanh khỏi thân hình với màu đỏ của lửa, còn ông Thiện làn Từ Khí phát hiện cũng vậy với màu tam thanh hai chân đạp trên hai đầu mối của làn Từ Khí. Bên trên ông Ác và ông Thiện, Cao Đài đã thể hiện hai chữ Nhân Nghĩa theo triết lý đạo Trời. Nhân bất

tương tranh, nghĩa bất vụ lợi. Nhân gốc lợi sanh ở trời, nghĩa gốc phúc lợi ở đất, thì tất cả người tín đồ phải đem tài lợi sanh hầu làm việc phúc lợi để giúp ích chúng sanh, bởi Nhân tức thị Tâm, Tâm tức thị Thiên thì chúng ta có đủ quyền thực thi những điều ở mặt phúc lợi, và vận dụng cái tài chỗ lợi sanh mới là Nhân Nghĩa, chớ không phải giúp người để cầu danh và tạo uy tín để thừa dịp đấu tranh cho môi trường chánh trị. Đó chưa hẳn là tình thương ở Đức Chí Tôn.

Còn mặt tiền hai lầu chuông trống biểu tượng bó hoa ba màu. Tích U Vương chiêm bao ngó thấy từ trên trời bay xuống, bèn hỏi triều thần cho là điềm lành, sẽ có đạo Tam Thanh giáng thế. Nên trước mắt ta tượng hình hai chữ T, có nghĩa là Tam Thanh, mỗi bó hoa đều nằm trong lòng chữ T. Coi như một linh thể Tam Thanh rơi vào khổ hải đặng kết thành bè từ làm phương độ rỗi chúng sanh. Tam Kỳ là cơ qui nhứt nên Thánh Thể của Đức Chí Tôn cũng tiêu biểu màu Tam Thanh như bó hoa ở lầu chuông trống. Hoa thể hiện cho Tinh, dưới hoa là lớp sóng bể trần, giữa tia chớp ánh ngần của điển lực tức là Khí, trên đầu chữ T với một cổ quả 3 màu đó là nguyên lý của Thần về hột thánh cốc, nhờ nước Khổ hải mà hột Thánh Cốc mới nảy mầm đơm hoa, chừng hương từ ái lan ra mùi trần sẽ lắng dịu. Bởi vùng Đông Á từ vua chí dân nhân tâm bất nhứt, thế đạo suy di. Nên Thích Ca giáng sanh Khai Phật giáo gọi Thái Thanh, Lão Tử giáng sanh khai Tiên giáo, gọi Thượng Thanh, Khổng Tử giáng sanh khai Thánh giáo gọi Ngọc Thanh, cả ba để biểu tượng cho Tinh Khí Thần.

Còn Nhứt Kỳ, Nhiên Đăng là Thần, Hồng Quân

là Khí, Văn Xương là Tinh, theo kinh Đức Nhiên Đăng là đấng chủ tể Càn Khôn cũng một vị Tôn Sư trong thời hỗn độn, chính là Đức Hồng Quân vốn Thầy của Thái Thượng, Nguơn Thỉ và Thông Thiên Giáo Chủ. Hai danh từ đó có nghĩa là Đức Chí Tôn, Đức Nhiên Đăng hà hơi hóa mống một cột chống trời, nói đến mống có đủ ba màu Tam Thanh vàng xanh đỏ, còn cột là hệ thống dọc của ngôi nhứt dương trên đó có ngọn huệ đăng chiếu 36 cõi Trời tức là Khối lửa Thái Cực. Nên Tôn Giáo Cao Đài thờ đèn Thái Cực tức thị thờ Nhiên Đăng đó vậy.

Đức Chí Tôn đã nói Nhiên Đăng Cổ Phật thị ngã, Thích Ca Mâu Ni thị ngã, Thái Thượng Nguơn Thỉ thị ngã kiêm viết Cao Đài. Trong mỗi thời kỳ lập đạo, Tam giáo biểu tượng Tinh Khí Thần đặng thay Thân cho Đức Chí Tôn làm phương độ rỗi, Nhứt Kỳ và Nhị Kỳ từ Phật đến Tiên kế Thánh là một ngôi trường chia thành ba lớp mới phù hợp trình độ tấn hóa cho cả nhơn sanh dễ bề tu học từ thượng đẳng chí hạ đẳng.

Riêng cõi Á Đông Trời cũng ban cho chúng ta có ba ngôi vua thời cổ thể hiện chủ quyền của lý sơ nguyên về mặt Thế Đạo. Phục Hi biểu tượng cho lửa tức là Thiên Hoàng, Thần Nông biểu tương cho đất tức là Địa Hoàng, Huỳnh Đế biểu tượng cho người tức là Nhơn Hoàng, Tam Hoàng thể hiện cho đầu mối phẩm tối linh về Tinh, Khí, Thần của con người với lý Tam Tài của cơ khởi thỉ để khai nguơn định hội và tạo thế, Phục Hi là mầm móng phát huy Cơ khởi thỉ đồ vật nhờ đạt pháp Ngũ Hành, Thần Nông tìm ra lẽ sống nếm thuốc và dạy dân trồng Ngũ Cốc, Huỳnh Đế bày ra áo mão mở mang nền nhân bản cho giềng mối Ngũ Luân, nên Lôi Âm Cổ Đài, Bạch

Ngọc Chung Đài đã thể hiện bó hoa ba màu vàng xanh đỏ, một triệu ứng để chứng tỏ Thanh Đạo khai lần thứ 3 mà Đức Chí Tôn đã xác định ở Câu Thi (Thanh Đạo tam khai thất ức niên). Bởi Đức Chí Tôn chủ về Thanh Đạo buổi Tam Kỳ là cơ qui nhứt gồm đủ Tam Thanh tức thị Thái Thanh, Thượng Thanh, Ngọc Thanh. Lấy Tinh Khí Thần làm hình thể Hội Thánh đặng đem cái nộ Khí Tam Thanh của Xiển giáo để trừ cái độc Khí Tam Bành của Triệt giáo, nên những cái gì của Đức Chí Tôn khi dựng lại nguơn bảo tồn sẽ đem về hiệp một với nền Đại Đạo chớ không phải Cao Đài đa Thần giáo.

Còn Đức Phật Mẫu chủ về Huỳnh Đạo, nên các nền Tôn Giáo cõi Á Đông thường gọi Phật Mẫu nhiều danh từ khác nhau, Hoàng Cực Lão Mẫu, Diêu Trì Kim Mẫu, Tây Vương Mẫu, còn nhân gian thờ kính cái danh là Mẹ Sanh hay Đấng Cửu Thiên Huyền Nữ cũng là Phật Mẫu. Còn Bà Nữ Oa luyện thạch bổ Thiên. Trời là (Càn tam liên) chừng tách ra với khoảng không đó là vòng (khôn lục đoạn) dương đã sanh âm chỗ cơ biến dịch của đạo pháp. Nên ám chỉ sự luyện đá thành khí ngũ sắc vá trời cho liền, liền một vạch sanh một cung. Đoạn một vạch thành một quẽ đó là cơ biến dịch Càn Khôn, với chân lý đó nói lên cái quyền Thiên Hậu của Đức Phật Mẫu tức là Trời tuy danh từ khác nhau chớ chúng ta nhìn vào tựu trung cùng một nguyên lý mà thôi, nên bài Tạo Hóa Thiên, Kinh Phật Mẫu với ý nghĩa khi dứt niệm danh hai lần, vế trên nói lên sự chiêm ngưỡng Đức Diêu Trì Kim Mẫu Tạo Hóa Huyền Thiên, vế dưới xưng tụng cái quyền Thiên Hậu Chí Tôn Đại Bi Đại Ái của Phật Mẫu cũng là Trời, hiện trên quả địa cầu này, vật là cái thể của chúng

sinh, còn dụng là cái linh của tạo hóa.

Chỉ có con người là vật tối linh của Đức Chí Tôn mới đủ tam hồn mà thôi, sanh hồn đến trong bào thai lúc tượng nhơn hình, còn giác hồn đến một phần ở bên trong, một phần ở bên ngoài phù trì mẹ, chừng thai sinh lọt lòng sẽ nhập vào trọn vẹn, thảng thai sinh lọt lòng rồi mà không tiếng khóc xổ lòng, ta nắm hai chơn xách lên vỗ đít ba cái, hài nhi mới ré lên lúc đó giác hồn mới vào, còn Linh hồn đúng 12 tuổi mới đến cũng tùy việc làm của hai hồn kia hoặc ở hoặc đi, nếu con người đủ căn duyên lúc chung qui tam hồn tuần tự xuất phát đi một lượt, bằng nặng nghiệp quả phải trả ở sự hành xác cái linh cái giác đã đi rồi, chỉ còn sanh hồn ở lại với xác thể là phần Tăng nên sự ăn nói mất chuẩn thằng có vẻ kỳ dị. Kể như tâm trí chẳng còn. Nên Thánh Giăng còn trong bụng mẹ mà biết mừng Chúa Cứu Thế bằng sự nhảy nhót mạnh. Lúc hai Bà đang mang thai đến thăm nhau có sự chào đón của thai nhi là nhờ giác hồn, như vậy nên những vong vô danh và bào thai bị súc sảo mới đôi tháng mà biết đến sự ân oán đối với gia đình. Đức Chí Tôn có nói một giọt máu là một điểm chơn linh, nên phần tinh của bản thân là một khối sanh vật. Giữa cha và mẹ hòa chung giọt máu mới tạo ra bào thai dầu chưa tượng nhơn hình, chỉ còn bằng khí chất tất nhiên phải có tiểu hồn vật loại trong đó.

Hồn là phần vô vi để phát huy về Xiển giáo, còn bản thân là vật hữu thể kể như của Triệt giáo, nó vốn xác thú của ta sinh ra để rồi tử, tử để rồi sinh. Đó là lẽ dinh hư tiêu trưởng của trời đất (sinh sinh bất tức) nên trước mặt chúng ta có ba hiện tượng để cấu tạo cơ thể cho muôn loài, về siêu thể là khí biến ra vi thể là chất, vi thể biến ra vật

thể là hình, từ Sinh đến Tử do dịch lý âm dương chuyển hóa, nếu chúng ta định thần khám phá đến chỗ u linh sẽ nhìn thấu cái nguyên lý của vạn vật.

Chớ kỳ thật ta chưa hiểu kiếp ta đâu, cũng như sâu chưa biết mình là con của bướm, cũng như bướm chưa hiểu mình là kiếp của sâu. Do sự chuyển hóa từ đầu suốt cuối, chẳng khác chi loại chuồn chuồn đẻ rơi mặt nước. Chừng nở được là giống ăn mài, mức chung kết của nó trèo lên ngọn cỏ lột lớp vỏ để có cánh mà bay chưa hay kiếp của nó là con ăn mài với định luật tất cả loài vật phải chuyển hóa, để tấn hóa căn bản của nó là Tinh, Khí, Thần. Thảng như trời đất không thần thì mất cơ an định, còn người vật không thần sẽ bị hoại, bằng tôn giáo đảng phái không thần khó tồn tại với thời gian ví như một đóa hoa phải có ba thời kỳ. Nở phô sắc đó là Tinh, nép cánh gìn hương đó là Khí, đưa nhụy kết trái đó là Thần, cùng một nguyên nhân phát xuất do định luật của trời đất.

Nên đôi lầu chuông trống thể hiện ba món báu với triết lý tôn giáo Cao Đài, dưới thì giỏ Hoa Lam của Phật Quan Âm cấp cho đệ tử buổi Tam Kỳ là Bà Nữ Đầu Sư Lâm Hương Thanh, còn bầu linh gậy sắt của Lý Thiết Quả buổi Tam Kỳ lại là anh cả Đức Quyền Giáo Tông Thượng Trung Nhựt. Giỏ Hoa Lam tiêu biểu phần Tinh về linh thể Vũ Trụ của cơ chuyển hóa, bầu linh thuộc hỏa, gậy sắt thuộc thủy đó là tam bửu, hoa là Tinh, thủy là Khí, hỏa là Thần. Đạo Trời thể hiện Tinh Khí Thần cho ngôi tiếng nổ và ngôi tiếng vang.

Còn đôi cửa bên hông khoảng giữa Cửu Trùng Đài bên Tả ngôi đền tượng thể hai con Kim Mao Hầu cái ở bên nam phái, còn cửa phía bên nữ thì hai con Kim Mao

Hẫu đực với lý đạo trong âm có dương, nhưng bốn cửa có tám con Kim Mao Hẫu đều ở lý âm dương, riêng biệt của mỗi cửa, hễ trụ búp sen phía tả thì Mao Hẫu gác chơn hữu ở trên đó, còn ở bên hữu thì gác chân tả cả tám con đều như vậy, chỉ có một trụ búp sen bên hông Bát Quái mé phái nữ trụ bên tả thấp hơn trụ bên hữu tám phân cũng là nguyên nhân của đạo pháp, còn 2 cửa bên hông Bát Quái đều bốn con đực hết, cửa chẳng có ngõ vào bên trong coi như cửa của Thiên Thần xuống thế, có 9 cấp, mỗi cấp 2 tấc rưỡi cũng là 7. Bảy lần 9 là 63 cũng 9 ở pháp định vị.

Lúc Đức Hộ Pháp còn tại tiền đã dạy thể hiện Bí pháp này trong mỗi kỳ đàn, Đức Ngài cho một phần Lễ sanh nam nữ được lên bên trong tầng hành lang lầu đặng chầu lễ, khi mãn đàn không được trở lại Hiệp Thiên Đài như hiện nay là do vị Quyền Ngọc Chánh Phối Sư ra lệnh bế môn chặn cơ truyền giáo nên Thiên Thần phải trở về Trời đó là việc xãy ra từ thời Ngô Triều đàn áp Đạo.

Chớ trước kia Đức Hộ Pháp chủ quyền Đạo nên Hội Thánh nhứt luật khi hành lễ xong bãi đàn phẩm Lễ Sanh, tuần tự lại đường thang khu ốc phía sau Bát Quái để xuống, nam bên tả nữ bên hữu, chừng ra đến sân xem như Thiên Thần xuống trần gian. Công giáo nhờ Thiên Thần gần 2.000 năm Đạo Thánh vững bền, nay Trời mở Tam Kỳ Lễ sanh với phẩm là Thiên Thần mà Đức Chí Tôn đã định vị ở lý âm dương có nam lẫn nữ để dìu dẫn chúng sanh lo lập công, phải đi trong con đường Cửu Phẩm Thần Tiên mới về được cùng Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu dầu Thập Nhị Đẳng cấp thiêng liêng lúc chung qui cũng phải vượt Cửu Thiên Khai Hóa.

Còn Kim Mao Hẫu ở cõi thiên giữ cửa Bạch Ngọc

Kinh đó là con linh vật chực rước những người hoàn tất ba món nợ sẽ chở vào triều kiến Đức Chí Tôn, nếu chúng ta trả chưa xong thì nó chẳng cho vào, nợ thứ nhứt ta là phẩm tối linh biết đem thân để phụng sự cho Vạn linh sẽ trả được món nợ về điểm linh của Đức Thượng Đế, nợ thứ hai trong kiếp sanh ta dùng những vật hữu sanh của Đấng Háo Sanh. Nếu khéo tu hành luyện nó chuyển thành đệ nhị Pháp Thân mới trả được món nợ Chơn Thần cho Đức Phật Mẫu. Nợ thứ ba chúng ta có bản thân, phải có nhân duyên, đó là Thập nhị công nghệ mối liên hệ giữa cuộc sống tức là cái ơn của xã hội. Nếu trong ba mà không trọn coi như đắc tội cùng Vạn Linh với Chí Linh.

Buổi Tam Kỳ gọi đó là Thập nhị nhơn duyên mà kiếp người đã thọ ân với 12 nghề. Sĩ Nông Công Thương, Ngư Tiều Canh Mục, Nho Y Lý Bốc. Còn triết lý bên Phật dạy từ vô minh đến bệnh tử gọi Thập Nhị nhân duyên vốn cái nghiệp của bản thân.

Với giáo lý Cao Đài ai có bản thân phải có nhân duyên cùng Thập nhị công nghệ, đó là cái ơn của xã hội đã cung ứng vào cuộc sống cá nhân ta tức là "*Vạn thù qui nhứt bổn*" thì người tu phải nặng ơn xã hội trên đường hành giả trọn tâm đức cầu rỗi cho cả chúng sanh thoát ly khổ hải coi như "*Nhứt bổn tán vạn thù*".

Còn trên nóc Bát Quái Đài có tượng hình Tam Thế Phật tiêu biểu tam hồn của Đức Chí Tôn nên Phật có ba màu vàng, xanh, đỏ, với sự thể hiện chúng ta thấy rõ ở bên trên đền thờ Đức Chí Tôn. Linh hồn màu vàng, giác hồn màu xanh, sanh hồn màu đỏ, đã chứng tỏ ở con người cũng thế Thượng Đế cũng là chúng ta. Nhưng chúng ta cũng là Thượng Đế, với con người ở thế sanh hồn của bản

thân, giác hồn của trí thức, Linh hồn của tâm thần, Tam Hồn của Chí Tôn thường tại trong chúng sanh nên gọi cái danh là Tam Thế Chí Tôn. Ba vị phật CHRISTNA màu xanh chánh bắc, Phật CIVA màu đỏ chánh nam, Phật BRAHMA màu vàng chánh tây, xoay theo chiều chưởng giải, màu vàng của Thần Sáng tạo tức thần hòa bình, màu xanh của Thần hủy diệt tức thần hóa sinh, màu đỏ của thần phá hoại, ngược lại Thần bảo tồn, Nhứt Thế Chí Tôn là *Phật,* Nhị Thế Chí Tôn là *Pháp,* Tam Thế Chí Tôn là *Tăng,* theo chiều chưởng giải ngôi Tăng có Pháp, còn cơ thu liễm ngôi Pháp có Tăng, nên vạn vật tùng phép thu liễm ví như cây cỏ bỏ dòi quấn ngọn cũng theo chiều thuận với định luật.

Phật BRAHMA cỡi con thiên nga day chánh Tây đó là vị Thần Sáng Tạo mở đường đưa sanh chúng về cung Đoài tức Cung Đạo chỗ trụ Nguơn thần, tay hữu bắt ấn Khai nguơn, một ngón chỉ Thiên biểu tượng lý Thái Cực, hai ngón cụng đầu với hình Châu Kỳ thể hiện Vô Cực tương hòa có nghĩa là "*Thái Cực nhi Vô Cực*", tay tả nắm bửu châu đưa trước ngực tức thị ấn pháp trấn linh thể Càn Khôn, cũng là trấn điểm linh ở bản tâm của nhơn loại đó là vị hiện thân của Đức Chí Tôn.

Phật CHRISTNA mình trần day chánh Bắc, chơn đạp trên đầu rắn dữ tức Thần hủy diệt dục tình không phải giết mệnh, ngược lại Thần hóa sinh Tiên Phật, nên những tư tưởng quấy ở con người dấy lên sẽ bị ngự trị phần ai nộ ố dục của nhơn sanh để giữ còn cái Nguơn linh ở Thượng Đế, phật CHRISTNA cũng đứng trên Thất Đầu Xà như Hộ Pháp để trừ 4 cái nộc độc trong bản thân nhơn loại. Nhìn vào thực tại đấng đó cũng là hiện

thân của Hộ Pháp, nhưng thổi ống tiêu để thức tỉnh quần linh, day miệng ống đưa sinh khí vào cung Chấn chánh Đông tức là cung pháp nơi tụ Nguơn thần.

Ống tiêu có bảy lỗ tượng cho tổ khiếu thất tình, nếu con người khéo tu nó sinh thất bửu cũng thể hiện cho thất khiếu sanh quang, nhưng đắc pháp rồi thần khí phục hồi mở được cửu khiếu nhờ kết tụ tam diệu sẽ chiếu ngần ánh xá lợi. Nên Thích Lão định danh là Mâu Ni Bửu Châu hoặc Thử Mễ Huyền Châu hay Cửu Khúc Minh Châu.

Phật CIVA da đỏ mình trần đứng day chánh Nam, tay tả chống nạnh thể hình tam giác ở lý tam tài Thiên, Địa, Nhân, tay hữu chống gươm với phép định địa, chơn phải đạp trên đầu Giao Long để trừ cái dữ phô bày nơi mặt thế làm khổ chúng sanh, dầu mọi vật thể đúng chu kỳ với định luật bị đào thải trở lại vật chất. Lẽ tất nhiên phần đó phải có sanh hồn, như thế Thần Phá Hoại tức Thần Bảo Tồn là vậy. Thần CiVa có bộ nhủ hoa là hiện thân của Phật Mẫu, nhưng phật Mẫu chính Đức Nguơn Thỉ với hạnh huỳnh kỳ.

Buổi Hạ Nguơn Trời mở Tam Kỳ, Phật Mẫu lãnh lịnh nơi Đức Chí Tôn lập Hội Bàn Đào tại thế với Bí pháp đầy ân huệ kêu cả con cái của Mẹ hướng về lẽ hằng sống để đoạt cơ giải thoát, là Hội Yến Diêu Trì Cung chỗ thể hiện Tinh, Khí, Thần hiệp nhứt. Nên cúng phẩm Hội Yến chỉ có ba: Hoa là thể Tinh, rượu là thể Khí, Trà là thể Thần.

Phật Christna là tiền thân của Jésus Christ và Hộ Pháp, căn cứ lời thi của Đức Lý "*Nhị kiếp Tây âu cầm máy tạo*", đó là Chúa Jésus, còn kiếp thứ ba ở câu "*Hữu duyên Đông Á nắm Thiên thơ*", đó là Đức Hộ Pháp, Giáo chủ đạo Cao Đài buổi Tam Kỳ, hai chân đứng trọn trên Thất

Đầu Xà và ngự ngay chữ Khí, nên phép lạ của Chúa Cứu Thế lần đầu tiên làm cho nước thành rượu ở chơn pháp đó cũng là Khí, thì cái nguyên lý đồng nhất ở Chúa Cứu Thế vào Đức Hộ Pháp chỉ có một mà thôi.

Trong buổi Tam Kỳ hiện thân Đức Ngài là Phật ngự ngay chữ Khí hẳn nhiên chủ về Pháp. Đưa mắt nhìn thẳng chánh đông chỗ ánh Thái dương giọi xuống cũng là nơi Thái Thượng Đức Ông có sứ mạng độ đời trong mỗi thời kỳ lập giáo, nên đạo Tiên với nguyên lý ở bước khởi thỉ Đạo Cao Đài. Vầng tử khí ấy pháp diệu Lão Tử đông lai, cơ quảng truyền ở ải Hàm Cốc với ông Doãn Hĩ, sự thành tựu ở Lưu sa Tây Độ cũng như ánh hồng quang của Chí Tôn hiện Thiên Nhãn nơi Đảo Dương Đông với ông Ngô Minh Chiêu, cơ quảng truyền tại phố Hàng dừa với Cao Thượng Phẩm, sự thành tựu ở Thánh Địa Tây Ninh.

Tại sao ông Ngô Minh Chiêu không nhìn nhận cơ quảng truyền của Đức Chí Tôn. Dầu rằng môn đệ đầu tiên được thấy Thiên Nhãn kể là người có đại công, nhưng ông không lãnh chức Giáo Tông của Đại Đạo để phổ thông nền Chánh giáo tận độ quần linh, với lý do đó nên Đức Lý mới kiêm phẩm Giáo Tông của Đại Đạo vào ngày 29–10 năm Bính Dần.

Vì tại Tòa Thánh Tây Ninh thiếu ngôi anh cả của nhơn sanh ở mặt hữu hình, thành thử Cửu Trùng Đài không chỗ trụ đức tin, nên sau Đức Chí Tôn cùng Đức Lý giáng cơ tại Cung Đạo dạy tấn phong Đầu Sư Thượng Trung Nhựt là quyền Giáo Tông đặng điều đình nền Chánh giáo lo cơ phổ hóa chúng sanh. Kỳ ba đạo xuất ư Đông nên nóc Nghinh Phong Đài Tòa Thánh tượng hình Long Mã đứng trên quả địa cầu day chánh Tây nhưng

ngoái đầu qua Đông ở lý "*Châu nhi phục thỉ*" của cơ tuần huờn đến buổi Hạ Nguơn biểu tượng cho nền chơn Đạo xuất ư Đông, do sự hồi quang của Trời đất mà nguơn khí ký tế cùng Nguơn thần. Mỗi lần phản chiếu Thần lại xuất ư Đông tức là Đạo. Nhưng Đạo khai do cung Pháp của Trời đất là chánh Đông rồi mới truyền sang Tây, vì trái đất xây từ Tây qua Đông. Với Chân lý Đạo vốn đi ngược, nhơn sanh biết tùng giáo sẽ được trở về nguồn, bằng thả xuôi sẽ lùi ra bể cả. Nên con người khi tỉnh ngộ muốn tầm Đạo để đoạt Đạo phải đi ngược, khác hơn thế tình, mà đạo Trời đã tượng thể với hình Thái Tử Sĩ Đạt Ta phế cả ngai vàng vượt hoàng cung đi tầm đạo, vừa cưỡi ngựa vừa che tay nhìn ngay chánh Tây hướng Đoài tức là Đạo. Với chân lý đó có nghĩa là muốn cầu Đạo phải đi ngược mới trở về nguồn, cũng như Lão Tử từ phương Đông đi về cửa ải Hàm Cốc là vậy.

Khi chúng ta bước vào Đền Thánh ngẩn nhìn lên ngạch cửa Tịnh Tâm Đài chánh giữa vầng mây có một bàn tay phải nắm Cán Cân tức thị của Đấng Tạo Hóa, tiêu biểu với chúng sanh mọi sự thực hành là công bình. Còn đòn cân nằm trên quả đất tất nhiên nó tròn tiêu biểu sự bác ái đối cùng vạn loại, kế trên có ngôi Bắc Đẩu thể hình ở Trời là chủ tể. Thất Tinh phát xuất thất diệu sự phổ chiếu để quan sát chúng sanh mọi việc dữ lành cũng như các vị Thiên Thần Ky Tô Giáo vậy. Ngôi của Trời có Thất Tinh, Ngôi ở người có thất tình nó biến sinh Thiện và Ác nên đạo Trời tượng thể để trước mắt nhơn sanh một cây cân lớn của tạo hóa kể như "*Nhứt toán họa phước lập phân*". Chúng sanh hằng gọi Đức Thượng Đế là đấng Hồng Quân, hai chữ Hồng Quân có nghĩa là "*cân lớn*".

Chớ đấng toàn năng đó chẳng có hình ảnh bao giờ, nếu có là do những sắc dân nhìn vào sự phân tánh của Trời giáng sinh đến với người vì thương đời, được nhơn sanh ái mộ dựng lên một thần tượng để tâm chiêm ngưỡng thành ra tư tưởng bất đồng về quan điểm ý thức hệ, vì đó mà buổi Hạ Nguơn trời mở Đạo kỳ ba dạy thờ Thiên Nhãn là Thần Thiên lương của nhơn loại để qui nhứt tín ngưỡng ở Thượng Đế bác ái và công bình.

Đức Chí Tôn là Đấng nắm giềng Đại La đến lập Đạo kỳ ba lại khiêm xưng cùng chúng ta Người cũng là Cha vừa là Thầy tìm phương dìu độ cả con cái với cơ đại ân xá, phần tượng lý hữu hình ngôi đền thờ Thần Thiên Lương của nhơn loại chánh yếu có 3 Đài, phần Thể pháp có 3 Hội Thánh chịu ảnh hưởng ở mặt huyền linh từ tinh thần đến thể xác, lúc chung qui cũng như lúc sống ở nơi cửa Đạo. Phần quả hoan cô độc được an ủi và nuôi nấng chu đáo tiêu biểu chủ quyền cứu rỗi của Đức Phật Mẫu ở nơi Hội Thánh Phước Thiện, người thế vào Đạo rồi được sự dìu dẫn và chăm sóc dạy dỗ lo lập công chủ quyền độ rỗi của Đức Giáo Tông ở nơi Hội Thánh Cửu Trùng Đài. Nơi Đạo gọi là Chơn Thần để giữ mực cầm cân kềm bước người tu đi đúng chơn truyền đặng thể hiện cái chủ quyền cầu rỗi của Đức Hộ Pháp với phép thông công ở nơi Hội Thánh Hiệp Thiên Đài.Người Đạo khi qui vị Linh hồn được giải quả và độ thăng với cơ siêu rỗi do Bát Quái Đài chủ quyền là Đức Chí Tôn. Trong hàng môn đệ người tu giữ đúng luật lệ sẽ đoạt cơ giải thoát.

8–TAM THÁNH KÝ HÒA ƯỚC

Nên sự biểu tượng Tịnh Tâm Đài chính của chúng sanh lại là nơi Tam Thánh đắc lịnh Đức Chí Tôn lãnh làm Thiên Sứ đến ký bản Đệ Tam Thiên Nhơn Hòa Ước thể hiện tiêu đề 8 chữ trước mắt chúng sanh tức Chí Linh ký với Vạn Linh, *"Thiên Thượng Thiên Hạ Bác Ái Công Bình"* bút lông chim ở giữa tiêu biểu cơ tận độ kỳ ba.

1. Là Nguyễn Bỉnh Khiêm nhà tiên tri ở thời mạc Lê giáng cơ tự xưng Thanh Sơn Đạo sĩ, vị Sư Phó Bạch Vân Động. Với danh Diệu Võ Tiên Ông, Sư Phó có nghĩa Thầy dạy. Còn trưởng về Phật Mẫu chưởng quyền nên Bạch Vân Động chư Thánh niệm danh gắn liền với cửu vị Nữ Phật, đúng như lời giảng của Đức Hộ Pháp : Phật Mẫu ngự nơi nào nơi đó có Chư Thánh Bạch Vân Động.
2. Là Victor Hugo một thi gia trứ danh của nước pháp giáng Cơ tự xưng Nguyệt Tâm Chơn Nhơn.
3. Là Tôn Dật Tiên đại cách mạng gia của Trung Quốc giáng cơ tự xưng Trung Sơn Chơn Nhơn.

2 vị đều là đệ tử Bạch Vân Động. Nhà Cách mạng tay hữu nâng nghiên son biểu tượng bản Tâm của con người phải tùng cổ với nền văn minh tối cổ Á Đông, tay thi gia Pháp quốc cầm bút lông chim thể hiện chí cao bay, một khi rơi rụng cũng còn hữu dụng cho đời, nhà tiên tri Việt Nam cầm bút lông thỏ đủ chứng tỏ tinh thần Nho

tông phục thế. Nghiên son biểu tượng bản Tâm tức là Thần nên có hào quang để làm trung gian 2 vị đại diện Âu Á ký Hoà ước, còn bút lông thỏ chứng tỏ ở sự nhu tức là Khí, bút lông chim thể hiện sự cương ấy là Tinh, giữa nhu và cương tiêu biểu lý âm dương của Thần, bản ký giữa Thượng Đế và Nhơn loại.

Đắc lịnh làm Thiên Sứ là Tam Thánh, còn đường lối cứu cánh là tôn giáo, còn hoài bảo thực hành lại là chúng ta, phần lẫn lộn trong nhơn gian toàn là Chư Thánh Bạch Vân Động, mỗi vị đệ tử là một Sứ bộ Thiên Triều có sứ mạng để điều hành cơ quan chuyển thế và trị thế, dầu cho các động phủ Thần Tiên đến cầm quyền tôn giáo hay lãnh đạo quốc gia phải tùng cơ chuyển pháp của Ngọc Hư Cung đặng tạo thế và cứu thế cho đúng với Thiên cơ mỗi kỳ Hòa ước, nói đến Thiên cơ phải có sức người mới thành Thiên cơ hôm nay Đệ Tam Hòa Ước cũng vậy.

Luận đến Đệ Tam Hòa ước tức thì đã có hai Kỳ Hòa ước rồi, còn Đệ Nhứt Hòa ước khi qua trận Đại Hồng Thủy thì Đức Chúa Trời đã phán cùng ông No E với con trai dâu ngươi rằng, phần ta lập giao ước cùng các ngươi cùng loài vật sống với các ngươi ở trên tàu. Nào loài chim loài súc vật loài thú ở trên mặt đất, vậy ta lập giao ước cùng các ngươi và các loài xác thịt chẳng bao giờ bị nước lụt hủy diệt, và chẳng có nước lụt hủy hoại đất nữa, Đệ Nhứt Hòa ước coi như Chí Linh Ký với Vạn Linh.

Còn Đệ Nhị Hòa ước cũng Đức Chúa Trời lập bản giao ước với ông Moise nơi ngọn núi Sinai, với giáo lý Cao Đài Moise là phẩm Nhơn Thánh đứng đại diện cho tất cả loài người là phẩm tối linh để đại diện cho Vạn Linh, lần đầu tiên Chúa Trời hiện trong khối lửa giữa bụi gai kêu

Moise đến gần, Chúa Trời liền phán bảo ngươi cởi giày ra. Đây là đất Thánh không đặng mang giày.

Moise kể phẩm Giáo sư của Cao Đài nên người cũng chẳng đặng mang giày vào Đền Thánh là nơi thờ Đức Chí Tôn, chứng tỏ đất Thánh nơi Chúa Trời ngự có nhiều chông gai nếu ai đủ đức tin dám hy sinh cùng Chúa Trời mới tròn sứ mạng.

Lời Chúa Trời phán cùng ông Moise rằng ta lập giao ước trước mặt dân sự của ngươi. Ta sẽ làm các phép lạ chưa hề làm trên cả mặt đất hay là nơi nào, mà toàn dân sự trong đó có ngươi xem thấy việc làm của Đức Chúa Trời.

Vì điều ta sẽ làm cùng ngươi là một điều khủng khiếp, nên thời gian sau Chúa Cứu Thế đến để thực hành những gì mà Đức Chúa Trời đã giao ước với Moise về phép lạ, tất cả đều do Thánh Linh nên Chúa Cứu Thế phán. Kẻ hủi được lành, người đui được thấy, kẻ điếc được nghe, người căm được nói, kẻ liệt được đi, người không chồng có mang được tha thứ, kẻ ác nhờ được sự giác ngộ của Chúa Cứu Thế. Nhưng trong khi Chúa đến giữa năm tháng chào đời mà các Hài Đồng sinh cùng lúc phải chịu đổ máu do bạo quyền cũng kể vì Chúa, chừng giờ phút Chúa Cứu Thế đi phải đổ máu để chuộc tội cho loài người, bởi loài người buổi nọ quá tội lỗi và độc ác, nên bửu pháp Thập tự giá chính của kẻ tội lỗi. Nhờ máu Chúa Cứu Thế hóa giải đổi thành vật báu của Thánh Linh. Vì đó mà Nhơn Loại có niềm tin ngưỡng mộ gần hai ngàn năm, ngược lại đêm 24 rạng 25 tháng 12 dương lịch, là ngày các giáo đồ trên thế giới vui mừng chiêm ngưỡng Đấng Thánh Linh, mà máu loài vật phải đổ để làm quà đêm lễ giáng sinh Chúa Cứu Thế. Với tình thương đó, nếu có được sự

gợi nhớ đến máu của các Hài Đồng thì chắc lệ lòng chúng ta sẽ chảy, cũng như máu Chúa đã chảy để tô điểm thêm bản hòa ước cùng Nhơn loại.

Nhưng hiện tại buổi nọ Chúa đã tiên tri rằng, trong 2.000 năm sẽ tận thế. Chúa giáng lâm như kẻ trộm, vậy buổi Tam Kỳ tôn giáo Cao Đài có những phép gì giống Chúa để chứng minh cùng Nhơn loại, Đạo Thánh Ky Tô Giáo có 3 ngôi ở sự lấy dấu ngôi Cha, ngôi Con, ngôi Thánh Thần, Cao Đài Giáo có ba ngôi Phật, Pháp, Tăng với bốn chơn pháp, Tắm Thánh, Giải oan, Hôn phối, Độ thăng, cũng như Chúa có bốn phép Bấp tem, Phép giao, Xưng tội và Cầu hồn, Ky Tô Giáo Chúa có 12 Thánh Tông Đồ, Cao Đài Giáo Đức Hộ Pháp có 12 vị Thời Quân, Ky Tô Giáo kính trọng thần lương tâm tiêu biểu cái duy nhứt của con người bằng quả tim được thể hiện ở trước ngực Chúa Cứu Thế, với Cao Đài Giáo sự biểu tượng thờ thần Lương Tâm là Thiên Nhãn bởi Nhãn thị chủ Tâm. Về Thập Tự Giá của Chúa, với Cao Đài là pháp Tứ Tượng nằm nội tâm ngôi đền thờ Đức Thượng Đế từ Ngũ Lôi Đài đến Cung Đạo là hệ dọc 2 cửa hông ngay cấp Địa Thánh là hệ ngang thành hình pháp Tứ Tượng, nhứt âm nhứt dương dùng làm nơi hành lễ cho Chức sắc và Tín đồ, cũng như ngôi Báo Ân Từ đã thể hiện hình Thập Tự Giá nằm, với hai cây đòn dong gác tréo ló ra hai bên hông với trước là ba đầu để đỡ lầu chuông theo Cao Đài là pháp Tứ Tượng, còn bức bửu ảnh của Đức Hộ Pháp đạo chụp lúc Đức Ngài nhắm đôi mắt đứng giăng tay ban phép lành. Tức thị thực hành pháp Tứ Tượng nhứt âm nhứt dương cũng tượng hình Thập Tự Giá của Chúa Cứu Thế, Đức Ngài úp đôi lòng bàn tay kể như thay mặt hai đấng

tạo đoan bên tả để thể hiện Ngũ Khí của Đức Chí Tôn với bàn tay năm ngón, bên hữu tiêu biểu Ngũ hành của Phật Mẫu, biến thành pháp giới sanh quang để ban hồng phúc cho nhơn loại.

Khởi thỉ Đức Ngài đứng thẳng tượng thể nhứt dương ở lý Thái Cực để tiếp điễn lực Càn Khôn, rồi đưa hai tay tới trước với phép Lưỡng Nghi từ từ mở vòng Vô Cực đã thể hiện bí pháp ban phép lành là thực hành cơ tận độ nên cái choàng của Đức Ngài trở lại màu Tăng đỏ giữa màu pháp xanh sau, còn màu vàng Phật là áo tiểu phục ở trước, còn ngoài việc ban phép lành khi hành lễ cúng tiểu đàn cái choàng màu xanh ở giữa màu đỏ bên sau có thêu ba cổ pháp, còn cúng Đại Đàn mặc đại phục cũng vậy. Chỉ có Đức Ngài cùng Chúa Cứu Thế là người thay mặt Thượng Đế đứng lên ban phép lành với sứ mạng nên hai Ngài được thực hành bí pháp đó mà thôi.

Về pháp Tứ Tượng có nghĩa hình Thập Tự Giá nên sự chiêm ngưỡng ở Cao Đài giáo, khi lấy dấu được thể hiện đưa chí trán Nam mô Phật, đưa bên tả niệm Nam mô Pháp, đưa bên hữu niệm Nam mô Tăng rồi lấy xuống để ngay ngực niệm Nam Mô Cao Đài..., coi như mỗi người chúng ta dựng một pháp Thập Tự Giá từ trán chí ngực tức thị vạn pháp qui tâm.

Rồi chúng ta định tâm nhìn Thiên Nhãn nơi quả Càn Khôn niệm danh Đức Chí Tôn, Tòa Thánh là nơi luyện thần ngưỡng nhìn bao lam Thần Vọng niệm Quan Âm, Đức Lý, Quan Thánh thành một hệ ngang. Tiếp niệm Chư Phật Chư Tiên Chư Thánh Chư Thần với một hệ dọc thể hình Thập Tự tức là Pháp Tứ Tượng, trên hết Đức Chí Tôn là Phật chủ cả Pháp Tăng, với pháp Tứ Tượng

cùng Thập Tự Giá nguyên lý có một.

Về hệ thống dọc Thích Ca là Phật, Đức Lý là Pháp, Chúa Cứu Thế là Tăng, còn hệ thống ngang Nhị Trấn là Phật, Nhứt Trấn là Pháp, Tam Trấn là Tăng, bao lam chính giữa thể hiện cơ qui Nhứt có đủ bốn tôn giáo Phật, Tiên, Thánh, Thần, nhưng Tiên đạo chủ trung Đức Lý ngồi giữa tiêu biểu nguyên lý trung hòa là Pháp, còn điểm ngự của Tam Giáo ở bao lam. Trên 1, dưới 2, thành hình tam giác để đối diện với con người trong khi vào hành lễ để tâm ngưỡng vọng lấy dấu Phật giữa trán trên thì Thích Ca, đưa bên tả của ta niệm pháp lại hữu Thái Thượng, đưa qua bên hữu ta niệm Tăng lại là tả Khổng Thánh, còn bao lam bên tả tượng hình Thất Thánh tức số dương ở bên phần dương thì đương nhiên trong dương phải có âm với bức màn Tam Thanh màu đỏ ở phía nam phái tức là cơ tạo đoan, màu đỏ là luật biến sanh, màu xanh pháp dục tấn, màu vàng cơ an định. Với màu đỏ nên những đấng đó đều do ngũ hành và hoa quả cùng lôi điển biến thân, dầu ở trong thời Phong Thần mà thoát khỏi bảng Phong Thần, nhìn vào sự tượng trưng của cơ Phong Thánh buổi này là Thầy muốn cho chúng ta đoạt Phật vị.

Còn bao lam bên hữu tượng hình Bát Tiên vốn số âm lại ở bên âm, nhưng có bảy lão thuộc phần dương. Chỉ có một nữ tiên. thì cái quyền giải thoát dễ đạt vị như bên nam phái vậy, nhưng bên âm có dương với bức màn màu vàng của phật cho nên Đức Quan Âm cũng ngự bên nữ phái.

Với bức màn màu xanh ở chính giữa, buổi Tam Kỳ Trời khai Thanh Đạo cái lý trung hòa là Pháp chủ trung phải là Tiên Đạo. Nên đại lễ mùng 9 tháng giêng với ba nguơn lớn, rằm tháng giêng, rằm tháng 7, rằm tháng 10,

hoặc cúng Đại Đàn Đại Lễ hay sóc vọng thường, chỉ có 2 Lễ sĩ tíếp lễ mặc áo màu vàng, còn 4 lễ sĩ điện mặc toàn áo xanh. Chỉ riêng về Tam Giáo, Tam Trấn khi cúng đàn thì Lễ sĩ phải mặc theo sắc phái của các đấng đó, Phật lễ điện áo màu vàng, Tiên thì màu xanh, còn Thánh thì màu đỏ, còn tiếp lễ phẩm luôn luôn áo vàng.

Vì sự hành lễ nơi Toà Thánh có xướng Ngọc Đàn, vị này chỉ ra lịnh chấp hô mà thôi. không xướng như Lễ sĩ vậy, nhưng phải phẩm Nhơn Thánh người để thay Trời mới đặng. Bởi cúng đàn hành theo pháp giới tạo đoan. Căn cứ lời thỉnh giáo anh em bạch Thầy hỏi sao Thầy không xây đài Giảng Đạo ở cấp Địa Thánh, Đức Ngài trả lời rằng: *Đất nào có biết nói đâu mà mấy con hỏi Thầy sao không xây ở đó.*

Còn quì nội nghi phải phẩm Thiên Thánh, tức là ông Thánh của Trời, được mang đôi giày đen để tượng trưng đặng phép ra vào ngưỡng cửa Huyền Khung, nếu không phải phẩm đó khó mà dâng tam bửu đến Linh Tiêu Điện nơi Đức Chí Tôn ngự. Đây là nghi lễ cúng đàn tại Toà Thánh mà thôi, trừ khi những vị đó được Hội Thánh nhìn nhận là được.

Nếu nơi Thánh Thất hay Điện Thờ lễ cúng đàn phải có một cặp lễ xướng, còn phần lễ điện một cặp đăng, một cặp đài. Khỏi cặp để tiếp lễ bởi có người làm nhiệm vụ đó. Nhưng cúng đàn Đức Phật Mẫu tại điện thờ hay nơi Báo Ân Từ Lễ sĩ 6 vị mặc đồ vàng lại là lễ nam. Theo lời Đức Hộ Pháp cúng Đức Phật Mẫu phải Lễ Nữ nhưng Bần Đạo thấy không được nên phải Lễ Nam, ngôi thờ Đức Mẹ treo bảng cờ đề bốn chữ nho "*Bát Cảnh Cung Kỳ*". Tức Hạnh huỳnh kỳ của Đức Nguơn Thỉ chính là Phật

Mẫu. Nên giờ hành lễ kể như anh em đã vào lòng Đức Mẹ thiêng liêng của Chơn thần, Ngôi Phật Tánh của Đức Mẹ là Kim Bồn sản xuất chúng ta tức là Phật, tại sao vạn vật mà Đức Phật Mẫu chọn Thanh Loan đang sè cánh bay kể như Đức Mẹ Ngự ngay trên Pháp Tứ Tượng của Ngôi Âm bởi chim loan là mái, Mẹ là ngôi Pháp giới tạo đoan. Còn Loan màu xanh thể hiện cho Pháp giới chúng sanh thuộc chủ quyền Phật Mẫu, Đức Mẹ là ngôi Pháp nên ngự con vật màu xanh cũng như Lão Tử kỵ thanh ngưu vậy.

Phần kết luận về Chim Thanh loan, được biểu tượng Sứ điệp của Cung Diêu Trì chúng ta thấy nó thì quả quyết có Đức phật Mẫu đã đến cùng chúng ta rồi, dầu hôm nay cũng như xưa kia nó đến đậu múa ở nóc đài trước triều đình nhà Hớn. Hớn Võ Đế thấy vậy hỏi Đông Phương Sóc điềm chi vậy, Sóc đáp nó đến để báo tin lành có Đức Tây Vương Mẫu giáng lâm. Rồi nhà vua cùng Hoàng Hậu cho lập Kim Ngân Điện và trai giới 3 ngày đặng thiết lễ để tiếp Người đúng như câu thơ phá thừa của Bát Nương Diêu Trì cho Đức Hộ Pháp như sau:

Dường đợi Thanh Loan đến Hớn đài,
Tửu tiên chưa đủ tỉnh cùng say...,

Về triết lý Cao Đài hiện nay nơi nóc Báo Ân Từ Chim Thanh Loan được thể hình với niềm tin Đức Mẹ Chơn Thần đã đến cùng chúng ta trong đêm Đại Lễ Hội Yến Diêu Trì Cung gọi là Hội Bàn Đào nơi cửa Đạo, còn ở cảnh Thiên cho đó là Quần Tiên Hội. Về mặt thế cho lễ Trung Thu là Tết Nhi Đồng ý nghĩa tiêu biểu cho Chơn Thần như lời Chúa Cứu Thế phán: *Trên nước Thiên Đường của Cha ta toàn là đứa trẻ. Nên tôi có cảm tác năm vần để mừng đêm Đại Lễ Hội Bàn Đào như sau:*

THI

Ánh nguyệt lung linh chiếu Phật Đường,
Thanh Loan Đức Mẹ ngự trung ương.
Bàn Đào lễ dự hầu tam vị,
Hội Yến thài dâng tiếp Cửu Nương.
Thiều ngọc hơi đưa lồng thoại khí,
Cờ vàng gió thoảng quạt trầm hương.
Chơn Thần quấn quít đêm Rằm họp,
Ân điển Diêu Trì tỏa khắp phương.

Đó là một ân huệ thiêng liêng ở Đức Mẹ Chơn Thần của chúng sanh, nên tất cả con cái Mẹ không phân đẳng cấp đều thành tâm ngưỡng vọng trong đêm Đại Lễ Hội Yến Diêu Trì Cung vào Rằm tháng tám mỗi năm thành lệ.

9– CỜ PHƯỚN VÀ CHƠN LÝ ĐẠO

Cờ Phướn của đạo ý nghĩa khác hơn đời. Cả vạn quốc trên thế giới lấy cờ tượng trưng cho hồn nước của một dân tộc, còn tôn giáo Cao Đài dùng Cờ Phướn có ba màu để tiêu biểu chân lý đạo của Tam Giáo: Phật màu vàng, Tiên màu xanh, Thánh màu đỏ, còn ở đạo Trời về minh triết với Phật là tam hồn, với Pháp là Tam thanh, với Tăng là Tam bành, đó là nộ khí của Thái Thượng. Nếu người tu khéo luyện sẽ thành Tam Huê, nên cờ màu Tam Thanh biểu tượng hồn đạo của cơ qui nhứt Tam Giáo Ngũ Chi, còn phướn màu Tam Thanh Đạo dùng vào dịp Đại Đàn Đại Lễ treo ở trước sân Đền Thánh thể hiện Tam Hồn cho ngôi tiếng nổ là Thái Cực, còn treo nơi Báo Ân Từ biểu tượng tam hồn cho ngôi tiếng vang là Vô Cực với Phướn chi Đạo biểu tượng Tam hồn của Thánh Thể, còn Phướn Chi Thế biểu tượng tam hồn của chúng sanh.

Nhưng Thể pháp có hành Bí pháp mới tụ, cũng như bản thân có tu, đạo tâm mới phát khởi, Vạn linh là vật hình, Chí linh là siêu khí cũng đồng nhất nguyên lý Phật Pháp Tăng để vận hành ở Đại Vũ Trụ cũng như Tiểu Vũ Trụ, Đạo ví như ổ khóa, Pháp là cái chìa, nhờ ý nhiệm rèn luyện chơn tánh mới mở hoát được cánh cửa tâm linh thì thần trí ta nhìn sẽ thấy được những gì chưa thấy.

Đối với Vạn linh chúng ta cũng là một vật hình trong khoảng trời đất, tất nhiên cái biết và cái sống có khác chi

giống lãi ở nơi bao tử. Thành thử nó khó diễn đạt được cái chơn tướng của con người, thì con người đừng mong diễn đạt được chơn tướng của Thượng Đế. Nếu chúng ta có biết được phần nào là nhờ Chúa Cứu Thế cùng Đức Hộ Pháp đã thuyết với chúng sanh, bởi hai Đấng đó cùng một khối nguơn linh ở ngôi Thái Cực, tức là phần giác hồn của vì Thiên Đế ngự trị Càn Khôn, nên sự hành lễ cúng Đức Chí Tôn và các Đấng chúng ta phải mặc đồ triều phục có anh lớn em nhỏ, với triết lý đó đủ chứng tỏ Thượng Đế đến lập triều đại thiêng liêng thể hiện cơ hữu hình để cầm quyền trị thế đặng dìu độ chúng sanh trở vào con đường bổn thiện.

Lo làm công quả, vừa lập đức vừa lập vị bằng phương pháp sùng bái Thiên Nhân chủ yếu cơ bản để trị tâm, thì Pháp trấn tâm chi bửu phải là Đạo, Tâm là thể khí Chơn Linh, Tánh là thể khí Chơn Thần, Thân là thể Khí Chơn Mệnh, nên người ta phải tùng tâm tức Chơn Linh vi chủ.

Nhưng Chơn Thần ví như người nài. Bản thân là con kỵ vật, giáo điều là dây cương, giáo lý là cái gương, người tu nhìn vào đó sẽ có con đường giải thoát, nên Cửu Trùng Đài tượng trưng Cửu Phẩm Thần Tiên trong chín cấp Cửu Thiên Khai Hóa là nơi lập vị cho người tu chia ra, chúng ta thấy rõ có Tam Thừa Cửu Phẩm, nhưng mỗi Thừa phẩm Nhơn Thần, Nhơn Thánh, Nhơn Tiên ở giữa Thiên Địa, đúng như câu "*Thiên phúc di tả, Địa tải di hữu. Nhơn tạo trung ương*". Con người cấp chót của ngôi Tam Tài Thiên Địa Nhơn là Pháp định danh. Về thực hành tượng lý cho cơ tận độ nên con người cũng là Pháp trung hòa của Trời Đất được thể hiện ở mỗi Thừa.

Nên buổi Tam Kỳ Phật Mẫu lập Tam Tài với phép

chuyển đọa vi thăng trong Cửu Phẩm Thần Tiên, mỗi thừa đều có ba phẩm Địa, Nhơn, Thiên của cơ lập vị định kiếp hòa căn cho người tu để đạt Đạo, kể như phẩm Nhơn Thần người thay Trời về phần đời của Đạo để bảo tồn cơ sanh hóa cho tận thiện, phẩm Nhơn Thánh, người thay Trời để lời giáo hóa thực hành nghi lễ cho tận mỹ, phẩm Nhơn Tiên người thay Trời để cầm quyền về luật lệ cho đúng Chơn Pháp.

Nếu nói tả hữu hay Tý Sửu cùng thể hiện cho âm dương. Còn Dần là ngôi Pháp giới trong chúng sanh để định danh trời đất và vạn vật do ở con người tức là Thiên Hạ.

Còn Thiên Thượng là Pháp giới tạo đoan khai nguơn lập hội cả Càn Khôn Vạn Vật do quyền Hộ Pháp nắm cơ định vị, nên đạo Trời thể hiện Đức Hộ Pháp tuổi Dần với sứ mạng ngự ngay chữ Khí, Thượng Phẩm tuổi Tý, Thượng Sanh tuổi Sửu nên đứng hai bên căn cứ theo ngôi đền Đạo bên tả,Thế bên hữu.

Còn sự thể hiện cho Cửu Phẩm Thần Tiên từ tín đồ dĩ chí Đại Thiên Phong đến Giáo Tông mới đủ. Nhưng Bàn Trị Sự là Hội Thánh Em, còn Chức sắc là Hội Thánh Anh, hàng Lễ sanh là phẩm trung gian để làm nhịp cầu nối liền giữa Bàn Trị Sự và Hội Thánh, trường hợp cần thiết để giải quyết vấn đề đại sự, Hộ Pháp, Giáo Tông, Đầu Sư hợp lại mới là Hội Thánh Anh, để đối cùng Hội Thánh Em. vị Thông sự áo có sợi dây nịch biểu tượng cho luật lệ, nơi người mang ba Cổ Pháp thể hiện Đạo có ba Hội Thánh quyền vị Hộ Pháp Em. Nếu Hội Thánh Em sai luật người giải quyết không được, sẽ phúc trình về Hội Thánh Cửu Trùng, ví Cửu Trùng để vậy không

xử, thì người được quyền tư tờ về Hiệp Thiên Đài với sứ mạng nắm luật giữ đúng chơn truyền. Vị Phó Trị Sự là Giáo Tông Em áo có một dải mang thẻ bài Tam Thanh người có quyền Chánh trị biết thương yêu giúp đỡ dạy dỗ cho nhau. Vị Chánh Trị Sự là Đầu Sư em, đạo phục một dây nịch, một thẻ bài Tam Thanh, áo ba dãi, trước trán có một cổ pháp thể hiện người có hai quyền Chánh Trị và luật lệ, được phép khai đàn, giáo hóa, xử trị. Chánh Trị Sự áo ba dải dĩ chí đến Phối Sư. Còn Chánh Phối Sư và Đầu Sư áo chín dải, để tượng trưng cho Tam Thừa và Cửu Phẩm từ tín đồ dĩ chí chức sắc Đại Thiên Phong đến Giáo Tông mới đủ Cửu Phẩm Thần Tiên. Nên cổ xe Thượng Thừa có ba cấp Thiên Tiên, Nhơn Tiên, Địa Tiên, cổ xe Trung Thừa có ba cấp Thiên Thánh, Nhơn Thánh, Địa Thánh. Cổ xe Hạ Thừa có ba cấp Thiên Thần, Nhơn Thần, Địa Thần. Như vậy người vừa nhập môn dầu hạng tín đồ, Đức Chí Tôn nhìn là Thần vị, khi qui vị cúng tế tại bàn vong có linh vị tức là Thần vị phải lạy ba quì, còn lạy hai quì là lạy cái xác phàm để rồi tẩn liệm, còn lạy hai quì hai đứng là lạy vong phàm chưa biết đạo, một lạy kỉnh Thiên, một lạy kỉnh Địa, hai lạy kỉnh người ở lý âm dương tương hợp mà ra.

Nên sự tượng thể Cửu Phẩm Thần Tiên tại tam cấp cửa đền có hai cột bông sen, bên nam chín bông, bên nữ cũng chín tiêu biểu mỗi mỗi có Cửu Phẩm liên hoa, Đạo dụng lý tượng cho số gương có ba, lá có năm, với tâm ngưỡng vọng phải biết Tam Giáo Ngũ Chi đã qui về một, còn hai cột bông sen tại ngạch cửa có cân Công bình mỗi bên nam cũng như nữ có bảy bông tượng trưng bảy cái thể của nhơn loại là thất tình nhờ tu hành biến

sanh thất bửu liên hoa, nhưng bên nam có hai cái gương tức con số âm ở bên dương, còn bên nữ có ba cái gương tức là con số dương ở âm. Nhưng cột hoa sen mỗi bên có ba lá thể hiện cho nền đạo của Đức Chí Tôn đến lập pháp có ba Chi, ba Phái. Chi là Đạo-Pháp-Thế, Phái là Thái-Thượng-Ngọc, còn giáp vòng ngôi đền có hai mươi ba khuôn bông sen Thiên Nhãn để tiêu biểu cho bản thể Diệu Pháp Liên Hoa.

Luận về lý âm dương đắc nhứt ở đạo Thánh, Chúa Cứu Thế bị đóng đinh trên Thập Tự Giá quay đầu lên, còn ông Thánh Pierre sau cũng bị đóng lại quay đầu xuống đó là cơ thành đạt ở đạo Thánh. Còn Tông Đồ của Đức Hộ Pháp Giáo Chủ đạo Cao Đài, Ngài Ca Bảo Đạo qui vị liệm liên đài xây Tháp là hệ dọc, còn vị Hồ Bảo Đạo ê kíp hai buộc phải chôn nằm tức hệ ngang. Nhưng quan tài nằm ở sau của gốc đất chánh Tây. Còn bửu tháp đứng trước gốc đất chánh Đông, cả hai hình thành Pháp Tứ Tượng ở lý âm dương đắc nhứt.

Còn lý âm dương tương hiệp ở ngôi đền thờ Đức Chí Tôn Bát Quái có 10 cột rồng vàng, Cửu Trùng có 18 cột rồng xanh, trước Tịnh Tâm Đài có hai cột rồng đỏ, trên Phi Tưởng Đài phần ngoài có hai cột rồng vàng, mỗi mỗi hễ chưn cột có đầu rồng còn đầu cột lại có đuôi rồng cũng ở lý âm dương tương hiệp. Nhưng hai cột rồng đỏ Tịnh Tâm Đài ở bên ngoài đầu cột, mỗi bên có một mặt Nguyệt, còn hai cột rồng vàng trước Phi Tưởng Đài ở đầu cột phía ngoài mỗi bên có một mặt Nhựt; sự thể hiện để tiêu biểu cho bên nam hay bên nữ cũng phải đủ lý âm dương ấy là Đạo. Mỗi cột rồng đều đứng trên tòa sen đặc biệt hai cột rồng đỏ tại tam cấp ở bao lơn có thể hiện một Tòa Tam

Thiết Sơn loại khoáng chất ở biển, tiêu biểu cho Võ môn tam cấp ở sau đuôi cá hóa long, Rồng vật ở cảnh Thiên là dương. Cá loại ở cảnh Địa là âm đang phun nước tức thủy sanh khí để làm cái lý trung hòa cho âm dương được thể hiện trước mắt chúng sanh. Mỗi bên là một khối linh lực của trời đất, nên 5 cấp bước lên Tịnh Tâm Đài cấp dưới hết vòng bán nguyệt là 16 m chia ra hai con số bát của cơ tạo đoan. Lẽ đương nhiên nhìn vào sự thể hiện đối với người tu phải thắng khảo cũng như cảnh ngư long biến hóa tức qua khỏi Võ môn mới đoạt vị.

Luận về quan niệm cá nhân có một phần anh em bảo lạy vong chúng ta phải xả ấn tý để vậy có lỗi cùng Đức Chí Tôn, kể như vô tình tự mình chối bỏ cái nguyên lý tạo đoan về ngôi Tam Tài, khi xá ba gọi là kỉnh Tam Tài. Với tôn giáo Cao Đài ở cấp bậc cũng thể hiện lý Tam Tài, mỗi thừa phẩm nhơn ở giữa để nối liền Cửu Phẩm Thần Tiên trong Cửu Thiên Khai Hóa, sự bắt ấn có nghĩa trấn tâm an định để cầu nguyện mà chúng ta không thực hiện chỉ chấp tay mà chẳng có ấn pháp nào cả.

Nên về sự hành pháp trấn thần hoặc Đoạn Căn hay Độ Thăng phải đốt đủ chín cây nhang. Đức Thầy nói có một cây tắt kể như bị cắt đứt một tầng Thiên thì sự hành pháp khó liên hệ được, chỉ có hành pháp chỉnh sát cúng phẩm phải mười hai cây nhang vẽ chữ Khí, còn trấn thần vẽ chữ bùa Tam Thiên, nếu hành pháp Đoạn Căn hay Độ Thăng thì vẽ ba chữ Phật Pháp Tăng cũng như pháp Hôn Phối vậy.

Nên nhứt cửu là cấp chót của phẩm phàm tục lại là nơi Chức sắc Hiệp Thiên Đài có ba vị "*Tiếp*" của ba chi đứng tại vị hành lễ. Kể như Hiệp Thiên có liên hệ phần

hành trong pháp giới chúng sanh để giúp cơ định vị an bày trật tự, vì đó mà hai phẩm chót của Hạ Thừa lúc qui vị tế điện có sáu Lễ sĩ mặc áo màu xanh sậm thể hiện cho pháp giới chúng sanh trong chư tín đồ, nên từ phẩm Nhơn Thần đổ xuống còn cúng triêu tịch bởi hàng chúng sanh do pháp âm dương chuyển hóa. Lễ điện đi bộ lưỡng nghi xang tứ tượng biến Bát Quái theo phép tạo đoan.

Nhưng phẩm Thiên Thần khi hành lễ điện chỉ dâng tam bửu thài giọng ai khỏi xang Tứ Tượng Bát Quái, lễ đứng bộ chữ đinh đi đá tới cũng như hai phẩm Hạ Thừa kia vậy, lễ điện hàng Thánh mặc áo đỏ thài dâng tam bửu giọng xuân đi y như phẩm Thiên Thần. Lễ là điều mục thể hiện pháp tạo đoan có liên quan cùng pháp giới chúng sanh, Đạo là luật điều hòa. Lễ là pháp trật tự nên khi hành lễ điện, cặp lễ xướng đứng chấp tay để ngay trước ngực thể hiện lý Thái Cực rồi cung vòng tay tiêu biểu cho Vô Cực, rồi mới xướng lên, thì 4 lễ điện xây mặt đứng cung vòng tay thể hiện cái tròn của Trời. Rồi cặp đăng cặp đài 4 chơn ngoài bỏ bộ tới tạo cái thế vuông của đất, quì chỉnh cúng phẩm xong, đứng dậy xây bộ khởi đi là lưỡng nghi rồi xang tứ tượng chuyển bộ thành Bát Quái, tức nhiên lễ là thể hiện cho pháp nên đôi bên tả hữu xây bộ đều dồn vô giữa, coi như âm dương đắc nhứt, tức là đạo có chưởng giải có thu liễm ở cơ tạo đoan. Còn toàn cả chư tín đồ dĩ chí Đại Thiên Phong khi hành lễ xong xây ra xá Pháp, từ bên hữu của cánh tay quay qua tả tức đem Đời về Đạo phép thu liễm chỉ vị Giáo Chủ Đức Ngài là chủ Chi Pháp xây bộ từ cánh tay tả quay qua hữu tức là lấy Đạo chế Đời với cơ chưởng giải. Nên khoa thi Lễ sĩ 20–11 Nhâm Thìn có Đức Hộ Pháp đến ngồi chủ khảo dạy về Lưỡng Nghi,

Tứ Tượng, Bát Quái bởi Lễ sĩ xang tượng trưng ở Pháp. Nên mấy em cần xây một vòng cho tròn. Nếu xây không tròn là xáo trộn nhân sanh, phần tuần sơ Lễ sĩ xây thành hàng chữ nhứt. Chừng qua tuần trung bốn Lễ sĩ xây tròn hình tứ tượng rồi bước một bước dài đứng cho vuông không nên bước hai bước sẽ có hại nhơn sanh, đến tuần chung xang Bát Quái cũng vậy bước thụt một bước xây cho tròn, phần nhận xét của chúng ta lễ xang Bát Quái với thầy chùa là chạy Kim Đàn có nghĩa là Kim Bàn hai chữ Kim Bàn của Phật Mẫu là Bát Quái. Với Đức Chí Tôn là cơ chưởng giải, với Đức Phật Mẫu là pháp thu liễm.

Lễ là sự quan trọng của nền tôn giáo nên Đức Ngài lãnh phần chủ khảo cuộc thi nếu Qua phán mà mấy em làm không đúng cho Bảo Thể lôi mấy em ra không đặng thi. Nhờ Giáo hữu Ngọc Chữ Thanh là người xuất thân ở bộ Lễ. Kỳ thi này có anh dự khóa kể lại, ngày thi là 18, Đức Hộ Pháp đình lại, liền phán với ông Tiếp Lễ Nhạc Quân Võ Văn Chở em đã dạy chúng nó thì em không đặng quyền làm giám khảo để ngày 20 Qua đến ngồi ghế chủ khảo khoa thi Lễ sĩ mới đúng, thành phần tham dự có Khai Đạo Thống Quản Phước Thiện, cùng Đạo Nhơn Trịnh Phong Cương chưởng quản Phước Thiện. Còn Cửu Trùng Đài có ba Ngài Thái, Thượng, Ngọc Chánh Phối sư, Đức Thầy chúng ta nêu ra cái tròn thật tròn, cái vuông thật vuông đó là khuôn luật công bình và bác ái của nền Đại Đạo buổi Tam Kỳ, Đức Ngài chủ về Pháp nên Lễ Nhạc Đồng Nhi qui định mỗi tháng phải tập dượt ba ngày 9, 19, 29, tức ba con số lão dương sẽ sanh âm.

Nên Đức Ngài lịnh cho Hội Thánh các cơ quan nơi trường công quả mỗi tháng được nghỉ ba ngày 10, 20, 30

không nghỉ ngày Chủ Nhựt, chứng tỏ Đức Ngài lấy lý tượng cho số, cũng như Nhứt Cửu đến Cửu Cửu thì tầng thứ 10 có thể hiện vầng thái âm sẽ sanh dương với danh là Cung Đạo, để nối liền giữa Cửu Trùng và Bát Quái tức là cơ biến dịch của Vũ trụ quan cùng nhơn sanh quan. Lẽ đương nhiên Chức sắc Hiệp Thiên là Pháp làm trung gian giữa con người và Thượng Đế cũng như giữa xác thể và Linh hồn. Khi cúng xong Chức sắc Hiệp Thiên vào trong Cung Đạo bái lễ là tầng thứ 10 thể hiện cho Thiên Can còn chư vị Thời Quân tiêu biểu cho Thập Nhị Địa Chi, khi bái lễ Hiệp Thiên là Khí kể như nguyên lý hiệp được cùng Thần mới tạo thành cơ hóa trưởng cho Càn Khôn và vạn vật. Bởi Tòa Thánh Tây ninh về minh triết đạo đã tượng hình con Long Mã có cả lý âm dương của Càn Khôn; nên trong đó trên hết thờ Đức Chí Tôn cùng chư Thần, Thánh, Tiên, Phật, tức Tòa Bạch Ngọc Kinh với hình Long Mã để tiêu biểu cho cái linh thể của thế giới thượng phương và đó là một triết lý huyền nhiệm ở Đạo Trời vậy. Nên Tôn giáo Cao Đài với sự hành lễ tứ thời để cầu nguyện cho nhơn loại sớm chung sống trong cảnh thái bình thạnh trị, Đức Chí Tôn đã hứa kỳ 3 này Thầy đến lập Đạo sẽ tạo cho nhơn loại một nền hòa bình vĩnh cửu. Nhưng bởi kiếp nạn của chúng sanh nào chiến tranh, lớp đao binh bịnh chướng lại còn thiên tai địa ách cứ tiếp diễn thãm trạng kinh hoàng, nhơn loại mãi sống trong cảnh lầm than, cũng là cơ trả nghiệt đền oan để lập lại đời Thượng Nguơn Thánh Đức, nên tôi có đôi vần cảm tưởng như sau:

THI

Thiên tai bịnh chướng lớp đao binh,

Quả nghiệp đền xong mới thái bình.
Cõi đất chuyển lần ngươn Thánh đức,
Ân Trời giảm nhẹ tội nhân sinh.
Tu hiền ấy phép trừ oan nghiệt,
Cãi dữ là cơ diệt khổ hình.
Thưởng phạt làm để thi dục tấn,
Lẻ công Tạo Hóa nắm khuôn linh.

Chúng ta người tu phải có đức tin, đã sinh ra ở cõi đời rồi ai cũng có ít nhiều nhân quả nếu gieo thì phải gặt, với cơ ân xá ai mà nặng nghiệp đã tu còn bị nhồi quả tức lấy khảo để trừ công, ta vui chịu thì mới mong trả được mối nợ tiền khiên, đó là luật công bình thiêng liêng không nên than trách.

10–TRONG NGHI LỄ HOÁN ĐÀN.

Nên khi cúng Đại Đàn hành lễ theo pháp giới tạo đoan. Nam Nữ sắp đàn hai bên hông Đền, chừng vào Nam theo chiều chưởng giải, còn Nữ vào với chiều thu liễm. Theo Pháp Hoán Đàn vị Hộ Đàn Pháp Quân cầm cờ lịnh dẫn đầu, kế là Hữu Phan Quân cầm Phướn Thượng Phẩm đi trước phần dương ấy là Đạo. Kế Hiệp Thiên Đài là Pháp, dẫn thế đạo là Cửu Trùng Đài đi giáp chu kỳ lên đứng tại vị làm lý trung hòa lưỡng cực cho cả Chức sắc, Chức việc và toàn đạo Nam Nữ Cửu Trùng Đài tùy nghi định vị.

Khi đi, Nam vòng qua Nữ. Nữ vòng qua Nam, phần dương bao hàm bọc lấy phần âm, vòng nội tâm của Chức sắc và vòng ngoại nghi của Chức việc đạo hữu cũng thế, Nữ ở trong tức thị âm tùng dương thuộc nguơn Khởi Thỉ, dương dẫn đầu thể hiện cơ tạo dựng trời đất tất nhiên phải có pháp định vị dầu bốn vòng âm dương xen lẫn giữa nam và nữ thể thiên địa hiệp hình thoa, tức là âm dương giao thới pháp luân thường chuyển, nhưng dương chẳng có đuôi còn âm chẳng có đầu cứ hình châu kỳ đun đẩy mãi tạo thành cơ chuyển hóa. Bởi cớ mà phướn của Chi Thế vị Tả Phan quân cầm phải tháp tùng Phướn Chi Đạo là vậy, cũng như Chức sắc nữ phái phải tùng chức sắc nam phái.

Về nhạc lễ được thể hiện nơi đàn nội, Nhạc là gốc của ngôi tiếng nổ ấy là Đạo, Lễ là gốc của ngôi tiếng Vang ấy là Đức, Đức ấy là pháp, Đạo ấy là luật, nhờ 2 ngôi ấy phát xuất nguơn Khí cho Càn Khôn Vũ Trụ.

Do tiếng nổ đầu tiên giữa hư không biến ra khối lửa Thái Cực tạo một sức hút bao trùm cả không gian sanh khí

đong tụ thành nước gọi đó là Chơn âm của Phật Mẫu, tại sao đất cũng âm bởi trong cơ sáng tạo thủy và khí nó là cái nguyên lý dưỡng sinh vạn vật, khi vạn vật hoại trở thành đất như vậy đất cũng là chất của nước, thì bản thân con người hoàn toàn khối vật chất, với triết lý Cao Đài hồn Trời hóa, xác Đất sanh, ở Sáng Thế Ký bên Công Giáo đâu khác chi. Khi ông A Dông được Đức Chúa Trời lấy đất nắn nên hình nhờ hà sinh khí vào mới có sự sống của tam hồn, về cơ tạo dựng Càn Khôn Chúa Trời muốn có khoảng không ở giữa nên phán nước phải cách với nước tức là hư không với chân lý chúng ta nhìn Đức Thượng Đế có một, nên các nền tôn giáo Á Đông cũng cho khí thanh xông lên làm trời, khí trược lắng xuống làm đất đó là triết lý đồng nhất ở đạo trời.

Như vậy đủ chứng tỏ bản thân ta vốn nó của khối sinh vật hẳn là đất, đã thọ một phần bẩm chất của bát hồn rồi. Chưa kể đến sự dinh dưỡng chay lạt từ sơ sanh đến trưởng thành phải có đủ bát hồn ví thiếu một cũng khó bảo tồn sự quân bình cho cơ thể.

Nên ngay giờ hành lễ khi nhạc tấu Huân Thiên chúng ta giữa đàn tiền để tâm an định chính giờ phút trong người chúng ta "*Bát hồn tư mật Ca Huỳnh Lão*" về đạo Tam Kỳ với chân lý nhạc khí hòa lên tiêu biểu bát hồn của vạn vật sống lại đồng thinh rập ràng để cung nghinh Thượng Đế đúng như câu "*Vạn vật đồng thinh niệm Chí Tôn*". Đó là Đạo Trời thể hiện chơn pháp độ tận quần linh, nên sau khi Chung Cổ khởi lên biểu tượng cho ngôi tiếng nổ và ngôi tiếng vang vừa dứt, kể như vạn vật nhờ khối điển lực Càn khôn được sống lại để tiếp Giá Đức Chí Tôn, thì nhạc khởi lên ba hồi chín chập. Khởi một nhồi 3, 3 là con

số Khởi Thỉ 9 là số định vị, với lý biến dịch cộng là 12 vốn con số khai thiên lập địa, nếu tách rời ra là 2 con 6 chính đó là số của đạo pháp.

Với tinh thần minh triết của cơ tạo đoan mà Cao Đài giáo đã thể hiện bằng nhạc lý, cũng như bảy ngày trong Sáng Thế Ký Đức Chúa Trời tạo nên Càn Khôn vạn loại xong rồi nghĩ gọi là ngày sa bát, nên Tôn giáo Cao Đài với chơn pháp cúng Đại Đàn Đại Lễ được thể hiện đờn đủ 7 bài ý nghĩa như sau:

1. Bài xàng xê tượng lý thời hồn hồn ngạc ngạc khí thanh trược chưa phân định còn lẫn lộn ở lý nhạc âm thinh chao đảo,
2. Ngũ đối thượng tiêu biểu chất thanh bay lên làm trời tượng cho Ngũ Khí,
3. Ngũ đối hạ tiêu biểu khí trược lắng xuống làm đất tượng cho ngũ hành,
4. Long đăng khí nóng ấm (ôn) tức là lửa tiêu biểu cho Dương Quang,
5. Long ngâm khí mát lạnh (nhu) tức là nước tiêu biểu cho Âm Quang. Hai bài Long đăng, Long ngâm biểu tượng nguyên lý về nhị khí âm dương của trời đất.
6. Vạn giá, chất nóng lạnh tương hòa làm cho côn trùng thảo mộc sanh sôi nảy nở.
7. Tiểu khúc khi có côn trùng, thảo mộc rồi mới định danh đều do pháp giới chúng sanh, còn cơ định vị vạn vật trong Vũ trụ quan theo nguyên lý tạo đoan quyền ở Hộ Pháp, Lễ dâng Tam Bữu.

Chừng Đảo Ngũ Cung với lý nhạc một nhịp âm,

một nhịp dương như đương long mốt để gom trọn cả ba món báu dâng lên Đức Chí Tôn đó là Tinh Khí Thần. Đại Đàn Đại Lễ vào dịp ba Nguơn và ngày Lễ 9–1 thì nhạc đờn đủ bảy bài. Còn Đại Đàn Tiểu Lễ thì bớt hai bài Long ngâm, Vạn giá. Khi Đại Đàn dầu Tiểu Lễ hay Đại Lễ đều có Chỉnh sát cúng phẩm. Với Đàn thường nhạc đờn trong giờ hành lễ chỉ có 3 bài Hạ-Đăng-Tiểu mà thôi, nên Đàn thường nhạc Tấu Huân Thiên đến Nghệ Hương án tiền chỉ có 106 nhịp (1– là Thái Cực, 2– "*o*" là Vô Cực) 6 là ngôi luật ngôi pháp của 2 đấng tạo đoan Càn Khôn Vũ Trụ. Cúng Đại Đàn đờn hết bài Hạ gọi là đủ thủ. Tiểu đàn bớt hai câu gọi là đoản thủ.

Nên ba bài Hạ-Đăng-Tiểu chỉ còn có 105 với nhịp dứt là 106. Nếu đủ thủ là 108. Đờn có 2 dây, dây nhỏ có 4 âm (cống líu xang xừ) dây lớn có 4 âm (hò xề u cộng) trong đó có phép biến dịch. Xan biến xáng, cộng biến cống, xừ biến xự..., sự thể hiện ở vạn loại là bát âm. Ở trời đất là Bát Quái, dây nhỏ là tứ dương, dây lớn là tứ âm.

Còn tượng thể về nhạc khí nguyên lý của nó là trầm với bổng ở trong khuôn luật (cung thương vốc chỉ vũ) gọi là ngũ âm, còn phụ (Bào thổ cách Mộc Kim Thạch Ty Trúc) cũng gọi là bát âm.

Về Đại Đàn đờn hiến Lễ bài Xàng xê 64 nhịp đến nhịp thứ 36 xướng "*chỉnh sát cúng phẩm*" thể hiện pháp giới Tam Thập Lục Thiên, nếu Đại Lễ đờn bài Vạn giá 48 nhịp đến nhịp thứ 24 xướng Thỉnh Hương. Còn Đại Đàn mà Tiểu Lễ đờn bài Long đăng 40 nhịp đến nhịp thứ 24 xướng "*Thỉnh Hương*". Về pháp ở sự biến dịch tách ra thành ba con số bát với Đức Chí Tôn là chưởng giải, với Phật Mẫu là thu liễm, với vạn loại là chuyển hóa, nhưng

nhịp đôi 24 thành 48 là12, còn 36 nhịp đôi thành 72 cũng 9 tất cả đều là con số biến dịch của đạo pháp.

Hiến Lễ cốt yếu để tỏ sự chiêm ngưỡng. Hoa tượng thể Tinh, Rượu tượng thể Khí,Trà tượng thể Thần, để dâng lên Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu cùng các Đấng trong thời cúng Đại Đàn mới có Lễ điện, đó là đạo Trời thể hiện hai con số biến dịch của cơ tạo đoan Càn Khôn và Vạn Vật, tùy nghi xa hoặc gần. Nếu gần Lễ đi bước chiếc phải 12, còn xa đi bước đôi cũng phải 12 tính ra là 24, nếu bước chiếc mỗi bên 12 là 24, còn bước đôi mỗi bên 24 cộng 48 cũng trở lại 12, đó là nguyên lý con số khai thiên lập địa. Chỉ cúng đàn Phật Mẫu luôn luôn có Lễ điện, bởi nơi đây Sóc Vọng thì cúng Đại đàn tiểu lễ trong năm chỉ có rằm tháng 8 mới hành đại lễ, còn cúng Đại Đàn tại Đền Thánh mới có Lễ điện. Nếu Tiểu Đàn chỉ có 4 Lễ sĩ quì tại Cung Đạo trình Tam Bửu cho vị chứng đàn cầu nguyện đồng nhi thài dứt rồi trao cho cặp tiếp lễ là xong.

Bằng Đại Đàn Lễ điện vào nội nghi có ba Chánh Phối sư quì: Ngọc dâng hoa, Thượng dâng rượu, Thái dâng trà, trước khi dâng cho Đức Chí Tôn hay các đấng phải bước lên ở bên sau Ngai Giáo Tông để trình với Hiệp Thiên Đài rồi mới dâng vào Bát Quái.

Đây luận về Ngũ Chi Đại Đạo. Nhơn Đạo là Chi thứ 5 được thể hình bảy chiếc Ngai ở giữa Chánh Điện để tượng trưng cho Nhơn Đạo cũng là Thiên Đạo. Bởi trước kia Chúa Trời tạo ra loài người là ông A Dông với bà Eva ở vườn Địa Đàng lỡ ăn nhằm trái cấm bị phạm giới nên Chúa Trời tác hợp cho nhau dạy ăn đời ở kiếp với nhau. Chúa Trời bèn phán đuổi ra khỏi vườn Địa Đàng tức rơi vào trầm luân khổ hải để tạo khối nhơn loại trên mặt địa

cầu. Ngày nay, chúng ta nên nhận thức rõ để chứng tỏ rằng chính Đức Chí Tôn là Giáo Chủ Nhân Đạo đầu tiên tạo ra loài người. Rồi loài người nhờ tu mới đắc thành Thần, Thánh, Tiên, Phật. Như vậy Phật do người, Người do Trời, Trời do đạo, Đạo do Hạo nhiên khí. Hạo nhiên khí là lý sơ nguyên của Nguơn vô thỉ. Nay là buổi Hạ Nguơn, nền phong hóa của nhân loại rất suy tồi, Đức Chí Tôn đến khai đạo kỳ 3 với danh Thiên Đạo để phục hồi cho Cơ Nhơn Đạo. Buổi Nhị Kỳ nhờ Đức Khổng Thánh thừa lệnh Chí Tôn mở Nho Giáo tạo ra khuôn luật nhơn luân để chấn chỉnh đạo Người tức là đạo Trời.

Nên kỳ ba Trời mở đạo Cao Đài là một triết lý duy nhân, Không phải duy thiên duy địa mà bỏ nhân, cũng như ở Trung ương Đền Thánh là nhà của Ông Cha, còn Báo Ân Từ là nhà của Bà Mẹ, còn ở địa phương Thánh Thất là nhà của Ông Cha, Điện Thờ là nhà của Bà Mẹ, với gia đình chúng mình thần tỉnh mộ khang, cha mẹ xác thịt, với tôn giáo nhứt triêu nhứt tịch cha mẹ thiêng liêng, nên nhân đạo lồng trong Thiên Đạo vì đó đạo trời có nghĩa là đạo người vậy.

Bởi lý do đó bảy chiếc Ngai được thể hiện trước nghi thờ Đức Chí Tôn dầu Cửu Phẩm Thần Tiên trước khi nghiêng mình bái lễ cũng phải để tâm quan trọng ở đạo Người lo cơ phổ độ cho vẹn phận. Đối với nhơn sanh phẩm Giáo Tông là Anh Cả để tượng trưng cho Giáo Chủ Nhơn Đạo vì người thay mặt cho Thượng Đế nắm cơ chuyển thế kể như Chơn thần của xác thể Đại Từ Phụ tức là Hội Thánh.

Chẳng khác nào Cơ Khởi thìphần tượng lý Đức Chí Tôn đã biến ba nguơn khí đó là Thái Thượng, Nguơn Thỉ,

Hộ Pháp, cũng như Hội Thánh Đại Đạo hôm nay có ba phái Thái-Thượng-Ngọc với ý nghĩa Tam Thanh của Lão Quân. Thái Thanh là Thần, Thượng Thanh là Khí, Ngọc Thanh là Tinh, ba sắc phái thể hình Tam Giáo Qui Nhứt, nên ba Chưởng Pháp tức là ba nguơn khí của Thánh Thể Đại Từ Phụ, ba Đầu Sư thể hiện cho ba nguơn Tinh.

Đây là phần quan trọng tượng thể hửu hình làm cơ Qui Nhứt tức nhiên Thần phải có một, nhưng một mà ba trong ba mà có một, tả Ngọc Chưởng Pháp bộ Xuân Thu, hữu Thái Chưởng Pháp bình Bát Vu, giữa Thượng Chưởng Pháp cây Phất Chủ, cả ba hiệp một mới đủ quyền về luật lệ, nhưng Chi Nhơn Đạo lại là cấp Thượng Thừa với bảy Chiếc Ngai phẩm Thiên nguơn thần, phẩm Nhơn nguơn khí, phẩm Địa nguơn tinh, thể theo mỗi thừa là vậy, bởi phẩm nhơn tức nguơn khí để làm cái lý trung hòa giữa thiên và địa.

Nhưng Thượng Chưởng Pháp lại mặc áo trắng với yếu lý được thể hiện cái phần chủ trung tiêu biểu Chơn Pháp Bạch Vương Đại Hội của Di Lạc trong buổi tam kỳ. Nên thiên phục Anh Cả Giáo Tông toàn là hàng trắng với vị Thượng Chưởng Pháp lại mặc bạch y bởi nguơn khí ở lý trung hòa phải là màu đạo, nên Thượng Chưởng Pháp có quyền giải quyết mọi việc khi Giáo Tông vắng mặt hoặc kế vị người nên được tượng thể với bộ thiên phục trắng,

Ngôi Đền Thánh, Hiệp Thiên Đài là phần đầu nên Đức Di Lạc ngự nơi nóc Tòa Thông Thiên Đài là nê hoàn cung vốn cửa xuất nhập của Chơn thần, với thánh thể Đại Từ Phụ, Giáo Tông là Chơn thần. Mỗi lần muốn đến đó thông công cùng Tam Thập Lục Thiên, Tam Thiên Thế Giới, Lục Thập Thất Địa Cầu và Thập Điện Diêm Cung

phải nhờ Hộ Pháp, nhưng Đức Di Lạc đã mặc áo giáp đội mão của Hộ Pháp, ngoài choàng cà sa mình cỡi cọp, để chứng tỏ Di Lạc đã đến năm Bính Dần, cũng là năm Đức Hộ Pháp thọ Thiên ân nơi Đức Chí Tôn tại Thiền Lâm Tự Gò Kén, chỉ có cọp Đức Di Lạc ngự mặt vuông tương tự mặt người bởi chữ (Nhơn sanh ư Dần).

Hiệp Thiên là Chơn thần, Cửu Trùng là phần thể xác, Bát Quái kể là Linh hồn; muốn bảo tồn xác thể phải huyết mạch, nên Hiệp Thiên Đài biến tướng ra Phước Thiện tức Khí sanh Huyết, nhưng Phước Thiện là hiện thân của Đức Phật Mẫu, từ phẩm Minh Đức đến Chơn Nhơn làm huyết mạch cho xác thể của Thầy mới đủ phương giáo hóa để phô bày cơ tận độ, còn từù phẩm Hiền Nhơn đổ lên phải trở qua Hiệp Thiên Đài với Chơn Pháp Qui Thần, giữa xác thể và huyết mạch mỗi mỗi không tách rời thì thánh thể đạo trời mới kiện toàn năng lực.

Thảng như ai làm cho huyết tiết ra thành máu dầu cố ý hay vô tình đó là xác thể của Chí Linh coi như đắc tội cùng Vạn Linh, Hiệp Thiên là khí biến hình thành ba nhưng mà về nguyên lý có một, Phước Thiện cũng là Phạm Môn với Bảo Thể và Nhạc Lễ thuộc Hiệp Thiên Đài. Nên cơ quan Bảo Thể mặc trường y sáu nút như của Hiệp Thiên Đài vậy, khi hành sự mang thẻ bài Tam Thanh và cầm bảng lệnh Tam Thanh, còn vị Chánh Bảo Thể được quyền mang dây Sắc Lịnh do Hiệp Thiên Đài ban cho để giữ gìn trật tự những phiên đại hội, nhưng Bảo Thể kể là người của Cửu Trùng mà tùng lịnh Bộ Pháp Chánh, chẳng khác nào vị Chủ Ban Lễ sĩ là người của Hiệp Thiên mà tùng quyền Ngọc Chánh Phối sư nên mặc trường y 9 nút, mão thêu ba cổ pháp Cửu Trùng Đài nằm giữa thẻ bài

Tam Thanh, còn Nhạc sĩ đổ lên mặc trường y 6 nút để thể hiện cho ngôi luật điều hòa, phù hiệu nơi mão đờn Tỳ Bà coi như đờn Tổ của cổ nhạc được thêu giữa thẻ bài Tam Thanh nơi mão, chỉ riêng Đầu Phòng Khoa mục trường y 7 nút để tượng trưng đệ thất khiếu mà chư vị Đầu Phòng phải khai thông đặng giúp Cửu Viện và Châu Tộc mọi văn kiện trong cơ truyền giáo. Mão của Đầu Phòng phù hiệu một dây Thần Thông màu vàng buộc hai ngòi bút lông cán nằm trái trả giữa khung xanh, với ý nghĩa của chơn pháp hễ viết "*âm điểm địa dương khoán thiên*".

Chức sắc Cửu Trùng trường y 9 nút tiêu biểu ở Cửu Thiên Khai Hóa.

Trong buổi Tam Kỳ với cơ tận độ đạo Cao Đài thực thi cái triết lý "*Thiên Địa vạn vật đồng nhất thể*", cái đạo đức là âm dương, còn ở con người là tánh mệnh. Nếu chúng ta biết thuận mệnh là tu ở cái đức, suất tánh là tu ở cái đạo, đạo đức tức thị "*Tánh mạng song tu*". Nhờ phép âm dương của trời đất mà biến xuất vạn vật, thì cái nguyên lý đồng nhất tiểu thể Vũ trụ ở trong con người là đạo đức, thảng có phần tử nào chối bỏ đạo đức tức là chối bỏ tánh mệnh của mình.

11– TRIẾT LUẬN ĐẠO VÀ ĐỨC

Ở Trời đất cái đạo là sanh hóa, cái đức là dưỡng dục. Còn ở con người cái Đạo là gạn đục lóng trong, Đức là gieo trồng âm chất. Ở loài vật cái Đạo là trật tự, Đức là thân yêu nó chẳng biết thân yêu sẽ mất Đức. Không trật tự sẽ mất Đạo. Riêng chúng ta tu thân là Đức, thức tánh là Đạo nhờ đạo đức mà con người tạo thành một năng lực trụ nơi bản tâm là nhân, chính đó là ba món báu của khách trần để làm Tiên Phật.

Với trời đất cái đạo là cái cơ sáng tạo, Đức là pháp duy trì những gì đã sáng tạo, có sáng tạo có duy trì thì càn khôn mới an tịnh, thế giới mới trường cửu, Đạo chính là ngôi tự hữu, Đức tức là ngôi hằng hữu.

Đạo đức tức thị lễ nhạc của trời đất. Nhạc là cơ điều hòa Càn Khôn, Lễ là pháp trật tự của Vũ Trụ, còn ở chúng ta việc làm biểu tượng cho lễ, lời nói thể hiện cho nhạc, nếu việc làm tráo chác là thất đạo, còn lời nói thô bạo thì tổn đức, cái đạo đức tức là lễ nhạc ở bản thân con người, vì đạo có trước trời đất. Khi có trời đất rồi mới có chúng sanh, trong đó con người lại tối linh hơn vạn vật nên được đứng vào bậc Tam Tài, thì bản thân của loài người cũng là một Tiểu Thiên Địa.

Nên ngôi Thái Cực ở đấng Chí linh để điều khiển các tinh cầu trong vũ tru. Về sự sống kết tụ trong người chúng ta, tim cũng là một thái cực, một bốp một mở mới đủ năng lực vận hành những hạt nguyên tử trong hệ thống

huyết cầu mãi tuần tự châu lưu quanh tế bào. Nhờ khí sanh quang đưa vào theo nhịp đóng mở của cơ thể để nuôi bản thân của chúng ta, kể là một tiểu Vũ trụ. Ngũ tạng tượng thể cho ngũ hành, phần luyện đạo dưới rún là đơn điền biểu tượng cho nước của khảm trung mãn để tưới vườn cây âm chất, nơi Ly trung hư của tâm đó là lửa, thiếu phép ký tế khó cứu chữa được cái bệnh ở người tu luyện:

1. là vọng hỏa hầu làm cho thần trí mê loạn,
2. là tẩu lậu khiến nên cơ thể suy tồi,
3. là ngồi hớp gió khuya dòm rún thiếu phép vận dụng cho nguơn khí lưu hành nên tích tụ thành cổ trướng.

Với bản thân chúng ta là hệ thống dọc trên đỉnh đầu có xoái biểu tượng cho lý thái cực ở trong con người. Về thực thể nó là quả tim, về siêu thể nó là linh khí, cũng như óc chúng ta là thể chất khéo luyện thành ngọc xá lợi. Tức thị "*Đắc A Nậu đa la*" chính nê hoàn cung trở thành là ao ngọc. Có nghĩa đắc chơn như trụ phật tánh, nên phát xuất ba ánh diệu quang gọi đó là ngôi Tam Tài hằng ngày ta lấy dấu Phật-Pháp-Tăng với cơ năng ấy là Tam Diệu, về Lão là Tinh-Khí-Thần hiệp nhứt ở phép Tam huê tụ đỉnh ngũ khí triều nguyên.

Còn Tam Bồ Đề tức thị ba cái tâm không, 1) là Tâm quá khứ không chấp niệm, 2) là Tâm vị lai không vọng tưởng, 3) là Tâm hiện tại không mắc vướng mới là Bồ Đề tâm, do cơ an định giữ được ba cái không tức thị người tu đắc Tam Bồ Đề trở về Tâm Không.

Người tu mà luyện được cái tâm không nhờ công phu mới phục hồi phật tánh. Khi tịch diệt hỏa thiêu khí

chất đó trong tro tàn sẽ hoàn nhiều hạt xá lợi tử. Diệu có nghĩa là Huệ. Bồ Đề có nghĩa là Định, Huệ trước Định ở pháp giáng linh hoặc khải thị để định chân lý, còn Định trước Huệ là do sự tỏ ngộ mới am tường chân lý tạo đoan ở trong con người.

Trời đất là một đại thể để chuyển vận Vũ trụ theo sự biến dịch của cơ tuần hoàn, thì pháp giới chúng sanh phải do máy hành tàng ở Thượng Đế mà vận hành, nếu kẻ thế để tâm vào đó sẽ có khuôn luật vi chủ của cơ tạo đoan.

Nên phần nhơn sanh quan ở con người chúng ta đôi bàn chơn úp xuống lúc đi lật lại sau. Còn hai bàn tay ngửa ra đưa tới trước, khởi thì tay hữu nắm phần đầu tay tả giữ phần đuôi coi như vi chủ lấy lái, còn bước chơn hữu khi dừng chơn tả giữ phầàn vi chủ đó là định luật trong pháp giới chúng sanh, lúc đi tay đánh tới đánh lui chậm hay nhanh chơn cũng theo nhịp độ mà vận hành ở tư thế âm dương của trời đất.

Đối với Tôn giáo Cao Đài ở sự bái lễ cũng thể hiện âm trước dương phần tượng lý của nguơn vô thỉ. Hễ quì thì âm xuống, đứng thì dương lên, để biểu tượng lý tạo đoan của cơ định vị "*thanh phù trược giáng*", âm chơn hữu dương chơn tả ở thế vi chủ, đi hay quì trước khi chơn tả nhích hơi rồi lấy lại chơn hữu mới khởi trời đất cũng như ở con người.

Riêng về tôn giáo Cao Đài hai bên nam nữ xá nhau vào bái lễ luôn luôn giữ sự tôn kính chơn phải mé Chánh Điện bước vô trước, cốt yếu để che bớt cái bộ nơi bản thân. Tức thị Nam khởi âm chơn hữu, Nữ khởi dương chơn tả, thể hiện cơ đắc nhứt ở lý đạo, mà tôn giáo Cao Đài đã thể hiện một phần về triết lý nhơn sanh quan ở trong cơ tạo

đoan, hễ sinh thì đi từ ngôi dương đến ngôi âm, còn tử thì đi từ ngôi âm trở về ngôi dương lẽ đương nhiên mọi người ai cũng thấy, hễ con người sanh ra đến tuổi trưởng thành có ba giai đoạn 1) là Tắm Thánh 2) là Giải Oan, 3) là Nhập Môn phải đến ngôi thờ Đức Chí Tôn, còn giữa nam nữ với cơ tạo đoan thọ pháp Hôn Phối nơi đây rồi đến bái lễ Đức Phật Mẫu nguyện để bảo tồn cơ sanh hóa.

Chừng xong kiếp người đoạt cơ giải thoát rồi trước phải ghé bái lễ Phật Mẫu xong mới đến ngôi thờ Đức Chí Tôn đó là đi từ ngôi âm để trở về ngôi dương. Nên việc Hôn Phối là đầu mối của đạo nhơn luân nên chúng ta phải tượng trưng ít nhiều về phần lễ nghĩa. Theo truyền thống đối với tổ tiên ở nhân cách của con người thì phải giữ đúng cái đạo người với nhơn phẩm và đạo lý dầu có giản dị đừng cho mất cái giá trị ở đạo người.

Chớ cầm thú nó cũng có đôi bạn. Còn chúng ta là hạng tam tài vốn phần tối linh sánh cùng trời đất, nên cuộc hôn nhơn phải có bái lễ đặng thể hiện chỗ "*mộc bổn thủy nguyên*" cho đôi tân hôn biết sùng kính tổ tiên mới hiểu được cái chủ quyền sinh dưỡng của cha mẹ là ơn tạo hóa.

Với triết lý Cao Đài ý nghĩa trong bài kinh Hôn Phối Đức Chí Tôn đã định phận cặp vợ chồng là giềng mối của Càn Khôn, đeÅ thay trời tạo thế hầu lo truyến kế nền mốùng đạo nhơn luân, vì đó mà nòi giống Rồng Tiên còn giữ nguyên lý con số 6 của cơ tạo đoan do đạo pháp khởi thỉ càn khôn.

Do đó mà cuộc hôn nhơn của con người Việt Nam dầu có giản dị về lục lễ, nhưng tập tục vẫn thể hiện 6 miếng trầu để làm đầu câu chuyện "*tạo đoan hồ phu phụ*".

Nên tôn chỉ Cao Đài có 2 nhiệm vụ mà khó làm 1) là độ sanh, 2) là độ tư,û đó là cái tứ khổ của đời. Kỳ Ba Đức Hộ Pháp là người thay Trời đến lập đạo hầu tạo cho nhơn loại cái hạnh phúc thiêng liêng, nhưng trước tiên để tạo cái hạnh phúc hữu hình phải hữu nhân hữu đức mới làm đặng.

Hễ sanh thì có nhà Bảo sanh, Lão thì có nhà Dưỡng lão, Bệnh thì có Bệnh viện, Tử có trại Hòm cấp tế, nơi hành lễ siêu độ có Khách Đình, chừng đưa linh có thuyền Bác Nhã, với trẻ sơ sinh côi cút có Cô Nhi Viện, còn hạng người tật nguyền hoan quả có sở Cấp cô.

Đó là luật thương yêu Đức Chí Tôn đã buộc chúng ta phải vẹn phận chỗ tình người trong kiếp nhơn sanh, cổi thân ra mảnh áo tơi để thực hành cơ cứu khổ, chừng xong kiếp người đã đoạt cơ giải thoát. Với phẩm hạ thừa làm tròn sứ mạng, khi hành lễ Chơn thần được hưởng pháp Đoạn Căn để cắt dây oan nghiệt dầu ở tư gia hay khách đình cũng vậy, với phẩm Lễ sanh để hành lễ tại Khách Đình, được Chèo hầu.

Còn cấp Trung Thừa lúc chung qui tùy nghi để tại tư thất hay khách đình tẩn liệm xong phải di quan vào nơi Báo Ân Từ hành lễ Cáo Từ Tổ rồi thành phục. Phần cúng tế có Kinh Thế đạo và cầu siêu xong tối lại chèo thuyền. Sáng ngày di quan tài lên thuyền có chèo đưa, tới Đền Thánh nam bên tả nữ thì bên hữu phải di quan tài đưa lên cấp Ngũ Cửu để tại Tịch Địa Đài. Chức sắc Hiệp Thiên Đài hành pháp Độ Thăng và cầu siêu xong đến lễ tuyên dương công nghiệp.

Với hai cửa khoảng giữa Cửu Trùng Đài đặc biệt để đưa xác chư Thánh nam nữ làm tròn sứ mạng đã đoạt cơ

giải thoát đó là giờ phút Chơn thần được nhập Bát Quái Đài, nhưng cửa bên hữu 8 cấp vốn số âm mà nữ phái cũng âm bởi phái nữ là người thay thân Đức Mẹ Chơn Thần để tạo hình hài cho bát phẩm chơn hồn trong chúng sanh. Còn cửa bên tả dương có bảy cấp cũng số dương đó là những tia thất diệu của ngôi Bắc Đẩu tượng hình bằng số. Khi xác chư Thánh đưa lên ngang coi như thất tình dễ bị hủy diệt để hưởng phép siêu thăng.

Thấy đó đủ chứng tỏ lưỡng biên là âm dương, chính giữa Đàn Hành pháp là Đạo, trên là Nghinh Phong Đài, dưới là Tịch Địa Đài, trước là nam nữ Giảng đài thể hiện lý Tam Tài Thiên-Địa-Nhơn, nên Tịch Địa Đài nằm ngay cấp Địa Thánh lại là cấp Ngũ Cửu vốn con số trung cung.

Nên Khai cửu và Hành pháp với tụng Di Lạc cũng nơi đây, Thiên là Nghinh Phong Đài nơi tiếp giá những gì Trời ban xuống cho Chúng sanh, nên hành lễ cúng Đại Đàn đồng nhi và nhạc khởi nơi đây. Còn đàn thường cũng có vị Ngọc Đàn, nhưng Chức sắc Hiệp Thiên Đài khỏi chỉnh sát cúng

phẩm và Thỉnh Hương không có sáu Lễ sĩ cầm lồng đèn với vị Giáo sư mang trấp tam bửu. Đồng Nhi và nhạc khởi tại Phi Tưởng Đài, Nhơn là Giảng Đài chỗ người thay Trời để lời thuyết pháp và ban Sắc Lịnh tấn phong hoặc tuyên dương công nghiệp cho người làm tròn sứ mạng.

Luận về tứ thời Hành Lễ ý nghĩa bài kệ chung nhứt, nghe chuông ngưỡng vọng khối đại Linh quang của trời đất để vận hành pháp giới tâm linh đưa cả chúng sinh lên bờ giác. Với cá nhân ta nê hoàn cung là chỗ kết tụ nguơn thần chính đó là bờ giác, còn chúng sanh là các tế bào trong cơ thể, chót hết là câu chú bố pháp trấn đàn "*Án dà*

ra đế" với bốn chữ "*dạ ta bà ha*", ta bà là cõi Hạ Phương thế giới để đày các chơn linh đến trường luyện cảnh đặng lập công tức là thọ khổ, "*Ha*" là Ma Ha thủy ám chỉ đạo để gội rửa kiếp trần ai cho khách tục, có nghĩa người tu phải kham nhẫn.

Chừng sắp nhập đàn với cơ ân xá trời mở Tam Kỳ, chuông nhì khởi kệ ý nghĩa như sau: Dầu một vật tế vi ở nơi tăm tối đều nghe luật lịnh truyền thông, trong nhứt thuyết chúng sanh hướng niệm sẽ thành phật, khi mãn lễ bãi đàn kể như tận thâu pháp giới Hư Linh và pháp giới chúng sinh trong giờ hành lễ xong tất cả đều tuần tự trở về nơi an ngự.

12– LỄ ĐẠI ĐÀN VÀ CHƠN PHÁP ĐẠO

Quí vị Hiệp Thiên Đài mặc Đại phục cũng sắp hàng bên ngoài như Chức sắc Hội Thánh Cửu Trùng và Phước Thiện. Chừng thấy vị đội Nhựt Nguyệt Mạo màu vàng mặc áo vàng cầm cờ lịnh, cũng màu vàng, buộc dây sắc lịnh thả mối ngay giữa ra thỉnh thánh Thể Đức Chí Tôn nhập đàn. Đó là vị Hộ Đàn Pháp quân dẫn đầu hết để Hoán Đàn. Xong đâu đó tại vị, liền phất cờ lịnh thì vị Ngọc Đàn khởi xướng theo nghi thức, mỗi mỗi đều tuân lịnh, thì giảng đài bên nữ có vị Tiếp Lễ Nhạc Quân hoặc Nhạc sư cầm bông sen trắng, nếu phẩm kế thì cầm bông sen đỏ. Để tâm quan sát nghi tiết hành lễ diêu động hoa sen cho vị Ngọc Đàn nhìn đó mà chấp hô, vị Nhạc sư tùy lúc mà nhóa đèn làm hiệu cho nhạc công trên Nghinh Phong Đài đặng tiết tấu.

Hành lễ cúng Đại Đàn quan trọng nhứt có 3 vị: Nhạc sư chủ về Nhạc đàn, Ngọc đàn chủ về Lễ đàn, Hộ đàn chủ về Pháp đàn. Nhạc là điều hòa, lễ là tôn nghiêm, pháp là trật tự, lúc nhạc tấu Huân Thiên nơi đàn tiền cả thiên phong, tín hữu đứng yên. Nhạc phát xuất âm thinh, Lễ bảo trì linh lực. Khi nghe Ngọc Đàn hô "*Chỉnh sát cúng phẩm*" liền có vị Chức sắc Hiệp Thiên thừa lịnh lên Phi Tưởng Đài hành pháp. Xong thì thấy 6 Lễ Sĩ cầm lồng đèn tuần tự 2 bên thang lầu đi xuống với vị Giáo sư phái Ngọc mang trấp tam bữu nối bước theo sau. Đến Ngay đài ngự của Đức Hộ Pháp hiệp lại làm một thành ra 3 cặp vàng trước, xanh giữa, đỏ sau theo sắc phái, lồng

đèn vàng chữ Thái với bình Bát Vu, lồng đèn xanh chữ Thượng cây Phất chũ, lồng đèn đỏ chữ Ngọc Bộ Xuân Thu. Ba sắc thái thể hiện Tinh-Khí-Thần cho nam và nữ, Thái là thần, Thượng là khí, Ngọc là tinh nhưng trước mắt Đức Chí Tôn nhìn có một, còn 3 ngọn đèn trong 3 chiếc lồng đèn của 3 phái tiêu biểu cho 3 nguơn Thần của ba ngôi Phật-Pháp-Tăng của Đức Chí Tôn cùng Đức Phật Mẫu. Lễ sĩ cầm lồng đèn đi đến cấp Phối sư là ngoại nghi, chia 2 mỗi bên 3 vị đứng hầu đối diện theo sắc phái, Thái trước, Thượng giữa, Ngọc sau. Trấp tam bửu ở bên tả, đến lượt Ngọc Đàn xướng thì một Chức sắc khi nãy vào Cung Đạo thỉnh hương ra ngoại nghi xong trở lại tại vị, Lễ điện hương vào Chánh Điện, phái chủ trung tiếp Thượng Hương kế thỉnh Thánh rồi đồng nhi khởi đọc bài Niệm Hương Chú.

Tất cả thần trí mọi người kết tụ thành khối tín ngưỡng phóng luồng tư tưởng theo khói nhang thỉnh các đấng hạ giáng chứng đàn ban ân điển cho thần tinh tấn, tâm thanh tịnh, khí điều hòa, ngôi thờ Đức Chí Tôn tượng hình một đại thể Vũ Trụ, còn ở con người là một tiểu thể cũng biểu hiện cho đạo pháp. Tòa ngự của Đức Chí Tôn là Linh Tiêu Điện, tầng Trời thứ 12 mà bài Niệm Hương tại sao chúng ta đọc tụng chỉ cầu ở câu "*Chín tầng Trời đất thông truyền chứng tri*". Bởi Cung Tạo Hóa của Đấng Thiên Hậu ngự tầng Trời thứ chín, về lý ở kinh cũng như lời của Đức Hộ Pháp đã phán: Mấy em mấy con muốn cầu xin điều gì thì xin với Đức Phật Mẫu là Đấng Đại Bi Đại Aùi có đủ quyền ban ân bố phước cho chúng sanh, còn Ngọc Hư Cung là Thiên Điều chỉ cầm cơ thưởng phạt với phép công bằng thiêng liêng. Nhưng

trong các Đấng đó thừa lịnh nơi Đức Chí Tôn ở hệ Phật Mẫu nên ngự tầng thứ tám là Phi Tưởng Thiên để cầm quyền Tạo Đoan Càn Khôn Vũ Trụ loài người.

Nên sự hiến lễ với câu kinh "*Mùi hương lư ngọc bay xa...*" thực tại do khói bốc lên tượng ngũ khí trong người triều nguyên nơi cung nê hoàn là phần tiên thiên lập đảnh, với ngũ khí phát xuất do sự kỉnh thành, còn ngũ hành tượng thể 5 cây nhang, ở con người là tâm can tỳ phế thận, để tiêu biểu cho Hậu Thiên an lư nơi đan điền mới là Lư Ngọc.

Người tu với phép dọn mình cho đấng chơn linh nhập thể mượn con kỵ vật này kể như "*Hạc nãi tiên xa*" đặng làm phương độ rồi chúng sanh "*Xin Thần Thánh ruổi dong cõi hạc, xuống phàm trần vội gác xe tiên*" ý nghĩa là vậy bởi hai hạng đó dễ gần gủi với nhơn sanh, nên ta phải biết hiến mình cho các đấng làm xe, làm bè trong cơ tận độ.

Tiếp "*Khai Kinh Chú*" ù, ý nghĩa không lạy ở bài Khai Kinh nhưng phải trụ tinh-khí-thần để thỉnh pháp tam giáo dạy bảo, để vận hành tam qui thường bộ ở trong người. Phật là Linh hồn, Tiên là Chơn thần, Thánh là bản thân, thì mọi lẽ sống ta phải hành động theo Đức Thánh, với tâm tín ngưỡng gom mọi tư tưởng trong sạch vào bổn thiện theo lẽ từ bi của Đức Phật. Miệng vừa đọc kinh, tâm linh chờ xưng tụng mới lạy. Hiện tại nhìn Thiên Nhãn tác dụng để trụ pháp tánh đó là phương cứu cánh với phép tu chơn của Tiên Đạo, với Phật không dục vọng không phiền não, với Lão không danh lợi không thị phi, với Nho không thái hóa không bất cập, để triệu tập cả ý chí đặng phát huy chơn lý, chỗ thường hằng với Nho là trung dung, chỗ thường tại với Thích là trung đạo, chỗ

thường chuyển với Lão là trung hòa.

Kể như giờ phút tâm chúng ta phải an định đặng khởi tụng Ngọc Hoàng Kinh cho cả chư Thần Thánh Tiên Phật cùng vạn loại chiêm ngưỡng đức háo sinh của Trời là ngôi Chủ Tể Vũ Trụ, kế 3 bài Tam Giáo Tâm Kinh để chúng ta xiển dương oai linh của Tam giáo đó là 3 ngôi báu ở trong con người, Phật là Thần, Tiên là Khí, Thánh là Tinh, tam bữu tượng trưng tinh khí thần, ta thành tâm cung hiến kể như thần khí của Vạn linh sẽ hiệp cùng Chí linh. Lễ điện đồng nhi thài tuần hoa nơi Đài Ngũ Lôi Đức Hộ Pháp tay hữu cầm bửu pháp Kim Tiên đứng lên đưa ra sau, mũi ký ngay trên phần đầu chữ Khí, chữ Khí nguyên lý mệnh sanh của vạn loại, bởi Đức Ngài chủ về pháp dâng hoa thể hiện cho nguơn tinh. Nên Đức Ngài hành chơn pháp để đưa cả khối nguơn tinh của Vạn Linh hiệp cùng nguơn khí sanh quang ở Chí linh đặng bảo tồn cơ hóa trưởng Càn Khôn vàø Vạn Vật, tay tả Đức Ngài bắt ấn Thượng Nguơn chủ nguơn Khí "*Thiên Khai ư Tý*", chơn vẽ bùa Thất Tinh để trấn áp thất tình của nhơn loại, đặng dằn phần âm không cho lừng lên hầu bảo tồn cơ tấn hóa, làm cho xác thể Vạn linh biết tùng hình ảnh thiên lương của đấng Chí Linh; đến tầng rượu khởi dâng Đức Ngài hành pháp Trung Nguơn bắt ấn Hiệp chưởng để trước ngực bửu pháp Kim Tiên gác nằm ngang khẩu tay mũi quay bên Thế cán bên Đạo có nghĩa Đạo Trị Thế, bí pháp Kim Tiên vận hành thành hệ ngang. Còn kim thân Đức Ngài là hệ dọc thể hình Pháp Tứ Tượng chuyển định nguơn khí chúng sinh đặng đưa vào đại ngã tâm linh nơi Bát Quái Đài để hiệp cùng Thần, với chơn pháp khí tức thị thần, hễ tán là Khí, tụ là Thần,

lý Vô Cực phát xuất nguơn thần.

Nên dâng tuần trà kể là Pháp Hạ Nguơn, Đức Ngài cầm bửu Pháp Kim Tiên quơ một vòng với chiều thu liễm để gom Thần dâng cho Đức Chí Tôn nhờ đó mà người tu mới đoạt pháp huờn hư, Đức Ngài quơ giáp vòng rồi chống xuống cấp thứ nhứt Ngũ Lôi Đài vòng bán nguyệt 3m6 tức là 9, tay tả thuộc dương, áp trên tay hữu thuộc âm ở dưới, cả đôi tay úm trên cán Cửu Khúc Kim Tiên thành hai con 9 tức là số định vị cho nguơn thần trời đất và vạn vật.

Đức Hộ Pháp hành Pháp xong, đến thượng sớ 3 Chánh Phối Sư quì trong Cung Đạo để dâng tam bửu, mỗi vị chưởng quyền 3 viện kể như 3 với 9 là12, vốn con số khai thiên của Đại Từ Phụ. Thái: Hộ-Lương-Công, Thượng: Học-Y-Nông, Ngọc: Hòa-Lại-Lễ, cả 3 đồng quì chỉ có một vị đứng sớ đặng trình tấu lời cầu nguyện chung dâng lên hai Đấng Phụ Mẫu Vạn Linh cùng các đấng thiêng liêng ân xá tội tình cho nhơn loại thế giới sớm hòa bình hạnh phúc, Lễ viện đảm trách đọc sớ, dứt "*Cung Phẩn Sớ Văn*", bái lễ là xong.

Khởi thỉ hành lễ dâng 5 cây nhang chung kết đàn tràng đồng nhi nữ tiếp tụng 5 Câu Nguyện, với hiện tại 5 Câu Nguyện đó là Chơn Pháp Thế Đạo để cầu xin khổ nạn cho nhơn loại đang lặn hụp theo lằn sống văn minh vật chất.

Nam Mô Nhứt Nguyện đạo Trời con đường mỡ rộng.

Nhì Nguyện thật hành cơ phổ độ bởi chúng sanh còn nặng danh với lợi,

Tam Nguyện tâm tu giác ngộ xét mình quá lầm lỗi

nên cầu xin xá tội.

Tứ Nguyện ân giảm cho nhơn loại đang trả nghiệt đền oan sớm được thái bình,

Ngũ Nguyện cho đời lẫn đạo bớt đau khổ bởi chiến tranh không nhường chỗ tôn nghiêm nơi thờ tự mới cầu được sự an ninh.

Chừng bước qua đời thánh đức rồi thì 5 Câu Nguyện trở thành Chơn Pháp Thiên Đạo ý nghĩa như sau:

Nhứt Nguyện tạo khối đức tin lớn để khai minh con đường Chánh Giác,

Nhì Nguyện diệt tận phiền não tức độ tận chúng sinh.

Tam Nguyện Trời là đức háo sinh. ta là hiện sinh, sống dùng vật hữu sinh tức hữu chủ nên cầu xin tội,

Tứ Nguyện giữ tiểu thiên địa thần khí điều hòa, tức Thiên hạ thái bình,

Ngũ Nguyện đem Thần Thiên Lương vi chủ bản Tâm tạo một tòa Thánh Thất vững chắc để dìu dắt cả Vạn Linh trở về cùng Chí Linh, tuy đạo Trời được rộng mở khắp toàn cầu, với sự tự do các nước cho truyền giáo, nhưng chúng sanh còn trong vòng danh cương lợi tỏa nên ta gắng công phổ độ họ vào đường tu, là khi chịu nhập môn rồi Đức Chí Tôn đã định vị cho ta vào hàng Địa Thần trong Cửu Phẩm Thần Tiên đâu còn là chúng sanh, nên cầu nguyện chung xá tội đệ tử là vậy.

Hành lễ cúng Đại Đàn với phép Hoán Đàn, khi đi cả thiên phong hải chúng nam nữ vòng dương choàng lấy vòng âm thể hiện nguơn khởi thỉ, còn tụng niệm tâm kinh trên lầu Bát Quái vàø Nghinh Phong Đài tiêu

biểu cho Nguơn Vô Thỉ, nên đồng nhi nữ 36 em đứng tại Nghinh Phong Đài nhìn vô Bát Quái, đồng nhi nam cũng 36 em đứng ở lầu Bát Quái nhìn ra đối diện với nữ, nhạc ở tại Nghinh Phong Đài. nữ khởi đọc 2 bài giọng ai Niệm Hương và Khai Kinh dứt rồi, nam khởi đọc 4 bài giọng xuân Ngọc Hoàng Kinh và Tam Giáo Tâm Kinh khi dứt, nữ tiếp thày 3 bài dâng Tam Bửu và tụng Ngũ Nguyện giọng xuân tức thị âm sanh dương, đồng nhi nam nữ phải 36 nếu thiếu mỗi bên 18 em cộng cũng 36 để thể hiện cho con số Tam Thập Lục Thiên cộng là 9 số định vị đạo pháp. Đồng nhi nam nữ thể hiện lý số âm dương khi khởi đọc, hễ âm động thì dương tịnh, hễ dương động thì âm tịnh, về đạo pháp động để sinh, tịnh để dục.

Đó là nền minh triết của đạo Trời nguơn Vô Thỉ thì âm sanh dương tượng lý đạo sanh nhứt, chừng khởi thỉ, dương chủ lấy âm, Thái Cực cũng là Huyền Cực "*Thiên Huyền Địa Huỳnh*", Vô Cực cũng là Hoàng Cực tức thị Diêu Trì Kim Mẫu với danh Hoàng Cực Chủ Nhân, mầm mống Lưỡng Nghi. Thái Cực nhi Vô Cực do sự tương hòa phát xuất khối đại Linh quang về ánh Thái Cực của lý nhứt nguyên biến sanh vạn vật là thuyết nhị nguyên của âm dương, chúng ta nhờ tu mà đoạt huyền năng ở tạo hóa nên được chen vào ngôi Thái Cực với công đức tham thiên. Có nghĩa cao ngất Trời ngang hàng cùng Trời, bằng chứng từ xưa tới nay ai ai cũng biết: Nhiên Đăng "*Công tham Thái Cực*", Thái Thượng "*Đức hoán Hư Linh*". Nhờ ở con người góp phần pháp giới tạo đoan, nên cái của nhơn sanh quan thăng là tham thiên, giáng thì lưỡng địa do hai nguơn chất cấu tạo ra đất, nước bốc thành hơi, hơi đông tụ rơi thành nước, thủy và khí vốn nguyên lý

dưỡng sinh vạn vật, luật định hữu hình tức hữu hoại, vì đó mà xác vạn loại trở thành đất. Nó là thể chất của Vạn linh phải trả lại cho đất là lẽ tất nhiên, cái phần bay lên là tham thiên, cái phần rơi xuống là lưỡng địa.Đó là 2 danh từ triết học tự ngàn xưa chưa ai định nghĩa giống ai, đã triết học thì mọi người có quyền triết lý dầu đúng hay không miễn luận, triết có nghĩa triệt...,

Nếu triệt hạ bẻ gãy xuống để tiềm tàng cái ở trên, còn triệt thượng co quáp lên đặng quan sát sự vật ở mé dưới. Vì lẽ đó đối với nền Đạo học, chúng ta phải phát huy tận nguồn gốc triết lý từ hữu thể đến siêu thể thế nào là nhị nguyên thế nào nhứt nguyên bởi chữ "*Thiên sử ư tánh*" nhưng nhứt thuyết chúng sinh nhứt điểm linh. Cái linh ở Vạn linh do đấng Chí Linh ban mà có, vì lẽ đó cái linh là nhứt nguyên, có nghĩa cùng điểm quang minh của khối nguơn linh. Còn nhị nguyên là hai đầu mối sinh với tử, tử ấy để rồi sinh do huyền phép Chí Linh trên đã dục tấn "*sinh sinh bất tuất*". Tại sao con người phủ nhận cái linh bởi họ mất thiên lương. Chỉ biết nhìn ở cái vật cho là tuyệt đối quên con người là phẩm tối linh. Còn lẽ sinh với tử luật tương đối tạo hóa đã an bày, quý hóa thay con người đã ý thức biết quân bình giữa linh và vật, ở Trời đất dương chủ lấy âm, ở con người tâm chủ lấy vật.

Thể theo cấp bậc tôn giáo, ơn trên đã định vị để tạo giá trị cho con người với phẩm tối linh thay Trời đặng truyền đạt những lời phổ hóa trước tòa Thiên Lương của Thượng Đế và nhơn loại. Nhìn vào hiện tại một ân huệ của Chí Linh đối với Vạn Linh ở Pháp Tắm Thánh Giải Oan và Xả Tang, đương sự là hiện sanh phải quì tại cấp Thiên Thần đó là lợi sanh của Trời để thọ Pháp phúc lợi

của đất, ở cấp Địa Thánh là cấp được quyền cầu nài giảm chế luật lệ mới là phúc lợi của chúng sanh.

Còn nơi Bát Quái Đài tả cung Càn, hữu cung Khôn, giữa cung Đoài tức là Cung Đạo, ở Trời đất đạo là cái lý trung hòa Càn Khôn trong cơ biến dịch, về mặt tôn giáo Đạo là Thần, Pháp là Khí, Thế là Tinh, nên 3 chi được thể hình nơi Ngũ Lôi Đài, Pháp là lý trung hòa ở Đạo và Thế. Với cơ định vị Pháp trị đạo tức là Phật.

Còn ở con người khi bái lễ cái trước mắt là Thần, cái sau thân là Khí, cái kỳ trung là Đạo, cũng như ngôi Đền Thánh: Trong Bát Quái là Phật, ngoài Hiệp Thiên là Pháp, giữa Cửu Trùng là Tăng, Đạo thể hình cơ tận độ. Nhưng tòa Hiệp Thiên ở chính giữa có 3 đài, Thông Thiên Đài là Phật, nắm khuôn luật Hư Linh đặng bảo tồn Khối đức tin của nền Đại Đạo. Phi Tưởng Đài là Pháp, của các đấng cầm quyền tạo đoan, loài người nơi cõi đất đồng thể với Phật tức là Phật. Tịnh Tâm Đài là Tăng thuộc của chúng sanh được đồng danh với Trời tức là Trời về phần yếu nhiệm; nên Cửu Trùng Đài biểu tượng cho Cửu Phẩm Thần Tiên để Cửu nhị nguyên nhân lập vị. Với cơ định vị có Tam Thừa: phẩm Nhơn ở giữa làm lý trung hòa của trời đất. Để chứng tỏ đạo người là tối trọng nên cấp Nhơn Tiên thể hình Chi Nhơn Đạo với 7 chiếc Ngai dụng ý lấy lý tượng cho số thất Tinh của Đức Chí Tôn bởi Trời là Đấng Giáo Chủ Nhơn Đạo. Khi sáng tạo Càn Khôn và vạn vật xong mới lấy đất biến ra loài người với phẩm tối linh để thay Trời. Nên trên hết là Thượng Thừa cấp Nhơn Tiên thể hình 7 chiếc Ngai; kế Trung Thừa cấp Nhơn Thánh có nam nữ Giảng Đài; còn Hạ Thừa cấp Nhơn Thần phần hành ở địa phương để bảo tồn cơ sanh

hóa giúp cho tấn hóa đến chỗ tận thiện, tận mỹ.

Nội tâm Đền Thánh có 9 cấp tượng trưng Cửu Phẩm Thần Tiên. Nhưng Nhứt Cửu là phẩm phàm tục, dầu cấp bậc nào lúc sống cũng như thác khi vào bái lễ Đức Chí Tôn phải đi ngang qua đó. Nhị Cửu là phẩm Địa Thần, Tam Cửu là phẩm Nhơn Thần, Tứ Cửu là phẩm Thiên Thần, Ngũ Cửu là phẩm Địa Thánh, Lục Cửu là phẩm Nhơn Thánh, Thất Cửu là phẩm Thiên Thánh, Bát Cửu là phẩm Địa Tiên, Cửu Cửu là phẩm Nhơn Tiên. Như vậy ở Pháp dục tấn với phẩm Thiên Tiên tức nhiên Phật vị, phải là tầng thứ 10 của Cung Đạo.

Bản thân chúng ta là nửa người nửa Phật. Khi thác xác thì hoàn nguyên phật vị, nên Khai Cửu có câu "*Đã quá chín tầng trời đến vị*". Tức phật vị ở Cung Đạo, với bài kinh Nhứt Cửu có câu "*Thoát ba thân phẩm đứng đầu tam thiên*" Chơn Thần phải vượt qua ba Thừa của Phẩm Thiên Thần, Thiên Thánh, Thiên Tiên tức nhiên đắc phật vị.

Với hàng Thánh Thể dĩ chí Đại Thiên Phong hễ qui thiên đến Tòa Thánh hành lễ thì để cấp Địa, ở phẩm Trung Thừa. Lúc chung qui được di quan tài vào Đền Thánh vô cửa hông hành Pháp Độ Thăng, nam vào cửa tả, nữ hữu ở cấp Địa Thánh. Còn phẩm Thượng Thừa khi qui thiên được di liên đài vào Đền Thánh để cấp Địa Tiên trì tụng Di Lạc Chơn Kinh một đêm, 7 chiếc Ngai của quí Ngài chỉ được ngự trong giờ làm lễ đăng điện mà thôi. Thờ để tượng trưng cho Chi Nhơn Đạo, nên quí Ngài chầu lễ cũng ở cấp Địa Tiên dầu sanh tiền hay thoát tục cũng vậy.

Còn Tam vị tiền bối Hiệp Thiên Đài cùng quí Ngài Thời Quân lúc chung qui được di liên đài vô cửa chánh vào

Đền Thánh để Cấp Địa Thần; bởi quí Ngài là hiện thân của Pháp giới Bát Nhã Thuyền để đưa rước nguyên nhân ở cõi trần, nên liên đài đểø cấp chót của Hạ Thừa là vậy.

Phẩm Thượng Thừa bên Cửu Trùng cùng các cấp tương đương ở Hiệp Thiên khi qui vị Thánh hài được liệm vào tòa liên đài hình bát giác để khép một linh thể của bậc đại Thiên Phong được công đầy quả đủ. Trên nắp thể hiện một bông sen biểu tượng phép tam huê tụ đỉnh ở cơ đạt đạo với câu kinh "*Liên đài mai nở thêm hoa*" là Tinh, "*Lão Đam cũng biết*" là Khí, "*Thích Già đã quen*" là Thần. Trên nắp liên đài đốt 9 ngọn đèn với phép Bát Quái biến thành Cửu Thiên Khai Hóa, bởi tám góc 8 ngọn, giữa tòa sen một ngọn là 9, cũng như giá đèn nơi cổ áo quan trước 3 ngọn, giữa 3 ngọn, sau 3 ngọn là 9 cùng một ý nghĩa của Tôn giáo Cao Đài dầu Đầu Sư nam phái cũng đốt 9 ngọn trên nắp liên đài. Trước đây có vài địa phương vị Đầu Hương khi hành lễ tang nếu nữ đốt đủ 9, còn nam thì bớt hai ngọn chỉ có 7 bởi áp dụng câu nam thất nữ cửu, cho người ta nhìn vào dễ biết, chớ giá đèn một đầu chạm rồng một đầu chạm phụng tùy nam hay nữ mà trở giá đèn thì cũng đủ hiểu rồi.

Phẩm Địa Tiên trở lên, Liên đài kỵ long mã đến Báo Ân Từ cúng tế, có đọc kinh Thế Đạo. Đồng nhi thài dâng Tam bửu, có 2 lễ xướng 4 lễ điện đều mặc áo xanh. Bởi Đức Chí Tôn đến khai Thanh Đạo tức thị Tiên Đạo chủ trung, chỉ có cúng tế Đức Hộ Pháp lễ sĩ mới mặc áo vàng. Đặc biệt hàng Tiên vị hay Phật vị Lễ điện khác hơn Thánh vị. Trước khi đi, đứng bộ chữ nhơn bụa một chữ Tâm rồi mới quì ở ngoại nghi, chừng đi cũng bụa một chữ Tâm, xây bộ sắp quì tại nội nghi, cũng bụa một chữ

Tâm, khi đứng dậy xây bộ vô để đổi hàng cũng bụa một chữ Tâm, chừng trở bộ lại để tay ngay ngực cũng bụa một chữ Tâm, khi không bụa chữ Tâm thì đứng bộ chữ đinh như vậy mỗi lần điện là 5 chữ Tâm, còn Lễ điện dâng tam bửu cho Đức Chí Tôn cùng Đức Phật Mẫu với các đấng luôn luôn đứng bộ chữ Nhơn, sắp bước thì bụa chữ Tâm, ở tầm mắt phàm của chúng ta nhìn là ngược, nhưng bửu ảnh Đức Hộ Pháp còn lưu niệm khi Đức Ngài quì thượng sớ cho Đức Chí Tôn phong bì sớ để nơi trán cầu nguyện cũng trở ngược. Chỉ có Đức Ngài nắm pháp mới hiểu được nguyên lý đó mà thôi.

Riêng chúng ta cho sự hành lễ thể hiện cơ hợp nhứt âm dương tức là Đạo, với chữ Nhơn ngược, chữ Tâm ngược bì sớ cũng ngược, chữ Đạo mũi giày Đức Cao Thượng Phẩm cũng ngược, nhưng thuận cùng Ơn trên cái trước mắt đó làø Thần, về phần Lễ điện phẩm Địa Tiên đổ lên trước khi bụa chữ Tâm thì đứng bộ chữ đinh hành lễ xong quàn lại nơi Báo Ân Từ một đêm có hòa tấu nhạc và tụng Di Lạc Chơn Kinh, sáng ngày liên đài kỵ Long mã đến Tòa Thánh, đồng nhi luân phiên tụng Di Lạc một đêm, sáng ngày liên đài kỵ Long mã ra Cửu Trùng Thiên là nơi mở lối qui nguyên cho những chơn linh cao cả. Nên sự hành lễ có phần quan trọng, Ngoại nghi có 4 Lễ sĩ mặc áo đỏ điện chuyền tam bửu đến Trung nghi có 4 Lễ sĩ mặc áo xanh điện chuyền đến Nội nghi, thì có 4 Lễ sĩ mặc áo vàng tiếp điện tam bửu đến bàn linh, có 2 vị Chức sắc tiếp lễ với cặp lễ xướng là14 Lễ sĩ.

Chức sắc luân phiên hầu Liên đài, đồng nhi phân ban tụng Di lạc trong đêm. Đến sáng ngày liên đài kỵ Long mã nhập bửu tháp là xong. Phần người đưa đám tang của

tôn giáo Cao Đài luôn luôn Chức sắc Nữ đi trước Chức sắc Nam, Đạo hữu đi tiếp theo cũng nữ trước nam. Bởi chúng ta là khách phàm khi một Chơn thần từ trong giới cảnh được giải thể để trở vào Hư Vô Chi Khí nên phần tượng lý âm trước dương của nguơn vô thỉ, hầu đưa một bạn đồng sanh của chúng ta trở về nơi khởi thỉ là Kim Bồn của Đức Mẹ.

Cho nên cái ngôi thờ của Tôn giáo những gì được phô bày ở hình thể cốt yếu để tượng trưng cho pháp, dầu ai có thông đạo chưa ắt là thạo pháp. Đừng lấy ý phàm định nghĩa cho là chân lý sai tông chỉ đạo. Bởi đạo như một đóa hoa nếu ta luận đến chỗ tinh thần của hương vị sẽ bị ở con người hiểu về màu sắc chống đối. Nhưng đó cũng là đầu mối của bản thể để đi vào bản tâm rồi sẽ thấy, ngược lại tâm không học khó thấy được cái dốt cũng như tánh không tốt đâu biết được cái xấu của ta, chỉ có người chung quanh thấy. Nên cái thấy lấy mình không bằng cái nhìn ở kẻ khác cũng như tài nghệ diễn xuất của con hát phải nhờ cặp mắt của khán giả mới quyết định được sự dở hay. Thật vậy có những cái mà loài người đã tìm hiểu nên có dụng ý tượng lý cho cơ khởi thỉ.

Điều đó để chứng tỏ ta là người Á Đông lấy 3 rằm lớn thể hiện cho Tam Nguơn, khi đã qua thì hết một năm rồi trở lại Thượng Nguơn là rằm tháng giêng, đó là nguơn của thời gian về năm tháng có tối sáng. Bằng cớ hiển nhiên không gian bao choàng lấy thời gian vô tận cứ vận chuyển theo cơ tuần huờn có định luật của Càn Khôn.

Còn không gian là nguơn của Vũ Trụ trong cơ khởi thỉ bắt đầu là Thượng Nguơn kế Trung Nguơn cuối là Hạ Nguơn, mỗi nguơn chia ra thành 3 thời kỳ: Thánh

Đức, Tranh Đấu, Bảo Tồn. Ba nguơn đã qua là Đệ Nhứt chuyển đến trung Nguơn cũng vậy 3 nguơn hầu mãn là Đệ Nhị Chuyển, nay là Hạ Nguơn của nguơn cuối hầu dứt Đệ Tam Chuyển là nguơn thứ 9 để định vị cho cơ tuần huờn của Vũ Trụ. Vừa giáp một chu kỳ sắp bước qua Thượng Nguơn Tứ Chuyển.

Đức Hộ Pháp đã thuyết tại Giảng Đài Tòa Thánh 15–7 Canh Dần, Đức Ngài cho biết quả cầu 68 nầy trước kia nó đi đến Đệ Thất Chuyển sẽ bị hủy diệt coi như đã chết hết một lần, xác của nó hiện chúng ta còn nhìn thấy đó là mặt trăng, từ quả đất này đã được phục sinh lại kể như sự khởi thỉ của quả đất sau Đệ Thất Chuyển. Đức Thượng Đế tạo thế lại bắt đầu Đệ Nhứt Chuyển hôm nay hầu mãn Đệ Tam Chuyển, Đức Chí Tôn đến khai Đại Đạo đặng tạo đời Thánh đức cho quả địa cầu tức thay bầu khí quyển lập lại hạng Thần Thông Nhơn đặng bước vào Thượng Nguơn Tứ Chuyển, hiện các tinh cầu trên cõi Thiên hà từ Đệ Nhứt Chuyển đến Đệ Tam Chuyển là thời gian của Vũ Trụ, với sự biến dịch cái không chuyển cái thời mỗi mỗi chẳng tách rời xoay thành pháp Tứ Tượng hình chữ vạn phần dương nghịch chuyển là chưởng giải, phần âm thuận chuyển là thu liễm ở nguyên lý đạo pháp vận hành theo qui luật của cơ tạo đoan.

Còn luận về thời gian hiện tại của cảnh giới địa quyển mà con người đã định danh theo lịch số, chuỗi thời gian là ngày giờ năm tháng, bóng thời gian là sự tối sáng cõi đất, khoảng thời gian là đời người, vòng thời gian là chu kỳ, còn tất cả những gì đối kháng với chúng ta dầu chướng ngại hay hanh thông ở mọi khía cạnh cũng nằm trong chữ thời, cũng do số mệnh ta biết thuận lẽ trời bình

tâm vi chủ lấy cảnh tức là vận, hiểu được thời nắm được vận chỗ thường hằng mới là mệnh, được vậy mới thuận hành thiên mệnh.

Chớ ngôi của Trời khai nguơn 12 chữ Thời có nghĩa Thập Nhị Thời Thần đó phần tượng lý bằng số. Thần trong tiếng sấm Khai nguơn ở cơ khởi thỉ đầu Hội Tý, ám chỉ sao Bắc Đẩu là ngôi định vị Càn Khôn. Do huyền pháp của Đức Chí Tôn, Thái Cực sanh Lưỡng Nghi biến Tứ Tượng chuyển thành Bát Quái tạo Càn Khôn Thế Giái điểm xoáy ốc ở giữa là 9 con số dứt của Trời.

Đó là cơ mầu Nhơn Đạo phần Tăng của Đức Chí Tôn tức thị cung Càn khởi số "*tam sanh vạn vật*" lý Thái Cực vốn ngôi luật biến sanh do phật pháp tương hòa nên phần Tăng của Đức Chí Tôn có một năng lực làm cho khối lửa Thái Cực văng ra tạo các tinh cầu trong Vũ Trụi Xong, khối lửa ấy tắt không còn nữa tức thị "*Thái Cực nhi Vô Cực*". Nhưng mỗi mỗi có một linh lực (các hữu Thái Cực) của cơ tạo đoan quân bình cho vạn vật nhứt tịnh nhứt động theo qui luật.

Nguơn vô thỉ tượng lý âm dương là đạo pháp. Đạo Sanh Nhứt, Nhứt sanh nhị, tức thị nhị sanh tam là âm sanh dương, tam sanh vạn vật của cơ khởi thỉ; dương chủ lấy âm tức dương sanh âm, do ngôi tam tài của Đức Chí Tôn Càn phân ra Khôn biến hình ngôi âm cho đấng Thiên Hậu với dãy tinh cầu do 12 tiếng nổ của khối lửa Thái Cực tạo thành, nên pháp giới chúng sanh mới định danh là 12 Địa Chi luân lưu với pháp Thiên Can mà biến dịch, ở cõi thiên là Thập Nhị Thời Thần, còn ở cõi trần là Thập Nhị Thời Quân, nên trong cơ chuyển hóa để tấn hóa Trời có những gì con người đều có y như Trời, bởi cớ ông

cha chúng ta thường nói chữ thì tam hồn thất phách, tam hồn là 3 nguơn khí ở tam thế Chí Tôn, còn thất phách ám chỉ ngôi của Trời là thất tinh, ngôi của người là thất tình, tại sao nôm na lại gọi ba hồn chín vía. Để ám chỉ nguyên lý đạo sanh pháp là 3 hào dương của Đức Chí Tôn Càn tam liên biến hình Khôn lục đoạn.

Nên ngôi của Đấng Thiên Hậu có cửu vị Tiên Nương do số lão dương của Đại Từ Phụ biến hình nên thế gian nhìn vào nguyên lý đó gọi bằng 9 cô ở ngôi âm của Đức Mẹ, nếu ai mang thể hài điều thọ ân giáo hóa bằng linh thức từ sơ sanh đến trưởng thành nếu biết tu sẽ mở được cửa khiếu ở con người.

Về cơ tạo đoan của Đức Chí Tôn Càn sanh ra Khôn. Ngôi âm là pháp lục đoạn, ngôi dương là thần Lục Long ruổi dong khắp thiên thể giáp cùng Tứ Đại Bộ Châu vận hành các Tinh cầu từ đầu suốt cuối hình thành pháp Thiên Can, còn ở con người lục thông cũng biến xuất trong thân tứ đại giả hợp, vì đó mà pháp Địa Chi và Thiên Can tương quan với ngũ hành nên Giáp Ất Bính Đinh Mậu Kỷ... là nguyên lý của Lục Long mà đạo Trời đã tượng thể nơi La phong dù Đền Thánh rồng có 3 màu, Giáp Ất màu xanh Bính Đinh màu đỏ, Mậu Kỷ màu vàng của số trung cung.

Còn Canh Tân màu trắng đạo tượng thể triết lý bình đẳng của Phật Mẫu về Chơn Thần, cung Đạo tức Đoài nằm ngay chính giữa tả cung Càn hữu cung Khôn nên tòa Bát Quái thờ Đức Chí Tôn có 8 con rồng trắng. Còn Nhăm Quí là hướng của Chí Tôn là phương bắc sắc tím đen tiêu biểu triết lý tương đối duy nhứt tức huyền đồng giữa trời đất và vạn vật có một. Nên thập thiên can bao hàm với chiều chưởng giải đến Bính Đinh trở vào số

ngũ. Ở trung ương Mồ Kỷ Thổ với tôn giáo tượng trưng chỗ Tịch Địa Đài là nơi Đền Thờ Đức Thượng Đế với phép ký tế "*Thiên huyền Địa huỳnh*". Dưới đó có rồng đen, còn nơi không gian Trời Đất có thất diệu, nhựt nguyệt và ngũ hành tinh, về phần nhơn sinh thì có thất khiếu, pháp tạo đoan Càn Khôn Đức Chí Tôn dùng ngũ khí biến ra ngũ hành thì trời đất là một đại thể, còn ở con người là một tiểu thể ngũ tạng tượng cho ngũ hành, nhờ phép an định mới sanh ngũ khí triều nguyên, tam huê tụ đảnh tức tinh khí thần, nên một phần đầu ở con người tiêu biểu cõi Thượng Thiên, còn ở Trời đất kinh Di Lạc mở đầu với câu. Thượng Thiên Hỗn Nguơn hữu, Tầng Thượng Thiên, trời có 3: Hư Vô, Hỗn Nguơn, Hạo Nhiên là tầng thứ 12 biểu tượng nơi đó Trời có tam hồn tức Tam Thế Chí Tôn đồng ngự nơi đó, Hạo Nhiên là ngôi Phật, Hỗn Nguơn ngôi Pháp, Hư Vô ngôi Tăng, 3 tầng cõi Thượng Thiên cộng với 9 Tầng của Đấng Cửu Thiên là 12 vốn con số của Trời, nên người tu ngôi Thượng Thiên là phật phải kết tụ Tam bửu nơi nê hoàn cung, ngôi Trung Thiên là Pháp luyện cho thành cửu khúc minh Châu ở Tâm, ngôi Hạ Thiên là Tăng của cơ tạo hóa chuyển hóa nơi đơn điền đặng đưa thần vào cõi Thượng Thiên đó là số 12 của người, riêng những nước cõi á đông với đứa trẻ lọt lòng đã hấp thụ nền triết lý của cơ tạo đoan vừa mở mắt chào đời thì đã có phép định danh hai chữ Can Chi nơi mình rồi đó là gốc của Thời, chữ Thời ở Càn Khôn là pháp giới tạo đoan, Thời ở trần gian là pháp giới chúng sanh nên con vật của ta phải vận hành theo lẽ dinh hư Tiêu Trưởng của Trời đất.

Thì cả sự buồn vui tiếng khóc cười đó là nguyên lý của con người nơi mặt Thế mà Đức Thượng Đế phủ tánh

như nhau, sanh thì có buồn vui, Tử do hành tàng mà có siêu đọa, nên chẳng có lạ gì đối với chúng ta. Thử đưa cặp nhãn quang nhìn bóng thời gian nó mang đến nhiều sự sống, rồi nó cũng làm hỏng đi nhiều bằng sự chết.

Những năm chưa phải cùng tháng chưa phải hết mà pháp giái Chúng sanh nêu cái lý chung kết để bắt đầu cũng như hết ngày lại đêm, hễ đông mãn thì sang xuân cứ tuần huờn trong lý phản phục của trời đất, vật dù lớn hay nhỏ phải có chu kỳ ở quy luật đào thải hoặc tái tạo nên Chư Thần Thánh thừa lịnh Đức Chí Tôn đến lập đạo tức tạo thế.

Chúng ta thử nhìn vào cái cực điểm văn minh nó là hiện sinh của cơ tiêu diệt, trong cơ tiêu diệt phải có bí quyết ở sự bảo tồn. Đó là buổi mạc hậu Tam Kỳ, Đức Chí Tôn đến lập đạo tức là cơ tái tạo để khai nguơn chuyển thế. Thế đây có nghĩa của nguơn hội về không gian còn thế kỷ thời gian ở chúng ta là 100 năm.

Với thời kỳ khoa học hiện đại loài người tiến bộ nhưng các nhà khảo cổ đồ vật chỉ ước đoán thời gian của trời đất mà định nghĩa vậy, bằng cớ chúng ta khôn lớn lên của thời kỳ trưởng thành. Thì đâu biết được thời kỳ sanh nở. Thảng như biết được thời kỳ sanh nở, làm sao biết được ở thời kỳ thai nghén chỉ có hai đấng tạo đoan của chúng ta biết mà thôi.

Vì lẽ đó mà việc của trời đất cũng như việc của người chẳng lúc nào ngưng nghỉ, tuy mỗi thời kỳ mỗi khác chứ tựu trung cùng một nguyên lý, dầu các nền tôn giáo cũng vậy, ví như Phật Thích Ca tu đã đắc pháp mà chưa hay. Nên cầu nguyện rồi cầm cái bình bát liệng xuống dòng nước. Chừng thấy cái bình trôi ngược mới biết mình đã

đạt đạo, điều này Đức Hộ Pháp Giáo Chủ Đạo Cao Đài là Thầy của chúng ta có dạy, không nên thốt lời chẳng lành tạo khổ cho người thì luống công tu hành vì chưng khẩu nghiệp. Dầu cố ý hay vô tình bởi mình đắc pháp mà chưa hay nói lên kể như kết án hay gieo tai nạn cho họ.

Thử tìm hiểu trên đường hành giả của đức Thích Ca cũng trải qua nhiều cơn khảo, giai đoạn đầu thọ giáo gặp manh sư nhứt là lúc tham thiền có bọn vũ nữ với cử chỉ khiêu dâm, nghiêng mình lả lướt trước mặt Phật, nếu tâm định là Thích Ca còn tâm động là ma quỷ, Thậm Chí cơ khảo là trường thi buổi Hạ nguơn này. Người tu phải quyết tâm vì Thầy vì Đạo tứ thời chiêm ngưỡng về Thượng Đế phải bảo vệ cái đức tin mới bảo vệ được Linh hồn chúng ta.

Trên phương diện người tu phải noi gương đức Thích Ca. Không nên ngồi thiền. Bởi phật tham thiền tuy đắc pháp nhưng thiếu công phổ độ nên xuất thiền để bước ta bà lo giáo hóa chúng sanh còn Huệ Năng nhờ hành thiền mà đắc truyền Tâm Pháp.

Hôm nay buổi Tam Kỳ, Đức Chí Tôn đến mở cơ tận độ. Với giáo lý Cao Đài ngoài giờ sanh hoạt đó là tu, đến lúc công phu mới là luyện. Tứ thời thần trụ là tọa thiền ngoài ra là hành thiền, Đức Đại Từ Phụ đã trao cái quyền giải thoát nơi tay chúng ta để tự giải thoát.

Nhưng Đức Hộ Pháp đã dạy chúng ta sống ở hệ thống tâm linh phải chiến đấu giữa thú và Phật, ai cũng có cái thánh chất lẫn trong xác phàm, tu là phép hàm dưỡng giữ cho còn cái thánh chất. Nếu bị mất thì bản thân của ta trở thành con kỵ vật hung hăn chẳng có nài trị. Bởi trong kiếp sinh linh tâm là phật con kỵ vật là thú,

vượt khổ hải linh tâm là chủ, xác thể là thuyền, còn bước hóa duyên thân là "*Hạc đạo nãi tiên xa*", tâm linh là bửu tháp Lôi Âm Tự để làm tòa ngự của Thiên lương.

Nên người tu phải biết linh tâm là Phật, thể xác là thuyền, Chơn thần là tài công, ý là bánh lái, trí là địa bàn, chí là mạn thuyền, sự dục vọng là sóng gió bể phiền não, cơ an định là duyên phúc cõi bồ đề, nhờ đó mà đưa chúng sanh về nơi bến giác tức là Phật.

Nói với sự thật áo mão là cái thể. Thầy cho chúng ta mượn để lập vị, thì cái giá trị phải bằng tâm đức không phải bằng quyền chức, thảng như ai dùng thế lực tạo khổ cho người tu đến phút chung qui, dù không kinh kệ, không áo mão, nếu ta đủ tâm đức nhờ đó biến xuất đệ nhị pháp thân không thiếu thiên phục nơi mình, do thần của Vạn linh kết thành để vào trình cùng đấng Chí Linh. Còn ta là người mất tâm đức chỉ biết dựa vào quyền chức có chi gọi là đạo, dầu khi chết được mão cao áo rộng cũng là cái thể, kể như bị trần lổ không dám đến thọ tội cùng Đức Chí Tôn, thật là một Linh hồn đau khổ từ giờ phút lâm chung bị tòa Thiên Lương phán xét những hành tàng ở thế gian mà đài Chiếu Giám nơi Hư Linh đãõhiện rõ,

Vậy khi chúng ta ngộ đạo rồi gắng tu tâm luyện tánh. Nếu luyện tánh trụ được tánh là chánh giác, tu tâm định được tâm là bồ đề. Vọng tâm quyết niệm phật pháp là mê, tỉnh trí đoạn trừ phiền não là ngộ. Tu biết giữ bản tâm thanh tịnh, chính ta tự tạo cõi niết bàn, bằng để vật dục buộc ràng lại là trường khổ hải, Phật mà thắng thú phần thiên lý vi chủ nhơn dục tâm địa mới hòa bình.

Chính đó là lúc giáo chủ U Minh Giới cõi con Đề Thính, Từ Hàng Đạo Nhơn cõi con Kim Mao Hẫu, với

triết lý đó, người này tiêu biểu cho Chơn Thần ở phần vô vi Xiển Giáo tức là Phật, còn Triệt Giáo ám chỉ bản thể con kỵ vật của chúng ta là thú, nên Thông Thiên Giáo Chủ dạy học trò toàn là thú, nhưng cũng đắc vị là nhờ tu, bằng để lỡ công phu rồi lại hườn nguyên hình con vật. Thì trong người chúng ta một là Phật, hai là Thú, nếu tâm không vi chủ để lục căn nhiễm lấy lục trần. dầu có ngồi hớp khí luyện thần, người tu muốn đắc đạo phải giữ tam trung và tam lập, nếu ai đủ tam lập Thầy hứa sẽ cân thần cho nhập tịnh thất, tam lập là lập công, lập đức, lập ngôn, đức tức là lý trung hoà của Tam Lập ở giữa để cả hai thể hiện việc làm và lời nói của ta có đức hay tổn đức. Còn ai đủ tam trung thầy sẽ dùng ở vai tuồng chiến đấu thắng phật, tuy ba cái trung cùng một nguyên lý. Trung ở ý có được cái đại hùng, trung ở chí có được cái đại lực, trung ở tâm có được cái đại từ bi. Nếu trung ở ý với kỳ vọng việc gì cũng dám làm, chừng sa lưới sợ khổ thiếu chí chịu đựng mới đổ tội lên đầu cho kẻ khác đó là hạng người hèn nhác hữu thỉ vô chung.

Còn trung cả ý lẫn chí mà chẳng trung ở tâm, thì con người đó đâm ra cực đoan bất mãn quá khích hay chỉ trích chống đối kỳ thị, còn trung ở tâm mà thiếu trung của ý chí, coi như trên tay cầm viên ngọc quí, kẻ bạo biểu ném rất tiếc nhưng phải ném, dầu có được cái đại từ bi mà không thực thi cái đại hùng đại lực là dở.

Nhưng ở kiếp sanh ai cũng có cái hành tàng chừng nào cổ áo quan đậy nắp ta sẽ để lại cho đời một xấp hồ sơ trước tòa công luận tốt hay xấu, họ có quyền phê phán thưởng công hay kết án định tội cho ta. Trên cõi đời này ai cũng muốn làm một con người phi thường, thì ta

nên an phận chỗ tầm thường, mới làm được những việc phi thường, chẳng phải lý luận giỏi còn đòi hỏi về hành động phải đủ tinh thần đạo đức, bằng không ở bậc tầm thường mà thôi.

Chính ở bản thân chúng ta có ba lẽ sống nhưng cùng một hành động giữa linh và vật, sự thử thách vốn của ý, sự chịu đựng vốn của chí, sự sáng suốt vốn của trí, sự quản lý vốn của tâm. Phải chánh tâm mới cầm vững ba lẽ sống, cũng như trường tu ai cũng quyết lập công đặng cầu phong trên đường lập vị. Lập Vị mà giữ đúng với đạo lý là lập đức, muốn phát huy cái đức phải nhận thức chỗ lập ngôn, có lập ngôn mới bảo tồn được cái đức, trong Tam Lập là điều cần nhứt trước hết phải lập Tâm, Tâm là cái kho tàng. còn tam lập là ba hạt giống. Nếu thiếu lập tâm chừng thu hoạch không nơi chứa đựng dễ bị hư ẩm hay mất mát. Với những hạng người đó chẳng có lập trường thành ra bán đồ nhi phế là vậy.

Đức Thượng Đế là Đấng Háo sanh. Chúng ta hiện sanh sống nhờ vật hữu sanh, hễ hữu sanh hữu chủ, hữu định mệnh. Mệnh ấy tức là Trời ở trong thần của Vạn linh, nếu chúng ta dùng chẳng luyện cho tinh hóa khí trở thành cái đệ nhị pháp thân của ta thì nó đến tòa Nghiệt Cảnh kiện để đòi mệnh. Vì muôn loài trời ban cho cái sự sống. Tức "*Nhứt bổn tán vạn thù*", chúng ta dùng những thực vật đó đều có phật tánh. Nên tu với phép hàm dưỡng để luyện cả phật tánh của chúng sanh làm cho trưởng thành khối thiên lương nơi mình đặng đưa vào phần đại ngã tâm linh của Thượng Đế là "*Vạn thù qui nhứt bổn*". Bởi chúng ta là người tu ngoài giờ công phu còn công quả, nhờ đó mà có cả công trình nào dinh thự, chùa tháp góp

phần kiến tạo. Về đạo đức văn chương với ý chí sáng tác nếu được vẹn vẽ như trên thì cơ giải thoát nơi hằng sống sẽ dành ân huệ cho ta.

Đã quyết tâm tu hành, điều lành việc phải cứ làm đừng lựa chỗ rồi mới công quả, hoặc giả cuốc đất dẫy cỏ tuy sát loài vật với sự thật chưa phải cố ý, thảng như tìm nhiệm vụ tiếp tân giải bày không đúng chân lý cũng là tai hại, về việc làm cái gì cũng sợ, chỉ biết cúng lạy mỗi thời mà chẳng trọn tâm hiến lễ Phật Trời tà kiến còn dục vọng, coi như mọi hành động tội phước do tâm mà thôi.

Chúng ta là nhơn phẩm nhờ linh tâm vi chủ phần đạo lý còn sanh khí vi chủ về bản thân, phép trời đất một đóng một mở, ở con người một hô, một hấp hễ tim nhịp một cái làm cho khối sinh vật trong tế bào thoái mái sự sống không ngừng, bản thân nhờ đó khí sanh huyết, nếu tim ngưng đập thì huyết tiết thành khí trả lại cho không gian. Cũng như ở trời đất nước bốc thành hơi, rồi hơi đông tụ rơi xuống thành nước. Nên trước mắt chúng ta chẳng có cái gì sẽ mất, đều do sự biến chất của nó từ cái nầy đến cái khác, ví như lửa tắt rồi còn tro tàn, vật thể hoại thì hoàn cát bụi, bằng chứng khi con người ngưng thở huyết sẽ tiết thành khí trả trở lại cho khối sanh quang của tạo hóa, vì bản thân của chúng ta hoàn toàn là khối sinh vật. Thì tất cả Vạn Linh phải tùng phép Chí Linh ở lý âm dương, lẽ đương nhiên cái thở ở ta chừng ngủ phần tối linh vi chủ các tế bào thay thế cho ta.

Nên bản thân con người tối tân hơn máy móc hiện đại, Linh hồn là chủ bản thân vốn cái nhà, lỗ mũi là máy điều hòa dưỡng khí, cặp mắt là máy quay phim, lỗ tai là máy thu âm, miệng là máy phát thanh, trí ốc là máy điện

toán, tâm là máy điều chỉnh ở trung điểm như cái kho, tánh là cái màn ảnh của tâm. Nói rõ hơn là nhãn hiệu của tâm, chí là một tiềm lực của cơ thể, ý là tia phản chiếu tự động giữa tâm và tánh để soi vào màn ảnh cho mọi người thấy được tâm ta tốt hay xấu, buồn hay vui, thiện hay ác, nó sẽ xuất phát rõ ràng đúng như câu tâm tại ý ngoại, cũng như chỗ bè bạn rất thân tình rủi chạm tự ái, hôm sau có dịp gặp lại mình dầu có bắt tay chào hỏi nở một nụ cười nhưng không giấu được sự mặc cảm trong người về sắc thái đã hiện rõ nơi bản thể.

Đức Thượng Đế là đấng chủ tể Càn Khôn chia khối Linh quang ở đại thể tạo ra chúng ta một tiểu thể. Từ Linh hồn đến Chơn thần tới bản thân thì con người cũng là bán hữu hình, y như tôn giáo Cao Đài của chúng ta có ba đài tượng trưng cho Tinh-Khí-Thần cũng là bán hữu hình, nên có phần huyền linh về cơ bút kể như đạo Vô Vi. Nhờ Vô Vi mà phát huy cơ hữu hình, có tượng lý hữu hình chúng ta nhìn vào mới quyết đoán được sự vô vi ở đạo Trời.

Về lễ nghi, đạo Trời phải thực thi âm thinh sắc tướng, với sắc tướng Đại Đạo đã phô bày đặng biểu tượng chân lý hòa đồng. Hẳn vậy, bên trong đã có tinh thần duy nhứt, cũng như một giống chim, một giống hoa, một giống lá, một giống cá, thử nhìn ở bản thể quá nhiều màu, hãy tìm vào nguyên lý tạo đoan thì có một.

Còn âm thinh biểu tượng cái linh lực của Càn Khôn ở cơ khởi thỉ. Bởi Trời đất có âm thinh do tiếng nổ mới có cơ sinh hóa Vạn Vật, riêng về con người không phải lời nói, hơi thở cũng là âm thinh, để đưa sinh khí vào cơ thể làm cho nhịp độ quả tim có đủ linh lực đó là một Thái

Cực, nhứt tịnh nhứt động một đóng một mở ở hệ thống làm cho huyết mạch tuần hoàn giúp các tế bào nơi cơ thể dễ bề chuyển hóa.

Đạo Trời phải có âm thinh để biểu tượng cái linh lực của cơ điều hòa, có sắc tướng mới là trật tự cho ba ngôi Phật-Pháp-Tăng. Chính Ngũ Khí, Đức Chí Tôn biến Ngũ Hành rồi Ngũ Hành Phật Mẫu sanh ngũ sắc trong Càn Khôn, với Đức Chí Tôn năm thức mây, với Phật Mẫu năm cõi đất.

Vậy chúng ta thử nhìn vào chơn pháp của đạo đã tượng trưng cũng thế nên ngôi thờ Đức Thượng Đế Rồng đủ năm màu. Tịnh Tâm Đài có 2 rồng đỏ trên đầu có chữ Vạn cũng màu đỏ xoay theo chiều thu liễm của ngôi âm, nhưng cửa giữa của Tịnh Tâm Đài bên nữ chữ Vạn xoay thì đưa vô, còn bên nam chữ vạn xoay thì vung ra, chỉ rồng nơi đây mới có chữ vạn thể hiện cơ hoằng hóa của đạo pháp từ Tam Thánh ký Hòa Ước đến trước cửa có cân Công Bình Thể hình phép Địa Chi với 10 cột tròn, 2 cột vuông, phần ngoài 2 cột rồng 4 cột hoa sen đỡ bao lơn biểu tượng hàm răng của Long mã, Tịnh Tâm Đài thuộc pháp giới chúng sinh, 12 cột thể hình Địa Chi, từ mặt nền đến la phong 4 mét 26 cộng là số Thập nhị Địa Chi.

Còn Phi Tưởng Đài 24 cột thể hiện pháp giới tạo đoan, 8 cột tròn 16 cột vuông dầu 2, 3 cạnh đứng chung gốc kể luôn là một, trước có 4 cột nhưng 2 cây giữa có rồng vàng. Trong 24 cột chia ra thành ba con số bát của 3 ngôi Phật Pháp Tăng chiều cao từ mặt gạch chí la phong 4 thước 13 cộng là bát, danh thứ cũng nhằm tầng kế Tạo Hóa Thiên, là Phi Tưởng Thiên đây là Phi Tưởng Đài.

Với con số không phòng vuông chẳng cột là Thông

Thiên Đài từ mặt gạch chí la phong 4 mét 24 cộng là số Thập Thiên Can của đạo pháp.

Còn Bán nguyệt Ngũ Lôi Đài bề cao 1m4 cộng là số Ngũ với bề kính tâm Bán nguyệt là 1m28 phân chính đó Ngai của Đức Hộ Pháp, nếu 1m2 là con số Khai Nguơn của12 Địa Chi 1m2 cộng là 3 có nghĩa Tam Châu, 8 là số Chưởng Quyền Bát Bộ vòng bán nguyệt 3m6 cộng là 9 tức số định vị cho bát phẩm chơn hồn, còn vòng bán nguyệt Đức Thượng Phẩm với Đức Thượng Sanh đồng ngự 6m24phân, nếu cộng 12. Chia ra là 2 con 6 với đạo là ngôi luật, với thế là ngôi pháp giới chúng sanh, nên băng gian bán nguyệt 8 tấc tức nhiên Thế Đạo vận hành trong số Bát Quái.

Còn 3 cấp của chư vị Thời Quân ngự Bảo Hiến Khai mỗi cấp băng gian 6 tấc 2 thành 3 con số bát của 3 ngôi Đạo Pháp Thế, 3 cấp này nối liền qua 2 bên nam nữ, nên mọi người vào bái lễ phải để bước trên đó có nghĩa chúng ta phải tùng pháp Tam Qui Thường Bộ của Hiệp Thiên Đài.

Còn Tịch Địa Đài giữa cấp Địa Thánh với ô vuông chỗ Hành Pháp Độ Thăng và Pháp Hôn Phối phải ở ngay 12 tấm gạch đen in bông hình bánh đúc ở giữa lót hàng đôi ngang qua 6, dọc 6 hình thành pháp Tứ Tượng thêm vào mỗi nách một miếng gạch với hình thập tự nhai có 12 gốc cộng là 24 miếng gạch màu đen tiêu biểu dưới đó có rồng đen do Đức Hộ Pháp đã trấn pháp xong kế bị lưu đày. Hầm tư vuông mỗi mỗi 1m2 nếu cộng là 48 cũng 12 ở cấp Địa Thánh, với con số Thập Nhị Địa Chi của Phật Mẫu, còn từ đáy lên chí miệng hầm 1m2 vốn số Thập Nhị Khai Thiên của Đức Chí Tôn, nếu chia ra là 6 vốn con số của Đạo Pháp ở nơi đàn hành pháp.

Còn Cung Đạo nối liền với tòa Bát Quái thành ra 10 cột rồng vàng tiêu biểu pháp Thập Thiên Can, nhưng Cung Đạo 2 cột thể hiện cho nguyên lý âm dương của trời đất, Bát Quái Đài nơi thờ Đức Chí Tôn bằng Thiên Nhãn trên quả Càn Khôn để tượng trưng nguyên hồn của Vũ Trụ là Đấng Thượng Đế nắm quyền Vi Chủ, thì Bắc Cù Lư Châu và địa cầu 68 của chúng ta ở hiện nay cũng không ngoài tầm tay của Vì Thiên Đế, nơi ngôi thờ có 8 rồng trắng bằng gỗ nằm day 8 hướng chia thành 8 cung do pháp Bát Quái vận hành mỗi hướng phải có sanh khí. Đó là nguyên lý Đạo của Cung Đoài với 4 chữ Tây Phương Bạch Đế, tòa Bát Quái cái chấm ở giữa là một Tầng độc nhứt, hình cổ bồng chia thành 3 cấp núm đá mài màu xanh ngậm lấy cốt quả Càn Khôn cũng màu xanh, viền núm bao quanh đá mài màu đỏ cao lên 1m2 dưới bày ra 12 cấp mỗi cấp cao 1 tấc. Cấp thứ nhứt mặt đá mài màu đỏ có 8 Cung; Càn Khảm Cấn Chấn Tốn Ly Khôn Đoài cũng đá mài màu vàng, cấp thứ nhì cũng đá mài chia thành màu Tam Thanh tám hướng y nhau, còn bao nhiêu cũng đá mài màu đỏ trên có ít cấp viền xanh, cấp chót hết lại viền trắng, 8 cột rồng trong nhìn ra 2 cột mặt tiền đứng cấp thứ 7 còn 6 cột kia đều đứng cấp thứ 5 cũng là số 12, bên tả tượng trưng cho dương, bên hữu tượng trưng cho âm. Nên phía nam phái 3 cột đứng theo gốc Bát Quái lú cổø da qui chừng 4 phân, còn bên phía nữ phái mặt nền liền đến ngấn trái bí tìm hiểu về nguyên lý đặc biệt có một cây đứng trong ốp luôn vuông gốc tiêu biểu cho sự Công bằng về pháp ở ngôi đức, phần tròn thể hiện cho sự bác ái ấy là luật của ngôi đạo, giáp vòng trên cũng như dưới cũng tiêu biểu số 12. Về thiên tượng là Thập Nhị Thời Thần, còn địa hình là Thập Nhị Thời

Quân cộng là 24 nên lễ cúng đại đàn hầu Bát Quái phải 24 vị. Nam 12, Nữ cũng 12 do Đức Hộ Pháp phân định lạ một điều Lễ Sanh với Giáo Thiện đồng phẩm nhưng đi cúng Giáo Thiện đi sau Lễ Sanh còn hầu Bát Quái Giáo Thiện đứng cấp thứ 5 mỗi khoảng cột rồng 3 vị. 2 khoảng 6 vị. Người đứng đầu ngang Long Vị Đức Chưởng Đạo, còn Lễ Sanh người đứng đầu ngang bàn nội nghi nhưng mỗi vị mỗi cấp, 2 vị phái Thái đứng cấp thứ 6 và thứ 7, 2 vị phái Thượng đứng cấp thứ 8 và thứ 9, 2 vị phái Ngọc đứng cấp thứ 10 và thứ 11, vị Lễ Sanh đứng trước còn nhìn thấy Thiên Nhãn cấp lại thấp hơn, còn Giáo Thiện đứng thục vô mà cấp trên, về mặt yếu lý Thượng Đế là Đấng tánh đức toàn thiện và háo sanh nên phẩm dạy lành hầu cận hơn, còn phẩm giữ hạnh cũng hầu nhưng bủa rộng ra ngoài, bên nữ cũng vậy mỗi mỗi phải 12 số 12 là số chẳng khác nào ở mặt hữu vi của nền Tôn Giáo chúng ta. Cùng một gốc Tòa Thánh Tây Ninh trong cơ loạn đạo mới biến sinh 12 chi phái để chia rẽ con cái của Thầy, tức là 12 bóng. Cái bóng tuy giống cái hình ta hãy cẩn thận để mắt nhìn đừng vô tình mà bỏ hình theo bóng. Tòa Thánh Tây Ninh Đạo Cao Đài thể hình Bạch Ngọc Kinh tại thế. Nên ngôi đền thờ Đức Thượng Đế phải có 12 đài phần tách rời ra ngoài có 12 chi phái, cũng như xưa kia Đức Chúa Trời dạy ông Moise tạo Đền Thánh tạm và một bàn thờ tại chân núi Sinai dựng 12 cột trụ chỉ về 12 phái của dân Israel. Mà hôm nay dân Việt Nam cũng thế. Dầu chi phái cũng đồng con cái Thầy do người làm đầu mà đến buổi này về Chơn Pháp buổi Tam Kỳ các Chơn Linh bên chi phái chưa hưởng được kinh tận độ của Toà Thánh Tây Ninh từ Thiên Đạo đến Thế Đạo.

Giáp vòng tòa Bát Quái chi phái nên để mắt nhìn kỹ 8 chữ (Tam Giáo qui nguyên, Ngũ Chi hiệp nhứt) Đoài thì Nhứt Tiền, Chấn thì Nguyên Hậu, khi chúng ta đê đầu khấn bái thần hướng vào ngay 2 chữ Nhứt Nguyên, Tòa Bát Quái điểm xoáy ốc ở giữa là 9ø làm cơ định vị cho quả Càn Khôn để thờ Đức Chí Tôn. Thấy chấp chóa những tinh cầu là chơn tướng hữu vi của Cửu Thiên Khai Hóa, coi như phần âm trầm ở Hạ phương Thế giái của Phật Mẫu, nhưng có ngôi Bắc Đẩu để làm tòa ngự cho Đức Chí Tôn tức thị trong âm phải có dương.

Phần trên thấy những tinh cầu hiển hiện để định danh ở cái có dưới đó hầm Bát Quái tượng lý ở cái không của thuở Hồng Mông về cơ mầu đạo pháp, Hồng Mông có nghĩa nguyên khí tự nhiên rộng lớn mênh mang mờ mịt. Cũng là nơi để đưa hoàn xá lợi của các Chư Thánh trở vào nguyên thỉ với mớ tro tàn. Nắp hầm nằm vựa chân tường của khuôn thiên nhãn thứ 12 do đôi bên tính dồn lại tại chánh đông là 12, thang bước xuống có 8 cấp. Chính giữa là chân trụ cốt của quả Càn Khôn trên ngôi thờ Chí Tôn nối liền xuống đứng chính giữa rún hầm Bát Quái cột chiều cao đụng dạ nền Bát Quái là 3m3 bề hoành châu trụ 4m5+9. Mỗi hướng mỗi cung có 8 bức tường 45cm cộng là 9, châu vô cột trụ của quả Càn Khôn, hình đứng lên cuốn vòng nguyệt cửa tường dính liền cột trụ như 8 cầu vòng tựa rồng phun nước, hướng Chánh Tây dưới đây là cung Đoài còn ngay ở bên trên ngôi đền là cung Đạo, đặc biệt cung Đoài dựa chân tường ngang có một cái bàn để tro tàn của Chư Thánh đã được Thiêu Cốt, 1) là Đức Quyền Giáo Tông, 2) là Đức Cao Thượng Phẩm, 3) là Ngài Ca Bảo Đạo, 4) là Ngài Đầu Sư Thái Thơ

Thanh. 5) là Ngài Đầu Sư Ngọc Trang Thanh, 6) là Bà Nữ Đầu Sư Lâm Hương Thanh. Phần này có 6 búp sen bằng đồng để thánh danh mỗi vị còn hai cái thố bằng pha lê chẳng để thánh danh.

Khoảng giữa bức tường cung Đoài chắc Đức Hộ Pháp, Ngài dạy cách tường chừng 7 tấc đối diện 2 bên từ dưới tính lên mỗi bên có 10 lỗ ngang vuông không sâu cở vừa viên gạch thẻ chập vào mỗi lỗ lòng cũng tô kỹ như mặt tường vậy, Bát Quái là con số âm, Cung Đoài Chánh Tây cũng thuộc âm, còn 10 là 2 con số lão âm, sẽ sanh dương, nên Cung Đoài trở thành Cung Đạo tức 2 âm một dương do sự biến dịch của cơ tạo đoan, tổ tiên của người Việt dầu sống ở thế gian nhưng đã ảnh hưởng nền minh triết đó, về đạo phu thê có nghĩa thay Trời tạo thế trong cơ sanh hóa, gây mối nhơn luân chi bổn, với tuổi còn nặng phần nhơn dục, thường gọi 2 vợ chồng, tức 2 âm 1 dương, chừng tuổi quá kỳ tri thiên thì nói 2 ông bà bởi con người càng già càng hướng về thiên lý ở đạo Trời đất tức 2 dương 1 âm.

Người Nữ tượng thể cho âm, Nam tiêu biểu cho dương, cả 2 tác hợp lại thì gọi 2 vợ chồng, thành thử nữ phái nặng ở phần sanh hóa nên tạm gọi thêm 2 âm nữa, cũng như Đức Phật Mẫu là ngôi âm. Nước đất cũng âm nhờ 2 âm đó mới có cơ sanh hoá và trưởng dưỡng vạn vật. Nên ngôi thờ của Đức Chí Tôn nơi Cung Đạo Đền Thánh cũng tượng lý số ở cung Đoài 2 liền là dương, 1 vạch nối là âm, còn trên bao lam Thần Vọng hết một Nữ Phật nơi Nghi Tam Trấn phô bày nơi ngôi thờ đều có ý nghĩa về đạo pháp ta làm sao hiểu thấu. Đó là ngày 8 tháng 10 Giáp Tuất, Ban Kiến Trúc được lịnh Hội Đồng cho tu bổ hầm

Bát Quái lót gạch và tô tường lại. Về phần điều hành Tổng Giám Xệ chịu trách nhiệm với Hội Đồng, nên cho công thợ tô kín hết những lỗ màThầy chừa lại; tôi mới hỏi 8 Kiệt là Phó Tổng Giám cùng làm với các Phó Tổng Giám đều cầm bay chớ không một ai đứng chỉ tay 5 ngón, Tám Kiệt trả lời với tôi, nói chắc Thầy chừa những lỗ đó để xây ép cột vào đỡ tòa Bát Quái phụ với giàn đà, nhưng thấy sức chịu đựng nỗi mới không xây nên hôm nay có dịp tu bổ cho thợ lấp vào đó một viên gạch thẻ tô kín luôn cho đẹp. Nghe vậy hay vậy chớ tôi đâu dám ý kiến, nếu chừa để xây cột thì đầu gạch nhô ra từ chân tường đến đầu tường mới phải, có đâu 10 lỗ đó lưng chừng khoảng giữa bức tường còn tô kỹ ở lòng mỗi lỗ làm chi cho tốn công thợ.

Như vậy Cung Đoài dưới hầm Bát Quái chẳng còn làm cái lý trung hòa cho hai con số lão âm để sanh dương cho Đoài, còn diềm ghế giáp vòng có 8 cung, Đoài Chánh Tây ở mặt tiền tòa Bát Quái ngôi thờ để làm cái lý trung hòa cho Trời Đất, bởi Tây Nam Cung Càn, còn Tây Bắc Cung Khôn, tại Ngũ Lôi Đài Đức Hộ Pháp ngự Chữ Khí để làm cái lý trung hòa cho Đạo và Thế, về hệ dọc của ngôi Đền ngoài là Cửu Trùng trong là Bát Quái, Cung Đạo ở giữa để làm cái lý trung hòa cho Linh hồn và xác thể, còn hệ ngang bên tả nam phái, bên hữu nữ phái cung Đạo ở giữa kể như cái lý trung hòa cho âm dương.

Còn Cửu Trùng Đài chúng ta nhìn 2 bên đều có 9 cột rồng xanh để tiêu biểu 2 con số cửu cửu Càn Khôn, tại sao ngôi thờ Đức Chí Tôn Rồng và Long Mã đều hả miệng. Đạo thể hiện cơ Ân xá kỳ ba Trời mở pháp cho nhơn sanh giữa 2 khối tâm và vật cũng đoạt được huyền pháp của Chí Linh, nếu tà thì bày ra cơ tiêu diệt, còn

chánh thì dùng thuyết bảo tồn, đặng cứu độ phần Linh hồn con người biết đoạt cơ giải thoát.

Tại sao Trời khai đạo kỳ 3 lại chọn đất nước Việt Nam nhờ cái truyền thống của ông cha còn lưu lại cho con cháu Rồng Tiên hơn 4000 năm trên danh tự và lịch số "*cửu cửu Càn Khôn*". Nên ngôi thờ Đức Chí Tôn khoảng giữa mỗi bên có 9 cột rồng xanh nếu cộng là 18 cột Cửu Trùng, tổ tiên ta biết tùng chơn lý của đạo pháp mới lập 18 đời Hùng Vương của trang đầu quốc sử, lấy lý tượng cho số do cơ biến dịch Bát Quái khởi Càn, Thiên Can khởi Giáp nếu cộng 18 chia thì 2 con 9 tức là pháp định vị Càn Khôn.

Vì sự truyền thuyết kể như triết lý huyền thoại ngược lại đồng nhất, nói ông Bàn Cổ sống 18 ngàn năm với câu "*nhứt nhựt cửu biến*" mỗi ngày biến 9 lần. Mỗi lần lớn ra 10 thước ám chỉ cơ khởi thỉ dương sanh âm, còn Hiên Viên trị 13 đời mỗi đời là 18 ngàn năm, đến Thần Nông trị 14 đời mỗi đời cũng 18 ngàn năm, nên các vì Thiên Tử ở thời trung cổ nhìn chỗ cơ biến dịch của Trời Đất mà lập thành ngôi Cửu Ngũ noi theo triết lý vương đạo, khi nắm quyền chỉ biết lấy đức chăn dân, lấy nhân trị thế, biết thuận hành ở mệnh Trời để thay Trời trị vì Thiên hạ, ngự nơi ngôi Cửu Ngũ tức là Bát Quái cái điểm xoáy ốc ở giữa là Cửu. Chưa biến tứ âm là ngũ, do đó mà các vì Thiên Tử khi ngự triều lưng day chánh bắc, mặt hướng qua nam theo cơ hành xử ở sự biến dịch của đạo Trời.

Nên tòa ngự của Đức Chí Tôn là ngôi Bắc Đẩu cũng ngay chánh bắc, hướng thuộc sắc đen huyền màu của Trời với chữ "*Thiên huyền*" lúc nào cũng lâng lâng tủa ánh huyền quang như con ngươi giữa tròng đen ở đôi mắt con

người vậy. Do đó khi hành lễ chúng ta không dám mặc đồ đen chỉ đội khăn đống đen thì được, kỳ thật cõi trời trên đó có màu đen là Huyền Khung, nơi Huyền Khung lại có Bạch Ngọc Kinh, còn ở chúng ta kể như trời đã thể hình đốm trắng trong con ngươi vậy, tại sao Phối Sư nam phái được mang đôi giày đen khi chầu lễ Đức Chí Tôn, còn Phối Sư nữ phái chỉ mang đôi giày trắng để thể hiện những vị đó ở Bạch Ngọc Kinh mà thôi, cũng phẩm Thiên Thánh với đôi giày đen tiêu biểu vị Thánh của Trời được ra vào ngưỡng cửa Huyền Khung chỗ Linh Tiêu Điện là nơi Thượng Đế ngự.

Bằng chứng ở Cựu Ước, Đức Chúa Trời hiện đến trong đám mây đen cùng ông Moise giữa cánh đồng, dưới chân Chúa Trời chiếu như ngọc bích với chân lý Cao Đài là Kinh Bạch Ngọc, bởi con mắt phàm bị khí chất ngăn cách do sự phản chiếu khi nhìn chỉ thấy màu xanh mà thôi, vì qua khỏi tầng khí quyển trên đó có 7 lớp từ khí, nên kinh Phật gọi đó là "*Thất trùng la võng*". Khiù chất của 7 từng Thiên trên đó lắng động lại nơi Âm Quang chỗ khoảng cách giữa trần gian và tiên giới thành 7 khí chất của Hậu Thiên, cái tầng nối liền âm quang là Ngạn Uyển. Mỗi con người chúng ta là một đóa hoa trong cảnh giới hữu hình gọi đó là vườn Địa Đàng mà Cựu Ước Chúa Trời đã nói, xưa kia ông A Dong cùng bà Êva phạm tội cùng Đức Chúa Trời bởi sự cám dỗ ở cõi đời mà Chúa Trời tượng thể bằng con rắn độc, chỗ để ô nhiễm nộc của nó vào trong con người là thất khiếu sanh quang, nên tôn giáo Cao Đài tiêu biểu 7 cái đầu rắn ấy là thất tình hay 7 dây oan nghiệt cũng là nó, nếu chúng ta không tu cũng khó cởi mở được.Vì từ ngôi Vô Cực của Đức Mẹ sản xuất

Chơn Thần chừng lồng vào bản thân là một giới cảnh mỗi mỗi đều do huyền năng của Phật Mẫu tạo ra, Đức Phật Mẫu là Mẹ Sanh còn Cửu Vị Nữ Phật là mẹ độ dùng 7 khí chất đó tạo Giác Thân tức Thể Phách đặng bọc lấy Chơn Thần ở trong Tam Thể: 1) là Phàm Thân, 2) là Giác Thân, 3) là Pháp Thân, tức thị Chơn Thần, chưa kể đến Chơn Linh, nếu luận đến Linh hồn cái linh của Đức Chí Tôn, còn hồn là thần do Đức Phật Mẫu biến tạo bằng khí âm dương, thì đương nhiên đã có ánh Linh quang của Đại Từ Phụ ban trong đó rồi, thảng như người tu có nhiều lần giáng thế để công hóa độ quần sanh nhờ tâm đức mà đoạt vị thì gọi Chơn Linh của tiền kiếp, bằng không là Chơn Linh ở Thượng Đế.

Nói về Chơn thần thì bình đẳng, còn Chơn Linh có cao trọng có thấp hèn. Chơn thần nhờ nương Chơn Linh mà tấn hóa, Chơn thần ví như một loại bóng đèn, còn Chơn Linh có cao trọng có thấp hèn cũng như nhà cửa vậy, nếu nhà cửa cao trọng cũng loại bóng đèn cháy lên óng ánh đẹp đẽ vô cùng, còn nhà cửa thấp hèn thì bóng đèn cháy lên với vẻ tiêu sơ mờ ảo.

Đây là chân lý đạo phải mượn đồ vật để làm bằng chứng cụ thể hóa mới dễ biện minh cho Chơn Linh và Chơn Thần. Còn phần Cửu Trùng từ mí Hiệp Thiên chí Bát Quái có 10 khoảng la phong dù không tính Cung Đạo, mỗi khung ở la phong có 6 rồng đoanh hiện màu Tam Thanh, đó là cơ vận hành Càn Khôn của Đức Chí Tôn trong mỗi giờ "*thời thừa lục long*", thể hiện trong ngôi thờ Đức Thượng Đế, có 6 rồng chẳng khác nào trong Cựu Ước Chúa Trời bắt đầu Khởi Thỉ từ thứ 2 đến thứ 7, mỗi ngày Chúa Trời tạo ra một vật thể đúng 6 ngày là xong

kể như lục nhựt sáng tạo Càn Khôn, cũng nhằm thứ 7 với con số thất diệu của Đức Chí Tôn là 7 tia sáng ở ngôi Bắc Đẩu, giữa đông và tây 2 điểm nầy coi như đồng nhứt của đạo Trời. Bát Quái là Phật nên rồng vàng, Cửu Trùng là Tăng sao lại rồng xanh, Hiệp Thiên là Pháp nhưng lại rồng đỏ, màu của rồng nếu trong nhìn ra thuận với màu Tam Thanh, còn ngoài nhìn vô thì đúng với cái danh xưng của Đại Từ Phụiï khi mới đến lần đầu để mở đạo, A là Pháp, Ă là Tăng, Â là Phật, Phật là Bát Quái, Pháp là Hiệp Thiên, Tăng là Cửu Trùng.

Nhưng Hiệp Thiên Đài tầng giữa là Phi Tưởng Đài của các đấng cầm quyền Càn Khôn. Với nền đạo Đức Chí Tôn lại là nơi thờ bửu ảnh của nhứt Phật, nhị Tiên. thập nhị Thánh cùng bửu ảnh Anh Cả Quyền Giáo Tông, nên cột xanh rồng vàng pháp trong phật, còn Tịnh Tâm Đài thuộc pháp giới chúng sanh cột trắng đạm điểm xanh rồng đoanh màu đỏ chứng tỏ thân tâm phải có Đạo Pháp, Rồng đỏ ở Hiệp Thiên dễ hóa khí, trên nguyên lý để hiệp cùng thần. Nhìn chung ở Tòa Hiệp Thiên tầng dưới là ngôi Tăng, tầng giữa là ngôi Pháp, tầng trên là ngôi Phật.

Cũng như ở con người chúng ta cái linh là Phật, cái vật là Tăng, Thần cơ năng là Pháp, nên trong giờ dâng tam bửu chúng ta định thần lại được tức trụ pháp tánh, liền có Đức Phật Phục Linh gom cả Linh quang ấy trình lên Đức Chí Tôn nơi Bát Quái Đài tức Pháp huờn hư với một ân huệ Chân Như hiệp nhứt, xong rồi Đức Chí Tôn ban lại nghi sanh quang nơi Đài ngũ Lôi cho Đức Hộ Pháp điểm đạo xong ban lại cho chúng ta là Pháp định vị của Phật Hộ Pháp. Khi chúng ta xây bộ ra xá Pháp nơi Ngũ Lôi Đài hình thành một pháp tứ tượng hệ dọc đấng ngự

trên ngai Thất Đầu Xà là Phật bên sau chữ Khí là pháp với cái phong màu đỏ nơi nghi thờ là Tăng.

Còn hệ ngang bên hữu ngôi đền nhìn qua bửu tượng chủ của 3 Chi ở 3 Ngài: Thế là Tinh, Pháp là Khí, Đạo là Thần, nhưng chữ Khí màu vàng tượng thể trong pháp cóù Phật, còn Bát Quái Đài cũng như Phi Tưởng Đài tầng số bát Rồng vàng cột xanh tượng thể Phật trong Pháp, với Cửu Trùng Đài Rồng xanh cột đỏ nhạt chứng tỏ trong Tăng có Pháp, do Hiệp Thiên Đài nắm cơ định vị cho Cửu Phẩm Thần Tiên tức nhiên cái nguơn khí của Cửu Trùng là ba Chưởng Pháp, còn tiêu biểu cái nguơn tinh của Hiệp Thiên Đài là Đức Thượng Sanh, toà Bát Quái tượng lý cái đại nhứt thể để thờ đấng Chí Linh và Vạn Linh nên thể hiện các tinh cầu, như vậy hình ảnh của Đức Chí Tôn là Càn Khôn Vũ Trụ là Tinh, chỗ phát tụ, điển lực sanh quang là Khí, trên nguyên lý âm dương của ngôi Thái Cực là Thần, luận về cổ tục Quốc Phong với truyền thống của nòi giống Việt Nam cũng là con Rồng cháu Tiên, được biểu tượng ở sự phát nguyên của cơ khởi thỉ do một bộc sanh trăm trứng mà gầy nên dân tộc lời thường quen gọi là bá tánh. Với một chánh thể Quốc Gia không phân giai cấp, nên tổ tiên của người Việt Nam khi thốt lời ra không quên hai chữ đồng bào, chừng hiểu đạo nhìn vào nền triết lý của Đức Chí Tôn thì Kim Bồn của Phật Mẫu là bào thai chung mới biến tạo ra chúng ta, nên Thánh Ngôn Đức Chí Tôn có dạy với câu "*phải nhiều máu thịt mới đồng bào*". Riêng con người Việt Nam mà được cái tinh thần cao quí là nhờ nền triết lý của Tổ Tiên kế truyền cho miếu duệ từ thiên thể đến chí quốc thể. Với tinh thần sùng thượng tự ngàn xưa về phần hồn gốc ở

Kim Bồn là Thiên Thể.

Còn quốc thế kể về tinh thần đời sống của nòi giống Rồng Tiên chung bọc mới có nghĩa hai chữ đồng bào, kể như anh em với nhau dầu chẳng phải tông tộc, nếu có sự bất hòa đôi bên xỉ vả với nhau cho là chưởi lộn, đến mức độ dài xéo với nhau cho là đánh lộn, lộn là trái với đạo lý ở con người, nên phần tử nào việc làm không cần đến đạo lý, thì đời cho những kẻ ấy đã lộn lương tâm.

Vì đó mà loài vật nó cắn với nhau ta cho là cắn lộn, còn cụn với nhau cho là cụn lộn, chém báng với nhau cho là chém lộn, đá với nhau cho là đá lộn, vật tuy đồng một loại với hiện tại bởi thiếu sự thương yêu mới xảy ra trường hợp như thế.

Còn chúng ta là con người đã có cái đạo Nhơn Luân Cửu Huyền Chi Bổn, kể gần nhứt từ bà sơ, bà cố, bà nội với mẹ của cha ta với ta là 5 họ. Còn bên Ngoại từ bà sơ, bà cố, bà nội với mẹ của mẹ ta. Đến mẹ ta cộng là 10 họ, như vậy đủ chứng tỏ huyết quản đó đã có trong truyền thống lâu đời.

Chẳng luận đến đạo Trời chỉ bàn sơ qua đạo người lỡ giận có sự xích mích với nhau cho gây lộn là phải, bởi con người dầu sao đã có ảnh hưởng ba nền tôn giáo nên biết sợ sự quả báo ở kiếp luân hồi. Chính kẻ thế chưa biết tùng giáo mà vẫn nói lên chân lý đạo, cho rằng chúng ta nên làm phải sẽ để đức lại cho con cháu, nên thế nhân thường nói có đức hỏng sức mà ăn. Còn làm ác sẽ tội mất Linh hồn.

Nên Nho giáo có câu "*Thiện hữu thiện báo ác hữu ác báo*" còn thế nhân lập luận ai gieo gió sẽ gặt bão. Với

Thích Giáo có câu "*Sát nhứt đao hườn nhứt đao*" "*chưởng đậu đắc đậu*". "*Chưởng hoa đắc hoa*". Nên kẻ thế nói làm cái gì hưởng cái nấy, có những cái dầu thấy chẳng tính được cho là "*hằng hà sa số*" kể như mớ cát của sông Hằng, về Lão giáo nên kẻ thế rất tế nhị ở câu, trần gian là quán trọ kiếp người là khách lữ hành. Nên Trang Tử có chữ "*tuất ảnh*" có nghĩa thân còn đi bóng còn theo.

Về Ky Tô Giáo cũng đề cặp đến sự luân hồi quả báo nên cấm Sát Sanh, Chúa đã phán và tiên tri ở sự đi và đến, với đại ý: "*Kẻ nào cầm gươm sẽ chết về gươm, kẻ nào làm đẹp lòng Cha Ta sẽ được về cùng Cha Ta nơi nước Chúa Trời, còn kẻ nào bị nguyền rủa sẽ đời đời ở nơi hỏa ngục.*"

Cái truyền thống của dân tộc Việt Nam có cổ tục quốc phong tự ngàn đời, y như trong Cựu Ước Đức Chúa Trời ở cơ khởi thỉ. Kẻ cầm bút chỉ nêu lên đây, chẳng phải hoan nghinh cái tinh thần của nòi giống với lẽ sống biết tôn thờ chân lý Thượng Đế, bởi Đức Chúa Trời là đại nhứt thể kể ngôi một bắt đầu tạo Càn Khôn Thế Giới. Ngày đầu gọi là thứ hai đến thứ 7 là xong, ngược lại tổ tông có cái tinh thần Thiên Đạo ở trong Nhơn Đạo, Trời dùng lý âm dương mà sanh hoá nên ở con người, cha mẹ là hai đấng tạo đoan coi như ngôi một. Hễ sanh đứa đầu lòng gọi là thứ hai, chớ chưa ai dám xưng mình là thứ một. Do lòng hiếu kỉnh độc nhứt của người Việt Nam ở miền Nam đối với Đức Chúa Trời.

Nên chúng ta sanh ra ở đời phải nhờ lý âm dương của hai đấng tạo đoan ban cho cái sự sống nhưng có định luật, chính bản thân chúng ta phải nhờ tinh cha huyết mẹ mới tạo nên nhơn hình phần dương sinh, phần âm dưỡng, thiết tưởng ở thực tại âm là đất nhờ tiếp thụ dương quang

trở thành nguơn chất biến sanh muôn loài có sự sống Cũng như âm bồn của người mẹ ở phần hạ tiêu thuộc Hậu Thiên của cơ sanh hoá, nhờ tiếp Tiên Thiên Khí của Thượng Tiêu ở người mẹ làm cho anh nhi hoá trưởng nơi bào thai, chừng đủ 9 tháng 10 ngày thì khai hoa nở nhụy đó là nguyên lý ở câu cha sanh mẹ dưỡng là vậy.

Chẳng khác nào ở trời đất hễ có sanh tất có dưỡng do cơ tạo hoá Thượng Đế đã an bày, giả như loài bướm chẳng bao giờ thấy nó nuôi con. Nhưng sanh biết lựa cành non mới đẻ trứng điều đó để chứng tỏ vạn vật sống nhờ có qui luật của cơ tạo đoan. Nhưng riêng về dân tộc Việt Nam với cái danh trên quốc sử là giống Rồng Tiên. Rồng tượng lý phần nguyên khí của Trời. Do đó mà Toà ThánhTây Ninh vốn ngôi thờ Đấng Chí Linh nên Đức Hộ Pháp đứng ra xây cất có rất nhiều Rồng, không tính Rồng ở ngạch mão với mấy chiếc Ngai hay chạm trên long áng hoặc Long Mã, chỉ tính luôn rồng đen ở dưới Tịch Địa Đài là 111 Rồng tức thị 3 con số dương của cơ khởi thỉ trời đất, Rồng là vật đứng đầu tứ linh.

Nhưng Đền Thánh thể hình hai bên la phong dù kế trên đầu tường giáp vòng là 20 khuôn chỉ có Lân Qui Phụng gọi là Tam Linh, Lân đầu quay theo chiều chưởng giải bên nữ từ mí Hiệp Thiên Đài vòng sau toà Bát Quái, sang bên nam phái trở lại Hiệp Thiên Đài, riêng về Long mã biểu tượng linh thể Tiên Thiên Bát Quái của Đức Phục Hi ở thời Tam Hoàng, còn qui biểu tượng linh thể Hậu Thiên Bát Quái của thời Hạ Võ đến Châu Sơ Văn Vương mới hoàn chỉnh, nhưng cả hai sau được trình bày phụ chú vào mỗi hào gọi là Kinh Dịch, đến Đức Khổng Tử là người thứ 3 mới được đem ra áp dụng cho đời, Lân

biểu tượng linh Thể Ngọc Thơ ở cơ trị thế và Chuyển Thế của Nho Giáo, còn Phụng biểu tượng linh thể của Vương đạo của cơ bình trị vào thời thánh đức.

Với thân hạc tạc để đứng trên lưng qui được đặt trước nghi thờ, qui là hệ ngang, hạc là hệ dọc biểu tượng linh thể của trời đất âm dương. Với nguyên lý ở hai con vật "*hạc tán qui linh*" thể hiện sự trường sinh của đạo pháp ở các nền tôn giáo Á Đông, thuyền Bát Nhã biểu tượng trí huệ là linh thể bồ đề tâm của Thích Giáo để hóa độ các nguyên nhân còn bị đắm trần. Riêng thân hạc tạc hình ở mái đền để biểu tượng cho linh thể tiên xa của Lão Giáo với câu "*hạc nãi tiên xa*". Hình Thanh Loan đứng trên nóc Báo Ân Từ biểu tượng linh thể sứ điệp của Diêu Trì Cung thấy đó biết có Phật Mẫu giáng lâm, Kim Mao Hầu giữ cửa Bạch Ngọc Kinh đạo biểu tượng linh thể cảnh triều nghi để chực rước những Chơn thần đoạt vị đặng vào triều kiến Đức Chí Tôn.

Cân công bình biểu tượng linh thể cơ phán xét của Đức Hồng Quân là Đấng Chí Tôn cầm quyền Càn Khôn Vũ trụ, đền Thái Cực biểu tượng linh thể Đức Chí Tôn là khối lửa ở ngôi tự hữu độc nhứt quang minh. với triết lý Cao Đài thể hình Nguơn Thần của Bái Hỏa giáo, hình tam giác bao quanh Thiên Nhã biểu tượng linh thể của Lý Thái Cực, tức là bửu pháp Pythagore giáo, ông Thiện biểu tượng linh thể ngôi Càn Kiện của đấng Háo sanh, ông Aùc biểu tượng linh thể con đường tự giác của thế nhân, ngôi Đền Thánh biểu tượng linh thể Long Mã phụ Hà Đồ, với quả đất biểu tượng linh thể Khối Nguơn Chất của ngôi âm để dưỡng sinh vạn vật. Chung quanh Tòa Thánh mỗi khoảng lan can có dây nho biểu tượng

linh thể ngôi tam bửu mà Pháp Chánh Truyền đã định nghĩa theo nguyên lý dây nho là Tinh, nước nho là Khí, rượu nho là Thần, chữ Khí biểu tượng linh thể mệnh sanh của vạn vật.

Thờ quả Càn Khôn biểu tượng linh thể Khối nguyên hồn của vạn hữu, với vệt Ngân Hà bao quanh biểu tượng linh thể Khối tinh hoa của Trời đất hội tụ, Khuôn Thiên Nhãn nơi khánh thờ, hữu có mặt nhựt biểu tượng linh thể của khối dương quang chiếu bên âm ấy là đạo, tả có mặt nguyệt biểu tượng linh thể của khối âm quang hiện bên dương ấy là đức, với chân lý Cao Đài thờ Thiên Nhãn để biểu tượng linh thể thần Thiên Lương của nhơn loại với thực tại cũng biểu tượng cho bản tâm ở con người.

Nhưng Đức Hộ Pháp đã thuyết Thiên Lương ấy mới thật ta. Nó đã do khối Chí Linh của trời mà sản xuất thì nó là con của Trời tức nhiên nó là Trời, nếu do nó mà để tín ngưỡng, mà mình do trời mà tín ngưỡng, mình thờ nó tức thờ Trời, ngoài nó ra chẳng ai biết Trời, ngoài Trời không ai biết nó. Điều đó đức Đại Từ Phụ đã nói "*Các con không ăn mà no, không mặc mà lành. Vì ăn mà phải đọa, vì dâm mà phải đày*". Nên Chúa Cứu Thế tiên tri xác loài người ngày sau sẽ sống lại, vì nền văn minh vật chất nó giết mất cái phần Thiên Lương thì đương nhiên loài người đua đòi theo chủ thuyết không cần biết đến Linh hồn, nên kỳ ba Đức Chí Tôn tạo thế những phần đó không nhìn thấy Thượng Đế ngoài nó chẳng ai biết Trời là vậy, ấy cũng do đao binh làm cho nhơn loại sợ mới để đức tin nơi Thượng Đế. Vì loài người ở thế khởi thỉ nhơn loại do nơi trời đất, dầu chúng ta mất chơn tánh chỗ bổn nguyên, chừng gặp khổ, tinh thần quá ưu phiền

sợ hãi, chớ chưa phải là hoảng hốt mới thốt ra lời, chẳng biết kêu ai hơn kêu trời với đất để cứu lấy họ, cái khổ là pháp giác ngộ cho con người. Chừng đó họ mới kêu vang cùng Thượng Đế.

Nên kỳ ba Đức Chí Tôn đến mở đạo để tạo thế dạy chúng sanh thờ Thiên Nhãn tức thị thờ thần Thiên Lương của nhơn loại. Cũng là thờ khối đại Linh quang của Thượng Đế, còn Chư Thần Thánh là một ánh Linh quang. Mỗi chúng sanh là một tiểu Linh Quang, cho nên mọi hành tàng của cơ chuyển hóa cũng qui vào đại nhứt thể ở Vũ Trụ. Do Chí Linh sản xuất Vạn Linh, thì Vạn Linh phải tùng pháp Chí Linh mà dục tấn.

Cái đạo của Đấng Chí Linh là cơ sinh hóa, cái đức của Chí Linh là pháp dưỡng dục quần linh. Chúng ta sống phải nhìn rằng nhờ cái đạo đức của Càn Khôn, vậy ta phải giữ cái đạo để tạo thêm cái đức, bởi giữa trời đất với con người, cái đức là hình thức của cái đạo, phải nhờ cái đức nó giúp sức sáng thêm cái đạo, cho nên mọi sự vật ở trong trời đất tất nhiên phải có đạo và đức.

Đạo là luật, đức là pháp. Nhưng trong pháp phải có luật, trong luật phải có pháp, luật là điều hòa, pháp là trật tự, ở trời đất mọi sự vận hành, ở con người mọi sự sinh hoạt cứ tuần tự giữ đúng vị trí là pháp, không xâm phạm ở mức điều hòa là luật, nhờ vậy pháp luật mới là then chốt của sự quân bình.

Luận đến đạo pháp chúng ta là phần tối linh từ trước đến giờ nói về đức tin có phần dị biệt.

Tại sao Môn đồ Nho Giáo chỉ biết thờ Đức Khổng Thánh, Môn đồ Lão giáo chỉ biết thờ Đức Thái Thượng,

Môn đồ Thích Giáo chỉ biết thờ Đức Thích Ca, Môn đồ Ky Tô Giáo chỉ biết thờ Chúa Cứu Thế, nhưng các đấng đó đều vâng lịnh Thượng Đế giáng trần lập đạo để cứu đời với triết lý ở đạo trời trong tình thương và lẽ phải. Ngược lại có một phần tử thiếu tình thương bởi ngộ nhận đương nhiên mới chia rẽ khó mà độ tận chúng sanh để qui nhứt tinh thần tín ngưỡng.

Nên buổi Tam Kỳ Đức Hộ Pháp đắc lịnh Chí Tôn đến thay Trời tạo thế vừa phát họa đồ án vừa đốc công một số Con Chiên lo kiến tạo ngôi thờ Đức Thượng Đế làTòa Thánh Tây Ninh được thể hình Tam Giáo Ngũ Chi làm cơ qui nhứt, với nền triết lý gồm cả Thế-Đạo- Pháp thành một ổ khóa, nếu người tu biết trau giồi cái linh thức làm chìa sẽ khám phá được các kho tàng huyền bí của nền triết lý Á Đông trong đó có cả Đế Thiên và Kim Tự Tháp.

Trong là Bát Quái Đài là Phật, ngoài Hiệp Thiên Đài là Pháp, giữa Cửu Trùng Đài là Tăng. Cửu Trùng tượng thể cái chơn pháp cơ chuyển hóa của đấng Cửu Thiên Khai Hóa là Phật Mẫu, phần nội tâm ngôi đền thể hiện 9 tầng thiên làm cơ định vị cho Cửu Phẩm Thần Tiên dính liền với cung đạo là10 tức thị cung Phật.

Theo triết thuyết Cao Đài, trong muôn loài cũng do cơ tạo hóa của Càn Khôn mà có. Nhờ lý âm dương hòa hợp mà sanh, từ vật loại đến con người nhờ biết giác ngộ lo tu hành mới đoạt thành cơ giải thoát mới vào hàng Thần Thánh Tiên Phật. Nơi cõi Trời theo Kinh minh tả dầu một vị Đại Thần, Đại Thánh hay Đại Tiên về huyền pháp quản trị cũng tương đồng cùng vị Cổ Phật chứ không phải là nhỏ, ngược lại có người cho rằng Phật lớn hơn Trời căn cứ vào đâu mà khẳng định như thế. Trời là

đấng Chí Linh, Người là phẩm tối linh còn Phật ở trong Vạn linh đúng như kinh Phật đã nói "*Nhứt thuyết chúng sinh giai hữu Phật tánh*" còn Kinh Cao Đài: "*Mỗi người có tánh Như Lai*" như vậy là Bát Phương Thượng Hạ Thập Phương chư Phật, còn thế thường bởi sự ngộ nhận có người cho Phật lớn hơn Trời họ căn cứ vào Lạc Thơ, của thời vua Hạ Võ lập quốc xong. Chia ra có 9 Châu. Mỗi Châu tạc một cái đỉnh thể hình Sơn Xuyên hà hải gọi là Cửu đỉnh vốn đồ quốc bảo triều đình là trung ương vĩ chí địa phương chỗ ta đứng là một nhìn ra 8 phương đều có thiên hạ ở. Nên gọi là 9 phương Trời cộng với bỉ ngạn mới là 10 phương Phật. Đây là phương Trời ở cõi hạ giới chẳng phải cõi Trời nơi Thiên Hà, nơi hạ giới sách gọi Trung ương Tứ phương và Tứ ngung là Cửu Thiên.

Nên người ta nhìn vào lượng số mới định nghĩa như vậy cho là đúng mới áp dụng cái quan niệm của ý thức hệ mà thôi, nếu căn cứ vào số lượng cho lớn nhỏ là chưa hẳn, ví như câu niệm nơi lòng sớ "*Thập phương chư Phật vạn chưởng chư Tiên liên đài chi hạ*" xem như đồng thể không vì hệ số mà cho lớn hay nhỏ, bởi cớ mà Đức Chí Tôn đã xác định "*9 Trời 10 Phật cũng là Ta*".

Chín trời là con số Cửu Thiên Khai Hóa, trong cơ chuyển hóa, ta tính cả từ ô ngôi ở trên nóc Cửu Trùng Đài mỗi bên có 3 tầng mái ngói chia thành 10 khoảng cộng lại là 60 mái ngói lớn, còn hai tầng của mỗi bên ở phần trên kế Thông Thiên Đài thừa ra 4 mái xếp là 64 số của quẻ dịch.

Nhưng bên trong tầng trên la phong, từ cửa hậu Thông Thiên Đài nhìn ngay lầu Bát Quái mé bên nam phái ngoài tính vô có 32 cột vuông kể luôn bức tường nhỏ

khoảng giữa Cung Đạo và Bát Quái. Cây cột thứ 30 tô mặt phía Tây và phía Bắc còn hai mặt không tô, còn cây thứ 31 và 32 để nguyên đây là hướng Chánh Đông, còn cây thứ 32 bên hữu của ngôi đền tô ba mặt chừa phía nam coi như 64 quẻ Dịch trùm vô Bát Quái.

Với mái đền hướng đông nam ở bên trên mặt trong còn hai khoảng không tô, thể hiện quẻ V ị Tế chót hết của Dịch có nghĩa khuôn thiên lò tạo không ngưng nghỉ, mãi xây vần ở hướng sanh khí tức là nguyên lý cơ khởi thỉ của đạo pháp, đông giáp ất mộc, mộc năng sanh hỏa, cùng hướng thuộc dương là phương nam, nam bính đinh hỏa. Nên buổi Tam Kỳ Đức Hộ Pháp thừa lịnh Trời lật trở Cung Càn về phía Tây Nam. Vì yếu nhiệm đó mà hình Long Mã đứng trên quả địa cầu ngoái đầu về đông, lại dở chơn nách tả hướng Tây Nam phía của cung Càn để cho dương khởi tức đạo sanh. Nói đến Long Mã có cả lý âm dương của đạo pháp, Rồng là dương. Ngựa là âm với câu "*tẫn mã chi trinh*" ngựa cái với đức nhu thuận. Nên tầng trên Bát Quái tại hướng chánh đông bên trong tượng lý đạo pháp phát khởi âm dương giao thới. Lại là nơi tả hữu lưu thông, khoảng này tương tợ trong đêm tối tiêu biểu khối âm quang của Phật Mẫu thuở khai nguơn trời đất chứa cả tinh vi vạn vật. Cũng là nơi phát xuất bát phẩm chơn hồn trong Càn Khôn, thì Cửu Trùng tượng thể cho phần xác, Hiệp Thiên phần đầu, nên đôi bên la phong dù trên tầng lầu ngay cấp Nhứt Cửu, bên nữ phái có một cửa nhỏ vòng nguyệt, cao 5 tấc ngang 3 tấc để thông không khí vào, nóc có 3 cổ pháp nhìn thấy mờ mờ dính liền với lầu trống là ngôi tiếng nổ, còn bên tả cũng một nóc có ba ccả pháp chừa một lỗ vuông nhỏ dính liền với lầu chuông

là ngôi tiếng vang. Từ Bát Quái nhìn ra Hiệp Thiên có những mô la phong dù như đốt xương sống. Mỗi mỗi có lối đi như huyệt mạch.

Thử nhìn đôi nóc có ba cổ pháp thể hiện hai đầu mối tối quan trọng để tiếp điển lực Càn Khôn. Với Đức Chí Tôn là ngôi tiếng nổ, với Đức Phật Mẫu là ngôi tiếng vang. Bởi Tòa Thánh tượng hình một linh thể của đại Vũ Trụ, cũng như tiểu Vũ Trụ ở con người về y học hay khoa học, cho đó là hai đầu mối của cơ thể gọi thần kinh hệ vào màn óc chúng ta, về đạo học hay thiền học gọi là mạch đốc, mạch nhâm ở trong người, nên Hiệp Thiên Đài, là một đại bộ phận gồm chung 6 đài, Lôi Âm Cổ Đài, Bạch Ngọc Chung Đài, Thông Thiên Đài, Phi Tưởng Đài, Tịnh Tâm Đài, Bán Nguyệt Ngũ Lôi Đài vốn ngai của Đức Hộ Pháp có thất đầu xà tiêu biểu cho sự cám dỗ ở con người, xưa kia bà ÊVA vì bị nó xúi dục mới quyến rũ ông A Dông ăn trái cấm nơi vườn Địa Đàn tức là phạm giới cùng Chúa Trời, nên đức Chúa Trời phán rằng người sẽ đạp trên đầu mầy.

Đoạn này Chúa Trời đã tiên tri trong cựu ước mà chúng ta được thấy trước kia là phật Christna, còn hiện nay Phật Hộ Pháp cũng đạp trên đầu nó, với triết lý đó Phật cũng tượng trưng ở đền vua Trời là Đế Thiên, toàn là thờ phật, đã phát huy cái triết thuyết đồng nguyên với 2 con số cửu cửu của trời đất, nên cửa đền mỗi bên tạc một con rắn bằng đá khổng lồ, mỗi mỗi có 18 vị La Hán cũng bằng đá để ngự trị lấy nó, với chân lý đó muốn trừ nó phải đủ Thập Thiên Bát Chánh nếu cộng là 18, 1 với 8 cũng 9, bằng mỗi bên 18 cộng chung là 36 cũng 9 nếu chia ra thành 3 hào cữu ở đền vua Trời là Đế Thiên, còn Đế

Thích là đền vua Phật nữ phái đã tạo xong, với Đế Thiên nam phái đã góp công nhưng có phần bỏ hỏng trong cơ thành đạo coi như quẻ Vị Tế.

Chính Tòa Thánh là đền thờ Đức Chí Tôn vốn đấng Đại La Thiên Đế tức thị vua Trời biểu tượng lý số tạo đoan ngôi tiếng nổ là trống Lôi Âm, ngôi tiếng vang là chuông Bạch Ngọc, phần ở giữa của hai đài Chung Cổ mỗi bên có một nóc nhỏ che cầu thang liên quan cùng Thông Thiên Đài mỗi mỗi có hai mái ngói đối diện mỗi bên một cầu thang còn ngang bên hông mé ngoài mỗi phía có một cái vòm như lổ tai Long Mã có ba mái ngói Chung Cổ của hai đài. Nóc là phần trên từ dưới tính lên có 5 tầng mái ngói hình vuông của hai lầu chuông trống đối diện sự thể hiện mỗi đài với con số 5 ngôi âm là Ngũ Hành, ngôi dương là Ngũ Khí do pháp âm dương ký tế tạo thành pháp Ngũ Lôi cho ngôi tiếng nổ. Còn Ngũ Sắc cho ngôi tiếng vang. Nên mỗi đài với con số 5 được thể hiện, mỗi tầng vuông giáp vòng là 4 mái ngói 5 tầng cộng là 20 tính chung ở cầu thang và cái vòm là 25 mái ngói 2 với 5 là 7, với Trời đất là thất diệu ở nhơn sanh là thất khiếu bởi chúng ta bản thân là một tiểu thiên địa thành thử nam nữ có 2 con số 5 như Trời đất vậy. Ngũ Tạng là phần nội tại. Còn ngoại diện là ngũ nhạc, ngũ tạng ở con người tượng thể cho ngũ hành. Dầu luyện sanh ngũ khí nhưng thực chất nó chịu ảnh hưởng nguyên lý của ngũ quan hữu tướng, có nghĩa ở con người có 6 giác quan (nhãn nhỉ tỷ thiệt thân), thân là thành phần ngũ quan hữu tướng, còn ý là cái thứ 6 gọi là lục quan vô tướng thuộc về pháp ở lục trần, còn lục dục ở bên trong dầu chuyển được lục thông hay không chớ mặt ngoài đối tượng nó là

lục trần, còn phần tàng ẩn bên trong gọi lục căn đó là 6 giác quan ở con người.

Nếu ta khéo tu luyện thì mở thêm hai khiếu nữa đệ thất giác quan là trí huệ, đệ bát giác quan là tâm thức phát xuất khối huệ quang do sự phản chiếu mà Huyền quang khiếu ở con người khai thông Thần Nhãn chính đó là con mắt Thiên Lương ở giữa trán. Tức thị cửa Hiệp Thiên ở con người để hiệp cùng Trời, với chân lý của Đức Chí Tôn mà Tòa Thánh đã thể hình một Thiên Nhãn trước Thông Thiên Đài ở giữa của hai đài chung cổ tầng trên là ngôi Phật. Chỗ nóc Đức Di Lạc ngự có 4 mái ngói. Phía sau của Thông Thiên Đài nối liền mí với Cửu Trùng có một nóc hai mái ngói tất cả là 6 với con số ngôi luật của Đức Chí Tôn, tầng giữa là ngôi pháp giới tạo đoan nên phía sau lầu chuông và lầu trống mỗi mỗi có một nóc 3 cổ pháp với 2 mái ngói trên mỗi nóc, kế dưới một mái, phía sau Phi Tưởng Đài để nối liền vách Cữu Trùng có 2 mái ngói cộng là 8 vốn con số ngôi pháp của cơ tạo đoan là Bát Quái.

Còn Tịnh Tâm Đài là phần Tăng cũng là ngôi pháp giới chúng sanh nên lý âm dương được thể hiện một mái ngói che ông Thiện, bên tả ngôi đền một mái che ông Ác ở bên hữu, sự biểu tượng tả 1 hữu 1 là 2. Với Trời đất là âm dương.Với con người là trai gái, với tẩu thú là đực cái, với phi cầm là trống mái. Bởi Hiệp Thiên tiêu biểu về Chơn Thần có liên hệ cùng bản thân là Tăng nên mái ngói màu đỏ y như Cửu Trùng Đài, nhưng Nghinh Phong Đài tầng bao quanh quả địa cầu chỗ 8 rồng nhô đầu ra ở giáp vòng lại là mái ngói màu xanh thể hiện cho pháp giới chúng sanh ở ngôi Tăng của đài tiếp Giá Chí Linh, còn Bát Quái

Đài là Phật nên tất cả mái ngói đều màu vàng tại Đại Bửu Tòa của Tam Thế.

Phật cũng là Tam Thế Chí Tôn. Đó cũng là ngôi Tam Hồn hay ngôi Tam Tâm giữa Trời người, có 8 mái ngói hình bát giác tiêu biểu ngôi Tiên Thiên Bát Quái của Đức Chí Tôn, tầng kế cũng vậy tiêu biểu cho ngôi hậu thiên Bát Quái của Đức Phật Mẫu, còn ba tầng ở kế dưới mái đền mỗi tầng đều có 5 mái ngói, tầng trên tiêu biểu cõi Thượng Thiên là Phật với nguyên lý tượng Ngũ Khí để dục tấn phần Linh hồn, tầng kế tiêu biểu cõi Trung Thiên là pháp do nguyên lý Ngũ Lôi làm cơ an định cho ngôi Giác Hồn, tầng chót tiêu biểu cho cõi Hạ Thiên là Tăng, với màu vàng thể hiện Phật tánh của chúng sanh do Ngũ Hành chuyển hóa làm cho sanh hồn vạn loại tấn hóa, tuy vật thể có nhiều sắc chủng nhưng cùng một sanh hồn ở Đức Chí Tôn, nên đạo trời tượng thể Tam Thế Phật trên nóc Bát Quái đài tức thị để tượng lý khai nguơn biến dịch của cơ tạo đoan.

Với chúng ta luận qua cốt yếu để tìm tàng cái chơn lý đạo tất nhiên phải có Pháp, đạo là chân lý. Chân lý là ánh sáng soi rọi cho ta thấy biết hồi quang giữ lấy ánh sáng là Pháp. Hễ có đắc pháp rồi mới đạt đạo, có đạt đạo rồi mới thạo pháp.

Cũng như chúng ta tu ở Tịch Đạo Thanh Hương là thời kỳ của hoa phải chịu biết bao phong ba bão táp quyết giữ cho trong sạch thơm tho sẽ được kết quả ở Đạo Tâm, còn Tịch Đạo Tâm là thời kỳ của trái tuy chưa đến nhưng đã có trong chúng ta, tu cần giữ Đạo Tâm nơi kiếp sanh nếu được kết quả tốt là nhờ ở thực hành.

Đức Chí Tôn đến khai đạo sẽ có cơ thành đạo, còn

chúng ta biết ngộ đạo sẽ có ngày đạt đạo, về thực thể đạo là giáo lý để tu học. Còn Pháp là cái áp dụng ở thực hành để giúp cho luật được điều hòa, nên ngôi Luật phải có Pháp mới là trật tự, vì vậy mà Đức Chí Tôn đến lập Pháp Chánh Truyền Cửu Trùng Đài rồi mới lập Hiệp Thiên Đài, bởi Hiệp Thiên Đài là Chơn Thần còn Cửu Trùng là xác thể phải lập trước thì Chơn Thần mới có nơi nương tựa để gìn giữ và giúp đỡ Hội Thánh là hình ảnh của Chí Linh, còn Bàn Trị Sự thay vì hình ảnh của Vạn Linh nên Hiệp Thiên Đài tức thị Chơn Thần phải đến sau là vậy, Cửu Trùng xác thể có là nhờ luật để tạo đoan. Hiệp Thiên là Chơn Thần ấy pháp an định cho trí não tinh thần. Nên Pháp Chánh Truyền có lưỡng quyền của Chí Linh và Vạn Linh phải biện minh cốt yếu để chứng tỏ hai phần đó.

Luật phải có trước nắm quyền vi chủ mọi tổ chức về hội họp cầu phong, cầu thăng hoặc công cử hay bầu cử để định điều kiện khuếch trương mặt truyền giáo. Luật là cơ sáng tạo, chừng định danh với phần hành của pháp để duy trì trật tự giúp cho chơn luật đi đúng chơn truyền pháp là quyền Công Chánh, luật là sự thương yêu, nên ở ngôi luật và ngôi pháp với 2 con số 6 đó là "*lục long du hành bất tức*" biểu tượng luật điều hòa của Đức Chí Tôn cơ vận hành ở đại Vũ Trụ, còn pháp giới tạo đoan về cơ an định của Đức Thiên Hậu là "*khôn lục đoạn*", có tương quan pháp giới chúng sanh do cơ vận hành có tấn hóa có thu liễm, thành thử giới người tu giữ đạo muốn khỏi phạm lục hình phải gìn lục thông, khi đắc lục thông nhờ gia công hành lục độ theo lời Phật dạy: Bố thí, trì giới, tinh tấn, nhẫn nhục, thiền định, trí huệ, còn ở tôn giáo Cao Đài người tu trước hết lập công lập đức cần nhứt phải

lập tâm, đặng giồi mài thanh Huệ Kiếm để chiến thắng 6 mối giặc lòng coi như dọn thông con đường giải thoát dầu giữa khổ hải lấy đó làm pháp giới bát nhã đễ đưa cả khối nguơn linh của chúng sinh lên bờ giác ở con người là nê huờn cung, nên Kinh Phật Mẫu có câu "*Trung khổ hải độ thuyền bát nhã*".

Nếu tất cả con người sống nơi mặt thế ai biết nhìn Đức Thượng Đế là Đấng Cầm quyền vi chủ Càn Khôn, rất may duyên cho chúng ta đã vào hàng môn đệ của Đức Chí Tôn rồi phải lấy tâm linh vi chủ bản thân, dùng cái phần Thiên Lương để xử kỷ tiếp vật tất nhiên Trời người đồng trị mới là "*Vũ trụ tiện thị ngô tâm*" cái phần vi chủ nội tại là tâm linh, do ta khéo tu sinh ra pháp sinh ấy là vũ, còn ngoại diện luyện thấy được chơn tánh mới là định. Định ấy là Trụ, coi như dương đã đắc âm (thiên địa chi tâm là vậy).

Bởi loài người vốn con chung của Đức Thượng Đế phải tùng phép tạo đoan mọi sự thiết kế đều có qui củ chuẩn thằng, qui tiêu biểu cái tròn của pháp Vô Cực, củ tiêu biểu cái vuông hình tam giác ở Lý Thái Cực, vốn cây thước Tổ của thợ mộc do Lỗ Ban Tiên Sư chế tạo. Với tôn giáo là cây thước để cân thần. Thiên Nhãn thể hiện cho nguơn thần cũng ở trong hình tam giác là vậy, còn chuẩn là cái ống thủy tiêu biểu cho hệ thống ngang để cân mặt bằng, Thằng là sợi dây lập lòn để cân nhắm ở hệ dọc. Đó kể như pháp Tứ Tượng nhứt âm nhứt dương của trời đất, chúng ta là một con người sống nơi mặt thế lúc bình thường kể như quên trời đất chừng ngộ nạn đến hoảng hốt ta vẫn thốt ra lời để kêu trời với đất hoặc cha ôi, mẹ ôi mà thôi.

13– NGÔI ĐỀN VỚI NGUYÊN LÝ ĐẠO PHÁP

Đối với nhơn loại một sự trọng đại là Toà Thánh Tây Ninh. Mặt tiền day về chánh Tây lại là nơi thờ Trời, nên tất cả chúng sanh khi bái lễ phải xây mình chánh Đông mà chiêm ngưỡng đó là hướng dương khởi, tức Đạo sanh, nên sự hành lễ cúng Tứ Thời Thần Khí của chúng sanh phải vận hành theo Thần Khí của Trời Đất với hình Thập tự nhai. Phải xoay theo chiều chưởng giải từ đầu suốt cuối chỗ nguơn khí trời đất hưng vượng Bắc Tý thời, Nam Ngọ thời, còn chỗ nguơn thần của Trời Đất hưng vượng Đông Mẹo thời, Tây Dậu thời, nếu thần khí của người tu không để tách rời cứ vận hành theo thần khí của Trời Đất sẽ đoạt cơ dục tấn ở mặt huyền linh.

Nên ngôi Tòa Thánh do Đức Hộ Pháp sáng tạo được thể hình cơ Vận Chuyển Thần Khí của trời đất, với ngôi Đền Thờ Đức Thượng Đế, mặt tiền day Chánh Tây. Nhưng có 4 cửa trở qua Đông. Đó là Lôi Âm Cổ Đài và Bạch Ngọc Chung Đài, với Nghinh Phong Đài, Bát Quái Đài. Với ngôi đền cửa thì day Chánh Tây. Còn 4 đài cửa lại day Chánh Đông. Chúng ta nhìn vào đó thấy rõ sự biểu tượng lý âm dương của Càn Khôn về đạo pháp.

Nếu nhơn loại biết sùng niệm Đức Chí Tôn trong Tứ Thời để hứng lấy sự hồi quang phản chiếu đặng bảo tồn cơ sanh hoá cho cả vạn vật được chuyển hoá để tấn

hóa. Nên bên trong Điện Thánh giáp vòng tầng hành lang lầu trên hông tường mỗi phiùa tả cũng như hữu đều có 12 cái nạnh để chỏi tầng hành lang thể hình bằng bó hoa có 4 màu, trắng là màu đạo tiêu biểu vạn vật bình đẳng ở cái sống cùng một khí sanh của Tạo Hóa, còn màu Tam Thanh biểu tượng cho tam thể chúng sanh, màu đỏ tượng thể Tinh, màu xanh tượng thể Khí, màu vàng tượng thể Thần, nên bó hoa ở dưới tầng hành lang làm nơi chầu Lễ cho các vị với phẩm Thiên Thần trong mỗi kỳ cúng Đại Đàn. Luận về Tinh Khí Thần hay Phật Pháp Tăng, thì Toà Thánh Tây Ninh là một ngôi Đền được thể hình chữ «*Sơn*» nằm trên không nhìn xuống 2 ngạnh đôi bên là Đông Lang, Tây Lang. Gần đây Đức Phật Thầy Tây An có nói lên bốn chữ «*Bửu Sơn Kỳ Hương*» coi như tiếng chuông cảnh tỉnh để đưa đường cho sanh chúng sau này hướng vào nơi nào núi báu hương lạ để mà tu, chính Toà Thánh Tây Ninh đứng bốn phía nhìn đều có hình Chữ Sơn»Liên Sơn thành khí». Đó là nguyên lý chỗ trụ nguơn thần của Đấng Chí Linh và khối đức tin của nhơn loại.

Khoảng giữa Hậu Điện là tầng lầu nhà Hội Công Đồng với Tháp Đức Quyền Giáo Tông và Đông Lang, Tây Lang cũng hình chữ Sơn, đứng đôi bên nhìn lên nóc đền giữa Nghinh Phong Đài, sau lầu Bát Quái, trước lầu chuông trống cũng hình chữ Sơn. Trước sân đền nhìn lên 2 lầu chuông trống. Còn Bát Quái Đài, Nghinh Phong Đài ở sau nhô lên ngay giữa cũng hình chữ Sơn; còn bên trong ngôi đền nơi Ngũ Lôi Đài bửu tượng của ba Ngài Hộ Pháp. Thượng Phẩm, Thượng Sanh đồng ngự trên ngai với hình chữ Sơn.

Nhưng Đức Hộ Pháp ngự giữa, mình mặc giáp tay

cầm bửu pháp Kim Tiên đầu đội mão, trên có chĩa Tam Sơn. Thể hiện ở Đức Ngài nắm chủ quyền Tam Thiên Thế Giới và Tây Phương Cực Lạc căn cứ theo Pháp Chánh Truyền chú giải, nên bửõu Tượng của Đức Ngài ngự ngay Chữ Khí tất nhiên để nắm quyền ngự trị Chưởng quản cả Bát Bộ Tam Châu, đó là Đông Thắng Thần Châu, Tây Ngưu Hạ châu, Nam Thiệm Bộ Châu, riêng Bắc Cù Lư Châu quyền của Kim Quang Sứ ngự châu nầy. Kể như cái bóng tối của Vũ Trụ ở sau lưng Đấng Đại La, nhưng Đức Hộ Pháp nắm cơ định vị Càn Khôn thay thân Đức Chí Tôn đủ quyền xử trị. Nếu các Chơn thần nào phản loạn gây lắm tội tình Đức Ngài chiếu khuôn luật Hư Linh đọa vào quỉ vị đày qua Bắc Cù Lư Châu, tất nhiên những chơn hồn đó phải chịu ở sự hành quyền của Kim Quang Sứ sai khiến, thảng như các chơn hồn trọng tội mà biết cải hối thì Đức Ngài dùng pháp siêu rỗi đem về ở Ba Châu nói trên, đó là luật Công bình thiêng liêng cũng như ở mặt thế vậy. Chúng ta niệm danh Hộ Pháp với chữ «*Tam Châu*» kỳ thật Đức Ngài nắm cả Tứ Đại Bộ Châu ở cơ định vị, còn Bát Bộ là bát phẩm chơn hồn của chúng sanh ở trong Càn Khôn cũng do quyền của Đức Ngài xử trị.

Với chữ Sơn về triết lý Cao Đài Nội Ô Tòa Thánh có 12 cửa Tam Quan tính luôn cổng Chánh Môn và bên trong có 3 ngôi Bửu Tháp đối diện đền thờ của Đức Chí Tôn, chúng ta thử để mắt nhìn tất cả đều thể hình chữ Sơn, mỗi cửa ngạnh giữa có 3 Cổ Pháp. Còn hai ngạnh đôi bên với giỏ Hoa Lam hoặc ba vòng Tam Thanh của Tôn Giáo. Sự thể hiện để chứng tỏ màu đỏ tượng cho thể Tinh, màu xanh tượng cho thể Khí, màu vàng tượng cho thể Thần, đó là pháp luân của trường tu. Đứng bên

ngoài nhìn vô, lối đi có ba khoảng không như ngạnh chữ Sơn. Chúng ta đến với phía hữu, về với phía tả, nên tất cả những gì phải đủ ba mới có hòa Khí. Dầu trên nguyên lý âm dương phải có pháp mới tạo thành Càn Khôn.

Vì đó mà nền Chơn Đạo của Đức Chí Tôn phải có 3 hội lập quyền, với mục đích dân chủ, là Hội Nhơn Sanh do Thượng Chánh Phối Sư chủ tọa, gom cả nguyện vọng của nhơn sanh đệ đạt lên Hội Thánh; với Hội Thánh thì Thái Chánh Phối Sư chủ tọa, dầu Ngọc Chánh Phối Sư là vị Chủ trưởng Chức sắc cũng kể là hội viên.

Trong phiên họp, Hội Thánh cứu xét xong mới trình lên Thượng Hội. Với Thượng Hội do Hộ Pháp và Giáo Tông chủ tọa. Còn Phẩm Địa Tiên với Nhơn Tiên kể là hội viên. Cả ba hội đồng ý ký tên mới đem ra thực hành tức là quyền Vạn linh đối cùng Chí Linh dầu hữu hình cũng vậy.

Nên Tôn Giáo Cao Đài do cơ bút phát xuất Pháp Chánh Truyền, còn quyền Vạn Linh hiệp cùng Chí Linh mới tạo thành Đạo Luật vào năm Mậu Dần. Riêng bộ Tân Luật ơn trên dạy cả Chức sắc lập thành, khi xong Hội Thánh cầu nguyện đệ trình lên Đức Lý Giáo Tông duyệt lại, kể như lễ Trấn Thần bộ Tân Luật, 6 bàn tay của ba Chánh Phối Sư cùơng nâng dâng lên, 6 bàn tay của 3 vị Đầu Sư tiếp nâng dâng lên 6 bàn tay 3 vị Chưởng Pháp rồi vòng lên bên trên Chúa Cứu Thế. Đức Chí Tôn nói mắc Tiên Vị Thái Bạch. Bởi Thiên vị của Đức Lý Giáo Tông bằng không phải qua khỏi đầu Phật Thích Ca nữa. Với giá trị đó có nghĩa là Bộ Thiên Luật.

Kể như Tôn Giáo Cao Đài về mặt hình thức có một tổ chức đại qui mô khác hơn Công Giáo La Mã có cả Hội

Thánh Anh và Hội Thánh Em làm cơ tận độ Chúng sanh, Tòa Thánh là nơi sùng bái ở sự thờ phượng. Còn Tòa Nội Chánh có Cửu Viện để điều hành guồng máy Chánh Trị Đạo. Nên từ trung ương bổ chức sắc đến địa phương để giúp đỡ Hội Thánh em là Bàn Trị Sự người được gần gũi cùng Chúng sinh, trong mỗi kỳ Đại Hội Nhơn sanh số người đó được đề cử vào Nghị viên, Phái viên với cái quyền đại diện Vạn Linh,

Còn Hội Thánh Anh là hình thể của Chí Linh muốn biện minh phải có những gì để tượng trưng và thể hiện. Nên khi lập thành Hội Thánh để thay hình thể Đức Chí Tôn thì Pháp Chánh Truyền đã tiêu biểu cái nguyên lý Càn Khôn Vũ Trụ trong đó.

Nên Tịch Đạo đầu tiên với bí pháp đã thể hình 3 ngôi báu của Trời là Nhựt Nguyệt Tinh, được lồng trong thánh danh của Tam Vị Đầu Sư có một không hai ở cơ khởi thỉ phải Tý Sửu Dần. Thượng Trung Nhựt Bính Tý, Ngọc Lịch Nguyệt Canh Dần, có lẽ Sửu là Thái Minh Tinh vị Hòa Thượng ở Tân an, học trò của Như Nhãn được cơ phong mà không hành đạo Đức Chí Tôn mới phong ông Thái Nương Tinh tuổi Tân Mùi. Khi đủ ba rồi Hội Thánh mới làm lễ Đăng Điện cho Tam Vị Đầu Sư ngự trên ngai. Quí vị đại căn được cơ phong.

Do Thánh ý của ơn trên nên phong cho đủ ba ngôi tam bửu bên Cửu Trùng Đài đó là Nhựt Nguyệt Tinh thay vì Tinh Khí Thần của Hội Thánh để làm hình thể cho Đức Chí Tôn thì phải có cái nguyên lý của Càn Khôn được biểu tượng, về hình thể của Hội Thánh, có 4 cơ quan Chánh Trị Đạo, 1/ là Hành Chánh, 2/ là Phước Thiện, 3/ là Tòa Đạo, 4/ là Phổ Tế, để làm tay chơn cho Hội Thánh

là hình thể Đức Chí Tôn; nên 4 cơ quan đó có nghĩa tiêu biểu cho Tứ Đại Bộ Châu, còn 3.000 Giáo Hữu thể hiện cho Tam Thiên Thế Giái. 72 Giáo Sư thể hiện cho Thất Thập Nhị Địa, 36 Phối Sư thể hiện cho Tam Thập Lục Thiên, còn ngôi Nhứt Phật Tam Tiên tượng trưng cho nguyên lý đạo (một cội sanh ba), vì đó mà cơ khởi thỉ của Đức Chí Tôn biến ra 3 Nguơn Khí, 1/ là Nguơn Khí của lý phản phục, 2/ là Nguơn Khí của pháp thu liễm, 3/ là Nguơn Khí của cơ định vị Càn Khôn, 3 Đấng đó giúp Đức Chí Tôn tạo thành một đại Vũ trụ, nên cơ lập đạo của Đức Chí Tôn cũng vậy xưng danh với 3 chữ A, Ă, Â cái bí pháp thứ nhứt là Hội Yến Diêu Trì, bí pháp thứ 2 là Đàn Vọng Thiên cầu Đạo, bí pháp thứ 3 là Tượng Phật Tổ cỡi ngựa, thuở còn ở ngôi Thái tử mặc đồ triều phục quyết lòng giục con Găn Ta Ca vượt Hoàng Cung đi tầm đạo. Đức Chí Tôn đến lập giáo tức phải có Nhơn sanh tùng giáo, cái người mà bỏ ngai vàng đi tầm đạo tiêu biểu cho thượng đẳng nhơn sanh, còn hình sa Nặc kẻ hầu để tượng trưng cho hạ đẳng nhơn sanh biết tháp tùng trọn tâm cũng thành chánh quả, bởi Đức Phật cho cảnh vinh hoa là con đường sa đọa. Còn sự đau khổ đó là pháp giác ngộ cho Phật, khi Phật còn là thái tử Sĩ Đạt Ta sống trong hoàng cung chưa thấy cái khổ ở cõi đời; chừng du ngoạn ngoại thành mới thấy được cái khổ của chúng sanh mới quyết tâm tu hành để thọ khổ, đặng tìm phương giải khổ chúng sanh, nên được chúng sanh xưng tụng với cái danh là Đức Thế Tôn.

Còn cả Chư Thần Thánh Tiên Phật với cái danh chúng sanh hằng niệm là Thiên Tôn. Riêng ở Đức Chí Tôn với Thánh Danh Ngọc Hoàng Đại Thiên Tôn là do

cả Chư Thần Thánh Tiên Phật trong cõi Đại Thiên Thế Giới, và toàn Thiên hạ nơi quả địa cầu đồng xưng tôn Đấng đó là vị Vua Trời nơi cõi Thượng Thiên rất công bình và háo sinh vạn vật. Nên đạo mở kỳ ba với cơ tận độ quần sanh còn dành nơi lập vị cho chúng ta, chót hết là phẩm phàm tục được nối liền với Cửu Phẩm Thần Tiên thành một khối Nguơn Thần cho ngôi Tam Tài ở mỗi cấp là Địa- Nhơn-Thiên; nên phần nội tâm ngôi đền đã thể hiện toàn là liên hoa Thiên Nhãn đó là khoa bảng buổi Tam Kỳ của giới người tu, muốn đạt đạo phải thực thi tinh anh toàn hảo mới đúng với Tịch Đạo Thanh Hương của Đức Lý Giáo Tông.

Nên khi lập thành Hội Thánh căn cứ theo Pháp Chánh Truyền về nữ phái từ phẩm Lễ Sanh đến Nữ Chánh Phối Sư, mặc đạo phục khi hành lễ, đều thể hiện Thiên Nhãn với bông sen trắng. Còn bên nam phái từ phẩm Lễ Sanh đến Giáo Tông được tượng trưng Thiên Nhãn. Riêng ba Đầu Sư và Thái Chưởng Pháp không Thiên Nhãn chỉ có bửu vật. Riêng hai phẩm tột bậc Giáo Tông và Nữ Đầu Sư áo Đại Phục lại là bông sen vàng. Bởi sen là vật rất tinh khiết tuy sống dưới bùn mà chẳng nhiễm mùi bùn nên Phật dùng làm liên tọa với màu đỏ. Nhìn vào sự tiêu biểu đó chính nó là nguơn chất của thể phách người tu khi đạt vị mới phát xuất kết thành ngôi Tăng để làm tòa ngự cho Phật Pháp. Còn Thiên Nhãn tiêu biểu cho cái lý nhân bản về Thần cũng như phàm nhãn của chúng ta dầu một tí bợn trần cũng đừng cho dính. Nên trên Cung Đạo cũng có một Thiên Nhãn đó là cái cửa để khi nâng loan các đấng tiếp điển giáng trần, và dành khi cầu nguyện cho các Chơn Thần của người qui

vị được nhập cảnh hằng sống vào Tam Thập Lục Thiên, nên Cung Đạo vòng hào quang bao quanh có 36 tia bằng kiếng thủy, còn Thiên Nhãn nơi Cung Đạo ta thấy đó chỉ có 16 tia hào quang tượng lý âm dương nếu chia ra là 2 con số bát, tức thị ngưỡng cửa của Nguơn Thần. Với nguyên nhân đó nên Đức Hộ Pháp mới ra lịnh bảo Bà Tư Giáo Sư Hương Hiếu cho nữ phái may một tấm phủ quan ở giữa có Thiên Nhãn, nhưng Bà rất ngần ngại. Trên là giá đèn dưới là quan tài mất sự tinh khiết.

Nếu nhận xét về triết lý đó là ngưỡng cửa dành khi Hành Pháp Độ Thăng và Đoạn Căn để cho Chơn Thần tiếp níu Chơn Linh, với một Thiên Nhãn thờ nơi hậu Khách Đình bên dưới Thánh Tượng chẳng có Long vị, không hình Tam Trấn để đại diện cho Tam Giáo Tòa nắm luật Pháp đặng áp dụng Thiên điều, kể như Đại Từ Phụ lẻn đến đặng dìu độ chúng ta trong cơ ân xá chỉ có siêu chớ không có đọa. Cho nên nơi thờø Đức Đại Từ Phụ ở giữa, còn hai bên là phòng xác của chư tín đồ nam nữ, hoặc chức sắc, chức việc với anh em công quả không gia cư kể như người hiến thân trọn đời cho đạo. Dầu ở phẩm Hạ Thừa không được tế điện nơi Báo Ân Từ, không được Hành Pháp Độ Thăng nơi Đền Thánh, nhưng mà một ân huệ lớn lao coi như Đại Từ Phụ trộm đến cùng chúng ta là một đám con tầng chịu thiệt thòi dốt nát. Nên cái nghi tẩn liệm được đặt ngay chính giữa trước Thiên Bàn nơi hậu Khách Đình, cho Đại Từ Phụ nhìn thấy những đứa con yêu ái biết hi sinh phụng sự Vạn linh lần cuối cùng trước khi gói xác. Nhưng tại Đền Thánh cũng có một Thiên Nhãn không Tam Trấn thờ ở Thông Thiên Đài là nơi Đức Hộ Pháp chấp bút cầu Đức Chí Tôn giáng dạy

những điều yếu nhiệm về Chơn Pháp, dầu các đấng thiêng liêng hay Chúa Quỉ cũng chẳng được quyền xâm nhập nơi đó, chỉ có Giáo Tông cần đến để thông công trước nhứt phải nhờ Hộ Pháp, kể như một ân huệ của Đức Chí Tôn dành riêng biệt cho hai Đấng lãnh đạo tối cao về mặt Tôn Giáo. Tôn Giáo là một tổ chức về hình thức có Tôn chỉ có Giáo điều nên gọi Tôn Giáo.

Còn mặt tiền Tòa Thánh bên ngoài Thông Thiên Đài có một Thiên Nhãn rất lớn, trước Thiên Nhãn là mô hình bảng Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ trên có 3 Cổ Pháp, để mắt nhìn ở ngay hình Thiên Nhãn trước giữa Tòa lầu Hiệp Thiên Đài, để chứng tỏ cả loài người và Chư Thần Thánh Tiên Phật nơi mặt thế hướng vào đó trụ khối đức tin đặng tạo một linh đài ở bổn tâm để làm tòa ngự cho Đức Chí Tôn, giáp vòng Thiên Nhãn có 35 tia hào quang, cộng là 8, thể hiện bát phẩm chơn hồn ở trong Càn Khôn đều do Nguơn Khí của Đức Chí Tôn sản xuất. Đây là sự thể hình bên ngoài kỳ thật bên trong Thông Thiên Đài có thờ một Thánh Tượng. Còn 23 Thiên Nhãn ở giữa khung hình tam giác giáp vòng đôi bên ngôi Đền Thánh mặt trong cũng như ngoài tất cả là 46 Thiên Nhãn. Với triết lý Cao Đài «*Thần vô phương*» tin chắc chỗ nào cũng có mắt Trời để phúc báo việc dữ lành ở thế gian. Cho nên mọi hành tàng của chúng ta khó che giấu được với Thần linh.

Đó là trường hợp hai người con trai của ông A Dông anh là Caen dùng ngũ cốc hiến lễ mà Chúa Trời không nhận, còn em là Ơbên dùng con lừa làm của lễ mà được Đức Chúa Trời nhận, vì đó mà Caen tức giận Ơbên, nên tìm cách giết và thủ tiêu. Nhưng rồi Caen cứ thấy có một con mắt nhìn mình với vẻ trừng trợn nên Caen sợ quá

vào phòng kín cũng thấy, mới đào hầm thật sâu xuống dưới ở trên có nắp đậy mà vẫn thấy. Sau cùng ra giữa bể cả cũng thấy. Đó là Thần lương tâm ta thấy mới khiển trách ta. Thần ấy tức là Trời vậy.

Với của lễ dầu ít hay nhiều tốt hay xấu ở con người tỏ ý kỉnh mà thiếu tâm thành thì ơn trên không chứng. Bởi chúng ta là phẩm tối linh trong bậc Tam Tài nên triết lý Cao Đài đã biểu tượng Thiên Nhãn giữa hình Tam Giác để tiêu biểu cho nguyên lý Thái Cực tức thị Nguơn Thần, mỗi Thiên Nhãn có 16 tia hào quang tượng thể 2 con số bát của lý âm dương hiệp nhứt là nơi phát xuất Nguơn Thần. Phần dưới có 7 tia phần trên có 9 tia, 7 tia tiêu biểu thất diệu của Đức Chí Tôn phổ chiếu làm cho Cửu Khiếu của nhơn loại hiệp Cửu Thiên.Với chân lý đạo đã thể hình mỗi Thiên Nhãn là 16 tia hào quang tiêu biểu Nguơn Khí cho ngôi Tam Tài.

Còn sen thể hiện phần Nguơn Tinh cho ngôi Tam Tài, nên trên dưới có hai góc tiêu biểu cho Lưỡng Nghi, 4 cái gương tiêu biểu cho Pháp Tứ Tượng, với vòng bọc tia hào quang hình chữ nhựt mỗi góc xắn bánh đút tiêu biểu cho Bát Quái, 10 cái lá tiêu biểu cho Thập Thiên Can, 12 cái ngó tiêu biểu cho Thập Nhị Địa Chi, còn 10 cái hoa tiêu biểu trên dưới cõi ta bà có 10 phương Phật. Với 1 Thiên Nhãn trên quả Càn Khôn ở trong hình Tam Giác của khung mây, nơi đây là chỗ để tứ thời chiêm ngưỡng và luyện Thần, còn ở chúng ta trung điểm là thiên đình khéo tu mới mở được con mắt Thiên Lương đó là ngưỡng cửa Hiệp Thiên, tất nhiên để người họp cùng Trời. nên khi lấy dấu Phật chí trán, dấu Pháp, dấu Tăng chí giữa khoảng mắt tai cả hai với trên thành hình tam giác. Phần

đầu thể hiện cho Thông Thiên Đài mỗi bên có một cửa tả chữ Nhựt, hữu chữ Nguyệt, ở con người là đôi mắt, còn phần nội tâm ngôi Đền trong tứ thời hành lễ, ta định thần phóng hai lằn điển quang vào Thiên Nhãn thành cực nhỏ, còn ở phàm nhãn ta là cực lớn, với chơn pháp thống hợip Tam Tài tức thị cây thước cân thần, chừng gom lần vào giữa trán hễ tán là khí, tụ là thần, coi như «*Phá nhứt khiếu chi huyền quang*» nên sự hành lễ tứ thời nơi nghi thờ chúng ta cũng thống hợip Tam Tài với ba dấu Phật Pháp Tăng là tài của nguơn vô thỉ với ba điểm dương ở Thái Cực Lưỡng Nghi là tài của Cơ Khởi thỉ, chừng lạy hai ngón cái gác tréo, 2 ngón trỏ dụm lại là tài của phép định vị, ba điểm dương nơi Thiên Bàn là hiện thể Thái Cực sanh Lưỡng Nghi với hình tam giác, có ba chung rượu đựng một cái dĩa thể hình tam giác về sự thờ cúng đức Chí Tôn lúc còn Tòa Thánh tạm trên hết là quả Càn Khôn, trước dưới cấp Bát Quái có cốt tượng Tam Giáo, Tam Trấn, Chúa Cứu Thế, Khương Thái Công, kế ngoài với 7 chiếc ngai của Chi Nhơn Đạo, y hình Thánh Tượng Ngũ Chi in kỳ nhứt có 3 chung rượu, trong 3 mà có 1, trong 1 thành 3, bởi 1 chung ngoài, 2 chung trong, đạo tượng lý tiêu biểu cho 3 nguơn khí của Đức Chí Tôn là Đấng Tạo đoan trong Cơ Khởi Thỉ Càn Khôn, Vạn Vật. Cũng như ngôi Đền Thánh 2 lầu chuông trống với Bát Quái đó là hiện thể Thái Cực của hình tam giác, ở giữa là nóc Nghinh Phong Đài Long Mã Phụ Hà Đồâ với nguyên lý trung điểm pháp âm dương ký tế đặng bảo tồn cơ sanh hóa.Với hình con linh vật sau nhỏng đuôi, trước ngoái đầu tiêu biểu cho một châu kỳ Hạ nguơn Tam chuyển với lý trung hòa là Hà Đồ.

Nếu ngoài giờ hành lễ chúng ta luyện Thần bằng cách nhìn Thiên Nhãn mà bản tâm thiếu sự thanh tịnh, tất nhiên sẽ mất cơ an định cho Thần, Bởi có một phần người quá vọng niệm để cầu Phật pháp, tự ngồi thiền nhìn Thiên Nhãn để tưởng niệm Đức Chí Tôn mà tâm tư vận hành pháp môn của giáo phái, kể như trái hẳn chơn truyền, với Hộ Pháp cấm tịnh luyện ai vọng niệm thì Đức Ngài cũng rộng quyền cho Pháp chủ đó dẫn dắt, tu gắng thiền tâm chẳng nên thiền thân. Thảng như ta ngồi yên một chỗ mà tư tưởng hướng theo ngoại cảnh tức thị tâm bị phóng, có khác nào ta mượn pháp môn ấy đóng lấy cái chuồng để nhốt con kỵ vật lại mà thôi, phép tu hành chẳng nên quyến niệm. Vì Tâm đã an định với phép thường trụ thường tại tức là vô biệt niệm, tuy không niệm mà chánh niệm đó là chơn niệm, còn vọng niệm biến thành tà niệm tức là ảo niệm, cứ tin ở sự mầu nhiệm thần ta được đối cảnh. Nhưng tất cả đều huyễn ảnh do tâm xuất tướng mà thôi. Nên Đức Hộ Pháp cấm tịnh luyện. Đức Ngài phán mấy em đủ Tam Lập qua sẽ cân thần cho nhập Tịnh Thất, ở chúng ta sự tịnh luyện là cúng Thời. Mọi sự vật không mắc vướng trong tiềm thức là thiền, «*thiền*» có nghĩa là an định, an là thuận thiên mệnh, định là trụ phật tánh, chớ thiền thân mà tâm còn vọng niệm chẳng nên thiền, ví như ta tạo một thanh đao đặt nơi tôn nghiêm thể hiện cái oai linh là chánh pháp, bằng đem áp dụng vào việc khác nó là tà. Vì lẽ đó nên khó thống hợp được Tam Tài ở phần tượng lý của nguơn Vô Thỉ Đạo sanh nhứt là Phật, Nhứt sanh nhị là Pháp, Nhị sanh tam là Tăng; được thể hiện nơi Thiên đình, ở con người với hình Tam giác của 3 dấu niệm, Phật là Thần, Pháp là Khí, Tăng là Tinh. Nên phần bí yếu phá được huyền quang khiếu tức mở con mắt Thiên

Lương giữa trán thì chơn tánh trụ lại với Thiên Lương của tâm là hiệp vô vi, còn «*chi bí chỉ*» là chỗ yếu nhiệm về pháp giới tâm linh chẳng còn sự hành động nhờ đắc tam diệu là hiện thể ở pháp tánh, còn «*đắc tam bồ đề*» là tác dụng của đạo tâm. Nên trước Thông Thiên Đài đã phát huy chân lý đó. Ta nhìn thấy có một Thiên Nhãn không phải mắt bên trái hay bên phải đó là ngôi điển khí Hư Linh, phản chiếu ở người là Huyền Quang Khiếu, ở Trời là Huyền Khung tức thị cửa Hiệp Thiên nơi thống hợp tam tài mà nền minh triết Cao Đài đã thể hiện 3 Cổ pháp: Xuân Thu, Phất Chủ, Bát Vu, thay vì Phật Pháp Tăng, trong trời đất vạn vật được hóa sanh do nguồn cội pháp của Đấng Cửu Thiên, ở con người vạn pháp qui nguyên nhờ khai thông đệ bát khiếu mới mở được con mắt giữa. Với cửa xuất nhập của Chơn Thần là Nê Hoàn Cung mới đủ 9 ở pháp định vị cho tiểu Vũ Trụ.

Chừng khởi thỉ ngôi tam tài là Thiên Địa Nhơn do pháp giới chúng sanh định danh là vậy. Nên mỗi kỳ hòa ước được thực hành chẳng phải ở chỗ Trời với người mà thôi có đất mới đủ tam tài. Trời là Thiên Thượng tức là Đấng Chí Linh, Người là Thiên Hạ với phẩm tối linh để đại diện cho Vạn linh mỗi kỳ hòa ước. Nhưng cái lý trung hòa là đất làm phương tiện về chứng pháp cho bản văn kiện. Nếu loài người không thực hiện thì đất sẽ bị tang thương, Vạn linh cũng chịu đau khổ, Trời cũng đổ lệ trong cơn gió thảm mưa sầu. Chớ đất cũùng có 4 cái đức lớn (Nguơn Hanh Lợi Trinh) Tẫn mã chi trinh, còn Đức của Trời gốc ở Thời, đức của đất gốc ở lợi, đức của người gốc ở hòa, đó là tam diệu đức. Buổi nầy càn khôn dĩ tận thức nhơn loại đã hiệp đồng, tiến theo trào lưu chẳng còn

thuần phong mỹ tục. nên lòng con người mải tham dục say mê vật chất làm cho mất cái điểm linh. Cũng do nền văn minh khoa học, nhưng khoa học do gốc đạo học mà sinh, Đạo học chú trọng ở tâm linh, còn văn minh khoa học thiên về trí giác, bước cùng tột xuất phát vũ khí hạt nhân, Chừng nào tinh thần đó qui bổn thiện khoa học mới là phương tiện, nhờ đạo học cứu cánh. Nói về khoa học có thể chẻ sợi tóc làm 5 làm 7 đặng khám phá, còn Đạo học không phải ở sự tiềm tàng của vật thể, chừng mở được giác quan thứ 8 ở tâm linh thì thần trí sẽ nhìn thấy những gì còn sót lại, mà thế giới hiện đại cho là khoa học huyền bí.

Đạo học là cái dụng, Khoa học là cái thể, nên dùng viễn kính soi thái dương hệ mới soạn ra Dương Lịch, thứ của Chúa Trời, còn ngày giờ năm tháng của Chúa Cứu Thế, mục đích của khoa học để đếm ngày tính thứ âu cũng đem đạo Thánh phụng sự cho nhơn loại.

Còn Đạo Học nhìn vào sự tròn khuyết của ngôi thái âm mà soạn ra Âm Lịch. Có chu kỳ rất hữu ích cho đời về dịch lý âm dương. Năm tháng có can chi, ngày giờ cũng có can chi, có thạnh suy, có thời tiết, giúp cho con người để hiểu biết sự vận chuyển của ngũ hành. Trong nguơn niên có tứ quí, nên bản thân ta cũng là một tiểu thể Vũ trụ, tức nhiên sự tuần hoàn chính pháp can chi nơi cơ thể, để tiến theo thời gian cho kịp pháp can chi của Tạo Hóa mới khỏi cái họa diệt vong của khoa học hiện đại. Nên Đức Chí Tôn đến hoằng khai nền Chánh giáo kỳ 3 với cơ ân xá cũng là một cứu tinh cho nhơn loại, nơi quả địa cầu nầy. Nên Đức Quyền Giáo Tông mới gởi một Thông Điệp cho chư vị Hoàng Đế, Quốc Vương quí vị Nguyên

Thủ lãnh đạo các nước, Chư Vị Giáo lãnh các Tôn Giáo trên thế giới cũng kêu gọi Hòa Bình đó là cứu tinh thứ nhứt vào ngày 1–12–1931 và cùng ngày Anh Cả chúng ta cũng gởi cho vị Chủ Tịch nghiệp đoàn ký giả trên thế giới. Kế là Đức Hộ Pháp vị Giáo Chủ đạo Cao Đài viết với đề tài «*PHẢI CHỌN MỘT CON ĐƯỜNG*» Đó là Thông Điệp Vô Tuyến Truyền Thanh được phát đi trong dịp đầu Xuân Ất Mùi (1955) nhân danh Đấng Tạo Hóa (CAO ĐÀI BẤT DIỆT) gởi cho toàn thể nhơn loại trên quả địa cầu kêu gọi hòa bình trong tình nhơn loại phải thành thật thương yêu mới tránh khỏi cái họa diệt vong đó là cứu tinh thứ hai.

CẢM ĐỀ

Tuyên ngôn thế giới thuyết hòa bình,
«CHỌN MỘT CON ĐƯỜNG «bản cứu tinh.
Lấy sự Công Bằng gây hạnh phúc,
Dùng quyền Bác Ái dứt đao binh.
Hưởng nguơn Thánh Đức đầy ân huệ,
Chung khối Thiên Lương đượm nghĩa tình.
Đấng háo sanh cầm cơ hoá dục,
Làm Cha nhơn loại điểm Chơn linh.

Cũng lúc Đức Ngài còn sanh tiền sang Miên vào năm Bính Thân (1956) có gởi cho Chánh Phủ 2 miền Nam Bắc Việt Nam và các cường quốc trên thế giới, phần nội dung bản Cương lĩnh nói lên đường lối cứu cánh của Chánh Sách Hòa Bình Chung Sống đề 26–3–56, được đài phát thanh Hà Nội truyền thanh mấy hôm. Còn Chánh quyền miền Nam do Mỹ, mà Ngô Triều mới thẳng tay đàn áp Cao Đài cho quí Chức Sắc tham gia hoạt động hòa bình theo đường lối, bị gán cái tội nối giáo cho Cộng, thành ra

số người đó bị giam cầm tra tấn có vị phải bỏ mình nơi ngục thất. Kỳ thật mục đích của Tôn Giáo không phải hòa bình một nòi giống, không phải chung sống ở dân tộc mình mà phải trong tình nhơn loại đại đồng huynh đệ. Vì buổi Hạ Nguơn hầu mãn nhơn loại phải chịu trận thế chiến thứ 3. Thành ra cái cực điểm văn minh một phần lớn chỉ tạo cảnh điêu linh đồ thán cho con người, nên cái cứu tinh thứ 3 là ngày 10–4 Kỷ Hợi. Vị sáng lập ra đường lối Hòa Bình, đó là Đức Hộ Pháp Giáo Chủ Đạo Cao Đài đã Triều Thiên, được tờ tạp chí số 4 tháng 5 và 6– 1959, phổ biến tin «Nữ Đồng Tử Saral Barthel địa chỉ số 20 đường Alibert Paris cả anh em Thần Linh toàn thế giới nhìn thấy và được nghe tiếng nói ngoài vật thể, từ không trung vọng lại nơi tâm hồn hồi 7 giờ ngày 17–5–59 lúc 13 giờ 30 tại Cao Miên thuộc hộ đệ Ngũ, Châu Thành Nam Vang được mục kiến vị mặc Khôi Giáp đó là Phật Hộ Pháp Triều Thiên với cuộc lễ các Thiên Thần cầm lọng vàng đưa đón, và các hung thần bị xua đuổi ra xa tít hợp lại thành lằn đen xa thẳm.

Với những Đấng liễu đạo mặc Thiên phục vàng, lớp mặc Thiên phục xanh dương, lớp mặc Thiên phục đỏ, còn hàng ngàn mặc Thiên phục trắng, vị mặc Thiên phục trắng nói rằng *"Tiết độ là mối tình thương yêu làm cho ta gìn giữ trong sạch những gì mà chúng ta yêu mến"*, vị Thiên Phong sắc phục xanh dương nói, *"Thận trọng là mối tình thương yêu phân biệt được điều gì đưa đẩy đến chỗ thiện"*, điều gì có thể lôi kéo xa chỗ thiện. Vị Thiên Phục sắc vàng lúc bây giờ nói, *«Công bằng là tình thương yêu đặt chúng ta vào con đường phục vụ cho tình bác ái»*, vị Thiên Phong sắc phục đỏ cũng tuyên bố, *"Dõng lực là*

tình thương yêu của chúng ta đảm nhiệm mọi khó khăn cho cái gì chúng ta yêu mến".

Thượng Đế tiếng nói trong tâm hồn của mỗi người dầu ở Thiên giới hay Địa giới hay Trung giới tiếng nói ấy đã phán trong bốn mùa hiệp lại làm một. Đây là nhân bản lý số. Về phần nhân tố sử liệu xin phớt sơ. Nên sự Triều Thiên của Đức Ngài được các Đấng trên cõi Hư Linh tiếp nghinh Vị Hộ Pháp Đạo Cao Đài làm xong sứ mạng với chủ thuyết Hòa Bình trong tình thương của Thượng Đế.

Khiến chúng ta hồi tưởng lại lúc Đức Ngài sắp lưu vong mà không quên sứ mạng lo cho cơ qui nhứt Hòa Bình Tôn Giáo trước, rồi mới Hòa Bình Nhơn Loại, nên Đức Ngài mới tư quyền Tam Đầu Chế Cửu Trùng Đài cho vị Thánh Miến nhập môn bằng bút tích cũng như trường hợp của (...?) ở Mỹ vậy.

Thánh Saint Conottantstabe có lập một Thánh viện với chức Giám Mục được nhiều môn đồ trên thế giới (1948) có lập một ngôi "Thế Giới Hòa Bình Tự "gởi thơ xin cùng Đức Hộ Pháp nhờ cho nhập môn theo Tôn Giáo Cao Đài. Thánh Miến cho Đấng Sem dạy chúng tôi rằng chỉ có một, một Đấng Tạo Hóa, một Chân Lý, một Vũ Trụ, một Loài Người, một Thịt, một Máu, một Linh Hồn, một Tư Tưởng, một Lẽ Sống, vị Thánh Miến nói đã có một nền Đạo Cao Đài đầu tiên ở Miến Điện.

Thánh Saint một cơ quan thống nhứt Tôn Giáo Thế Giới Semsthuose đường số 44, phòng số 11 Rangoon Borme, số 27 IUCL 19 Jame 55.

Nhưng trước Đức Hộ Pháp đã hồi đáp Văn thư số 1495 ngày 25 tháng 5 Ất Mùi (1955) Đấng Tạo Hóa có một,

Chân Lý có một, Vũ Trụ có một, Loài Người có một, Xác Thịt có một, Máu có một, Tư Tưởng có một, Sự Sống có một, qủa là Chân Lý duy nhất và tuyệt đối của Cơ thể Tạo Đoan Vạn Vật luôn cả loài người nữa.

Nên Đức Ngài trả lời theo Thánh ý của Đức Chí Tôn. Trong buổi Tam Kỳ Cao Đài đang phổ truyền cơ qui nhứt để họp nhơn chủng với triết lý Tam Giáo đồng nguyên ở Đạo Trời.

Về chủ thuyết Hòa Bình Chung Sống, nên Mỹ & cố TT Diệm cho đường lối đó có nghĩa là chống những cường quốc với ý đồ gây chiến tranh ở Việt Nam. Chừng Đức Ngài Triều Thiên, Đạo vừa được tin thì lịnh cố TT Diệm cấm không cho hành lễ tang, tôi mới cảm tác một vần thơ để tưởng niệm:

Hộ Pháp Triều Thiên Đạo được tin,
Báo tang Diệm cấm hủy chương trình.
Tất thành Thánh Thể đồng tâm nguyện,
Giọt thảm nhơn sanh đượm nghĩa tình.
Buồn thấy lịnh ngăn vùng giáo hội,
Vui nghe lễ tiếp cõi Hư Linh.
Ngày về đức Phật cơ mầu hiện,
Đồng tử Saral đã biện minh.

Cả Thánh Thể cùng nhơn sanh với tấm chân thành gọi là tâm tang mà thôi.

14– NHÃN THỊ CHỦ TÂM

Tòa Thánh Tây Ninh dạy thờ Đức Cao Đài với hình Thiên Nhãn. Nên cả Thiên Phong hải chúng giờ tụng niệm"Thần cư tại nhãn" Nhãn ấy chủ của tâm ta với câu "*Tâm giả hình chi quân giả*" cái phần đại thể.lưỡng quang chủ tể là ngôi Thái Cực, cái phần tiểu thể lưỡng quang chủ tể là linh tâm," Quang thị Thần, Thần thị Thiên, Thiên giả ngã dả". (Sự sáng ấy là Thần. Thần chính là Trời, Trời ấy là ta vậy). Đúng như câu "*Cát hữu Thái Cực*" mỗi Chúng sinh mỗi linh lực Thiên địa vạn vật đồng nhất thể, bởi bửu vật của Phật Pháp là Thiên Nhãn một trong ngũ Nhãn của Đức Di Đà đã dạy Chúng sinh cùng Chư Bồ Tát dầu không còn nhục nhãn đã đạt đến Huệ Nhãn, Pháp Nhãn, Phật Nhãn, nhưng phải luyện được Thiên Nhãn tức phải mở con mắt vô vi ở giữa, đó là ngưỡng cửa Thiên lương ở con người để hiệp cùng Trời mới thấy xa ngoài muôn ức dặm. Đức Di Đà thuyết nguyện độ hết Chúng sanh ta sẽ thành Phật, đó là Khối sanh vật trong người của Phật đã hướng theo con đường Chánh giác tức không còn phiền não, chớ chúng sanh ở cõi ta bà, Đức Tạo Hóa đã an bài loài vật phải nuôi loài vật không thể độ hết được, ví như thảo mộc, côn trùng cầm thú lỡ chịu nạp mình đó phép cộng sinh, dầu phẩm tối linh ăn nuôi phần tinh để dưỡng khí. Nên buổi Hạ Nguơn Đức Chí Tôn đến mở đạo kỳ ba mới dạy chúng ta thờ Thiên Nhãn là căn bản của chúng sanh mới là cơ tận độ, chớ Thiên Nhãn đã có từ ngàn xưa. Chẳng phải cơ qui

nhứt nên Đức Chí Tôn chưa dạy thờ. Như vậy Cao Đài là một triết lý nhân bản thờ Thiên Nhãn là bửu vật của Phật Pháp để thống hợp phần Tăng ở sự sùng niệm. Với đạo Thánh Ky Tô đã tượng lý ở Đức Chúa Trời thể hình nơi ngực một Thiên Nhãn đó là "*Nhãn thị chủ Tâm*". Nên Chúa Cứu Thế cũng tượng thể nơi ngực một quả tim ở con người là tâm linh, nên trong cơ lập đạo Đức Hộ Pháp đứng ra tạo Tòa Thánh Đức Ngài thuyết thế gian nầy có 3 Đền Thánh để thờ Đức Chí Tôn

1. Đền Thánh ở Tây Tạng
2. Đền Thánh Rome ở Ý,
3. Đền Thánh Cao Đài Tây Ninh được thể hình Bạch Ngọc Kinh tại thế thờ Trời với khối đức tin để phục sinh cái Thiên lương ở con người biết hướng về Thượng Đế.

Nên ngôi Đền Thánh đạo pháp được thể hiện trong cũng như ngoài với chức sắc khi hành lễ bước lên 5 cấp tại cửa chánh Tịnh Tâm Đài tiêu biểu cho những ai có sứ mạng, ra thì vai tuồng phổ độ ngũ châu, vào phải trọn câu ngũ nguyện, mỗi cấp 1tấc 8, cộng là 9, 5 lần 9: 45, cũng 9, đó là con số định vị cho Thiên Phong trong cơ truyền giáo Ngũ Châu (phần nổi ở trên là 5 cấp, phần dưới còn 2 cấp). Chừng bước tới mí Hiệp Thiên có 3 cấp nối liền với Cửu Trùng ngang qua chí chân tường bên nam cũng như bên nữ, để chứng tỏ cả Thiên phong hải chúng phải tùng pháp Tam Qui Thường Bộ Hiệp Thiên Đài Phật Pháp Tăng. Thay vì Thế Đạo Pháp, còn hai cửa đôi bên để cho Bàn Trị Sự nam nữ và tín đồ bước vào đền mỗi bên có 6 cấp đá mài màu xanh. Khác mấy cửa kia, mỗi cấp 1 tấc 8 cộng là 9, 6 lần 9 là 54, cũng 9 đó là pháp định vị cho 2

phẩm Nhơn Thần và Địa Thần đạp trên đó có nghĩa phải chuyển định lục căn để dẫn lấy lục trần khi vào hành lễ, nên trong Tứ Thời chúng ta sùng bái Thiên Nhãn chính đó là cơ bản Thần Thiên Lương của nhơn loại, Thiên Lương của ta còn, mới mở được con mắt giữa ấy là ngưỡng cửa Hiệp Thiên mà Thánh Ngôn Đức Chí Tôn nói có nghĩa đối với chúng ta Hiệp Thiên còn tức Đạo còn, bởi nền văn minh vật chất làm cho con người quá hung dữ họ bị chết mất cái bản tánh Thiên Lương, mà Công Giáo Tây Ninh lấy lời của Chúa Cứu Thế đề nơi cổng Nghĩa Trang 10 chữ lớn, "Tin chắc xác loài người ngày sau sẽ sống lại ", thật vậy khi có thế chiến thứ 3 thì thân xác con người ta sẽ sống lại phần Thiên Lương ấy, Chúa đã đi mà còn tiên tri với hiện tại buổi Hạ nguơn nầy, nên các đạo giáo cho là Long Hoa Tận Thế, hai chữ Long Hoa có nghĩa cơ phán xét của Thượng Đế một phần nhơn loại để trả nghiệt đền oan mà thôi, danh từ Tận Thế có nghĩa không còn đời vì nhơn loại biết thuận theo lẽ Trời ở vào thời Thánh Đức tức là Đạo vậy.

Gần đây có một thời kỳ văn minh về tâm linh đạo đức còn hiển hiện trước mắt nhơn loại đó là 2 kỳ quan trên thế giới Đế Thiên và Kim Tự Tháp, mà các nhà khoa học hiện đại còn chưa khám phá nỗi, dầu có bộ óc thông minh trí tuệ về khoa học, nhưng khoa học cũng như cơ bút có lợi mà cũng có hại, rất ân ích cho khoa học biết phụng sự nhơn loại, nhưng rất tai hại cho khoa học biết phụng sự về chiến tranh, có khác nào buổi Tam Kỳ lập đạo, lập pháp đều do cơ bút, rồi chia phe phân phái cũng do cơ bút, vậy ta thử định thần suy tư đôi phút để tìm hiểu nguyên do, cơ bút và khoa học giữa cái lợi và cái hại cũng

tại nhơn tâm thế đạo mà ra, chính Đức Hộ Pháp tạo Tòa Thánh Tây Ninh cũng nhờ mặt huyền linh cơ bút với ngôi đền kể là độc nhứt vô nhị lối kiến trúc mô hình con Long Mã với pháp tướng có cả tứ linh trong ngũ hình biến sinh Long Lân Qui Phụng, nhưng cái dụng của ngôi đền thờ Đức Thượng Đế ở thế gian nầy còn chưa có cái thể của nó, kể là một kỳ quan, chúng ta nhìn vào đó không còn là đá gạch nữa coi như Khí Chất của Chí Linh. Rồi đây tất cả Vạn linh sẽ trụ khối đức tin vào đó để chiêm ngưỡng Đại Từ Phụ, bởi đạo Trời ngôi thờ có tượng đủ 12 đài. Hiệp Thiên Đài, Lôi Âm Cổ Đài, Bạch Ngọc Chung Đài, Thông Thiên Đài, Phi Tưởng Đài, Tịnh Tâm Đài, Bán Nguyệt Ngũ Lôi Đài là 7 đài ở phần đầu, đối với con người tai mắt mũi miệng cũng 7 thể hiện cho Thất Khiếu để tiếp điển lực sanh quang, Hiệp Thiên thuộc về Chơn Thần nên Bán Nguyệt Ngũ Lôi Đài nằm một phần ở phẩm phàm tục cấp chót của Cửu Trùng Đài để giữ gìn xác thể đó là chơn tướng hữu vi của Cửu Thiên Khai Hóa.

Còn Cửu Trùng Đài có Nghinh Phong Đài là đài tiếp giá, Lưỡng Long Đài là đài giảng đạo, Tịch Địa Đài là chỗ Hành Pháp Độ Thăng, Cửu Trùng là phần xác thể kể có 4 đài đối với con người là thân Tứ đại giả hợp. Tòa Bát Quái tiêu biểu cái đại nhứt thể ở Thượng Đế là ngôi Thái Cực nơi thờ ThầnThiên Lương của nhơn loại. Với hiện tại về con người là cái bản tâm được tượng thể. Bởi số 12 là con số thập nhị Khai Thiên của Đại Từ Phụ, nên chúng ta lạy 1 lạy 4 gật trong ba lần là 12 lạy, mỗi gật niệm danh của Đại Từ Phụ cũng 12 (Nam Mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát), khi thượng sớ phong bì cũng đề 12 chữ "*Nam Mô Ngọc Hoàng Thượng Đế Ngọc*

Hư Cung Linh Tiêu Điện" Nên nơi khai sinh nền Chơn đạo đâu phải chuyện ngẫu nhiên mà có, buổi nọ Tỉnh Tây Ninh cũng số 12. Về địa danh có 6 rồng tả ngạn sông Vàm Cỏ. Có 5 xã Long Thuận, Long Khánh, Long Giang, Long Chữ, Long Vĩnh, còn hữu ngạn đối diện Long Vĩnh có xã Long Thành, là nơi Đại Từ Phụ chọn cất Toà Thánh, ngôi đền nằm trên pháp Lục Long phò ấn. Khối đá Lục Long có 6 long mạch tủa ra như rồng đoanh phần nội tâm ngôi đền bên trên có 10 khuôn lục long du hành, phần kỳ trung ở nhơn sanh tứ thời chiêm ngưỡng có lục thông chuyển định thần khí, Bát Quái Đài là nơi thờ Thiên Nhãn tức Thần Thiên Lương của nhơn loại. Kế trước là Cung Đạo nơi Đức Chí Tôn thường giáng dạy đạo chúng ta. Mỗi lần về cơ đều xưng "*Thầy các con*". Thầy là với danh Đại Bồ Tát, các con là với danh Đại Từ Phụ. Đúng như 2 câu thơ lục bát của Đức Chưởng Đạo mô tả để trả lời cùng Đức Hộ Pháp như sau:

"Làm cha nuôi dưỡng âm thầm,
"Làm Thầy lại nhượng phẩm Thần ngôi Tiên"

Vì lẽ đó Đức Chí Tôn mới đến lập đạo kỳ ba để tạo phẩm vị Thần Thánh Tiên Phật cho chúng ta.

Với ngôi Tòa Thánh Tây Ninh về tôn chỉ đã thể hình một triều đại thiêng liêng tại thế của cơ qui nhứt về lý số và sắc phái Tam giáo đồng nguyên ở Thượng Đế. Nên các nền Tôn Giáo cõi Á Đông không ngoài 3 con số Tam Ngũ Bát của Đạo Trời.

15– TAM GIÁO ĐỒNG NGUYÊN

Điều do triết lý Nhân Bản sản xuất triết lý đồng nguyên là Nho Thích Đạo, với Phật là Tam qui ngũ giái, Bát chánh, với Tiên là Tam bửu, Ngũ hành, Bát môn, với Thánh là Tam cang, Ngũ thường, Bát đề mục. Cao Đài là cơ qui nhứt của Đức Chí Tôn trong ngươn bảo tồn về tín ngưỡng có một, gồm chung tôn chỉ Tam Giáo Ngũ Chi, Bát Đạo Nghị Định, nên tự ngàn xưa Tam Giáo Ngũ Chi phát huy chân lý cũng có một mà thôi. Phật thì chữ Như, Tiên thì chữ Đạo, Thánh thì chữ Trung, Thần thì chữ Thời, Nhơn thì chữ Mệnh. Mệnh phải hòa Thời, Thời phải đắc Trung, Trung phải đạt Đạo, Đạo phải tồn Như, Sự tồn như của Đức Bổn Sư Thích Ca biết tìm cơ an định nơi cội bồ đề, sự đạt đạo của Đức Lão Tử biết giấu mình nơi Thư viện nhà Châu, đời gọi Âm Hồn Miếu để tìm hiểu then chốt đóng mở của máy huyền vi. Sự đắc trung của Đức Khổng Tử biết ung dung xuống xe chấp tay để nghe Thần đồng chất vấn. Sự hòa thời của Đức Khương Tử Nha biết rõ cơ Trời vâng lời Đức Ngươn Thỉ lãnh bảng Phong Thần vừa xuống núi gặp Thân Công Báo dùng tà thuật toan để giựt, liền bị Nam Cực Tiên Ông cho Bạch hạc tha đầu. Với lòng nhân mới cầu xin trả lại cho bạn dẫu chịu cái nạn 36 đạo binh cản đường phạt trụ vẫn cam. Sự thuận mệnh của Đức Tôn Tẩn người vẫn nghe lời thầy giả chết để tránh cái nạn, nhưng vì tình bạn nên đạp tấm mộ chí mà ra để cứu gia đình Từ Giáp là người ân, dầu đôi bàn chân bị

chặt cũng an phận.

Lấy đó làm nền triết lý cho tín hữu Cao Đài trước áp dụng đề tài khắc kỷ tu thân, để phát huy chân lý tín ngưỡng nhân đạo ở trong Thiên Đạo. Nên người tu năng cúng Tứ Thời với ý nghĩa trời người đồng nhất, nên sự thờ Thiên Nhãn với nhân bản là thờ thần lương tâm của chúng ta có đủ Phật Pháp Tăng, nên niệm Phật tập tánh từ bi, niệm Pháp giữ tâm công bằng, niệm Tăng làm thân tế độ, Tăng là bản thân, Pháp là Chơn Thần, Phật là Linh hồn, nên triết lý Phật Pháp Tăng của cơ tạo đoan Càn Khôn mà cũng ở trong vật loại.

16– PHẬT PHÁP TĂNG TRONG VẬT LOẠI

Chính quả đất chúng ta ở nhưng bên trong vẫn còn khối lửa Thái Cực, nhờ ảnh hưởng một phần nhiệt độ nhựt quang mới có tốc độ vận hành 24 tiếng đồng hồ là một vòng, Nếu không nhờ linh pháp ấy khối lửa sẽ tắt. Chừng đó ta tin chắc nó chẳng còn thời gian với bầu khí quyển mênh mang không đỡ nổi lấy nó lúc đó mới nghĩ sao về cơ mầu nhiệm từ Phật đến Pháp tới Tăng trong 3 giai đoạn Phật Pháp Tăng của nguơn Vô Thỉ, Phật Pháp Tăng của nguơn Khởi Thỉ, Phật Pháp Tăng của cơ định vị, vật dầu lớn hay nhỏ phải có đủ Tinh Khí Thần đó là Phật Pháp Tăng ở cơ chuyển hóa, cũng như võ trái đất vốn nguơn chất biến sanh là Tăng, với năng lực vận hành giữ mức quân bình là Pháp, trung tâm với khối lửa tự hữu của cơ Khởi Thỉ nguyên lý đó là Phật.Về con người khác hơn loài vật Chơn tánh đó là Thần. Trí óc đó là Khí, về động vật cái linh tánh đó là Thần, bản năng nó là Khí, với thảo mộc giác tánh đó là Thần. Nhựa sống nó là Khí, loài Kim Thạch tánh nó là Thần, chất nó là Khí, gồm chung vạn vật cùng một nguyên lý xác thể là tinh.

Nên nơi mặt thế nầy nền Chánh giáo của Đấng Chí Linh thì sự thể hình phải đủ 3 ngôi báu đó là Tòa Thánh Tây Ninh, Bát Quái Đài là Phật, Hiệp Thiên Đài là Pháp, Cửu Trùng Đài là Tăng, Cửu Trùng tượng thể Chơn tướng Cửu Thiên Khai Hóa, Hiệp Thiên là nguyên Khí của các Chơn thần trong Càn khôn, Bát Quái mỗi hướng một cái cửa phát xuất bát phẩm Chơn hồn trong Vũ Trụ

tức là huyền pháp của Chí Linh sản xuất Vạn Linh, mỗi Vạn Linh phải hiến mình cho nhau để cộng sinh vào phẩm tối linh đặng làm Tiên Phật, với bản thân ta có đây nhờ khối sanh vật tạo nên hình, Bát Quái Đài là pháp chưởng giải cũng là nơi kết tụ khối nguơn linh vàn vàn chư Thần Thánh Tiên Phật, nhưng mỗi vị với một Pháp thân tinh anh bằng khí chất do Thần của Vạn Linh tạo thành, thì pháp thân đó phải vận hành chuyển hóa để bảo tồn cơ dục tấn của Đấng Chí Linh. Tất cả chúng sinh phải tùng pháp tạo đoan của Chí Linh mà có, nên Bát Quái Đài tại bửu tòa Tam Thế Phật tầng trên có 8 cung Đoài Chánh Tây, Chấn Chánh Đông y như tòa Bát Quái nơi thờ quả Càn Khôn, còn tầng giữa có 8 chữ nho ngay trên cung gì thì dưới chữ ấy, còn 8 ô tầng dưới Chánh Tây Hồ Lô, Chánh Đông Long Tu Phiến, Chánh Bắc giỏ Hoa Lam, Chánh Nam 2 quyển sách, Tây Nam cặp sanh, Tây Bắc đàn tranh, Đông Nam 2 cuộn liễn, Đông Bắc 2 ngòi bút lông nằm trái trả.

Cao Đài là một nền Tôn Giáo chỉ có 2 vị tiền bối với sứ mạng thực hành 3 ngôi báu Phật Pháp Tăng phải quyền năng của Thượng Đế ban cho mới được: 1/ Đức Hộ Pháp Chủ Chi Pháp tức là Phật, chấp bút hoặc xuất thần tìm hiểu ở thiêng liêng là Pháp, tạo nên ngôi Đền Thánh thể hiện chơn tướng của Càn Khôn là Tăng, 2/ Đức Cao Thượng Phẩm Chủ của Chi Đạo tức là Phật, chấp bút tiếp điển nơi Đức Chí Tôn là Pháp, vẽ Thiên Nhãn thờ nơi quả Càn khôn để chúng sanh chiêm ngưỡng là Tăng. Phải một bàn tay Chủ của Chi Đạo chấp bút mới tạo thành hình ảnh thần thiên lương của nhơn loại, cũng nhờ bàn tay Chủ của Chi Pháp cầm bai mới tạc đúng khuôn mặêt

khối nguơn linh của nguyên chủng. Bởi Tá Lý Lực đắp khuôn mặt Đức Mẹ không giống nơi mẫu tượng. Lúc nghỉ trưa của công thợ Đức Ngài trộn một ít hồ leo lên tô điểm lại mới xong, về phần yếu nhiệm 2 đấng tiền bối đã hoàn thành sứ mạng.

Luận tiếp ở giai đoạn các đấng cho kinh cũng là cái thể để xưng tụng, thì cái dụng phải là bản tâm của người tu biết vận hành theo chơn pháp, Thiên Đạo dạy luyện, Thế Đạo dạy tu. Như vậy ơn trên các đấng đã ban Tân Kinh tại sao phải để chúng sinh góp phần vào đó mới đủ sự hiếu kỉnh, là 3 bài thài dâng Tam Bửu hiện nay, mới có sự cảm ứng ở cơ mầu nhiệm cái của Vạn linh hiến lễ cho Chí Linh, với 3 món báu là Tinh Khí Thần, chớ 3 bài thài trước 1/ là (Hoa tươi năm sắc. sắc thiên nhiên) 2/ (Tửu vị hương hề tửu vị hương) 3/ (Đông độ thanh trà mỹ vị hương) chớ 3 bài nầy của ơn trên cho, nếu khi hành lễ lấy đó dâng lên kể là thừa. Do nơi thánh ý của Đức Chí Tôn dạy ngài Bảo Văn Pháp Quân viết 3 bài khác xong được Đức Chí Tôn duyệt lại rồi chấp thuận vào rằm tháng 5 Kỷ Tỵ (21–6–1929). Nên Hội Thánh thi hành cho đồng nhi thài khi lễ dâng tam bửu. Nhưng Thánh ý của Đức Hộ Pháp đối với Đức Phật Mẫu cũng vậy. Khi lập thành Hội Thánh ngoại giao 29–6–Đinh Mão (27–7–1927) có chức sắc rồi. Trong dịp Đức Hộ Pháp đến Kim Biên nhằm tiết Trung Thu cho thiết Lễ Hội Yến xong Chức sắc Hội Thánh Ngoại Giao cầu nguyện Mẹ xin kinh, Đức Hộ Pháp với Ngài Cao Tiếp Đạo nâng loan, Bát Nương giáng điển ban Phật Mẫu Chơn Kinh, có hành lễ rồi; nhưng đến năm Tân Mùi vào rằm tháng 11 Đức Hộ Pháp với Ngài Bảo Văn Pháp Quân nâng loan tại Thảo Xá thì Đức Phật

Mẫu về cơ cho bài "*Từ hỗn độn Chí Tôn hạ chỉ*" với bài đó chưa phải khó ở nhịp đờn, cũng như thánh ý nêu trên nên Đức Hộ Pháp bảo Ngài Văn Pháp nương theo nguyên tác phô diễn lại thể thơ lục bát xong 18–5 Nhâm Thân. Đó là bài "*Kể từ hỗn độn sơ khai...*" được bà Bát Nương với Đức Hộ Pháp nhuận sắc lại đặng dùng cúng Tứ Thời đọc sau bài "*Tạo Hóa Thiên*".Tất nhiên chân lý Trời người đồng nhứt mới có sự cảm ứng giữa Thượng Đế và nhơn loại.

17– PHẬT CHÚA NGUYÊN LÝ ĐẠO TRỜI

Đó là Đại Bi Chú mở đầu với câu 12 chữ "*Thiên Thủ. Thiên Nhãn vô ngại đại bi Tâm đà la ni*" Để tượng lý số Thập Nhị Khai Thiên của Đức Chí Tôn mà Phật dùng vào pháp môn tụng niệm, "*Thiên Thủ Thiên Nhãn*" có nghĩa ngàn tay ngàn mắt để ám chỉ huyền năng của đấng tạo đoan Càn Khôn Vũ Trụ ngàn tay nắm vững cân công bình, ngàn mắt quan sát họa phúc khắp quần linh (vô ngại đại bi) có nghĩa sự thương sanh bủa khắp không ngừng, "*Tâm đà la ni*" có nghĩa vườn lòng khéo vun trồng cây Công đức nhờ đó phát xuất ánh diệu quang vô tận để vận hành cái tiểu thế Vũ Trụ cho Khối Sanh vật điều hòa trật tự biết tùng cơ chuyển hóa để tấn hóa, do bản tâm kết thành tánh đức tốt, chủ bản tâm là Thần Thiên Lương của con người. Nên con người phải giữ lấy linh tâm nơi mình đặng làm Kho Chí bửu của Trời tức thị sự hằng sống ở trong chúng ta.

Với con số 12 của Đức Thích Ca là khi tăng đồ đến thỉnh giáo để đi truyền đạo, thì Phật dạy 12 điều Tâm Niệm để hóa độ Tăng đồ. Cũng là pháp hóa độ quần linh, cũng như Hoa Nghiêm Kinh, Phật Phổ Hiền vì chúng sinh lập 12 Hạnh Nguyện, còn cuối phẩm Phổ Môn Kinh Diệu Pháp Liên Hoa có Thập Nhị Nguyện, với Đức Di Đà là vị Giáo Chủ Tây Phương cũng lập Tứ Thập Bát Nguyện, chung qui pháp giới của Phật có tám vạn tư,

kể như chúng ta cộng thành chữ số 12 với lý Khai Thiên của Đức Chí Tôn đã lồng vào pháp môn ở Phật tự ngàn đời, còn ở đạo Thánh Ky Tô chính Chúa Cứu Thế hóa bánh lần thứ nhất tại Nagareth cũng thể hiện nguyên lý đó. Năm chiếc bánh hai con cá cầu nguyện xong bẻ chia cho 5 ngàn người ăn no, họ lượm mảnh vụn dư lại được 12 giỏ đầy nếu chữ số cộng 12 với 12 là 24 chia ra thì ba số bát của 3 ngôi.

Tôn Giáo Cao Đài chủ trung là thờ Thiên Nhãn còn Phật dạy luyện Thiên Nhãn, nên Phương Luyện Kỷ Đức Hộ Pháp đề ngày 14–1 Đinh Hợi dạy chúng ta tập tánh không không, đừng nhiễm, vui cũng vui, buồn cũng buồn nhưng đừng để nọc buồn vui nhiễm vào chơn tánh, như vậy với triết lý Cao Đài người tu ngoài khỏi bế ngũ quan nhưng bên trong phải diệt tận sanh niệm ở hàm tàng thức tức thị tâm không, sẽ được khai thông ngũ nhãn như triết lý của Phật vậy, nhục nhãn vốn của bản thân, Thiên Nhãn là thần của nguơn linh vốn con mắt Thiên lương vật vô hình ngưỡng cửa giữa trán là Thiên đình, còn Huệ nhãn của chơn khí, Pháp nhãn của chơn tâm, Phật nhãn của chơn tánh. Với nền triết lý đạo Trời hiện thời Cao Đài là Phật Giáo Chấn hưng, phẩm chót của Phật là Đại Bồ Tát nên trong nguơn bảo tồn Đức Chí Tôn đến với phép hạ mình để qui nguyên cả triết thuyết làm cơ tận độ, nên chúng sanh niệm danh Thượng Đế «*Đại Bồ Tát Ma Ha Tát «hai chữ Ma Ha có nghĩa lớn rộng của đạo pháp bao la, Ma Ha Tát khác Ma Ha Thủy, Trời mở cơ tận độ kỳ ba đem đạo ra để giáo hóa chúng sanh là «Ma Ha Tát*» còn «*Ma Ha Thủy*» là pháp hóa giải tội tình cho một Chơn linh được phục sinh Chơn tánh như lai, đúng như câu

kinh trong bài Giải oan của Đức Hộ Pháp (gội mê đồ tắm nước Ma Ha). Hiện chúng ta tu khi thọ khảo kể như rơi vào trận mê đồ nếu mất đức tin sẽ bị chìm đắm trong mê đồ, bằng đủ tinh thần chịu đựng thắng khảo mê đồ sẽ hóa giải thành nước Ma Ha, cũng như Chúa Cứu Thế bị đóng đinh nhờ ở đức tin mà máu của Thánh linh mới hóa giải Thập Tự Giá thành vật báu để cho nhơn sanh nguỡng mộ.

18– NHỮNG TRIỆU ỨNG VỀ CAO ĐÀI

Căn cứ theo Thánh Ngôn của Đức Chí Tôn có câu" Khai Đạo muôn năm trước định giờ". Thật vậy, nên kinh sách của Minh Sư ở thời nhà Thanh bên Tàu có hai câu kể như sám truyền xin nêu ra để chúng ta nhận xét:

Cao như Bắc Khuyết nhơn chiêm ngưỡng,

Đài tại Nam Phương đạo thống truyền.

Cũng trong giai đoạn nầy quí vị Lão Sư bên Minh Sư mượn am động trên núi với cảnh u nhàn tĩnh mịt để tu, quí vị mới dựng nơi đảnh một mái Thảo Lư gọi đàn Cầu Tiên đặng xin kinh. Đây là lời của Ngài Cao Tiếp Đạo cho biết quí vị dùng bằng lối huyền cơ lấy sợi tơ buộc vào cán bút cở vừa tầm tay viết dưới thì một mâm cát mịn sạch khỏa phẳng mặt để đó cầu nguyện xong trong đêm sáng trở lên thấy có một chữ mà thôi, chép rồi khỏa lại, quí vị thật trì chí lần hồi chép xong được 2 bài Niệm Hương và Khai Kinh. Mỗi mỗi 4 câu y như bài kệ, tiếp đến Ngọc Hoàng Kinh 196 chữ, về Phật Giáo Tâm Kinh 124 chữ, đến Tiên Giáo Tâm Kinh 152 chữ, kế Thánh Giáo Tâm Kinh 118 chữ trong 4 bài nêu trên cộng là 590 chữ nếu tính 2 bài Niệm Hương và Khai Kinh còn nguyên văn chữ Hán khi hoàn thành kể gần 2 năm. Xin Kinh xong rồi để đó, quí vị bên Minh Sư chưa có lịnh dạy nên không áp dụng để tụng niệm, thành thử sau cùng quí vị căn cứ ở 2 câu Cao như Bắc Khuyết, Đài tại Nam Phương, nên

cho người đem về miền nam Việt Nam. Sự luân lưu lâu đời mới vào kinh khố Tam Tông Miếu. Chừng Trời mở Đạo Tam Kỳ thì ơn trên giáng dạy Minh Đường, Minh Lý, Minh Sư, phải dâng Kinh cho Cao Đài Tây Ninh, khi được tin lành quí vị tiền bối ta đến thỉnh đem về phần Chánh văn có 7 bài, còn phần Việt văn do quí vị bên đó lúc ban sơ có cầu cơ nên phụ thêm: 1/ là 3 bài Thài Dâng Tam Bửu, 2/ là bài Xưng Tụng Công Đức Phật Tiên Thánh Thần, 3/ là bài Giới Tâm Kinh, 4/ Sám Hối, 5/ Cứu Khổ, 6/ bài Cầu Siêu. 7/ là 10 bài thơ tứ cú «*Dễ gì lận kiếp đặng làm người*», khi Tiền Bối ta thỉnh về rồi mới thiết đàn cơ thì Đức Nam Cực Chưởng Giáo giáng giảng giải bài Niệm Hương bằng thể thơ song thất lục bát, kế Đức Lữ Tổ giáng giảng giải bài Khai Kinh cũng bằng thể thơ đó.

Đây là một ân huệ thiêng liêng dành để cho Tòa Thánh Tây Ninh mở đạo vừa xong thì có kinh cúng tứ thời. Bửu Kinh nầy lâu đời từ triều nhà Thanh đến nay có cả mấy trăm năm. Còn trước kia điềm trời xuất hiện tại xã Thạnh Đức thuộc Tỉnh Tây Ninh, là điều kỳ diệu một triệu ứng để chứng tỏ Đức Chí Tôn đến mở đạo kỳ ba tại tỉnh Tây Ninh cũng bằng lý số, theo sử Việt Nam người Pháp viết in tại Paris do sự phúc trình của Cai tổng Huỳnh Văn Nhu 9–9 Đinh Hợi (25–10–1887) có một tiếng nổ thật lớn từ hướng tây thấy một khối lửa chính giữa hiện ra con ngựa có sừng rơi xuống đồng ruộng xã Thạnh Đức cày một đường dài 32 thước, tức con số ngũ của Trời đất, bề ngang qua 6 thước là 2 con số của đạo pháp, bề sâu 2 thước thuộc lý số âm dương rồi khối lửa ấy từ từ bay ra biển Nam mất dạng. Những số nêu trên do người Pháp đo đạt còn cho biết trọng lượng của khối

lửa nữa, Đoạn nầy Hiền Huynh Phối Sư Thượng Cảnh có trao cho Ngài Hiến Pháp xem, Ngài xác định đây là con Long Mã.

Thật vậy con Long Mã giáng nơi xã Thạnh Đức là một điềm Trời báo tin cùng nhơn loại có cơ Đại ân xá, thì con người nên Tu cái đức mới là thức thời, theo Cựu ước Đức Chúa Trời trước kia cũng đến bằng khối lửa giữa bụi gai và trên đảnh núi Sinai cùng nơi sa mạc với khối lửa ấy là chơn dương của Đức Chí Tôn là Đấng tự hữu ở ngôi Thái Cực, Chúa Trời đến lần nầy khác hơn trước có Long Mã ở trong khối lửa tức có Đấng Ngự Mã Thiên Quân thay thân cho Đức Chí Tôn trong nguơn bảo tồn đến lập đạo và tạo dựng một ngôi thờ Thần Thiên Lương của nhơn loại với hình con Long Mã.

Với một điều kỳ diệu gần đâytrước ngày Đức ChíTôn đến mở đạo Tam Kỳ, nơi Đảo Dương Đông tức Phú Quốc có ông Phủ Ngô Minh Chiêu là bậc đại căn nên được Đức Chí Tôn ban ân, đó là lúc ông đang ngồi bỗng dưng thần trí nhìn thấy cảnh Hư Linh, nào là Bồng Lai Cực Lạc. Vừa sợ vừa cầu nguyện nơi hình Thiên Nhãn, do ơn trên giác ngộ nên ông với tâm ngưỡng mộ mới vẽ Thiên Nhãn của Đức Chí Tôn để nơi tư gia mà thờ, cũng nhờ đó sau khi Đức Chí Tôn đến độ quí vị tiền bối ngộ đạo rồi muốn thờ Đức Chí Tôn là Thầy của mình nhưng chẳng rõ hình ảnh như thế nào, liền được lịnh dạy bảo phải đến ông Phủ Ngô Minh Chiêu đặng tìm hiểu Thiên Nhãn của Thầy vẽ để mà thờ.

Với điều kỳ diệu là Thánh danh của Đức Chí Tôn xưng cùng quí vị tiền bối lúc xây bàn bằng 3 chữ A Ă Â. Đó là Thánh ý của Đức Chí Tôn cho biết ngôi thờ Đức

Cao Đài là Tòa Thánh hiện nay. A là Pháp HTĐ, Ă là Tăng CTĐ, Â là Phật BQĐ, với cái bàn cũng lý số lần đầu quí Ngài cầu với cái bàn 3 chân mặt tròn tại nhà của Đức Thượng Sanh cái tròn tiêu biểu lý «*Thiên viên*» bàn cũng chuyển nhưng chưa kết quả, lần sau cũng lần đầu tại tư gia của Đức Cao Thượng Phẩm với cái bàn vuông 4 chân tiêu biểu cái vuông của đất, từ lý Thiên viên đến số «*Địa phương*» mới thành đạt, đây không phải sự ngẫu nhiên với cái bàn có bí số mặt 4 tấc rưỡi vuông đó là con số Cửu của Càn Khôn, bề cao 7 tấc rưỡi tức là số 12 của Đức Chí Tôn tiêu biểu cho phần Thiên Thượng, tầng dưới kiềng thành giáp 4 bên, mặt lọt lòng 3 tấc 4 với con số 7 coi như tiêu biểu phần thiên hạ ở 7 cái thể nhơn loại, phép xây bàn tam vị tiền bối Hiệp Thiên Đài ngồi lại 6 bàn tay vịn vào với sự huyền nhiệm một năng lực như lục long vận hành hợp thành điển khí 3 ngôi của Đạo Pháp Thế, mỗi vị một lục thông ở cơ lập đạo giữa Trời và Người, một phép lục long ở 6 bàn tay của 3 Ngài, họp với 3 lục thông cộng là 24 chia ra thì 3 con số bát của 3 ngôi chuyển bàn hổng 3 chân còn một chân chấm đất, đó là nguyên lý của nguơn vô thỉ Nhứt Cực biến chí Tam Tài, nhưng đạo sanh nhứt. Còn khởi thỉ Thái Cực phát xuất 3 nguơn khí đó là Tam Thế Chí Tôn. Lúc xây bàn với cái bàn vuông Đức Hộ Pháp bên tả, Đức Thượng Phẩm bên hữu, Đức Thượng Sanh ngồi giữa đó là Đạo Trời thể hiện cơ tận độ chúng sanh, cũng như Đại Từ Phụ xưng danh chữ Ă là Tăng ở giữa, cũng như hình Tòa Thánh. Thế là Cửu Trùng Đài ở giữa, chẳng khác nào bức ảnh của Đức Hộ Pháp còn lưu niệm chụp lúc ban phép lành, thực hành cơ tận độ chúng sanh cái choàng màu xanh trở ra sau. Còn màu đỏ là Tăng ở giữa. Còn tụng Di Lạc Chơn Kinh với

chiều thu liễm niệm danh Thần Brahma đến Thần Civa da đỏ tức là Tăng ở giữa của Kinh tận độ, cũng như phép chèo thuyền Tổng Thương là người tượng trưng chơn khí Thượng Sanh ở giữa là cơ tận độ, còn Tổng Lái là người tượng trưng Chơn Khí Hộ Pháp, Tổng Mũi là người tượng trưng Chơn Khí Thượng Phẩm, còn Tổng Khậu là người thể hiện cái bản tánh của chúng sanh nên sự cười khóc buồn vui đã biểu lộ, với 12 Bá Trạo tiêu biểu cho Thập Nhị Thời Quân, Đức Hộ Pháp có dạy nếu chúng sanh siêu hay đọa đều do Thập Nhị Thời Quân, thiết tưởng cái phần siêu nhờ nương ngũ khí mà lên, còn phần đọa do ngũ hành mà xuống. Ở cõi Thiên là Thập Nhị Thời Thần ở cõi trần là Thập Nhị Thời Quân, Thời có nghĩa là Thần của mỗi giờ ở Pháp khai nguơn lập hội trong 12 Địa Chi, Thời Quân là định danh, Thời Thần là tượng lý nên Thánh ý của Đức Chí Tôn với cơ tận độ thâu môn đồ đầu tiên là Nguyễn Bảo Pháp lúc còn xây bàn, người sau hết là Cao Tiếp Đạo mới đủ 12 Thời Quân, kể như Thánh ý Đức Chí Tôn giữ Pháp cho nhơn sanh đạt Đạo.

Với điều kỳ diệu Đức Chí Tôn đến mở Đạo Tam Kỳ còn tiên tri Thầy đến lập đời Thánh Đức tạo cảnh Nghiêu thiên, Thuấn nhựt cho nhơn loại một nền hòa bình vĩnh cửu, với Tôn chỉ Luật là thương yêu, Quyền là Công Chánh, quên mình làm nên cho người, kể như một đạo một cha, một nhà chung, làm chung, ăn chung, sống chung. Đó là triết lý cộng sản nguyên thỉ của thời vua Nghiêu, nên Tôn giáo Cao Đài Đại Từ Phụ ban Tịch Đạo hai chữ Thanh Hương của thời Lý Giáo Tông thiêng liêng do Đức Ngài cầm quyền Thánh Thể để dìu độ Chức sắc thực hành sứ mạng nơi mình. Có nghĩa thay hình thể

của Chí Linh đặng phụng sự cho Vạn linh với mục đích 2 chữ Thanh Hương, xưa kia ông Hồng Bạch Thanh, ông Hồng Bạch Hương hai cha con ở thời vua Nghiêu với đường lối tổ chức về cuộc sống được số người hướng theo rất đông làm chung, ăn chung, sống chung. Chung lo với nhau lúc mạnh cũng như khi đau, làm ra tiền nông để nhà chung, ai muốn dùng tùy tiện lấy mà dùng, không tham lam không kiện tụng. Nhà không đóng cửa đường không lượm của rơi, nên thời vua Nghiêu mới có câu «*gia vô bế hộ, lộ thập bất di*» người người vui nếp sống an nhàn tự toại «*Kích nhưỡng nhi ca*» luật pháp nhà vua khỏi xử trị, cuộc sống có hệ thống tổ chức mở đường, phân lô nhà cất cứ 12 cái trong một tổ để tiện bề săn sóc giúp đỡ cho nhau.

Nói rõ hơn nữa Tịch Đạo Thanh Hương là thời kỳ của hoa, phải chịu bao sự phong ba bão táp mà còn giữ được trong sạch thơm tho thì con người tu của chúng ta sẽ kết quả ở đạo tâm, còn Tịch Đạo Tâm là thời kỳ của trái muốn gặt hái tốt phải gia công vun phân tưới nước mới được quả lành.

Kết luận tịch Đạo Thanh Hương của Chức sắc làm Thánh Thể cho Đức Chí Tôn Nam thì Thanh Nữ thì Hương; từ phẩm Thiên Thần đến Địa Tiên thuộc Nguơn Tinh nên có lót ở Thánh danh, về thực hành chơn lý từ ấn pháp đến hình thể đều có con số 12, châu vi Nội Ô có 12 cửa, còn Tòa Thánh có 12 đài, nhưng phần chánh yếu có 3 đài: Bát Quái, Hiệp Thiên, Cửu Trùng; Tôn giáo xem đây là nhà chung, kể cả tinh thần sản nghiệp chung, làm chung ăn chung sống chung hòa đồng tín ngưỡng một ông cha chung, khiến cho kẻ cầm bút phải đôi phút suy tư tất nhiên.

CẢM ĐỀ

Châu vi Tòa Thánh thật an ninh,
Quang cảnh nơi đây khác thế tình.
Mỗi cổng biểu dương câu liễn đối,
Ba đài thể hiện bóng trời thinh.
Chí Tôn đã đến bày chơn pháp,
Sanh chúng như mừng được cứu tinh.
Trước có rừng thiên nhiên mát mẻ,
Chim ngàn vầy tổ xúm nghe kinh.

Thật vậy cây lành dành cho chim đổ. Đất phước để chứa người nhân ấy là lẽ xưa nay.

19– ĐỨC HỘ PHÁP VỚI LÝ SỐ NHƯ KINH

Chủ Ngữ Lôi Đài là Hộ Pháp ngự nơi Ngai Thất Đầu Xà với cái đôn bằng tòa sen có 8 chân. Đức Ngài mặc giáp có 3 Cổ pháp buộc dây Sắc Lịnh màu Tam Thanh đầu đội mão Tam Sơn tay cầm Cửu Khúc Kim Tiên Chưởng quyền Tam Châu Bát Bộ và Tam Thiên Thế Giái, nên chúng sanh niệm danh Đức Ngài 10 chữ với hồng oai thì niệm "*Nam Mô Tam Châu Bát Bộ Hộ Pháp Thiên Tôn*" về hồng từ thì niệm "*Nam Mô Tam Thiên Thế Giới Hộ Pháp Giáng Lâm*". Khi Đức Quyền Giáo Tông Đăng Tiên, 13–10 Giáp Tuất (1934), qua rằm là ngày khai mạc Đại Hội Nhơn Sanh. Nên Hội Thánh đình để lo cử hành lễ tang Anh Cả xong, ngày 26 Hội Thánh nhóm Đại Hội Hội Thánh có mời cả Chức sắc nam nữ và lo mở Đại Hội Nhơn Sanh, chủ tọa tuyên bố lý do Anh Cả đăng tiên thì Cửu Trùng thiếu người cầm giềng mối đạo, cả hai nguyện vọng của Hội Thánh cũng như Nhơn sanh đồng thanh quyết nghị giao quyền thống trị cho Đức Hộ Pháp, cử hai phái đoàn đại diện đến dâng lên Đức Hộ Pháp hai tờ tín nhiệm với nguyện vọng của nhơn sanh và Hội Thánh giao quyền thống nhứt cho Đức Ngài. Trong giai đoạn này Đức Ngài thay thân Chí Tôn với ngôi Giáo chủ hữu hình. Còn phần thiêng liêng do Đức Chí Tôn chủ quyền nền chơn đạo, Từ năm Bính Dần (1926) Đại Đạo hoằng khai đến năm Ất Hợi (1935) là 10 năm đúng số Thập Thiên Can thì ơn trên mới giáng ban Kinh Tận độ gọi là TÂN KINH vào 23 tháng

7 đến 4 tháng 8 mới hoàn tất là 12 ngày lại đúng số Thập Nhị Địa Chi, 23 tháng 7 cũng số 12, 4 tháng 8 cũng số 12 cộng cả ba thành 36 vốn số Tam Thập Lục Thiên của Đức Chí Tôn.

Rất may duyên được ơn trên giáng ban TÂN KINH lối văn vốn nguyên lý của nòi giống Rồng Tiên bằng thể thơ song thất lục bát mà người Việt Nam chọn tầng cặp đem ra thành câu ca dao hay phương ngôn trong dân gian, câu 1 loại thơ trên 7 chữ, câu 2 cũng 7 chữ, thể hiện cơ hành sử của tạo đoan và nhơn loại. Bởi Trời đất có Thất diệu nhơn sanh có Thất khiếu, nhưng câu trên vận trắc, câu dưới vận bằng tiêu biểu "*dương giáng hóa sanh âm phù trưởng dưỡng*" vận trắc câu trên chữ thứ 7 chuyển âm xuống câu dưới chữ thứ 5 cũng trắc, cặp thất câu trên chữ thứ 7 phải bằng do câu bát gieo vần, để chuyển từ nhồi vận luôn luôn ở thể thơ như vậy, nên trên bằng dưới trắc ở cơ định vị, bằng là thanh phù ở trời là Ngũ Khí, trắc trược giáng ở đất là Ngũ Hành, Pháp Dục Tấn của nhơn sanh ngũ luân chi bổn, nhưng hàng thứ ba câu lục vần bằng chuyển xuống hàng thứ tư câu bát chữ thứ 6 làm hệ thống tiếp nối cũng vần bằng, 6 trên là con số đạo pháp của cơ tạo đoan, 6 dưới là số lục thông ở nhơn sanh quan, thể thơ mỗi từ 4 vế tiêu biểu sự biến dịch của Bát Quái, nên không nhứt định bao nhiêu câu khi dứt nguyên tác hoặc kết lục hay kết bát cũng đặng, nhưng chữ 6 hay 8 phải vần bằng, không hạn vận đó là thể thơ bất tận biểu tượng tinh thần dục tấn của nòi giống Rồng Tiên.

Nên buổi Tam Kỳ các đấng thiêng liêng giáng ban Tân Kinh cũng thể thơ này trong cơ tận độ chúng sanh, nhưng với nét thiên cơ thuyết tận độ sanh lại là phần

hành của Đức Hộ Pháp nên Thiên Đạo Đức Ngài với bài Giải Oan, về Thế Đạo có 10 bài tiêu biểu Pháp Thập Thiên Can ở trong chúng sanh, 1/ là bài *Thuyết Pháp,* 2/ *Nhập hội,* 3/ *Xuất hội,* 4/ Kinh *Đi đường,* 5/ Kinh *Khi về,* 6/ Kinh *Khi đi ngủ,* 7/ Kinh Khi *Thức dậy,* 8/ Kinh *Vào học* 9/ Kinh *Vào Ăn cơm* 10/ Kinh *Ăn cơm rồi*, kể như sự giảng luận của chúng ta cũng có Ngài, xuất nhập hội cũng có Ngài, Lúc đi khi về cũng có Ngài, đi ngủ thức dậy cũng có Ngài, học hành cũng có Ngài, vào ăn cơm khi ăn rồi cũng có Ngài, trước cũng như sau văn của các đấng hoặc của Đức Ngài không ngoài thể thơ Song thất lục bát, về phần thế đạo ta vấp phải tội tình, nhờ pháp Thiên Đạo với bài Kinh Giải Oan của Đức Ngài chờ đón những chơn linh lỡ gội mê đồ gắng định thần sẽ tẩy sạch nhờ nước Ma ha, bài Giải Oan toàn văn phần nhiều dạy chúng ta luyện đạo, như câu» Chèo thuyền Bát nhãø Ngân Hà độ sanh» không dạy chèo ở bể trần để cứu vớt nguyên nhân phải chèo ở sông Ngân.

Bởi Ngân Hà là chỗ kết tụ tinh hoa của trời đất, còn Nê hoàn cung ở chúng ta là chỗ kết tụ tinh ba khối vật chất tức là thần của Vạn linh, nên chèo có nghĩa là trau giồi, bát nhã là trí tuệ, nhờ mở đệ Thất Khiếu làm thuyền để đưa chúng sanh trong người lên bờ giác là Nê hoàn cung đó vậy.

Khi Đức Hộ Pháp nắm quyền Chưởng Quản Nhị Hữu Hình Đài bước đầu Chức sắc Nam Nữ Cửu Trùng họp lập thành Ban Phụ Chánh để giúp Đức Ngài trong cơ truyền giáo và tạo Đền Thánh. Bởi Đức Quyền Giáo Tông đăng tiên năm Giáp Tuất cả Hội Thánh và nhơn sanh giao quyền thống nhứt cho Đức Hộ Pháp đến năm

Kỷ Mão được Đức Lý Giáo Tông thiêng liêng mừng Đức Hộ Pháp với bài thi khoán thủ 8 chữ như sau:

HỘ giá Chí-Tôn trước đến giờ,
PHÁP luân thường chuyển máy Thiên-cơ.
CHƯỞNG quyền Cực-Lạc phân ngôi vị,
QUẢN suất Càn-Khôn định cõi bờ.
NHỊ kiếp Tây-Âu cầm máy tạo,
HỮU duyên Đông-Á nắm Thiên-thơ.
HÌNH hài Thánh-thể chừ nên tướng,
ĐÀI trọng hồng ân gắng cậy nhờ.

Lời thơ Đức Lý cho biết Đức Hộ Pháp có sứ mạng tầng giai đoạn, nhưng trước ở lạc bài đã đề cập về Đức Ngài 2 chữ Nhị Hữu rồi. Còn 2 chữ CHƯỞNG QUẢN xin khép nép bàn qua. Lúc Đức Ngài mặc tiểu phục áo mão màu vàng tượng thể Di Đà Hộ Pháp (Chưởng Quyền Cực Lạc phân ngôi vị). Chừng mặc Khôi giáp Đức Ngài là Linh Tiêu Hộ Pháp thay quyền Chí Tôn (Quản xuất càn khôn định cõi bờ) với Đức Nam Bình Vương Phật được tượng hình trước Đền thờ Phật Mẫu Trí Giác, Đức Hộ Pháp đã xác định Đấng đó ở Lôi Âm Tự thì mặc Cà Sa, ở Ngọc Hư Cung thì mặc khôi giáp căn cứ như trên chính cũng Đức Ngài. Về quyền hành của Đức Hộ Pháp rất quan trọng. Nhưng Thánh ngôn lời Đức Chí Tôn phân định rõ Hộ Pháp nhỏ hơn Giáo Tông phần xác chớ thiêng liêng đồng vị, thiếat nghĩ về Chơn Thần thì bình đẳng. Còn Chơn linh có cao trọng có thấp hèn. Với Đức Ngài là Chơn Linh của phậât Christna do Đức Chí Tôn biến ra là một đấng Phật Tiên nguyên thỉ, về triết lý Cao Đài dầu một vị Cổ Phật khi tá trần mang phàm thân thuộc Chi Nhơn Đạo của Giáo Tông phải gọi người bằng Anh

Cả là vậy.

Luận về pháp là lý số nên việc làm của Đức Hộ Pháp toàn lý số, Đức Ngài dạy về dọng chuông để báo tử Nam thì 7 tiếng, Nữ thì 9 tiếng. Nếu khi nghe Đền Thánh có 7 tiếng chuông thì mọi người hướng về nơi đó để cầu nguyện cho một Nam Chơn linh vừa qui vị. Còn nghe 9 tiếng thì cầu nguyện cho một Nữ Chơn linh cũng vậy. Do Thánh lịnh VP Hộ Pháp Đường số 438 vào 2–8 Đinh Hợi (16–9–47) áp dụng Nam thất, Nữ cửu không phải đẳng cấp. Đức Ngài dạy từ tín đồ dĩ chí Thiên Phong đồng thể. Còn hiện nay 2 phẩm Địa Thần, Nhơn Thần, khi cầu nguyện Lễ viện Tòa Thánh cho dọng một hồi chuông lợi 3 dùi, hoặc rước vào Đền hay đưa cũng vậy.

Còn rước hay đưa người sống do Sắc lịnh số 28 ngày 17–9 Ất Hợi, Đức Hộ Pháp dạy đưa vào bổn Lễ để đưa rước Chức sắc, chuông trống như sau: Hễ Lễ sanh, một hồi chuông trống, lợi 3 dùi, Giáo hữu, hai hồi chuông trống lợi 3 dùi, Giáo sư, ba hồi chuông trống lợi 3 dùi, Phối sư, bốn hồi chuông trống lợi 3 dùi, Đầu sư năm hồi chuông trống lợi 3 dùi, Giáo Tông sáu hồi chuông trống lợi 3 dùi. Chuông trống từ một hồi đến 6 hồi là con số của đạo pháp. Còn lợi ba dùi là con số Tam tài. Sau nầy Hội Thánh dùng để báo tử và đưa rước Chức sắc đã qui vị, kể như Hiệp Thiên Đài Ngài Khai Đạo là một Thời quân khi qui vị được khởi đầu 5 hồi chuông trống vào lúc 21 giờ 10 phút ngày 19–2 Bính Thìn (19–3–76).

Với con người thiên mạng khi thọ nạn cũng bằng lý số. Người Pháp vào bắt Đức Ngài 4–6 Tân Tỵ chừng được trả tự do về đến Tòa Thánh 4–8 Bính Tuất, Hội Thánh tổ chức cuộc lễ rước Đức Ngài rất long trọng có Giáo

sư Đại biểu Trần Quang Vinh đọc diễn văn chúc mừng Đức Ngài, ôn lại thời gian Đức Ngài bị Pháp bắt lưu đài 4–6 là số Thập Thiên Can còn 4–8 là số Thập Nhị Địa Chi, từ 4–6 Tân Tỵ đến 3–8 Bính Tuất là 5 năm nhưng Giáp Thân và Tân Tỵ có 2 tháng nhuần, thành ra 5 năm 2 tháng sang ngày 4 là 1 ngày, tổng số là 5 năm 2 tháng 1 ngày, kể như số Bát Quái, sang năm Đinh Hợi (1947) Đức Ngài viết Phương Luyện Kỷ đặng vào con đường thứ 3 của Đại Đạo, tức Đức Ngài dạy chúng ta luyện Tam bửu, chớ không phải bảo ta tu ở Hành Chánh hay Phước Thiện hoặc Phạm Môn, đoạn chót Đức Ngài bảo ẩm thực tinh khiết, tư tưởng tinh khiết, tín ngưỡng mạnh mẽ nơi Đức Chí Tôn cùng Đức Phật Mẫu, với phương pháp ẩm thực là luyện Tinh, tư tưởng là luyện Khí, tín ngưỡng là luyện Thần, nếu ẩm thực không tinh khiết khó chuyển tinh hóa Khí, tư tưởng không tinh khiết khó chuyển Khí hiệp cùng Thần, sự tín ngưỡng phải luyện thần cho tinh tấn mới đạt pháp huờn hư, Đức Ngài dạy chúng ta luyện Tinh Khí Thần đặng vào con đường thứ ba của Đại Đạo, còn lịnh cho Hội Thánh bảo Lễ Nhạc Đồng Nhi mỗi tháng phải tập dượt ba ngày 9–19–29, kể như số lão dương sẽ sanh âm nên các cơ quan và ban bộ từ trung ương đến địa phương mỗi tháng được nghỉ ba ngày 10–20–30 hiện trước đó chưa có nghỉ ngày Chúa Nhật.

Đây là lời ông Chơn Nhơn Phạm Duy Hoai hiện nay ông còn khỏe thuật lại lúc Đức Hộ Pháp rời Thủ Đức xuống Phú Mỹ, Đức Ngài phán Bần Đạo có 5 gánh pháp ai biết thì qua cho ngọc bằng không thì thôi.

1/ là *Đạo pháp* 2/ là *Tôn pháp,* 3/ là *Gia pháp,* 4/ là *Quốc pháp* 5/ là *Thiên hạ pháp,* trong 5 gánh Pháp ta thử

nhận xét để tìm ra chân lý để góp ý cho nền triết học sau nầy, Đạo pháp là Pháp giới Kim Tiên ở mặt Hư Linh đủ quyền điều khiển lôi điển Càn Khôn do Đức Chí Tôn lấy của Lôi Thinh một cây giao cho Hộ Pháp khi giáng thế. Tôn pháp là phần thể pháp đã tượng hình với lý số nhìn vào có bí pháp với Tôn giáo Cao Đài Đức Ngài lãnh đạo để bảo thủ chơn truyền thực hành yếu pháp đó.

Còn Gia pháp Đức Ngài áp dụng quyển Phương Tu Đại Đạo, và mọi nghi lễ ở con người để làm phép trị tâm cho chư tín đồ. Về Quốc pháp Đức Ngài dựng lại giềng mối nhơn luân làm cơ hữu hạp cho tinh thần dân tộc biết phục hồi cái triết lý nam phong chi bổn tức là Nho Tông chuyển thế. Nên nước nhà có cuộc qua phân lãnh thổ hai miền Nam Bắc sắp có cuộc tương tranh Đức Ngài thực hành Quốc pháp đó đặng cứu quốc nạn, liền sai anh Lê Văn Thoại lãnh sứ mạng đi cắm cờ Nhan uyên ở Bến Hải. Đức Ngài cho may 2 lá cờ, lá lớn gọi Pháp Kỳ bề dài 3m2 vải nguyên khổ kể như số ngũ, lá nhỏ gọi Lịnh Kỳ ngang 5 tấc, dài 7 tấc lại số 12. Về Thiên Hạ pháp Đức Ngài đem triết lý đại đồng của Đức Chí Tôn để bảo tồn nhơn loại tránh cơ diệt hóa xem cả chúng sanh đồng con chung Thượng Đế, nên thực hành Thiên Hạ pháp trong cơ chuyển thế kêu gọi vạn quốc nên hòa bình chung sống trong tình bác ái chân thật mới là vĩnh cửu.

20– TRAI KỲ TUẦN CỬU, TIỂU TƯỜNG, ĐẠI TƯỜNG

Luận về chay lạt đạo Cao Đài khác hơn các tôn giáo ở cái Dụng, mà giống nhau ở cái Thể. Nếu ăn Nguơn Thỉ lục trai do pháp khôn lục đoạn, còn ăn Chuẩn Đề thập trai do 18 cánh tay của Phật thể hiện người tu ăn thập trai để hành thập thiện luyện Bát Chánh, vì đó cửa thiền lấy số thập làm Pháp giới trai tăng, còn ăn thiên nguơn là 16 ngày tiêu biểu 2 con số của trời đất, với ngôi dương là Bát Quái, với ngôi âm là Bát Cảnh. Về ăn Lục trai nhớ tránh đừng cho phạm lục hình phải biết gìn lục thông. Còn ăn thập trai nhớ hành thập thiện đừng cho vướng thập ác, nếu thập ác thì bát tà.

Về cựu ước là 10 điều răn của Đức Chúa Trời, nếu chúng sanh phạm thì thập ác, còn bằng không là thập thiện, còn 10 điều răn của Phật thể hiện bằng thập Điện Diêm Cung. Còn 10 điều giới răn của nền Đạo Tam Kỳ là Thập Hình của Đức Lý Giáo Tông giáng cơ lập 18–1–31 (30–11 Canh Ngọ),và Thập điều giới răn của Đức Hộ Pháp lập (1952). Nên Đạo Cao Đài không cái gì khác, nhưng khác ở sự minh triết với nền chơn giáo về luật phản phục của trời đất.

Tất nhiên vòng châu kỳ của Vũ trụ biến dịch như hình con rắn bò, cắn lấy đuôi thể hiện Pháp đun đẩy, ở cơ khởi thỉ để chuyển hóa Thái cực sanh Lưỡng nghi biến tứ tượng chí Bát Quái mới tác thành càn khôn vạn

loại, nên Trời dứt con số 9 tức là pháp định vị ngôi Đạo, còn ngôi Đức của Phật Mẫu là Pháp trưởng dưỡng trong cơ chuyển hóa tất cả Vạn linh phải tùng lý nhứt nguyên mà sinh, nhờ mượn cái giả hình của nhị nguyên mà tấn. Do đó mà kiếp người có nhân và quả làm cho Chơn hồn thanh cao để tấn hóa vào đường Thánh Đức thấy rõ mực Thiên Điều là công bình, nếu gây lắm tội tình thì sa đọa, nên các Chơn hồn muốn tấn hóa phải luân hồi chuyển hóa như lời Phật thuyết.

Mạ là phép trường sinh thì những Chơn Linh cao trọng nhờ cửa luân hồi nhắc bậc cao siêu. 9 là số lão dương sẽ sanh âm; 10 là số lão âm sẽ sanh dương, đó là lẽ đương nhiên của lý phản phục nên khởi thỉ là 1 đến cùng tột lại là 0 với lý vô cực để biến nên phép Địa Chi Hợi là tháng 10 bắt đầu khởi Tý là tháng 11, nói thời gian thì Địa chi ở năm, nếu nói năm thì Địa chi nằm ở tháng, nếu nói tháng thì Địa Chi nằm ở ngày, nếu nói ngày thì Địa chi nằm ở giờ, nếu nói giờ thì phép Địa chi ở Đại Vũ trụ của trời đất, tất nhiên cũng ở Tiểu Vũ trụ của chúng ta, phép Địa chi do Chúng sanh mới định danh định vị đứng đầu của chuỗi thời gian, khởi Tý, Sửu, Dần, Mẹo, Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi là chung kết, trở lại khởi thỉ đó là số 12 của Đức Chí Tôn. Nên mỗi năm có 12 tháng, mỗi tháng mỗi địa chi một con giáp, bởi cớ mà tôn giáo Cao Đài áp dụng phép Thập Nhị Địa Chi của Phật Mẫu với chân lý đó nên ăn thập trai biểu tượng cho Pháp thập thiên can của Đức Chí Tôn (Giáp, Ất, Bính, Đinh, Mậu, Kỷ, Canh, Tân, Nhâm, Quí) để phối hợp cơ hóa trưởng của trời đất. Nhưng số 10 của Phật Mẫu nên sự ăn chay theo triết lý Cao Đài để thể hiện cơ tuần huờn của ba

nguơn trong một năm có Thượng Nguơn, Trung Nguơn và Hạ Nguơn nên ăn Thập Trai cũng biểu tượng cơ tuần huờn ở tiểu Vũ trụ với phép chuyển hóa chia thành ba nguơn trong mỗi tháng, đầu tháng tiêu biểu cho Thượng Nguơn nên ăn chay 2 ngày, mồng 1 mồng 8 thể hiện nguơn sáng tạo cơ khởi thỉ 1 là Thái cực biến chí Bát Quái là 8, vì đó mà lấy tháng 1 làm Đại Lễ Đức Chí Tôn với con số dương, còn lễ Đức Phật Mẫu phải là tháng 8, với con số âm cũng là con số thành, bởi Đức Chí Tôn là ngôi chủ tễ càn khôn (càn tam liên) là ba hào dương với ba con số cửu là số lão dương sẽ sanh âm nên "*Càn tam liên*" biến thành "*Khôn lục đoạn*" với 3 con số cửu của hào dương là 27 cũng 9. Còn bước qua đầu năm đầu tháng ở mỗi tháng khởi ăn chay cùng ngày mồng 1 với mồng 8 cũng 9 thể hiện cơ định vị càn khôn nên Đại lễ Đức Chí Tôn phải là mồng chín tháng giêng, cũng là con số dứt của trời, còn số 8 thuộc âm nên đến tháng 8 đúng đêm rằm vầng thái âm tròn đầy chưa biết đâu là giới hạn rạng rỡ giữa không trung, lung linh như ánh ngọc Dao Trì bao trùm cả vạn loại nên lấy đó làm đêm đại lễ Đức Mẹ Chơn Thần của Chúng sanh. Ăn chay giữa tháng tiêu biểu cho Trung Nguơn, ăn ngày 14 với rằm kế ngày 18, 1 với 8 cũng 9, còn 14 với rằm là 29, đầu là con số 2 coi như phần nhị nguyên của cõi Hậu Thiên về vật thể, nên trước 9 sau 9 vì trung nguơn là nguơn tranh đấu để tấn hóa nên 2 con 9 tức là Pháp định vị của trời đất làm hệ thống nối liền giữa Trung nguơn và Hạ nguơn.

Và sự ăn chay cuối tháng tiêu biểu cho Hạ Nguơn tức là nguơn cộng nghiệp. Ăn ngày 23 với 24 là 47, coi như thân tứ đại giả hợp bị phủ cả thất tình. Kế ăn ngày 28 với

29 cộng 57, con số hủy diệt nhơn loại do khoa học làm cho khí ngũ hành đảo lộn thất khiếu sanh quang nhờ Ngũ Chi Đại Đạo phục hoàn ngôi thất bửu tức là nguơn bảo tồn.

Sau rốt hết ăn ngày 30, 3 là con số khởi thỉ của Đức Chí Tôn, còn ở nguơn vô thỉ Đạo sanh nhứt, nhứt sanh nhị, nhị sanh tam, tam sanh vạn vật. Tam là phần thứ ba thuộc tăng chính đó là ngôi Thái Cực phát xuất 3 nguơn khí để khởi thỉ, nên ăn ngày 30, 0 là lý vô cực để bắt đầu khởi thỉ thượng nguơn trở lại 1, rồi đến 10 trở lại 1, rồi đến 20 trở lại 1, rồi đến 30 trở lại 1, tiêu biểu ba nguơn trong mỗi tháng. Còn mỗi năm có 3 kỳ rằm lớn gọi là Tam nguơn với bốn mùa của Trời đất gọi tứ quý nên tôn giáo Cao Đài hành Đại Đàn Đại Lễ thể hiện cho 3 nguơn của trời đất trong một năm nhưng mỗi tháng có 2 kỳ đàn lệ gọi là sóc vọng. Nếu cộng chung chẳng tính ngày lễ vía là 24 kỳ đàn. Về pháp giới nếu chia ra thành 3 con số của cơ tạo đoan Càn khôn vạn vật do 3 ngôi Phật Pháp Tăng, nên Đạo Cao Đài dạy ăn thập trai là để vận hành pháp giới, đem thiên can phối hợp địa chi tạo thành cơ hóa trưởng, lấy số tượng cho lý để mà định vị chúng sanh trên đường tu, còn phép trai tăng của Thiền lâm căn cứ vào Thập Thiện Bát Chánh mà 18 cánh tay của Phật Chuẩn Đề đã thể hiện nên truyện Tây Du cũng trình bày chơn lý đó.Tác giả mô tả đường đi Tây phương mười muôn tám ngàn dặm với xâu chuỗi trưởng của Thiền Sư 180 hột đều là con số của Phật pháp. Còn đạo Thánh Ky Tô mỗi tháng tính theo dương lịch, kể trong một tháng có 4 ngày nghỉ gọi là chúa nhựt ngày ở cuối tuần để chiêm ngưỡng Đức Chúa Trời tạo dựng xong Càn Khôn vạn vật. Còn đạo Cao Đài Đức Hộ Pháp định cho mỗi tháng

có 3 ngày nghỉ 10, 20, 30 tính theo âm lịch nhưng có đủ âm dương với một triết lý huyền nhiệm, mỗi tháng nghỉ 3 ngày, 3 là con số khởi thỉ, mỗi tháng một Địa chi trong một chu kỳ là 12 tháng của một năm nghỉ được 36 ngày tức là con số tam thập lục thiên cộng là 9 để làm cơ định vị pháp giới trai tăng, nên ăn thập trai để tưởng niệm hai đấng tạo đoan Càn khôn Vũ trụ. Chẳng phải chọn những ngày lễ vía mà ăn chay, nên hai ngày mồng 9 tháng giêng đại lễ Trời, và 19–2 lễ Phật Quan Âm đủ chứng tỏ 2 ngày đó chẳng có trong thập trai. Nếu những người đạo Cao Đài giữ đúng thập trai lúc chung qui được thọ truyền bửu Pháp tức là giờ phút kết thúc ở kiếp người, hưởng đủ 24 bài Kinh Thiên Đạo thể hình pháp giới Bát Nhã cho 24 chiếc thuyền trước kia đưa tàng linh xuống thế.

Hôm nay Đức Thượng Đế đến dùng phép siêu rỗi đặng rước về với cơ tận độ 24 bài kinh buổi tam kỳ, nên con người khởi thỉ sanh ra là Kinh Tắm Thánh, khi kiếp người chung kết, rốt hết là Kinh Đại Tường, 1/ là Tắm Thánh 2/ là Giải Oan 3/ là Hấp Hối 4/ là khi đã chết rồi, 5/ Sớ Tân cố, 2 chữ Tân cố (mới xưa) có nghĩa vị vừa liễu đạo (mới trở thành người xưa), 6/ là Nhập Mạch 7/ là Cầu Siêu 8/ là tụng Di Lạc Chơn Kinh 9/ là đưa linh 10/ là hạ huyệt 11/ là giảng sanh, đó là phần tại tiền.

Chừng làm tuần cửu 1/ là bài Khai Cửu của Đức Quan Âm, với 9 bài tuần cửu của cửu vị Nữ Phật là 10, 11/ là bài nơi Kim Bồn của Đức Phật Mẫu 12/ là bài Tiểu Tường của Đức Nhiên Đăng 13/ là bài Đại Tường của Đức Di Lạc. Với người thiếu thập trai cũng thượng sớ không khai cửu để hành lễ tuần cửu và không Tiểu Đại tường chỉ cầu siêu bạt tiến và tụng Di Lạc Chơn Kinh mà thôi.

Còn người Đạo giữ đúng thì hưởng đủ kinh 11 bài cộng với 13 là 24 bài Kinh thể hiện cho 24 thuyền linh trước đưa 100 ức nguyên nhân xuống thế nay đến để rước các nguyên nhân trở về cựu vị đặng sum họp cùng hai đấng phụ mẫu Vạn Linh.

Nên lễ đưa Chư Thánh Triều Thiên mà Đạo Cao Đài cũng chọn ngày 24 của tháng 12 mới là kỳ diệu, chẳng phải ngẫu nhiên mà có. Nếu chúng ta tùng giáo Tam Kỳ mà tu hành vẹn phận chừng chung qui ở mặt hữu vi, hưởng đủ kinh kệ, đó là một ân huệ đối với cõi siêu hình dầu rằng tuần cửu với Tiểu Đại Tường, tuy là thể pháp đem áp dụng cho con người ở cái xác thân, nhưng về bí pháp có ảnh hưởng đến Chơn thần để đạt cơ giải thoát y như khuôn luật phải là 24 bài kinh ở phép biến dịch cộng là 6 đó. Con số của Đạo pháp, luận về Pháp giới kinh kệ là cái hữu thể đối với người tu cũng như lời dạy của Đức Chí Tôn quả Càn Khôn phải bằng chay đốt bên trong một ngọn đèn mới có đủ sự mầu nhiệm về ân huệ đối với Chúng sanh.

Chẳng khác chi ở sự hành Pháp, nếu thể pháp có hành bí pháp mới tụ nên người tu giữ chay lạt và tứ thời tụng niệm, đó là hành cái thể để mà đắc cái dụng. Thí dụ một Chơn thần của chúng ta đến cảnh đọa như thế nào chừng qui vị trở vào cảnh thăng cũng thế ấy chứng tỏ đi sao về vậy.

Với triết lý Cao Đài nơi vườn Ngạn uyển có một đóa hoa nở coi như ta mở mắt chào đời, chừng hoa tàn thì Chơn Thần phục hoàn vào Thánh Thai với tuần cửu để nhập cửu Thiên Khai Hóa. Nhứt cửu 9 ngày, Nhị cửu 18 ngày cũng 9, Tam cửu 27 ngày cũng 9, Tứ cửu 36 ngày

cũng 9, Ngũ cửu 45 ngày cũng 9, Lục cửu 54 ngày cũng 9, Thất cửu 63 ngày cũng 9, Bát cửu 72 ngày cũng 9, Cửu cửu 81 ngày cũng 9, 9 lần 9 là 81 ngày, dầu phàm thai cũng như Thánh thai đã tượng nhơn hình nơi lòng Đức Mẹ tức là Kim Bồn để đạt phép phục sinh, đào là Tinh, rượu là Khí, hạnh là Thần. Chờ học lễ Triều nghi nếu thai nhi được trưởng thành là nhờ kết tụ phần nguơn chất ấy vốn thần của Vạn linh do kiếp sinh của cơ tấn hóa ở ta mà có.

Đến Tiểu Tường 281 ngày là 9 tháng 10 ngày với lễ khai sinh là 11 được huờn nguyên Chơn hình, đó là đệ nhị pháp thân phải một anh nhi nơi cõi hằng sống, với triết lý đó Chúa cứu thế đã phán: trên nước Thiên Đàng của Cha ta toàn là đứa trẻ, Lão Giáo cũng nói lên ý nghĩa đó tu phải là "*Xích tử chi tâm*" lòng như đứa trẻ sơ sinh chẳng mắc vướng một sự vật gì. Còn luyện phải cho "*phản lão huờn đồng*" dầu rằng một Chơn Thần về nơi cõi hằng sống cũng tùy ở hành động của kiếp sanh nơi mặt thế công hay tội chờ phép siêu rỗi, đến lễ Đại Tường để định vị hoặc đầu kiếp, nếu định vị sẽ được thưởng công là thăng, còn đầu kiếp để trả quả, với sự vay trả tất cả đều ở kiếp người mới có. Tại sao Chức Sắc Thiên Phong trong hàng Thánh thể qui vị rồi lúc làm tuần cửu chỉ để Linh vị tại cấp Địa Thánh chỗ bàn Kinh, cúng thời xong Linh vị trở lại Nhứt cửu đó là luật Công Bình thiêng liêng, Chơn Thần phải chịu tuyển dượt để vượt Cửu thiên khai hóa tùy âm chất công quả mà các đấng định vị không phải phẩm tước mới được cao thăng, với cơ dục tấn dầu một Chơn Thần thiếu công đức lên chẳng nổi thì nhờ pháp siêu rỗi dìu độ đến Đài Chiếu giám, tức là tòa phán xét của thiên lương, chừng đó ta mới thấy rõ con đường thăng hay đọa. Khi Chơn

Thần của chúng ta nhập vào Kim Bồn tức là chỗ Bát Hồn kết thành Nguơn Chất để biến tạo pháp tánh Chơn như.

Rồi đến hư vô đặng Thính Phật điều hết 9 ngày chừng xong mới sang cảnh trời học lễ triều nghi hết 9 ngày mới trở lại cung Phục Nguyên hết 1 ngày tức Khí Hư Vô của Đức Mẹ biến tạo Chơn Thần cho các nguyên nhân xuống Trần nhờ tu mà đắc Đệ Nhị Pháp thân mới trở về nơi phát xuất tức là cung Phục Nguyên. Nên đến lễ Đại Tường còn có 281 ngày, cũng 9 tháng 10 ngày, đó là con số sanh của Chơn Thần chúng ta được phục sinh vào thiêng liêng vị,1/ là sống lại nơi cõi hằng sống ở hư linh 2/ là tái sinh đang mở mắt chào đời nơi mặt thế. Đại tường là Kinh hằng sống nên những bậc đắc Tiên vị về nơi cõi hằng sống đến lễ kỷ niệm phải đọc Đại Tường Kinh đó là lời của Đức Hộ pháp giải.

Dầu Chơn Thần khi trở lại thiêng liêng phải vận chuyển theo cơ dục tấn để mà đạt vị khi mãn chung cửu Chơn Thần trụ tam bữu hiệp khối nguơn linh, nơi Kim Bồn nhờ Pháp Giới Đức Mẹ phục sinh Khí Hạo Nhiên là Phật, chừng Tiểu Tường nhập hư vô tức là Tăng, đến Đại Tường vào Hỗn nguơn tức là Pháp Nếu người tu mà đạt vị hiệp được tinh khí thần rồi, nhưng mỗi từng thiêng trên đây phải chịu sự phản chiếu của Pháp Giới Hư Linh cho ta nhìn thấy, nếu thần ta tụ được Hạo Nhiên là Phật, khí ta hòa được Hỗn Nguơn là Pháp, Tinh ta hợp được Hư Vô là Tăng, đó là huyền năng vô đối của cơ định vị. Bởi Đức Chí Tôn rất công bình toàn cả chúng sinh đồng là con cả, nhưng hễ có gieo nhân thì gặt quả, nên thấy một nguyên nhân thì biết có sự xây vần trong quả kiếp, thấy một quả kiếp biết có sự chuyển tiếp của nguyên nhân, vì

đó mà khách trần muốn giải tội tiền khiên chỉ có tìm con đường của Thần Thánh Tiên Phật để đạt cơ giải thoát. Còn bên nhà Thiền thì làm tuần thất lấy con số của Phật Thích Ca ngồi tịnh nơi cội bồ đề 49 ngày, khi đoạt đạo rồi Phật để bước ta bà thuyết pháp để giáo hóa Chúng sanh 49 năm cả hai số cộng là13 tức Pháp số diệt thập tam ma. Nên môn đồ lấy lý số của Phật để làm tuần thất, nếu tính 7 lần 7 là 49, cộng cũng 13, với Cao Đài trong Tòa Thánh có Nam Nữ Giảng Đài Chức Sắc khi lên đó thuyết Pháp phải đạp bước qua 13 cấp mới đứng trên cấp mặt bằng để thuyết giáo. Bởi Đạo Cao Đài có cửu phẩm Thần Tiên khi qui vị rồi thì làm tuần cửu ở Pháp (Cửu Thiên Khai Hóa). Nói về pháp hễ khởi thỉ con số nào đến chung kết phải vào con số đó, nên 9 lần 9 là 81, cũng 9 về Pháp thì Thích Lão cũng dùng con số 9, Tiên thì «*Cửu chuyển huờn đơn*», Phật thì «*Cửu niên diện bích*», Phật dùng con số 9 để làm cơ an định cho Pháp thiền, chớ chẳng phải 9 năm ngồi liền day mặt vô vách, với 2 con số cửu cũng là Pháp giới của Phật Chuẩn Đề, cửa Thiền thường gọi Chuẩn Đề Phật Mẫu. Do ngôi Pháp giới 18 cánh tay tiêu biểu Thập Thiện Bát Chánh, còn Cao Đài chân lý Phật Pháp không ngoài 2 chi, Đức Thượng Phẩm Chủ Chi Đạo, Đức Thượng Sanh Chủ Chi Thế, mỗi vị với xâu chuỗi từ bi 18 hột thể hiện Thập điều với răng và Bát Đạo Nghị định của nền Tân Tôn Giáo kỳ ba.

21– NGHI LỄ ĐẠO PHÁP LUẬN

Đạo học gốc ở tâm linh của con người thời cổ, phát minh ở khoa học tinh thần đó là Thiên văn, Địa lý đến toán số nhơn loại phát sinh nền văn minh cơ khí. Với nguyên lý còn hiển hiện trên thế giới là ngành chiêm tinh gia mới là khoa học tinh thần bởi đó nên có 2 danh từ duy tâm và duy vật, với bước cùng tột của khoa học mức điện tử mà thôi, còn Đạo học đến mức phát xuất tư tưởng ấy là phép Thông Công của chơn Thần, dầu bản thân là một giới cảnh để đối với những người không tu, coi như con ốc mang lấy cái vỏ đến chừng bỏ cái xác chưa phải là xong. Với công phu tu luyện Chơn Thần ví như người, còn bản thân tỷ cái nhà vào ra rất dễ hoặc giả như người nài với con vật lên xuống tự do. Vì lẽ đó nên chúng ta phải tu để chờ ngày giải thoát kiếp trần nầy.

Hiện nay nền khoa học trên thế giới là một cái lợi nhứt rồi cũng một cái hại nhứt, chẳng khác nào nền Chánh giáo của Đức Chí Tôn chúng ta lớn nhỏ, đồng là môn đệ, sự hệ trọng về cơ bút là một cái lợi ở phương tiện cho thời kỳ lập đạo và truyền giáo. Rồi cũng một cái hại dùng cơ bút học hỏi lần hồi chia phe phân phái do tà quyền sửa cãi nền Chơn Đạo của Đức Chí Tôn, không còn chỗ huyết mạch đồng môn như lúc ban sơ, lập Đạo cũng do cơ bút, mà bài bác Đạo cũng do cơ bút ở kẻ mượn danh vì quyền lợi dục vọng cá nhân làm cho Thánh Danh của Thầy bị lem ố.

Chớ Đức Chí Tôn khai Đạo buổi đầu tiên đặc biệt chọn có 4 cặp cơ Đức Hộ Pháp với Đức Thượng Phẩm cặp cơ phong Thánh, còn Bảo Pháp với Hiến Pháp cặp cơ về Chơn pháp, Khai Pháp với Tiếp Pháp, cặp cơ về Bí Pháp. Đức Thượng Sanh với Cao Văn Pháp, Cặp cơ phổ độ, còn Hiến Đạo, Khai Đạo, Tiếp Đạo, Tiếp Thế tùy trường hợp sẽ nâng loan cho cơ truyền giáo. Thảng như hai vị đều là Chi Thế cầm cơ không lên bằng có lên viết chữ cũng không được, trường hợp đó đủ chứng tỏ khi Bà Đoàn giáng cơ tác giả quyển Nữ Trung tùng phận dạy con người về thế Đạo, chừng tiếp qua phần Thiên Đạo Đức Hộ Pháp với Ngài Tiếp Thế nâng loan nhưng bà Đoàn không còn viết được nữa nên Ơn Trên xây chuyển khiến cho Ngài Cao Tiếp Đạo từ Kiêm Biên vội về Tòa Thánh để nâng loan đặng bà viết tiếp ở đoạn luận về Đạo Pháp. Chi Thế làm sao tiếp điễn trọn được khi bà viết xong quyển Nữ Trung đến câu «*Quăng ngọn bút vào làn mây trắng*» thì Đức Hộ Pháp thấy Chơn Thần của bà từ từ nhập vào Bát Quái Đài, chừng rồi Đức Ngài mới phán bà Đoàn theo hầu cửu vị Nữ Phật lo tu luyện gần 200 năm, nhưng phải chờ hội Tam Kỳ để lập công khi xong mới được nhập Bát Quái, Bà Qui 1748 đến năm 1933 là 185 năm. Nữ Trung Tùng Phận do Bà Đoàn Thị Điểm giáng điển phò loan Đức Hộ Pháp với Ngài Tiếp Thế sau phải có chi Đạo mới hoàn thành đoạn chót cầu tại Giáo Tông Đường hầu đàn có Anh Cả.

Đức Quyền Giáo Tông, Giáo Sư Ngọc Trọng, Giáo Hữu Thượng Tước vào 20–2 Quý Dậu (2–3–33), hầu đàn cũng hạn chế thời Pháp thuộc mà bà giáng dạy về thế Đạo, chỉ có ông Trần Văn Liễu, lúc đó ông chưa có phẩm Giáo

Thiện nên Đức Quyền GiáoTông bảo ông 5 Liễu không tiết lộ, em phải thề với Qua, vì ông Liễu là người được túc trực để lo hương hoa trà quả khi có cầu cơ. Ngài Tiếp Thế nói với ông Liễu khi qua nâng loan Bà Đoàn viết tới câu "*Nhắn hỏi khách sớm đào tối mận*" Qua muốn buôn cơ, nói về Nữ Trung bà Đoàn viết xong nhờ công được nhập Bát Quái Đài, sau khi ban Tân Kinh bà giáng điễn cho 8 bài kinh về Thế Đạo đặng tế Bát phẩm chơn hồn nơi tiểu thể là xác tục giải xong sẽ nhập vào đại thể Càn Khôn, với bài Cầu Tổ Phụ, lấy số 9 làm cơ định vị cửu huyền chi bổn. Nên thời gian Đức Thượng Phẩm đã đăng tiên rồi nếu có đàn cơ phong Thánh chi Đạo nâng loan có Ngài trợ lực cho đồng tử, vì đó mà Hiền Huynh Hữu Phan Quân Lê Văn Thoại mới thỉnh giáo Đức Hộ Pháp, sau nầy thầy qui ai sẽ cầm cơ phong Thánh, Đức Ngài cho biết, cặp cơ nào nối được 2 vế chót ở bài ngụ đời của Đức Lý đó là cặp cơ Phong Thánh.

Luận về cơ cũng bàn sơ qua bút có những trường hợp thiếu phương tiện mà vẫn chấp bút đó là lúc Đức Hộ Pháp đi trấn Pháp Cây Chò hồi năm 1935, trấn pháp bằng nhang vừa đi mới nữa đường có vị Thần Thoàn đột nhiên giáng điễn vào tay Đức Ngài nên Đức Ngài mới xuống ngựa bẻ một ngoe cây, liền vẽ dưới đất, Thần Thoàn cho biết có phục binh của quận Sữu, Thần lùa bầy heo rừng đến áp đảo chúng nó bỏ chạy hết. Thần Thoàn Đạo sở phạm Môn Trường Hòa qui vị 16–1 Nhâm Thân (1932) với lúc ở Đảo Phi Châu Đức Ngài tiếp Tiêu Diêu Đạo Sĩ cùng bà Linh Sơn Thánh Mẫu cũng bằng phương cách đó, nhưng ở buổi Nhị Kỳ Chúa cứu thế cũng chấp bút bằng cây, ngồi lặng thinh vẽ dưới đất để tiếp điễn Thánh

Linh đặng trả lời với số người cố ý mạ lị Chúa dẫn đến một thiếu phụ không chồng mà mang thai, theo hình luật Moise sẽ ném đá kẻ đáng tội Chúa nghĩ sao. Nhờ tiếp điễn Thánh Linh Chúa mới biện minh cứu được thiếu phụ đó khỏi chết. Chúa phán hầu hết các ngươi xét mình không tội thì cứ ném đá nhờ sự cảm hóa mà giác ngộ được họ tự bỏ đi không còn tính làm nhục Chúa nữa.

Còn cơ có Đại Ngọc Cơ và Tiểu Ngọc Cơ hình thức y nhau một cái giỏ bằng nan ngoài phất một lớp vải hay giấy, cái cần cơ vốn bằng cây dâu, khi cầu miệng giỏ úp xuống 4 bàn tay đồng tử ngửa lên nắm lấy cơ coi như phép âm dương giữa trời và người giao cảm tư tưởng bằng lối thông công, thường cái người ngồi bên tả để tiếp ân điễn, còn người ngồi bên hữu phát xuất tư tưởng để viết nhưng cả hai ai cũng có âm điện và dương điện ở trong người, còn cần cơ hệ thống ngang thuộc âm, trục cơ hệ thống dọc thuộc dương dùng viết chữ với Ngọc cơ thể hình ngôi Bắc Đẩu, ở chót cần phần ngoài chạm đầu Chim Thanh Loan để chứng tỏ lý âm dương của hai đấng tạo đoan thể hiện khai cơ tận độ Chúng sanh trong buổi Tam Kỳ. Nên vào năm Ất Sữu Đức Phật Mẫu đến lập Hội Yến Diêu Trì nơi mặt thế nầy, tức là Hội Bàn Đào các Chơn Thần được hiệp lại cùng khối nguơn linh của Đức Mẹ.

Thể theo thần tiên truyện 3 000 năm đào mới trổ hoa, 3 000 năm mới kết quả với ý nghĩa đó thể hiện con số lục tuần của chu kỳ Địa tịch ư Sữu, rồi 3 000 năm mới chín để ám chỉ chư vị thần tiên trong Tam Thiên Thế Giới ở các động phủ lũ lượt đi phó hội Bàn Đào. Các con cái vào triều kiến Đức Mẹ gọi là Hội yến Diêu Trì, cứ giáp một chu kỳ 61 năm, thì cõi hằng sống mở Hội Bàn Đào

đặng hợp cả Chơn Thần nên các đạo gia cho đó là Quần tiên hội ngày đại lễ để quần tiên chúc thọ Tây Vương Mẫu.

Tại sao gọi rằng chúc thọ bởi thiên khai ư tý là đầu của can chi, còn Địa tịch là kế. Nhơn sanh là thứ, trong kiếp sinh của chúng ta, Vạn linh đã tượng nên hình bằng pháp thân với Chơn Thần là nguyên khí của Vạn linh thì Chơn Thần của chúng ta lại là Pháp thân của Đức Diêu Trì Kim Mẫu. Nên lễ hội yến năm Ất Sữu là bào thai của Đại Đạo thể hình Bàn Đào ở thế được thiết lễ kỷ niệm mỗi năm đúng đêm rằm tháng 8, đó là tượng trưng cái bí pháp cho Nhơn sanh sớm đạt Đạo, nay là (1985) cũng vào năm Ất Sữu nơi cõi hằng sống mở Hội Bàn Đào cho các Chơn Thần về quấn quýt cùng Đức Mẹ của Chơn Thần, chẳng khác nào bà Mẹ phàm tạo bản thân chúng ta với tất cả kể như đàn con nên gọi Quần tiên hội chứng tỏ cơ đạo hôm nay đã trưởng thành nên sự hành lễ cúng đàn năm Ất Sữu trở lại như xưa kia cúng Đức Chí Tôn Tý thời, cúng Phật Mẫu Ngọ thời, còn Dậu thời cúng lễ Hội Yến Diêu Trì. Cửu vị nữ Phật với tam vị tiền bối Hiệp Thiên Đài thì Bàn Hội yến cũng 12, chừng thài hiến lễ có bài Phật Mẫu là 13, nếu thài 3 lần như vậy là 39 cũng trở lại số 12. Còn đầu bàn Đức Hộ Pháp ngồi giữa đối diện với Ngũ Nương, bên tay hữu của Đức Ngài là Nhứt Nương đối diện với Cửu Nương là 10, kế Nhị Nương đối với Bát Nương là 20, tiếp Tam Nương đối với Thất Nương là 30, Tứ Nương đối với Lục Nương là 40, đầu bàn trong là Ngũ Nương, tức 45 cũng trở lại số 9 của Cửu vị Nữ Phật, 3 là số khởi thỉ đầu ngoài, 9 là số định vị ở trong, năm Giáp Tý tiêu biểu cho Bí Pháp là chu kỳ Thiên khai, năm Ất Sữu là chu kỳ Địa tịch, năm Bính Dần là chu kỳ Nhơn sanh,

đúng 3 chu kỳ Thiên Địa Nhơn mới thành tựu Đạo Trời, cũng như đời có thịnh có suy, còn Đạo có thăng có trầm, khác nào lý âm dương của trời đất, nên ánh dương quang chiếu diệu cả Càn khôn Vũ trụ nhưng trung điểm là chỗ kết tụ luật tương đối trong sáng phải có tối, đó là khối âm quang, còn trong tối phải có sáng, đó là điểm dương quang, tức thị nguơn thần của Càn khôn Vũ trụ. Đời mạc pháp buổi Hạ Nguơn thiên địa tuần hoàn chuyển cơ bảo tồn nên Đức Phật Mẫu vâng lịnh Đức Chí Tôn để nơi mặt địa cầu 68 nầy một Bí Pháp của Chơn Kinh Tận Độ gọi là Kim Bàn, hầu thức tỉnh các tàng linh đã tái sinh đi trong lục đạo luân hồi mãi mê luyến hồng trần khó mà trở về cựu vị, trước kia Đức Phật Mẫu chuyển Pháp Kim Bàn phát xuất các tàng linh là trăm ức nguyên nhân cho xuống thế để lập đời.

Nên nay là buổi Tam Kỳ Đức Mẹ phải đem Kim Bàn xuống thế để gom các tàng linh trở lại, với triết lý đó là Bát Quái mà Phật gọi Kim Bàn Bí Pháp ấy Đức Mẹ thể hình bằng Phật Mẫu Chơn Kinh mới đủ huyền linh của cơ cộng vật loại với pháp hóa trưởng Càn Khôn để dục thúc các tàng linh trong nhứt thuyết chúng sinh có bát phẩm Chơn Hồn. Ân huệ đó mà Đức Mẹ vâng lịnh Đức Chí Tôn đến ban cho nhưng Bát Nương Diêu Trì giáng cơ để bút mới đủ sự huyền nhiệm của Đạo pháp ở số Bát Quái của Đức Mẹ tức thị Kim Bàn ấy là Phật Mẫu Chơn Kinh đó vậy, Đại hạnh cho nước Việt nam là một Thánh Địa Chúng sanh biết bao vui mừng được gội nhuần ân huệ, đó là một bí pháp để giải quả tiền khiên chúng ta may duyên nên sớm gặp Đạo.

Hội Bàn Đào phần bổi tửu phải là chức sắc Hiệp

Thiên có liên hệ mật thiết ở khối điển lực sanh quang tức là Pháp giới cung Diêu Trì, lễ Hội yến Ngũ Nương là số trung cung nên được thay mặt Đức Mẹ ngồi đầu bàn trong, thể theo tả hữu của ngôi đền ở bên hữu, ngoài là Nhứt Nương kế là Nhị Nương, tới Tam Nương đến Tứ Nương, còn bên tả ngoài thì Cửu Nương, kế là Bát Nương tới Thất Nương đến Lục Nương, thứ tự cửu vị nữ Phật do sứ mạng cai quản mỗi tầng thiên mà có, cũng như thế danh của Cửu vị Nữ Phật nơi cung Diêu Trì vì đến với kiếp người mà có, còn ba nghi đầu bàn ngoài day vô Chánh Điện ngồi giữa là Đức Hộ Pháp bên hữu Đức Ngài là Thượng Phẩm, bên tả Đức Ngài là Thượng Sanh, bàn Hội yến có Cửu vị Nữ Phật với 3 ngôi Nhứt Phật Nhị Tiên, 3 là số của cơ khởi thỉ, 9 là số pháp định vị hiệp thành, con số 12 là nguyên lý của Đức Chí Tôn tạo nên Càn Khôn thế giới, nhìn vào 3 ngôi tinh khí thần của Đại Đạo Đức Hộ Pháp thay mặt cho Đức Chí Tôn, còn Đức Thượng Phẩm thay mặt cho chư Thần Thánh nơi Ngọc Hư Cung và các Động phủ ở thế luôn cả Thánh thể của Đại Từ Phụ, còn Đức Thượng Sanh thay mặt cho cả Chúng sanh ở cõi đất.

Số ngũ là số trung cung, nên Ngũ Nương thay mặt cho Đức Mẹ mở Hội Bàn Đào tay cầm Ngọc Như ý với Bửu pháp có đủ quyền điều động chư vị Thần tiên trong Tam Thiên Thế giới và các đẳng Chơn Thần phải tùng lịnh Ngọc Như ý, có giá trị sánh như lịnh tiễn của nhà vua vậy. Sự thể hiện nhìn thấy nơi Báo Ân Từ trên bao lam thần vọng, phần quan trọng là cây phướn tiêu diêu của Lục Nương ở chính giữa hình chim Thanh Loan sè cánh bay, miệng ngậm quai phướn thể hiện tòa ngự của Đức Mẹ. Cây Phướn ở giữa 8 món báu ở chung quanh hình

thành Bát Cảnh Cung, tức là 8 cảnh ở cung Diêu Trì do Tá Lý Kía đắp, còn chim Thanh Loan hoàn toàn có 5 con, chánh Điện một, bao lam một, nóc đền một, đầu phướn một, cột phướn một, đều do tay Tá Lý Lực đắp, 8 món báu từ phía hữu ngôi đền vòng lên bên tả 1/ là giỏ hoa lam 2/ là Kim Bản 3/ là Long Tu 4/ là Ống tiêu 5/ là Ngọc Như ý 6/ là Lư hương 7/ là đờn Tỳ Bà 8/ là bó Hoa Sen, chỉ riêng hai Bửu pháp giỏ hoa Lam tiêu biểu cho cảnh ngạn uyển, phía hữu bó hoa sen thể hiện Tây Vức Trì ở bên tả bởi cả hai nằm ra tới trước.

Còn cửu Vị Nữ Phật tức là Mẹ độ của chúng ta, với sứ mạng cầm nơi tay những bửu pháp ý nghĩa như sau:

«*Hoa*», quí danh của Nhứt Nương tay ôm Tỳ Bà, phần đầu cây đờn trên gắn bốn miếng xương thể hiện cho Tứ Đại Thiên Vương ở 4 cửa trời, dưới có 10 phím nhưng phím chót có phân nữa mà thôi, tiêu biểu cho Thập Điện Diêm Cung, còn 9 phím nguyên thể hiện tầng trời Cửu Thiên Khai Hóa, đầu cây đờn thể hình Tiên Đồng, còn lưng đờn tiêu biểu cho Ngọc Nữ. Về phần thể thiên đến đầu kiếp nơi vườn Ngạn Uyển tức là Địa Đàng, còn phần thể địa đến để tái kiếp, đờn có 4 dây khải lên đặng điều hòa trật tự các đẳng Chơn linh phải tùng phép Tứ Sinh của Phật, đó là Thai Sinh, Hóa Sinh, Noãn Sinh, Thấp Sinh.

«*Tuyến*», quí danh của Nhị Nương tay bưng Lư hương có 3 cây nhang thể hiện tam hồn của Chúng sanh, lửa biểu tượng cho Thần, nếu chúng ta mang thân xác phải có đủ tam hồn, đó là Linh Hồn, Giác Hồn, Sanh Hồn.

«*Cẩm*», quí danh của Tam Nương tay cầm quạt long tu hình quả tim kết bằng lông chim chỉ có 9 lông với Chơn pháp siêu rỗi để khai thông con đường từ Cửu tuyền

nối liền Cửu thiên đặng các Chơn Linh rời biển mê lên Bát Nhã Thuyền trở về cùng Đức Mẹ nơi cõi hằng sống.

«*Gấm*», quí danh của Tứ Nương tay cầm Kim Bản với sứ mạng mở mang linh khiếu vừa quan sát để chấm hạng cho tứ dân nơi mặt thế sẽ đạt lần đến địa vị vua quan nếu ai có tài an bang tế thế giúp cho đời bớt sầu khổ thì Kim Bản mới là chỗ đề danh.

«*Liễu*», quí danh của Ngũ Nương tay cầm Ngọc Như ý với sứ mạng chư vị Thần Tiên khi dự Hội Bàn Đào phải tùng lịnh Ngũ Nương tức là tùng lịnh Phật Mẫu, bởi nguyên khí ngũ hành kết thành Ngọc Như ý đó là Chơn Như Pháp Tánh của Đức Diêu Trì Kim Mẫu, vốn là Mẹ của các đẳng Chơn thần trong Chúng sinh, ý nghĩa dự Hội Bàn Đào để đưa Chơn Thần của chúng ta trở vào ngôi Phật tánh do nơi Kim Bàn sản xuất thì Chơn Thần người tu phải lắm công phu mới phục hồi nguơn khí là nhờ Ngọc Như ý của Đức Mẹ mà Ngũ Nương với sứ mạng điều hành.

«*Huệ*», quí danh của Lục Nương tay cầm phướn Tiêu Diêu hình lục giác để phất truy hồn các tàng linh dầu tái sinh đi trong lục đạo luân hồi sớm thức tỉnh tìm về bổn thiện.

«*Lễ*», quí danh của Thất Nương tay cầm bó hoa sen, hoa chỉ có hai đóa còn lá thì một, hoa hai đóa tiêu biểu phần tinh của nam nữ, tức là 7 cái thể ở nơi bản thân nhơn sinh, với một lá có nghĩa cùng một gốc của thất tình nhờ Thất Nương khêu đuốc đạo đầu người tu mới đạt cơ mầu trở thành thất bửu. Cơ lập vị sẽ đắc cửu phẩm liên hoa do chúng ta luyện được hai thức ở pháp thiền định và huệ, đầu tiên Thất Nương với sứ mạng khai thông đệ

thất giác quan cho những trang hiền đức trong cơ lập Đạo. Còn tình nguyện đến âm môn quan để độ các Chơn Hồn đang bị tội do thất khiếu biến thành 7 mối oan nghiệt, nên không cởi được giác thân là cái áo của Chơn Thần mà Đức Phật Mẫu đã tạo bằng 7 Khí Chất.

«*Liên*», quí danh của Bát Nương tay xách giỏ hoa lam chứa những thứ hoa, tiêu biểu phần tinh, tức là linh thể của Chúng sanh trong Càn Khôn. Còn hương vị tượng trưng phần khí chất cho Bát Phẩm Chơn Hồn, dầu màu sắc khoe tươi sặc sỡ cùng ở chung trong một giỏ chứng tỏ là màu hoa lam tiêu biểu cho triết lý bình đẳng về Chơn Thần đối cùng Phật Mẫu.

«Khiết», quí danh của Cửu Nương tay cầm ống tiêu có 7 lỗ thể hiện thất khiếu ở nơi con người để tiếp điễn lực sanh quang. Khi thổi dầu tội hồn cũng biết cải hối nhờ Pháp siêu rỗi buổi Tam Kỳ mới đạt được Cửu khiếu khỏi đọa trầm luân đặng trở về nơi cõi hằng sống. Tất cả hành động hay khéo của

Chúng sanh nơi thế gian đều nhờ bửu pháp của Nữ Phật mở mang linh khiếu để tấn hóa về tinh thần, nên những đứa trẻ sơ sinh hoặc chừng 5, 3 tháng đổ lên, lúc ngũ tự nhiên cười, tự nhiên nói ư e có khi tủi rắm rút ông cha của chúng ta cho đó là mụ Bà dạy nó. Chừng lớn khôn ví như một ngón đờn tuyệt diệu, một nước cờ mưu trí, một tứ thơ thâm thúy, một nét họa tài tình, đành rằng ở công trình học tập mà hiểu nhưng phải nhờ tâm khiếu do thiên tư phát xuất mới giỏi. Nếu tài hay mà thiếu đức tức nhiên khó thay đổi được mệnh số thành ra chỗ tài mệnh tương đố, chẳng tương hòa. Muốn tương hòa cả ba phải tương đắc Phật là mệnh, Pháp là số, Tăng là tài. Nên

chúng ta ai biết thuận mệnh để tu cái đức tức hòa thời dầu tài không tách rời được ở câu mệnh và số.

Từ cổ cập kim các nền tôn giáo cũng kính trọng ba ngôi báu mà Đạo Cao Đài đã phô bày màu sắc lấy cái thể để dung hòa tâm lý nhơn sanh, đặng thực hành cái triết lý trời người có một với sự thể hiện Báo Ân Từ cũng như Tòa Thánh nhìn thấy bên trong tường la phong sơn màu Phật Pháp cột thì màu Tăng. Báo Ân Từ có nghĩa là ngôi nhà kỷ niệm sự tích trong cơ khởi thỉ bào thai của Đại Đạo, phía trước bao lơn thể hiện 24 cái hiếu của người xưa, cũng như nay chúng ta sống phải biết làm tròn bổn phận nhơn đạo đối với cha mẹ, hình Nhị Thập Tứ Hiếu do tá lý Cường đắp có sự sắp xếp của Đức Hộ Pháp cân phân cái Đạo hiếu từ 1 đến 24, thứ tự không giống ở cốt truyện trong 24 chỉ đắp có số 12 làm lý trung hòa ngay chánh đông ở khuôn Mạnh Tông khóc măng cũng như khuôn Thiên Nhãn thứ 12 của Tòa Thánh. Nhìn ngay chánh đông, còn hôm nay nơi Báo Ân Từ Đạo nêu những tấm gương ấy để chúng ta học lấy, phải biết hiếu hạnh cùng hai đấng tạo đoan tức là cha mẹ phàm với Cha Mẹ Thiêng Liêng của chúng ta đó vậy. Ngôi Đền đôi bên thờ chư Chơn Linh Nam Nữ kế là Bạch Vân Động, chính giữa thờ Đức Phật Mẫu kỵ Thanh Loan đôi tay nâng Ngọc Như ý, ngọn day phía tả có 4 thị Nữ theo hầu. Trông lên bên tả trên là Nhị Nương với Ngũ Nương, kế dưới Nhứt Nương và Thất Nương, còn bên hữu trên là Cửu Nương với Lục Nương, kế dưới Bát Nương với Tứ Nương cùng Tam Nương.

Phía tả là bửu tượng Đức Cao Thượng Phẩm tay cầm quạt Long tu quì cung nghinh Đức Mẹ, sự thể hiện

cho một nền Chơn giáo phải đủ ba ngôi báu Phật Pháp Tăng. Trên Đức Tây Vương Mẫu chủ âm Quang là Phật, còn phía hữu kế dưới là Đông Phương Sóc, 2 chữ Đông Phương có nghĩa là Pháp, đôi bàn tay bưng cái dĩa có 7 quả đào do Tây Vương Mẫu trao cho Hớn Võ Đế. Bảy quả đào ở chính giữa, tượng trưng 7 cái thể của nhơn loại là Tăng. Phật Pháp đôi bên tiêu biểu cho cơ tận độ 92 ức nguyên nhân, bởi Hớn Võ Đế là tiền thân của Đức Cao Thượng Phẩm nên buổi Tam Kỳ Đức Ngài có sứ mạng siêu rỗi quần linh.

Cảnh Hớn đài với cuộc lễ cung nghinh chính là Hớn Võ Đế cùng Vương Phi quì tiếp Đức Phật Mẫu xưa kia, nay là buổi tam kỳ, Ngài với bạn đời của Ngài là bà Tư sau nầy là Nữ Đầu Sư Hương Hiếu đó là người đầu tiên tiếp đãi Đức Phật Mẫu với Cửu vị Nữ Phật. Nơi mặt thế phần hữu hình có tam vị tiền bối Hiệp Thiên Đài chủ của ba chi Đạo Pháp Thế dự Hội Bàn Đào, cái chỗ bên bình bông hiện giờ ở sau chơn của Đức Cao Thượng Phẩm, là nơi Vương Phi của Hớn Võ Đế quì trước thì ông sau, thì bà đều là mặc sắc phục trắng với màu Đạo y như nơi mẫu tượng Triều nhà Hớn phác họa bằng lối truyền thần.

Còn Cửu Vị Nữ Phật cứ mỗi năm đến Lễ Hội Yến Diêu Trì thì Đức Hộ Pháp dạy Hội Thánh Phước Thiện, chưng cộ Tiên thể hiện cái bí pháp của cơ định vị. Tất cả 9 em đồng nhi được chọn thể hình cho Cửu Vị Tiên Nương đều mặc áo xanh ngồi hai bên trên cộ. Chính giữa bông hình Phật Mẫu Kỵ Thanh Loan vì sự chưng cộ Tiên là một ân huệ thiêng liêng đối với nền Đạo.

Chớ hình Cửu Vị Nữ Phật ngự trên nghi thờ cũng mặc áo có ba màu, chẳng khác nào Tam Thế Phật nơi

nóc Bát Quái Đài đó là Tam Hồn của Đức Chí Tôn đã thể hiện nên Phật có ba màu vàng xanh đỏ đủ chứng tỏ nơi Cung Diêu Trì cũng thế, Thất Nương với Bát Nương áo vàng, Nhứt Nương, Nhị Nương, Tam Nương, Cửu Nương áo xanh, Tứ Nương, Ngũ Nương, Lục Nương áo đỏ. Ý nghĩa ba màu chúng ta nhìn vào đó coi như tiêu biểu tam hồn của Đức Mẹ.

Tất cả vạn vật đều nhờ Đức Phật Mẫu ban cho một điểm về thần, thành ra phần giác Hồn thuộc pháp nhiều ở màu xanh. Nên với từ ngữ nôm na kẻ thế gọi 3 hồn 9 vía để ám chỉ ngôi Âm của Đức Diêu Trì Kim Mẫu dưới tay để thừa hành cộng sự, có 9 đấng Tạo Hóa Huyền Thiên là Cửu Vị Nữ Phật, còn chánh văn của kẻ thế ám chỉ ngôi dương Đức Thượng Đế, nên quen gọi Tam hồn thất phách bởi ngôi của trời có thất tinh. Nên Thiên Nhãn ở trong khung hình tam giác có 7 tia hào quang, phía dưới thể hiện Thất Diệu của trời phổ chiếu khai cơ tận độ, còn 9 tia ở trên biểu tượng cửu khiếu của con người chẳng khác nào sự thờ kính tổ tiên của nhân dân Việt nam đặt hai chữ Cửu Huyền ở trên thất tổ là đúng với Chơn lý Đạo.

Chúng ta vẫn biết con cháu là giọt máu của Tông Đường thì ông bà là cái gốc nên ở dưới, còn con cháu là nhánh nhóc phải ở trên đó là tượng trưng cái triết lý Nhơn Luân trên đà dục tấn chớ cửu huyền đã có Thất tổ trong đó rồi, chớ cái phần tiền vãng kể từ ông Sơ của ông Sơ đến ông Sơ là 5 vị, phần hậu vãng cố đến nội của ta cộng là thất tổ, tính luôn cha ta với ta là Cửu huyền. Nếu cho rằng cửu Tộc càng sai đó là hai vế tượng số về lý âm dương ở chữ «*Nam - thất, Nữ - cửu*» hàm ý ở lý tạo đoan.

Sự thờ kính ông bà bởi chúng ta muốn trở vào nguồn

cội đạo người là điều cần nhứt phải tu, bởi đạo Pháp là nguồn cội của Nhơn sinh, vì tâm linh của chúng ta là nguồn cội ở Thượng Đế. Nên ngôi Báo Ân Từ chúng ta đến hiến Lễ Đức Phật Mẫu phải bằng Chơn Thần, nơi đây cái trước mắt đó là Đạo, cái sau thân lại là Pháp. Đạo Pháp là cơ hữu hạp phát xuất Càn Khôn, còn vào Đền Thánh chúng ta bái lễ Đức Chí Tôn phải bằng tâm linh nhìn cái trước mắt, đó là Thần, cái sau thân lại là Khí. Thần Khí là cái nguyên lý biến sanh vạn vật trong Vũ trụ. Do sự tiềm tàng của chúng ta khi đạt được pháp hồi quang mới hiểu Đạo là chân lý biểu tượng giữa Thượng Đế và Chúng sinh trên cõi Hư linh có 3.000 thế giới trong pháp giới tạo đoan. Còn ở trần gian Kinh Lăng Nghiêm Phật nói có 3.000 pháp nếu chúng ta ra công tìm hiểu trong pháp ấy sẽ thấy kết quả, nên gọi là 3.000 công quả.

Chúng ta đã và đang làm 3.000 phận sự đó ở mọi nghề mọi ngành, mọi cử chỉ, mọi sở hành, mọi tư tưởng với bản tánh siêu nhiên của chúng ta để truy nguyên cái bản năng sanh tồn tự hữu của vật loại, nhất ẩm, nhất trác, nhất hô, nhất hấp, nhất cử, nhất động. Cùng một hệ thống trung hòa ở lẽ sống của vạn vật tức là pháp giới Chúng sanh.

Ở trời đất cũng như ở vạn vật trong luật phải có pháp, trong pháp phải có luật. Chúng ta nhìn thấy được là nhờ thần trí pháp tức là định vị, luật để sửa trị, cũng như trong âm phải có dương, trong dương phải có âm, đó là Hành chánh với Phước thiện mà đạo trời đã thể hiện Chơn Pháp của Càn Khôn giữa Đức Chí Tôn cùng Đức Phật Mẫu. Phước Thiện là cơ bảo tồn Hành chánh là phương giáo hóa, phẩn hành ở Đức Chí Tôn mà phẩm cấp của Phật

Mẫu nên bên hành chánh có Cửu phẩm thần tiên, phước thiện thì có thập nhị đẳng cấp thiêng liêng của Đức Chí Tôn mà phần hành cơ bảo tồn của Phật Mẫu, nên cơ quan hành chánh là phương pháp cứu cánh của Đức Chí Tôn, nên Thập Nhị Địa Chi của Phật Mẫu mà con số của Đức Chí Tôn, còn thập thiên can của Đức Chí Tôn mà con số của Phật Mẫu. Thành ra trong âm có dương, trong tịnh có động, động để giữ sự điều hòa, tịnh để định trật tự. Cũng như tiền khởi Lôi Âm cổ thể hiện cho ngôi tiếng nổ tức là dương ở bên âm, hậu khai chung Bạch Ngọc tiêu biểu cho ngôi tiếng vang tức là âm ở bên dương mà Đạo trời đã thể hiện pháp giới tạo đoan của cơ khởi thỉ.

Còn nơi đàn nội khi hành lễ khai kinh để tụng niệm khởi chuông trước rồi mới khởi mỏ, chứng tỏ rằng giờ phút chúng ta phải định pháp giới tâm linh. Kim sinh thủy tức là Khí, Mộc sinh hỏa tức là Thần. Thần Khí làm lý âm dương của cơ đạt đạo ở người tu, nói về pháp giới Chúng sanh phải vận chuyển theo pháp giới Ngũ hành, vì đó mà mõ khởi sau chuông. Bởi Thổ sanh Kim, Kim sanh Thủy, Thủy sanh Mộc, Mộc sanh Hỏa, Hỏa sanh Thổ trở vào trung ương Mồ Kỷ.

Như vậy cánh Tây Nam Mùi Thân với cái khoảng không nên trong buổi Tam Kỳ Đức Hộ pháp nắm cơ định vị đặt cung càn về hướng Tây Nam, nên quả chuông ở Trí Huệ Cung Đức Ngài cũng dạy treo hướng Tây Nam.

Như vậy mọi hành tàng đều do nơi pháp giới tạo đoan, liên quan trong pháp giới Chúng sanh mà có, bởi đạo trời là Tiên Thiên Khí, còn đời của Đạo nơi cảnh giới hữu hình là Hậu Thiên Khí, đó là triết lý đồng nguyên do 4 chữ «*Thiên tượng địa hình*», nên chúng ta nhìn ở ngôi

Đền Thánh với tất cả trên quả Càn Khôn thờ một Thiên Nhãn, chung quanh phía dưới mặt nền có 8 chữ Bát Quái, tức thị Thiên Tượng, thật là một chơn lý nên cái dụng ý của Tiên Nho có câu «*Hoàng Thiên hữu nhãn*», còn thế nhân cũng thốt lời «*trời tuy cao mà có con mắt*».

Còn Báo Ân Từ là nơi thờ Đức Diêu Trì Kim Mẫu với Cửu vị Nữ Phật trước thể hiện Bát Cảnh Cung coi mỗi mỗi đều có chơn dung tức là «*địa hình*». Báo Ân Từ bên trong có 18 cột, mỗi bên là 9. Mặt tiền tầng dưới có 16 cột là pháp Thiên Nguơn, 2 con số Bát của trời đất, tầng trên đầu pháp tứ tượng có 12 cột tức là Pháp Thập Nhị Địa Chi, lầu chuông hình vuông có 3 tầng mái ngói thành 4 lần 3 cũng là 12 mái, còn 2 tầng kế dưới nếu tính chung là 18 mái ngói cũng 9, Riêng mái Đền mỗi bên 3 tầng mái ngói, phía sau 3, cộng là 9, tức thị con số cửu thiên Khai Hóa của Phật Mẫu.

Kể chung từ Chánh Điện liền với Hậu Điện thì Báo Ân Từ nơi thờ Đức Mẹ có 3 pháp Tứ tượng cũng như Tòa Thánh trước có một cửa chánh, hai bên hông Đền mỗi phía có 3 cửa thể hiện con số Thất Diệu của Đức Chí Tôn. Cửa chánh có 2 cửa phụ với hình thể chẳng có ra vào nên kể một vì cột đứng án bên ngoài. Còn Báo Ân Từ mặt tiền có 3 cửa từ Chánh Điện đến Hậu Điện có 1 cửa kể là hệ dọc mỗi bên hông Đền có 3 cửa tạo thành hệ thống ngang, nên từ khuôn bình phong của bức tường đến bàn Hội Đồng là một pháp Tứ Tượng, từ bàn Hội Đồng vô trong Chánh Điện là 2 pháp tứ tượng, phía sau chánh Điện từ bàn thờ tổ phụ nhìn ra cửa Hậu Điện là 3 pháp tứ tượng của một ngôi thờ Đức Mẹ.

Nơi Hậu Điện công thợ tạo xong Đức Hộ Pháp cho

đúc 3 dãy bàn dày mặt đá mài chơn dính liền dưới nền với địa điểm cố định bất di bất dịch trong 3 bàn cũng như ngoài, giữa là cái khoảng không lối đi của hai cửa hông để ra vào, trong 3 ngoài 3 tức là đạo thể hiện pháp khôn lục đoạn của Đức Mẹ làm nơi hội họp cả con cái trong dịp lễ hôn biểu tượng cho Kim Bồn chỗ hòa hợp Âm Dương của cơ sinh hóa.

Ngôi Đền bao quanh giáp vòng có 10 cửa tiêu biểu pháp Thiên Can của Đức Chí Tôn. Nếu tính chung ngôi Đền có 3 ngang một số biến thành 3 pháp tứ tượng cộng lại là con số Thập Nhị Địa Chi của cơ hóa trưởng ở lý tạo đoan. Đặc biệt nơi Báo Ân Từ, trong tứ thời hành lễ kể như không Chức sắc trước mặt Đức Mẹ, chớ về pháp kệ chuông bải đàn thì có Thiên Phong bởi Phật Mẫu là mẹ các Chơn Thần, nên chúng ta bái lễ nơi đây thể hiện Chơn thần bình đẳng mà thôi.

Nhưng chúng ta phải biết kính nhường trong đó có Chức sắc vì bái lễ Đức Mẹ không dám mặc Thiên Phục, tại sao bửu tượng Đức Cao Thượng Phẩm thể hình đủ thiên phục, vì đầu không đội mão, còn để râu tóc tiêu biểu đạo cái tự nhiên vì Đức Ngài đã đăng tiên thì đương nhiên bộ thiên phục là pháp thân của Đạo, tức là Chơn Thần của Đạo, bởi Đức Ngài là chủ của Chi Đạo đó vậy.

Nơi Báo Ân Từ nghi ngay chánh Điện trong là Phật, ngoài là pháp, khoảng giữa từ Bàn Hội Đồng chí bàn Nội Nghi, đặc biệt chỗ của Nữ phái quì tiêu biểu phần tăng ở Đức Mẹ nên pháp giới Diêu Trì đã định vị phái Nữ phải quì nơi đó thể hình cho khối âm quang để biến ra sanh quang, ấy là nơi xuất hiện Kim Bàn của Phật Mẫu.

Nên sự hành lễ nơi Tòa Thánh chúng ta thấy lý Âm

Dương tương đối sự quì nghi giữa có Nam có Nữ, thành thử nơi đây thể hiện có hai lầu chuông và trống. Còn Báo Ân Từ ngôi thờ Đức Mẹ coi như Âm Dương tương hợp cùng nguơn thần rồi nên nơi đây chỉ có lầu chuông mà thôi, giữa chỗ phái Nữ quì là pháp giới của Phật Mẫu thể hiện phần Âm Quang, nếu trong tứ thời Nam phái chen vào đó hành lễ kể như làm đảo lộn pháp giới sanh quang thì nạn diệt vong của thế chiến thứ 3 khó tránh khỏi, tại sao chỗ Nam phái không được quì mà chừng qui vị phải Chức sắc hàng Thánh đổ lên được đem vô nơi đó hành lễ tế điện Nam cũng như Nữ, có nghĩa giờ phút Chơn Thần đã giải thể với pháp thân bình đẳng để trả sanh quang lại cho cơ tạo đoan là nơi thể hiện khối âm quang của Đức Kim Bàn.

Cũng như Thánh Thể của Đại Từ Phụ Chức Sắc Nam cũng như Nữ khi mãn quả, Tịch Địa Đài là nơi hành pháp Độ thăng để trả nguơn khí cho Đấng Chí Linh là giờ phút Chơn Thần nhập Bát Quái thì thân «*tứ đại giả hợp*» phải trả cho đất, nên sự thể hiện với số trung cung của cấp Địa Thánh là vậy.

Kết luận hàng Thánh Thể đã qui vị lúc hành pháp Độ Thăng được để nơi đây hành pháp xong, liền tuyên dương công ïnghiệp trên Giảng Đài trước mắt Chí Linh và Vạn linh, nghe qua ai cũng cảm mến về công trình hành đạo, chẳng phải riêng tôi mới có vần thơ tưởng niệm như sau:

THI

Thánh Thể vui đem đạo phổ truyền,
Với thân dầu phải bước truân chuyên.
Thọ phong mừng gặp trường công quả,

Cứu khổ lo dìu khách thiện duyên.
Lau mắt tục nhìn trăng cảnh Phật,
Rửa tai phàm lắng khánh cung thiên,
Làm xong sứ mệnh phương danh tạc.
Giáo sử Cao Đài thất ức niên.

Với tát thành trong giờ tống chung, tôi xin kinh cẩn nghiêng mình tưởng niệm những bậc Thể Thiên hành hoá làm xong sứ mệnh, sống lo gánh khổ cho nhơn sanh. Hôm nay là ngày trở về phục lịnh Ngọc Hư là một niềm vinh diệu ở thiêng liêng cũng như nơi mặt thế vậy.

22– PHƯƠNG TU THỂ PHÁP LUẬN

Phương pháp tu hành của chúng ta nhẫn nhục là pháp thắng khổ, hòa ái là pháp tiến bộ, giác ngộ là pháp giải thoát. Bởi hòa khí là nguyên lý của tâm linh mới biến sinh những đề mục nhẫn nhục lân tuất thương sanh, còn nộ giác của xác thân thành phần của nó là hờn giận ghét ganh, xúi dục đấu tranh theo lẽ sống của con vật. Ta người phương Đông phải chú trọng về tâm, còn người phương Tây họ quan niệm về trí, nhưng trí là hệ thống âm ở chiều ngang, còn tâm hệ thống dương của hệ dọc. Đó là Pháp Tứ Tượng ở trong con người không thể thiếu. Nếu thiếu chiều dọc là con người dữ, thiếu chiều ngang là con người dốt, bằng thiếu cả hai là con người cuồng tính.

Nên Thánh Ngôn của Đức Chí Tôn dạy "*Giáo hóa nhơn sanh cầu triết lý*", còn Đức Hộ Pháp dạy chúng ta "*nghiền ngẫm giáo lý để biện minh cho chơn lý*", thảng như ta học giáo lý mà không biện minh được chơn lý do thần trí chưa đạt đến chỗ tinh thần về đạo học. Riêng ở giới người tu có hai cái học, trí học do bộ óc tìm tàng, còn tâm học do điển quang soi rọi bằng tư tưởng, nếu tư tưởng thanh thì tâm linh điều hành phù hợp thiên lý, còn trược do phàm ý dẫn dắt đến chỗ đam mê.

Nhưng về phương hướng lập vị lớn nhỏ y nhau, được Đại Từ Phụ trao cho chúng ta mỗi người một cái chìa khóa bằng sự thương yêu, ngày về triều kiến Đại Từ Phụ

nhờ đó tự nó mở cửa để mà vào. Thiết tưởng sự chiêm ngưỡng của chúng ta có chánh tín có tà tín. Nếu chánh là một ánh sáng để dìu độ tánh mệnh cho người tu, còn tà cũng là một ánh sáng để làm quán mắt những con thiêu thân. Nên sự tham thiền phải chánh tín nếu vọng niệm là ảo huyền, tu không ép xác. Điều đó từ trước đến giờ Đức Hộ Pháp đã cấm chúng ta không nên tịnh luyện với phép tham thiền, chuyện dầu xưa cũng như nay xin nêu lên một đề tài để làm bằng chứng.

"Có một Đấng hiện trước mặt Đức Thích Ca đang tham thiền dụng ý khuyên Phật đờn một bản thật hay bởi lên dây thẳng, còn nhấn mạnh tay nên phải đứt. Nên Phật than người đàn thật hay lên dây thẳng quá mới đứt. Đấng đó đáp ngón đàn tôi đây cũng như pháp thiền của Phật vậy, bởi Phật tham thiền có bữa dùng ít hột mè mà thôi, thành ra cơ thể bị kiệt sức. Chừng Phật thức tỉnh rồi nên xuất thiền gượng đến mé sông tắm xong nhờ nước ma ha hóa giải gội sạch mê đồ ngồi một chỗ mới định tâm đặng tầm chơn lý. Về trung đạo, Phật còn mang phàm thể nên ơn trên thức tỉnh Phật. Còn mách cho một thiếu nữ Sacatha hãy lấy bông mai cho 72 con Bò ăn, rồi vắt sữa cho 36 con uống, rồi vắt sữa 36 con cho 12 con uống, rồi vắt 12 con cho một con uống, rồi vắt một con đó đem dâng cho Đức Phật dùng. Với ý nghĩa đó Đạo có 72 pháp, Phật có 81 nạn, 72 cũng 9, 36 cũng 9, 9 lần 9 là 81, cũng 9 tức là số định vị cho Phật pháp, với hoa thể hiện cho Tinh, bò ăn sinh ra sữa tiêu biểu cho Khí, 12 con một cộng 2 thành 3, đó là nguyên lý tam bữu, bởi thân hoại thì Khí tán, làm sao hiệp được cùng thần rốt hết chỉ có một con tiêu biểu cho cơ qui nhứt Tinh Khí Thần. Nhờ Khí vận chuyển

thần mới quang minh tinh tấn, hễ tán là khí tụ là thần, thần khí là Phật con kỵ vật là tinh, nếu bản thân đã hoại với hiện tại không còn khả năng dung ruổi thì Phật khó hóa độ quần sinh đến bờ giác.

Nên lối tu tham thiền tuyệt cốc tùy bình khất thực. Nhứt là ở buổi Hạ nguơn nầy nhơn sanh đang khổ. Người tu nên tìm phương cứu khổ chớ chẳng phải ngồi một chỗ lim dim tụng niệm để cầu Phật cứu rỗi. Không bằng ta biết cởi thân ra mảnh áo tơi để làm nhiệm vụ của Phật đó chính ta là Phật, phải thực hành sứ mạng cứu độ và dạy dỗ họa may nhơn sanh mới vơi bớt nỗi khổ một phần nào. Chúng ta thử nhìn vào sự khất thực của Đức Thích Ca đối với Chúng sanh nơi Cấp Cô Độc viên. Đó là nguyên lý của sự bác ái quên mình để lo cho người.

Bởi chúng ta là môn đệ của Đức Chí Tôn, với lập trường người tu phải đủ đức tin đặng làm phép hồi sinh cho chơn tánh. Khi phục được linh tánh thì cánh cửa huyền vi sẽ hé trọn để nhìn vào trong đó, điểm khó chỗ kho chí bửu phải hữu duyên mới mở được, chớ hiểu then chốt mà không nắm vững cái nòng cốt ở bên trong chưa phải là quán thông được mọi lẽ. Học giáo lý để tìm hiểu then chốt, còn đạt được cái triết lý mới rõ chỗ nồng cốt, giáo lý là hình thức của cái đạo.

Triết lý là ý nghĩa của Pháp, ví con Bù Địt địt ra khói không thể nói có lửa, còn đôm đốm chớp thấy ánh sáng tưởng có lửa nhưng chửa có khói. Cho nên mọi sự ở đời cũng thế, chưa ai dễ được cả hai, với chúng ta có tai để nghe, có miệng để nói, có mắt để nhìn. Nhưng cái nhìn phải biết bề mặt bề trái, cái nói phải biết điều dở điều hay, cái nghe phải biết cái sai cái đúng.

Được vậy bộ óc mới hữu dụng cho con người, năng xét mình sửa lỗi là Thánh, cố giấu mình để tránh lỗi là Hiền, nhưng ở đời mấy ai tránh khỏi sự lầm lỗi, đáng sợ nhứt là những người không biết sửa lỗi, phải biết bóng mát có giá trị vào lúc ban trưa. Còn giọt mưa có giá trị những khi trời hạn, với chúng ta có thân thì phải có tâm, có tâm thì phải có đạo, có đạo thì phải có đức, bằng không dầu có học thức cũng kể là hạng bất nhân. Phải biết trong cái phàm thân nó có cái giác thân, trong cái giác thân nó có cái pháp thân, trong pháp thân nó có cái nguơn thần, trong nguơn thần nó có chân tánh như lai của ta.

Vì cái phàm thân của ta được cấu tạo do một phần của ngũ hành, còn cái thiên lương biến sanh là nhờ ở ngũ khí. Nên của trần gian không có cái gì quí nhất, mà không có cái gì gọi rằng xấu nhất. Nếu nói xấu nhất là đất là đá, nhưng đất và đá lại sanh hóa ra vàng với ngọc. Về vật chất vàng ngọc là quí, về tinh thần đạo đức là quí, về đời người mệnh sống là quí. Thảng như ta biết quí mệnh sống của mình, cũng nên có cảm tình đối với mệnh sống ở kẻ khác.

Vì trong người chúng ta có 3 nguơn khí Chánh Hạo Nhiên là Phật điểm linh của bản tâm, Hỗn Nguơn là pháp điểm giác của Chơn thần, Hư Vô Khí là Tăng điểm sinh năng lực cho cơ thể, còn thân tứ đại nó là huyền ảnh khí do phàm ý mà sinh ai nộ ố dục. Với 3 nguơn khí chánh do tâm suất tánh biến ra Hỉ Ái Lạc, mà Đạo Trời đã tượng thể 3 đầu rắn cất lên bên sau ngai Hộ Pháp. Kế Đức Thượng Phẩm là «*Hỉ*» cái mừng an nhiên về tiên đạo. Chính giữa bên sau Đức Hộ Pháp là «*Ái*» cái thương tự nhiên của Phật tánh. Kế Đức Thượng Sanh là «*Lạc*» cái vui hiển nhiên của thánh tâm đó cũng là Phật Pháp Tăng, chẳng

khác nào Thượng phương thế giới là Phật, Trung phương thế giới là Pháp, Hạ phương thế giới là Tăng. Nhờ năng lực ngũ hành hòa hợp âm dương tiết chất dinh dưỡng vào khí sanh quang để nuôi vạn vật chẳng khác đường cát hòa với nước trong nếu không nếm làm sao phân biệt được.

Nên trong không khí có nhiều dưỡng khí của Chí Linh để nuôi vạn vật. Kể như Khoa học rất tài tình giỏi chế tàu lặng có máy nhốt dưỡng khí chừng hết phải trừng lên bằng không những ký sinh trong người bị ngột ngạt, đó là các tế bào nơi cơ thể, riêng con người của chúng ta cũng có 3 ngôi báu, Linh hồn là Phật, Chơn thần là Pháp, bản thân là Tăng, Nguơn linh ở Đức Chí Tôn ấy là Đạo, nguơn thần ở Đức Phật Mẫu ấy là Pháp, nguơn tinh gốc ở ngôi mệnh của bát phẩm chơn hồn trong chúng sanh ấy là Thế.

Bởi Chúng sanh đạo giáo gọi danh từ tổng quát là Thế. Nên con người nhập Thế phải biết xử thế với hai chữ «*ở đời*» tức nhiên phải có cái Đạo người, tâm là cái thể của chơn linh, tánh là cái thể của Chơn thần. Còn thân là ngôi mệnh cái thể của chơn khí, còn ở trời đất cái vô thỉ là Phật, cái khởi thỉ là Pháp, làm cho Càn Khôn hữu hợp biến sanh vạn vật là Tăng. Nguơn vô thỉ có khởi thỉ, cơ khởi thỉ có định vị, pháp định vị có chuyển hóa, luật chuyển hóa có Chúng sanh đoạt cơ giải thoát phá nhứt khiếu chi huyền quang đặng hoàn nguyên qui nhứt bổn.

23– PHẬT LÃO LÝ SỐ LUẬN

PHÁP VÔ VI, VÔ ĐỊNH THỂ, HỄ CÓ TƯỢNG LÝ ẮT CÓ ĐỊNH THỂ, CÒN LUẬT HỮU VI, HỮU ĐỊNH THỂ.

Lúc Đức Thích Ca mới sanh ra đi 7 bước, mỗi bước nở một bông sen đỏ. Đó là sự thể hiện phần tinh của nhơn loại có 7 thể khí là thất tình. Tay tả chỉ thiên, tay hữu chỉ địa, Phật nói "*Thiên thượng địa hạ duy ngãõ độc tôn*", để chứng tỏ chỉ cái lý âm dương của Càn Khôn. Với triết lý Phật diệt cái bản ngã, với 4 chữ duy ngã độc tôn, chẳng phải có một ta đáng tôn, lời của Phật như Đức Hộ Pháp đã thuyết "*Cái thiên lương mới thiệt ta do khối chí linh của trời mà sản xuất nó là con của Trời, tức nó là Trời*". Chớ con người có tu mới thành Phật, Phật gốc ở Người, Người gốc ở Trời, Trời gốc ở Đạo, Đạo gốc ở Hạo Nhiên Khí, Hạo Nhiên Khí là lý sơ nguyên của Nguơn vô thỉ.

Luận đến nền chơn Đạo thì phải có đủ lý âm dương của Càn Khôn. Chỉ có 3 tôn giáo Phật là Linh hồn, Tiên thì Chơn thần đó là 2 phần vô vi quan trọng. Còn Thánh tượng trưng cái hữu thể là bản thân của chúng ta. Luận đến tiên gia cũng là một triết lý trừu tượng, Lão Tử, mẹ thọ thai 80 năm lại là số của ngôi âm ở cơ biến dịch, còn 0 là vô cực chỗ phát xuất Chơn thần. Chừng hạ sanh Lão Tử tại cội lý lấy cây lý làm họ gọi là Lý Nhĩ bởi đôi trái tai dài. Với gốc lý để thể hiện nguyên lý cơ khởi thỉ, mới lọt lòng mà tóc bạc nên gọi danh là Lão Tử, Lão là một cực âm, Tử là một cực dương, có chỗ sách nói lúc mẹ ông vừa

8 tuổi dạo vườn xem hoa chơi bắt đầu thọ thai đến ngày sanh là 72 năm lại là con số 9 để làm cơ định vị cho sự biến dịch của pháp "*Cửu chuyển hoàn đơn*".

Về Đạo giáo, Lão Tử có cái danh là Lão Đam, với vầng Tử khí từ phương Đông bay về cửa ải Hàm Cốc, Ngài dừng lại để truyền bộ Đạo Đức Kinh cho Doãn Hỉ, vầng Tử Khí với bộ Đạo Đức Kinh đó là Nguơn linh của Thái Thượng biến thân là Lão Tử, Phật màu vàng, Pháp thì màu xanh. Nên mức chung kết của Lão Tử cỡi thanh Ngưu về núi Côn Lôn, còn tiên tri với Doãn Hỉ sẽ gặp lại tại chợ Thanh Dương, thì đương nhiên Lão là một triết lý huyền nhiệm về Chơn Thần mà phần Đạo ở lý huyền đồng về tư tưởng, cho cơ tạo thật là huyền phép thấy khép mà mở, thấy hở mà kín, thấy tịnh mà động, thấy trống mà đầy. Trí phàm chúng ta đây không tưởng tượng chỗ "*vô vi nhi trị*", nên muôn loài đều tùng lý phản phục của Thái Thượng ví như sông ngòi chảy tuôn ra bể cả nhờ lý phản phục nên lục địa mới khỏi chìm trong đại dương. Nhờ tầng đợt sóng chuyển động đưa buội nước trở lại không gian, từng giờ từng phút đại dương bốc hơi lên hòa trong không khí, hễ tán là khí, tụ là nước, rơi xuống thành cơn mưa. Nên Lão giáo nói chưa có cái chi gọi rằng mất do định luật đào thải ở sự biến chất của nó mà thôi, cũng như lửa tắt rồi còn tro tàn, vật thể hoại thì hoàn cát bụi, hễ được một thì đã mất một là lẽ đương nhiên, đó là định luật tạo đoan, còn về nhơn sanh quan có người mất cả 3 mà đổi được có một chưa phải gọi rằng tốt; với bản thân họ bị mất lương tâm, với xã hội bị mất nhân cách, với đạo giáo bị mất Linh hồn, với đời sống họ được cái tiếng ác, tôi xin cảm tác một vần thơ như sau:

THI

Bản thân ai cũng có Linh hồn,
Bởi ác tâm, thành diệt trí khôn.
Tỏ ý nghinh ngang như lảng tử,
Giỏi tài quậy phá giống du côn.
Tội căn làm mất thiên lương tính,
Hình án ghi rành địangục môn.
Nếu sợ luân hồi về qủa báo,
Aên năng sớm đổi phước sinh tồn.

Luật hữu hình cũng như vô vi, nếu một khi ta bị lầm lỗi mà biết cải hối thì hình án cũng được giảm khinh với lượng khoan hồng.

24– CUNG ĐẠO VỚI BỬU PHÁP

Cung Đạo là cơ biến tạo huyền pháp Chí Linh. Sự thể hình trên đó chúng ta khó hiểu biết với triết lý cũng như Thánh ý của hai đấng tạo đoan đồng ký nơi quyển thiên thơ có hình bàn tay hay ngòi bút lông ba bảng viết bằng chữ nôm của người Việt.

"Ký thành một cuốn gọi thiên thơ.
"Khai đạo muôn năm trước định giờ
"Mau bước phải gìn... ".

Chữ dứt thánh ý hai đấng Chí Linh khuyên cả Vạn Linh nên cố gắng, và lời Thánh Ngôn của Đức Chí Tôn ghi trong bảng đá như sau:"Muôn kiếp có ta nắm chủ quyền, vui lòng tu niệm hưởng ân thiên, đạo mầu rưới khắp...". Chữ dứt với cơ tận độ kể không sót một ai, thêm quyển thiên thơ Đức Lý kiêm Giáo Tông trong buổi Tam Kỳ lời của Đức Ngài ký:"viết thử Thiên Thư dưới nét trần. Hầu sau bền vững nghiệp Hồng Quân, chuyển luân thế sự...". Chữ dứt khuyên cả con cái của Đức Chí Tôn phải tùng quyền pháp đạo và kính trọng uy linh Giáo Tông thiêng liêng trong cơ chuyển thế, có thưởng có phạt.

Quyển thiên thơ nơi bảng đá và quyển có ngòi bút lông viết từ tả sang hữu. Còn quyển ký có bàn tay thì viết từ hữu sang tả với tất cả thể hiện lý âm dương có chưởng giải có thu liễm nhưng trong ba quyển đồng dứt chữ thứ 18, nếu cộng thì mỗi mỗi với con số 9 tức là ba con số cửu của Đức Chí Tôn về lý số ba hào dương cung Càn là

Trời, nhưng thể thơ mỗi hàng 7 chữ thể hiện cơ hành sử Vũ trụ và nhơn sinh. Thơ 8 câu 5 vần tiêu biểu cho ngũ hành và Bát Quái, còn 4 câu 3 vần thể hiện Tứ Tượng cùng Tam Tài, ở giữa có một Thiên Nhãn biểu tượng sự soi xét có 16 tia hào quang, thể hiện cho nguơn thần của lý Âm Dương lưỡng hiệp với hai con số bát của Đức Chí Tôn cùng Đức Phật Mẫu.

Còn tượng thể pháp giới Vô Cực bằng 36 tia hào quang kiếng thủy bao quanh trên cung Đạo, với một lỗ tai chứng tỏ có sự nghe biết cùng một bàn tay với một ngòi viết chứng tỏ có sự ghi công chép tội, và một chiếc xe nhỏ có 4 trục đạn để sai bàn của người phương Tây với một bản chữ theo quốc tự Việt nam để cầu cơ hoặc lúc ban sơ xây bàn, vần thì có 5, tiêu biểu ngôn ngữ nhơn loại có ngũ âm, chữ thì 24 chia ra là ba con số Bát của Trời Đất và vạn vật. Một bộ sách đề chữ Tứ Kinh lòng khung đỏ bìa ngoài màu xanh buộc chỉ vàng tượng thể Tam Thanh, một cái dĩa gắn úp xuống tượng lý thiên viên cho sự bác ái với cái tròn, một quả đất có chừng phần ba thể hình địa phương với lẽ công bình ở cái vuông. Còn sự biến dịch họa hay phúc đối với chúng sinh đều do quả kiếp mà khuôn linh định phận thể hiện một ống xâm, còn 2 miếng keo có nghĩa tiêu biểu lý Âm Dương của trời đất ở trong vạn vật.

Cung Đạo là nơi cầu cơ nên có một đại ngọc cơ thể hình ngôi Bắc Đẩu của Đức Chí Tôn. Còn Đức Thượng Phẩm là chủ Chi Đạo tức là Chơn Thần của đạo nên trên đó có hình Đức Cao Thượng Phẩm có một phần ngộ nhận, nói đó là Đức Hồng Quân, bởi Đức Hộ Pháp bảo ông Thánh Thoại đắp hình Đức Hồng Quân, ông Thánh Thoại bạch thầy hình ảnh Hồng Quân như thế nào. Đức

Ngài nói hãy nhìn anh Cao Thượng Phẩm mà đắp. Thật vậy Đức Chí Tôn ở trong người Thượng Phẩm hồi năm Bính Dần 18 tháng 3 Đức Chí Tôn giáng cơ dạy lễ bảo "*Cư đi cho nó coi con ". Khi Thượng Phẩm vừa đi vừa nhúng bộ thì Đức Chí Tôn nói "các con coi thầy đi đây nè*", tuy nói Hồng Quân nhưng hình Thượng Phẩm, bởi ngay lúc đó đã có Đức Chí Tôn trong người của Thượng Phẩm.

Cũng như hình Đức Di Lạc nơi nóc Hiệp Thiên Đài chính đó là Hộ Pháp, bởi đội mão và mặc khôi giáp của Đức Ngài chỉ có bên ngoài choàng cà sa vì lúc đắp tượng Đức Di Lạc ông Thánh Thoại bạch thầy hình Đức Di Lạc như thế nào. Đức Ngài liền phán buổi Tam Kỳ Di Lạc là "*Giáo Tông*", có nghĩa giống tao, nên tượng Đức Di Lạc cũng là hình ảnh của Hộ Pháp đó vậy.

Còn nơi cung đạo có một cái chò 3 chân, 3 là số khởi thỉ đạo tượng lý trung hòa, gốc ở giữa là cốt cán có 1 mà sanh 3, phần dưới thể hiện cõi Hậu Thiên do pháp giới chúng sanh định danh là Tam Giáo y nhau ở số, còn phần trên tượng thể nguyên lý thái cực của Đức Chí Tôn nơi cõi Hồng Mông Phát xuất 3 nguơn Khí, tức thị 3 ngôi pháp giới Hư Linh, 1/ là Thái Thượng 2/ là Nguơn thỉ 3/ là Hộ Pháp. Đó là ba ngôi thường bộ pháp giới của Đức Chí Tôn trong cơ khởi thỉ.

Ngôi thứ nhứt nắm lý phản phục, ngôi thứ hai nắm pháp thu liễm, ngôi thứ ba nắm cơ định vị. Chủ quyền ba ngôi do nguơn khí Đức Chí Tôn ở khối lửa. Thái cực là luật biến sanh tức chưởng giải, nhờ ba ngôi thường bộ pháp giới điều hành trong cơ khởi thỉ. Như vậy tức thị Chơn Khí của Hộ Pháp ở trong Vạn linh, chơn khí của Nguơn Thỉ ở trong sinh quang, Chơn khí của Thái

Thượng ở trong cơ tuần hoàn đại Vũ trụ và tiểu Vũ trụ, sự biến dịch dinh hư tiêu trưởng tán tụ từ thượng thiên chí hạ thiên. Với châu kỳ có định luật điều hòa phản phục.

Nên cơ khởi thỉ có pháp định vị. Thái Cực vốn khối linh luật phát xuất Càn Khôn ngôi Phật Chủ là Đấng Chí Tôn ngự ở Linh Tiêu, Lôi Âm lập pháp. Chính tiếng sấm khai nguơn, Ngọc Hư nơi các đấng ngự triều nắm thiên điều mà chuyển pháp, Bạch Ngọc là khuôn viên tinh anh để thật hành chơn pháp, Diêu Trì là lò tạo chúng sinh tức "*vạn vật hữu hình tùng thử đạo*".

Do qui luật tự nhiên tạo thành giềng mối chánh trị của mặt huyền linh. Đối với Đạo Cao Đài là một Tôn giáo bán hữu hình nhưng suy ra không khác, Đức Thượng Đế giáng thế kỳ ba dùng linh điển khai cơ qui nhứt tức là pháp tận độ. Trước lập thành Hội Thánh đặng thay hình thể Chí Linh là một triều nghi thiêng liêng dĩ đức lập quyền trị thế tức sửa đời cho nên đạo. Ngôi thờ có ba đài Cửu Trùng, Bát Quái, Hiệp Thiêng, chính Đại Từ Phụ đã phân quyền. Quyền siêu rỗi của Bát Quái, quyền cầu rỗi của Hiệp Thiên, quyền độ rỗi của Cửu Trùng. Hiệp Thiêng lập pháp, Cửu Trùng hành pháp, Bát Quái chuyển pháp. Bát Quái thể Ngọc Hư, Cửu Trùng thể Bạch Ngọc, Hiệp Thiên thể Lôi Âm. Lập đạo lập pháp đều do cơ bút. Nên ba quyền thiên thơ bên trên la phong dù cung Đạo hai đấng tạo đoan cùng Đức Giáo Tông thiêng liêng kiêm hữu hình đồng ký, để biểu tượng nguyên lý thiên nhân hợp nhất, mừng chung cho nhơn loại thời kỳ khoa học hiện đại đã mở màn là cơ trả nghiệt đền oan, để đưa chúng ta trở vào thượng nguơn thánh đức đặng hưởng một nền hòa bình vĩnh cữu mà Thượng Đế đã hứa cùng nhơn loại.

25– THẬP NHỊ THỜI QUÂN SỐ ĐỊA CHI

Nên Đức Chí Tôn đến lập Đạo buổi hạ ngươn thể hiện cơ tuần hoàn trở về nguyên thỉ, Tý là lý khai thiên, Sửu là cơ lập địa, Dần là pháp sanh nhơn. Đó là 3 vị Tiền bối Hiệp Thiên Đài chủ chi Đạo Thượng Phẩm (Bính Tý)ù, chủ chi Pháp Hộ pháp (Canh Dần), chủ chi Thế Thượng Sanh (Tân Sửu), về triết lý Tý Sửu là âm dương. Dần là ngôi pháp giới làm cái lý trung hòa giữa Đạo và Thế. Còn 12 thời Quân mỗi vị mỗi tuổi trong 12 con giáp, chẳng ai trùng với ai.

Thể hiện số Thập Nhị Địa Chi của Đạo trời, thứ tự như sau: Bảo Hiến Khai Tiếp 4 cấp trong 3 chi,

- **Chi Đạo:**
  - Bảo Đạo, Giáp Tuất (1874),
  - Hiến Đạo Bính Thân (1896),
  - Khai Đạo Tân Sữu (1901),
  - Tiếp Đạo Đinh Dậu (1897),
- **Chi Pháp:**
  - Bảo Pháp Nhâm Thìn(1892).
  - Hiến Pháp Canh Dần (1890),
  - Khai Pháp Mậu Tý (1888),
  - Tiếp Pháp Quí Tỵ (1893),
- **Chi Thế:**
  - Bảo Thế Ất Mùi (1895),
  - Hiến Thế Giáp Ngọ (1894),

- Khai Thế Kỷ Hợi (1899),
- Tiếp Thế Quí Mão (1903).

Người lớn tuổi nhứt là Ca Bảo Đạo, người nhỏ tuổi nhứt là Lê Tiếp Thế.

Bảo Đạo chữ giáp là đầu thiên can còn Tiếp pháp là chữ Quí cuối Thiên can. Như vậy Đạo phần đầu, Pháp phần cuối cũng như phép chèo thuyền hành cái thế để tượng trưng cho cái bí, đạo trước mũi pháp sau lái, còn đầu địa chi Trần Khai Pháp tuổi Tý, cuối Địa chi Thái Khai Thế tuổi Hợi. Luôn luôn Đạo pháp đứng trước pháp Thiên can và Địa chi của Trời đất, luận về cơ chưởng giải ở Ca Bảo Đạo là "*Giáp*", Tiếp Pháp là "*Quí*", về phép thu liễm của Địa chi Khai Pháp là "*Tý*"ù, Khai Thế là "*Hợi*", về phép Thiên can chuyển hóa Hiến Thế là "*Giáp*", Tiếp Thế là "*Quí*". Về mặt siêu hình đạo biến sinh ra pháp, còn về mặt hữu vi mỗi cái chi có trật tự, có định vị tức là pháp trị đạo ở giữa đó là Phật.

Cũng như Thái Cực là ngôi nhứt bổn tạo ra Chúng sanh là pháp vạn thù, chúng sanh tu đoạt thành cơ giải thoát trở về nơi xuất phát điểm Linh quang là pháp qui nhứt bổn, về mặt hữu vi đạo là con đường giải thoát, đức là pháp siêu rỗi cho các chơn linh.

Về siêu hình Đạo là ngôi Thái Cực, Đức là Khí sanh quang, đó là pháp giới tạo đoan để giữ sự quân bình cho Vũ trụ, ở Vũ trụ ngôi thái cực là một năng lực vận hành cơ chuyển hóa trong Càn Khôn (Thái cực nhi vô cực), tức thị Âm Dương, đương nhiên trong tịnh có động, trong động có tịnh, đầu tịnh cuối động là pháp trưởng dưỡng ở đức, đầu động cuối tịnh là cơ chuyển hóa ở đạo.

Chẳng riêng tôn giáo Cao Đài biện minh phép can chi của trời đất ở trong tiểu thể con người để chứng tỏ cùng đại nhứt thể của đấng Chí Linh. Nên kiếp nhơn sinh chịu ảnh hưởng 4 chữ "*thiên viên địa phương*". Vì đó mà cái phần đội trời tròn, cái phần đạp đất thì vuông, đất vuông ở pháp mà tròn ở thể. Cũng như Tòa Hiệp Thiên Đài cái vuông ở những khuôn bông, cái tròn ở giữa là tròng mẫu tự. Hiệp Thiên Đài có ba Chi: Đạo, Pháp, Thế. Mỗi Chi phát huy một chơn tướng. Chi Đạo biến tướng Phước Thiện, Chi Pháp biến tướng Pháp Chánh, Chi Thế biến tướng Ban Thế Đạo, để giúp cho Cửu Trùng Đài trong cơ truyền giáo.

26– TÒA THÁNH THỂ HÌNH BỐN QUẢ CẦU

Trước mắt nhơn sanh nếu để ý nhìn sẽ thấy 4 quả đất thật tròn, tại sao lại 4 quả kề như quả đất nầy sắp bước vào chuyển thứ tư của nó, một quả long mã phụ Hà Đồ ở trên nóc Nghinh Phong Đài, một quả mé trước lầu chuông Anh Cả Quyền Giáo Tông Thượng Trung Nhựt được tượng hình đứng trên đó, đầu đội mão Hiệp Chưởng, ngạch mão có chữ Cung Càn, mình mặc tiểu phục trắng thêu chữ Bát Quái Khảm Đơn Điền, Cấn tay mặt, Chấn tay trái, Tốn vai trái, Ly ở tim, Khôn hậu bối, Đoài vai mặt, choàng cái mãng bào màu vàng ở sau trong xanh. Tay tả nắm quyền thiên thơ với sứ mạng trong cơ lập đạo, đủ vai tuồng chuyển thế ở Đức Ngài, tiền kiếp có 2 Bữu pháp được thể hình bầu linh để trừ Tinh Quái. Gậy sắt để dẫn dắt nhơn sanh lo tu niệm, trong buổi Tam Kỳ do Thánh ý Đức Chí Tôn phải độ tận quần sanh thực hành 2 chữ nhân nghĩa làm mục đích đại đồng thiên hạ. Một quả mé trước lầu trống tượng hình Bà Nữ Đầu Sư Lâm Hương Thanh đứng mình mặc đại phục màu trắng có thêu bông sen màu vàng, áo có 9 dải, đầu đội Ni Kim Cô, choàng một cái mão Phương Thiên, tay tả xách giỏ hoa lam, tay hữu cầm một cành hoa, giỏ hoa lam tượng trưng cho triết lý bình đẳng của một tân tôn giáo thể hiện cơ hợp nhân chủng trước Tòa Thánh tức trước mắt Chúng sanh, mà Nữ phái phải thực hành, bởi Nữ phái từ phẩm đại Thiên Phong dĩ chí tín đồ đạo phục hay thiên phục cũng màu trắng.

Để tiêu biểu dầu Thượng Đẳng hay hạ Đẳng vẫn bình đẳng về Chơn thần, còn phần chơn linh có lớn có nhỏ, phải một chơn linh cao trọng mới được cái hành động khác thường. Với một cành hoa cầm tay thể hiện nơi cửa Đạo Cao Đài của cơ lập vị cái giá trị của mỗi cá nhân được phần sáng chói là do công đức khéo tu ở nơi mặt thế. Chừng về thiêng liêng vị nhập vào Bát Quái Đài với một pháp thân bình đẳng của Vạn linh hiệp cùng Chí Linh, còn một quả ở bên trên ngạch cửa Đền Thánh bước vào Tịnh Tâm Đài có cân công bình. Thấy đó chúng ta có hẳn niềm tin khi dứt thế chiến thứ ba, cũng do cuộc khảo thí của vũ khí trung hòa tử thành thử quả đất nầy được phục sinh để bước vào Thượng nguơn Thánh Đức, với bầu khí quyển tội tình do quả kiếp của Chúng sanh đã tạo. Nên Đức Thượng Đế lập đạo tức là thay đổi cõi tội lỗi với làn sanh quang mới thì loài người trở nên thánh đức tức nhiên nó là địa cầu 67 đó vậy.

27– NGUYÊN NHÂN TẠO CỰC LẠC CẢNH

Vào năm Quí Dậu (1933) Đức Hộ Pháp cho công thợ xây dựng Báo Ân Từ. Kể như Đức Ngài chuẩn bị dành khi dời vạt tạo Tòa Thánh sẽ làm nơi thờ phượng.

Trong giai đoạn nầy ông Quyền Thái Đầu Sư chủ tọa Hội Thánh quản lý tạo tác Tổ đình, Thái Thơ Thanh kỉnh bút "*Chánh ngoạt sơ nhị nhựt Tân Vì*", ông cùng bà Lâm Hương Thanh, Nữ chánh phối sư mua thêm 100 mẫu đất liên tiếp Thánh Địa, có thượng tấu với Đức Chí Tôn và thông tri toàn Đạo. Đông, Tây, Nam, Bắc mỗi phía ba ngàn thước vuông vức, chu vi là 12 ngàn thước. Đặng xây vách thành cao lớn bốn phía dựng ra miền Tây Vức để hiệu bốn chữ nổi "*Thái Cực Toàn Đồ*". Ông Tạo Bát Bộ Kim Cang có 8 cảnh *1/ Quan Âm Các 2/ Long Nữ Điện 3/ Tàng Kinh Viện 4/ Phổ Đà Sơn 5/ Kim Cang Động 6/ Bồ Đề Ốc 7/ Tây Vức Trì 8/ Bát Bửu Tịnh Thất.* Phần trong có Lục Thông Cơ sở: *1/ Giảng Đường 2/ Tịnh Đường 3/ Túc Đường 4/ Dưỡng Đường 5/ Thiên Ân Đường 6/ Học Đường. Còn lộ: 1/ Như Lai Đồ 2/ Di Lạc Đạo 3/ Phước Đức Cù 4/ Oai Linh Tiên, 5/ Bình Đẳng Đồ 6/ Sử Quân Tử, 7/ Thái Hòa Lộ 8/Bình Dương Đạo, 9/ Tây Qui Trực Chỉ, 10/ Thượng Hòa Lộ.*

Bên ngoài phía Đông trong cuộc từ Thoàn Bát Bộ Kim Cang có 3 con lộ: *1/ Bác Nhã Lộ, 2/ Bồ Đề Lộ, 3/ Như Ý Cảnh.* Nên đêm 1–7 Tân Mùi (1931) tại Bửu Điện Tòa

Thánh Đức Hộ Pháp với Văn Pháp Phò Loan Đức Lý giáng cơ rầy ông Thái Thơ phải bỏ cả hình tướng Thiền Môn thì mới mong tạo thành Cực Lạc Vô Vi cảnh giới, hiểu à muốn tạo Cực Lạc hỏi Hộ Pháp chỉ cho. Đến 9–12 Tân Mùi, 12 giờ khuya Hộ Pháp chấp bút.

Quan Âm giáng điễn cho thi như sau:

Đại kế qui nguyên vĩ đình thì,
Hành tàng cụ Pháp chưởng phong lôi.
Thiền môn nhược bất khai môn nội,
Cửu nhị nguyên nhân bất cố hồi.

Rồi đến 15–12 Tân Mùi (22–1–1932) tại Phạm Nghiệp Phò Loan Hộ Pháp - Tiếp Đạo hầu bút Sĩ Tải Ngọ,ï hầu đàn Đức Quyền Giáo Tông và ông Thái Thơ, Đức Chưởng Đạo về cơ có câu:

Kẻ vì mị đoái hoài giả tạo,
Kẻ hay tin quái giáo gây trò.
Nguyên nhân lỡ bước ai lo,
Đem đường cực lạc đưa đò mê tân.

Đức Chưởng Đạo nói khó viết nên thăng nhờ Lục Nương tiếp giáng điển toàn bài cũng đề tài khuyên ông Thái Thơ có những từ như sau:

Phải hiểu nghĩa Thiền Lâm cho rõ,
Các thinh âm chẳng có cửa không.
Bớt điều sắc tướng huờn vong,
Bớt điều hồ mị nhọc lòng phạn hương
. Bớt các lễ người đương mê tín,
Nhập tịnh gia cậy lịnh Thích Ca.
Bớt điều làm sãi bó ma,
Đưa linh lại mượn có nhà Minh sanh.

Bớt mọi lẽ giựt giành bái phước,
Lấy Vu Lan đặng được ấm no.
Bớt kinh bớt xá vâng thơ,
Mã môn con hát giả đò giải khiên.

Bớt cậy Phật lập quyền địa ngục,
Bớt đồ mưu lấy phục Di Đà.
Bớt phương giải nạn tinh ma,
Lập nên danh phận cho nhà quỉ tăng.

Và chúng ta được thấy nguyên văên của nhà thơ Cửu Long Giang ở Vĩnh Long đăng trong tạp chí Niết Bàn số 40 (30–6–1935).

NGUỒN THI CẢM

(Vãng cảnh Thánh Thất Cao Đài Tây Ninh)
Cuộc cờ ly rượu bức họa khúc đàn,
Lòng riêng thích thú du san làm thắng.
Nợ Trần Thế hơi sức nào đeo đẳng,
Chẳng phong lưu trót nặng nghiệp nhàn du.
Trải Tây Ninh Thánh Thất cảnh người tu,
Rừng rậm rạp tịch u bầu không khí.
Rất nhàn nhã, chứa chan mùi thú vị,
Quyến luyến người hơn thiền thị phồn hoa.

Nước non phong thổ vẫn điều hòa.
Cây cổ thụ dìm dà che bóng mát,
Nhạc tạo hóa tưng bừng chim ca hát.
Đờn thiên nhiên dắng dỏi tiếng thông reo.

Người xuất gia an phận khó nghèo,
Chốn ăn ở toàn là lều tranh vách đất.

Sống giản dị an vui gẫm ra phong thú nhất.
Trốn lợi danh ẩn dật khóm lâm tuyền,
Kẻ hưu quan người dật sĩ với nhà thiền.
Đồng thành kỉnh thần quyền diệu lý,
Chỗ chiêm ngưỡng tôn nghiêm khá khen ai có ý.
Ngồi dụng tâm dựng đặt nghĩ càng hay,
Nào lò Bát Quái nào Cửu Trùng Đài.
Đó cửa Hiệp Thiên đây Quan Âm Các,
Nọ Động Đình Hồ đây hình Bồ Tát.
Mộng tưởng đâu lạc bước chốn bồng lai.
Chợ Từ Bi đổi chác cũng tiền tài,
Nhưng buôn bán toàn thanh trai thực phẩm.

Nhà thương mãi chào mời dạ bẩm,
Xem chừng như hạnh nết lắm thuần lương.
Thiện Nam Tín Nữ thập phương,
Vì Tôn Giáo nên hiệp về Tổ đình, trường thi công quả.
Lòng chất phát mong cao minh ân xá,
Càng suy ra càng xót dạ biết dường bao.
Đạo gia gặp khách xá chào,
Hạnh khiêm tốn giồi trau theo nhà nho sĩ.
Êm đềm Hạnh đường là nơi tăng gia tu đạo lý.
Dạo chơi qua suy nghĩ cũng thong dong,
Sơ sài bàn dệt cái không.
Cô tín Nữ ở sở tơ tằm lóng tiếng chuông mà lanh tay canh cửi,
Lộ Bình Dương xênh xang ta bước thư.
Đám trẻ con kinh sử ở Đạo Đức đường.
Thấy tuổi xuân khổ hạnh động lòng thương,

Sống lây lất rặc ròng mùi rau tương thanh
đạm. Da xanh mét mặt thơ ngây xui lòng ta lai láng cảm,
Biết đời sao mà thê thảm chán đời.
Ra đi ngảnh lại khó dời,
Đối cảnh huống dạ ngậm ngùi không khuây khỏa.
Nơi hẻo lánh chú tiểu phu nấn ná,
Anh thợ săn bươn bả bước dồn.
Đoàn chim bay bầy vượn múa ôn tồn,
Khách khoan khoái vui chơn quá bước.
Long Nữ Điện dưới bóng tà dương tha thước,
Nhác trông ra sau trước vẻ phong quang.
Vòi vọi lầu cao mái ngói đỏ huy hoàng,
Kiểu đặc sắc đoan trang chùa Đông Á.
Hoa Viên trổ xinh xao cây cỏ lạ,
Tây Vức Trì bông lá tốt tươi.
Đơn sơ trên một mái thảo lư,
Lồng bóng dưới nước tù sen đẹp đẽ.
Tịnh Bát Bữu xây quanh cội bồ đề mát mẻ.
Cảnh u nhàn quạnh quẽ khiến nhớ đời Thái Cổ Hồng hoang.
Đìu hiu thay Động Kim Cang,
Kìa khổ sãi bần tăng mộc mạc.
Vui kinh sớm kệ chiều mặc dầu thân xít xát,
Giữa phong trần cực lạc Quấc ở đâu đây.
Đàn lòng khải khúc vui vầy,
Văng vẳng giọng chày kình rơi thong thả.

Tiếng du dương nhặc khoan êm ả,
Khiến tâm phàm dập dã nỗi viễn vong.
Mõ chuông cóc cóc boong boong.

Tác giả Cửu Long Giang viếng Tòa Thánh lúc ban sơ ngôi thờ Đức Chí Tôn còn là bằng cây lợp ngói. Ngoài thì ông Thái Thơ tạo Bát Cảnh Cực Lạc cũng là thời gian ông đang nắm quyền Khâm Thiên tổng quản tài chánh và quản lý tạo tác Tổ đình, làm cho ta nhớ đến công trình của các tiền bối đối với đại nghiệp đạo ở bước đầu thật là khổ hạnh, nhưng chẳng nản lòng, nghĩ đến Đức Cao Thượng Phẩm với Đức Quyền Giáo Tông cả hai ra công góp sức lo cho Đạo, hầu có tạo ngôi thờ Đức Chí Tôn. Mặc dầu Đức Cao Thượng Phẩm về tiên thì còn Đức Quyền Giáo Tông. Nhưng khởi công làm chừng một ít rồi cũng bỏ dở bởi Quí Ngài gặp ở thời kỳ chia phe phân phái khó mà trụ được khối đức tin con cái của Thầy về một mối. Nên Đức Hộ Pháp mới ban dây Sắc Lịnh cho Anh Cả, khi còn phẩm Đầu Sư, đặng nắm quyền Thống nhứt Cửu Trùng Đài để điều hành Thánh thể của Đức Chí Tôn trong cơ thể Thiên hành hóa là phổ độ Chúng sanh. Hàng Nhơn sanh muốn cầu Đạo vào làm môn đệ Đức Chí Tôn phải quì trước Thiên bàn xưng tên họ và vị hướng dẫn nói lên ta đọc theo lời Minh Thệ 36 chữ, có nghĩa là lấy số tượng cho lý người tu mà giữ đúng luật pháp chơn truyền, chừng qui vị được vào Tam thập lục Thiên, còn phản loạn chơn truyền thì tà quyền dắt vào Tam thập lục Động. Người được lãnh nhiệm vụ Bàn trị sự thì thề trước Thiên bàn, cũng như người được thọ phong vào hàng Lễ sanh hay Chức sắc được thăng cấp rồi phải quì trước Bàn Ngũ Lôi thề rằng lấy dạ vô tư trọn tuân mạng

lịnh Hội Thánh không sửa cãi luật pháp chơn truyền với lẽ công bình thiêng liêng là vậy.

28– HỮU TƯỢNG LÝ HỮU ĐỊNH THỂ

Xin lập lại phần đầu khi tạo Càn Khôn xong thì Đức Chí Tôn giao quyền Phật Mẫu quản khí hư vô. Còn Hạo nhiên là Phật, Hỗn nguơn là Pháp, Hư vô là Tăng, vốn số tam có đủ cơ năng phát tiếng nổ Đạo sanh Thái Cực, Đạo cái tự hữu, Pháp cái hằng hữu, thế cái hiện hữu, Nguơn vô thỉ phần tượng lý cho cơ khởi thỉ chủ ngũ khí là Đức Chí Tôn, chủ ngũ hành là Đức Phật Mẫu, chủ ngũ lôi là Đức Hộ Pháp. Khi ngũ hành tiếc chất vào không gian đụng ngũ khí phát lên tiếng nổ là chỗ Hộ Pháp quân bình sanh quang cho vạn vật nơi cõi đất có sự sống. Nhờ Đức Phật Mẫu hòa hợp Khí Hư Vô để biến tạo Chơn Thần cho Chúng sanh, nhưng lần đầu tiên Phật Mẫu chuyển Kim bàn phát xuất trăm ức tàng linh chưa có Pháp thân.

Do Hoàng Cực Chủ Nhân là hiện thân của Phật Mẫu bởi chữ «*Thiên huyền Địa hùynh*» để đưa các Tàng Linh xuống thế với 24 thuyền Bát Nhã bởi mới khai nguơn, đây chỉ lấy số tượng cho lý đó là 24 ánh Linh quang của 3 ngôi. Ngôi Phật Chủ là Bát quái của Chí Tôn, ngôi Pháp giới là Bát cảnh của Phật Mẫu, ngôi Tăng sinh là Bát hồn của vạn loại.

Sau rồi Đức Chí Tôn mới phân tánh lập Đạo để cứu đời, từ Nhứt Kỳ đến Nhị Kỳ phật độ được 6 ức, Tiên độ được 2 ức. Trước sau mới có 8 ức. Còn Thánh không kể vào, Phật là Linh hồn, Tiên là Chơn Thần, còn đạo Thánh biểu

tượng cho xác thân, Phật là Thần, Tiên là Khí, Thánh là Tinh. Với phép tu chuyển tinh đã hóa khí thì trên nguyên lý về được cùng 2 Đấng tạo đoan chỉ có Linh hồn Chơn Thần mà thôi. Nên lấy lý tượng cho số các nguyên nhân đã xuống trần phải chuyển hóa trong Bát Phẩm chơn hồn về được với Đức Chí Tôn cùng Đức Phật Mẫu nhờ còn giữ Bát Bữu nang của Đức Mẹ giao cho khi xuống thế. Chừng về với pháp thân bằng thần của Vạn linh kết thành, còn 92 ức đây chỉ lấy số tượng cho lý cửu là pháp định vị cho thuyết Nhị Nguyên về âm dương.

Cũng như thiên khai ư Tý, mới khai thiên tại sao lại có con chuột đó là một triết lý trừu tượng, do pháp giới chúng sanh nhìn vào hiện tượng mà định danh như vậy. Đó là nguyên lý về thiên văn ở cõi Á Đông của Thánh Hiền xưa nhìn vào vì sao Bắc Đẩu là ngôi định tinh của Vũ trụ do quả đất chuyển xây ta thấy chuôi sao quây giáp vòng. Vũ trụ ví như con tàu nên dân gian nhìn vào ngôi Bắc Đẩu cho rằng sao bánh láy bởi cái chuôi nhỏng lên hình như đuôi con chuột với chữ gọi rằng Tý. Đó là nguơn hội đầu tiên trong cơ khởi thỉ do khối lửa thái cực tạo thành ngôi Bắc Đẩu, với chữ Thiên khai ư Tý. Do nguyên lý nguơn vô thỉ là cái không mới hình thành cái có là thái cực phát xuất khối lửa tạo Càn Khôn, xong thì cái có trở lại thành cái không gọi rằng vô cực.

Luận phần kế tiếp cũng khối lửa thái cựic với năng lực giăng ra tạo thành sao Ngưu trong cơ lập Địa, sách gọi Địa Tịch ư Sữu mới đủ lý âm dương để tạo thành cơ hóa dục ở cõi đất tất nhiên phải có người vật.

Đó Khiên Ngưu là kẻ dắt trâu tức chồng của Chức Nữ phần dương biểu tượng về nông nghiệp ở cuộc sống

của con người phải có ăn, người là hệ dọc, thú là hệ ngang với pháp tứ tượng, còn Chức Nữ là thợ dệt vải phần âm thể hiện cho công nghiệp đối với con người có ăn còn phải có mặc. Nên người thiếu phụ với nhiệm vụ tay nâng thoi nhựt nguyệt gót nhịp máy âm dương đặng tạo cơ sanh hóa.

Đức Thượng Đế lo ngại vợ chồng Ngưu bê trễ nhiệm vụ nên đày cách ly kẻ ở bên nầy ngân hà, người thì ở bên kia cứ giáp một năm cho hiệp một lần vào đêm thất tịch nhờ quạ bắt cầu, sông ngân có nghĩa sông bạc, còn quạ với chữ kim ô quạ vàng có nghĩa là mặt nhựt cùng trăng mùng 7 tháng 7 họp lại là 14, 1 với 4 là 5, đó vốn con số Ngũ Hành ở cõi đất đặng vận chuyển cơ hóa trưởng cho Càn Khôn. Nên Ngũ Hành sanh Ngũ sắc, trung ương Huỳnh Đế, Bắc phương Hắc Đế, Đông phương Thanh Đế, Nam phương Xích Đế, Tây phương Bạch Đế, 5 biến 5 là 10 con số dứt của đất, còn ngôi thái cực biến lưỡng nghi sanh tứ tượng quay nhanh như chong chóng xen kẻ 4 cái bóng thành Bát Quái, cái trung điểm xoay ốc là 9 con số dứt của trời, còn vợ chồng Ngưu là người để tượng trưng cái thiên lương của Đức Chí Tôn.

Nên Thánh Ngôn của Đại Từ Phụ nói các con không ăn mà no, không mặc mà lành, vì ăn mà phải đọa, vì dâm mà phải đày, đó là vợ chồng ông A Dông trong cựu ước lén ăn trái cấm bị phạm giới cùng Đức Chúa Trời, nên bị đuổi khỏi vườn Địa Đàng coi như ông bà rơi vào trầm luân khổ hải để tạo khối nhơn loại trên cõi đất mới lần đầu tiên, cùng lúc khối lửa thái cực nổ tiếp tạo thành chòm sao hổ nhầm thiên nguơn Nhơn sanh ư Dần, dần dần khối lửa đó nổ đủ 12 tiếng mới dứt tức thị khai nguơn hội xong cái có trở lại cái không, đó là nguyên lý «*Thái cực nhi vô cực*».

29– NGŨ CHI LÀ MÔI TRƯỜNG NĂM LỚP

Người tu mục đích thờ Thiên Nhãn để soi rọi bản tâm mình, dầu hoàn cảnh gian truân cũng tận tình gánh khổ cho nhơn sanh ở sự thực hành đúng chỗ tình thương do thiên lương mà có. Đức Hộ Pháp là Đấng thể thiên đã phô bày chơn lý đó đặng hiệp Ngũ Chi Qui Tam giáo làm cơ tận độ. Nên những đấng ấy được thể hình nơi bao lam thần vọng ở cung Đạo ví như ngôi trường có 5 lớp để đưa cả chúng sanh vào con đường lập vị thiêng liêng, sự thể hiện Tam Giáo qui nguyên Ngũ Chi phục Nhứt, tuy qui phục với hình thức nhưng có sứ mạng về tinh thần theo thánh Ý Đức Chí Tôn trong cơ bảo tồn, muốn tận độ Chúng sanh phải thực hành công bình và bác ái nơi trường thi tiên có cả Tam Giáo, Thích Ca là dấu Phật, Thái Thượng dấu Pháp, Khổng Tử dấu Tăng, ngôi Phật nắm quyền Giám Đốc. Ngôi Pháp và ngôi Tăng nắm quyền Giám Học nên ngồi ngang hàng với 3 vị Giảng Sư đó là Tam Trấn thay mặt cho Nho Thích Lão. Cổng vào sân trường là Chi Nhơn Đạo của Giáo Tông, còn cửa bước vào bên trong là Chi Thần Đạo của Khương Tử là vị tướng phụ quản pháp về Thần Đạo để trừ bạo dẹp loạn giúp nước an dân ở mặt thế, với con người vẹn vẽ tâm trung mới là thần. Hễ thần không còn nghĩ đến bản thân của mình biết hi sinh cho nghĩa vụ cao cả.

Nên Khương Tử Nha vốn học trò Đức Nguơn Thỉ tức là tiên khi dâng lịnh thầy xuống núi lãnh sứ mạng nắm quyền chủ khảo Thần Đạo mà còn thực hành cái giáo thuyết của Phật, tất nhiên con Kỵ vật của Ngài ngự với cái danh Tứ Bất Tướng nên chí khí đại hùng không chịu ảnh hưởng bốn sắc tướng ở kiếp người là "*Ly hợp vi thuận*" dầu thần cũng vậy không trọng lấy cái bản ngã của thân "*Tứ đại giả*".

Bởi cơ phong Thánh nên Chi Thánh Đạo phải là chúa Cứu Thế thay mặt Thượng Đế ngồi giữa đúng như Sám Truyền đến để phán xét chúng ta trong kỳ ba cũng là lần cuối.

Nhưng để thi buổi tam kỳ phải thắng cơ thử thách của giám khảo mới được, đề mục ở Chúa Cứu Thế người tu phải đủ đức hy sinh dám thọ khổ hình để chuộc tội tình cho nhơn loại.

Buổi Tam Kỳ lấy Tiên đạo chủ trung nào là cung động đền đài đã thể hiện nên ngôi Nhứt Trấn Oai Nghiêm của Đức Lý vốn cấp tột của Trường thi tiên trong 9 phẩm những sĩ tử đã vượt qua ba thần phẩm được đứng đầu Tam Thiên, tất nhiên vào hàng Phật Vị. Với danh dự của chúng ta vào trường thi tiên mà phật dượt kiếp khiên Jésus Christ tức Phật Chrisna với cơ phán xét ở chúng ta sẽ đắc Phật. Bằng chứng bên hữu Quan Âm Nam Hải còn bên tả Đức Cái Thiên Cỗ Phật với tất cả đề tài cũng thi về nhơn đạo mà thôi.

Nếu về Thần Đạo chẳng vì thân mà phải vì dân vì nước đủ can đảm tấn thối biết trước mới quyết định vận dụng trí mưu là binh pháp nắm được địa hình địa vật là thời cơ nên kinh có câu "*thần văn thánh võ*", bởi Thánh

nhân có cái đức dũng không cần một tấc sắt mà vẫn thắng kẻ bạo. Giữa thì Đức Lý Đại Tiên với ngôi Nhứt Trấn Oai Nghiêm nêu tấm gương trọn kiếp sinh thể hiện bản tánh uy linh nơi ngọn bút để trừ khử lũ giặc với bọn gian thần làm cho chúng khiếp oai, nên nhà vua rất kính trọng ở cái tài, nhưng mà thân tâm bất cầu nài danh lợi. Đó cũng là bài học của chúng ta ở buổi nầy, hòa bình bằng cái tình thương chiến tranh bằng cái danh lợi.

Còn gương Nhị Trấn với tấm lòng nhân ái đủ chứa cái đức nhẫn nhục coi như ai lấn áp ta, ai vu oan ta, chính đó người ân giúp vốn cho ta để kết một bè từ vượt qua khổ hải. Ngôi Tam trấn là người thực hiện được cái đạo ngũ thường giữ đúng theo tinh thần Nho giáo "*nhân nghĩa lễ trí tín*". Ngài dầu làm tướng không giết người dưới ngựa là nhân, không tham của quấy thọ lấy ân chẳng bội là nghĩa, phò nhị tẩu rất mực khiêm cung là lễ, quyết chong đuốc ngọc đọc Xuân Thu vừa lập chí với dụng ý phá tan màn hắc ám của cảnh trời đêm là trí. Dầu được sự hậu đãi của Tào không quên vườn đào xưa nơi kết nghĩa là tín. Cái điểm chính của Nho Giáo là đạo ngũ thường dầu cửa Khổng có Tứ Thánh nhưng không đủ cảnh để thực thi cái đạo Ngũ Thường cho vẹn vẽ, nên Ngài được Đức Chí Tôn chọn đứng ra thay mặt cho Nho Giáo, những tấm gương của Tam Trấn cùng chúa Cứu Thế coi như được nêu trên dàn bài để làm đề tài chấm tuyển thí sinh trong nền Đại Đạo của giới người tu, về phép tu chúng ta tu mệnh là phương dưỡng khí, tu tánh là phép trị thần, tu thân là cơ sanh đức, tu tâm là lý duy nhứt trụ Thiên Lương, phần nhục thể là âm, linh tâm là dương, dương ấy là Đạo, âm ấy là Đức.

Chúng ta có Đạo phải tạo thêm cái Đức, nhờ cái đức giúp sức sáng thêm cái đạo. Thảng như ở trời đất có đạo mà không đức tức nhiên cũng đi đến chỗ tiệt tận, cái đạo đức của trời đất nhờ pháp âm dương giao thời mà hóa, cũng như giữa vạn vật nhờ pháp âm dương hòa hợp mà sinh. Riêng con người đứng phẩm tối linh hơn vạn vật, nhưng cũng đồng nhất cái lý hữu sinh, hữu chu,û hữu định mệnh.

Cái đức háo sinh của Đấng Chí Linh ở trong Vạn linh là mệnh, cái đạo thường hằng của Đấng Chí Linh ở trong quần linh là tánh, mệnh ấy là đức, tánh ấy là đạo, đạo đức tức thị nguyên lý âm dương của trời đất.

Đức Chí Tôn đến qui nhất Tam Giáo Ngũ Chi nên những báu vật các đấng đó được thể hình ở ngôi Đền thờ, Khương Tử Nha Hạnh Huỳnh Kỳ, Pythagore giáo hình tam giác, Phật Thích Ca Bình Bát Vu. Đức Khổng Thánh Bộ Xuân Thu, chúa Jesus giá thập tự, Đức Thái Thượng cây Phất Chủ những bửu pháp bất hủ đã thể hiện trước mắt chúng ta hãy để tâm nghiên cứu sẽ thấy rõ ràng.

Kỳ ba Đức Thượng Đế đến lập đạo tức khai Hội Niết Bàn, nhưng có cả cửu phẩm thần tiên. Với người tín đồ vừa tu Nhơn Đạo vừa hành Thiên Đạo bằng phép luyện tinh khí thần theo tôn chỉ Cao Đài. 1/ là ăn chay 2/ Cúng thời 3/ Làm công quả 4/ Giữ pháp điều. Vào Đạo học đạo là dễ, hiểu đạo thì khó, nhưng giữ được đạo lại càng khó. Cũng vì đó mà giáo phái nảy ra lối tu thiền để vọng cầu Phật pháp ở mặt huyền linh. Không phụng sự Chúng sinh, không hiến thân cho trường công quả, hỏi vậy nương lấy chi mà đoạt cơ giải thoát. Sự lập vị thiêng liêng cũng như tạo ngôi nhà, dầu nơi nê địa hay sa mạc

phải nhờ công quả âm chất làm nền tảng, còn đạo đức là căn bản để làm rường cột, đối với người tu cần phải có nếu không thì khó chịu nổi lúc phong ba.

30– ĐẠO TRỜI TƯỢNG LÝ LONG HOA HỘI

Tại bao lơn Tịnh Tâm Đài có hai cột rồng, 4 cột hoa sen, sự thể hiện ở Đạo Trời Đức Chí Tôn đến lập đời thánh đức để đưa nhơn loại vào Thượng nguơn Tứ Chuyển, sen tượng trưng sự tinh khiết ở bản tâm, rồng biểu tượng sự ẩn hiện để chuyển hóa lớn mạnh cho cơ đạo, rồng với sen định danh là Long Hoa. Về định nghĩa là Long Hoa Hội khai diễn, đó là cuộc thế chiến mở màn nơi quả địa cầu nầy với một trường náo nhiệt để tuyển thăng hạng người hiền đức, tức là buổi mạc hậu.Nên Đức Thượng Đế đến mở đạo kỳ ba đặng lập vị cho Chúng sanh, chớ Hội Long Hoa đã thành hình nơi cõi hằng sống rồi. Đó là ngày cả chư Thần Thánh Tiên Phật đồng công nhận những nét nơi quyển thiên thơ, đều do quả kiếp của chúng sanh nên máy hành tàng của Tạo Hóa cứ chuyển theo đà dục tấn đến mức chung kết với định luật.

Chừng nào các tôn giáo, các đảng phái, với các nhà lãnh đạo tinh thần quốc gia trên thế giới về họp nơi Tổ đình kể như các đạo hữu hình đã qui nhứt, tức ngày đại hội Long Hoa nơi mặt thế. Cũng là ngày Thượng Đế phán xét đại đồng nhơn loại có cả chư Thần Thánh Tiên Phật tượng thể tại mặt hữu vi cũng như Thánh thể của Đức Chí Tôn vậy.

Những Thần Thánh Tiên Phật với phẩm trật đó

được đối hàm ở thiêng liêng, các vị giáo chủ là Phật, các kỹ sư bác vật là Tiên, các đấng nguyên thủ cầm quyền lãnh đạo nhân dân một nước là Thánh, các cấp tướng lãnh đó là Thần. Phải nhờ nền triết lý của Đức Chí Tôn mới bảo tồn được sự huyền nhiệm của Đạo Pháp trong cơ qui nhứt với Đại Đạo kỳ ba.

Nên Tòa Thánh Tây Ninh đã thể hình chơn lý đó. Vậy chơn lý là gì, thể theo ý nghĩa thông thường là lẽ thật. Về minh triết ở tôn giáo Cao Đài 2 chữ chơn lý, còn có nghĩa Chơn là cái bản thể của sắc tướng, Lý là cái diệu dụng của đạo pháp, cũng như Tòa Thánh tượng hình con linh vật. Cũng nhờ đạo pháp truyền cơ hữu hạïp lồng vào bản thể làm cho sắc hóa khí, tướng xuất thần mới là chơn lý siêu việät của đạo pháp. Như vậy đạo pháp là gì, về hữu thể đạo là cái trong nghi lễ của hệ tổ chức, còn về vô thể đạo kể là qui luật của Càn Khôn, còn pháp về hữu thể là cái áp dụng để thực hành theo khuôn luật, về vô thể pháp là cái cơ tạo thế quân bình điễn lực sanh cho càn khôn vạn vật. Tóm lược khái quát Đạo là cái nguyên lý của cơ tạo đoan, pháp là bức màn để bao trùm cả nguyên lý ấy, không cho khách phàm trần nhìn thấy máy huyền vi. Chớ Hội Long Hoa chính là cơ phán xét chúng ta. Hoa hay Rồng, Hoa thì hương sắc phải tinh anh, còn Rồng linh thể phải toàn hão. Đó là giờ phút thiêng liêng Thượng Đế đến diểm đạo cho con người, thì con người chúng ta phải làm tròn sứ mạng trên đường tu sẽ hưởng được cơ đại ân xá kỳ 3. Nên Đức Thượng Đế xưng cùng chúng ta với cái danh là Đại Từ Phụ xem chúng ta là đám con cái chỗ huyết mạch đồng môn. Khi vào đạo kể như Đấng Chí Tôn đã lãnh cái nợ tiền khiên của chúng ta rồi, như chúng ta phải có

công mới mong chuộc tội. Nên Đại Từ Phụ lập đạo rồi còn bảo chúng ta gắng lập công trong trường phổ độ để phụng sự cho Vạn linh không phân biệt màu da sắc tóc xem như anh em. (Cùng nhau một đạo một ông Cha) để kết niềm hòa khí cho nhau, thì chỗ đạo tâm ta mới đắc thành câu thiện nguyện.

Mà tiên sinh Thuần Đức cảm tác một vần thơ gửi cho tiên sinh Chánh Đức với ý nghĩa như trên:

Thiện nguyện mong tròn gắng thiện duyên,
Ráng lo bồi đắp mảnh tâm điền.
Tuy chưa thoát tục mà xa tục,
Chẳng gọi rằng tiên cũng học tiên.
Xới đất bứng mầm sanh hậu quả,
Nhờ trời xé giấy nợ tiền khiên.
Cho tâm hồn nhẹ nhàng thông sáng,
Hòa với muôn sao tắm ánh thiên.

Lời thơ của Ngài Bảo Pháp gửi cho Ngài Tiếp Đạo kể như tinh thần đã hòa nhập không gian đâu còn mang nặng những vật dục của thế tình, thân xác đã hiến dễ phụng sự Vạn linh mà tâm hồn vẫn thanh thoãng trên cõi chí linh mới là khác tục.

31—BÁT QUÁI CAO ĐÀI

Luận về Bát Quái Cao Đài đây xin trình bày có phần khác hơn Tiên Thiên và Hậu Thiên để chúng ta nghiên cứu, khác hơn điểm nào, giống nhau điểm nào. Bát Quái Tiên Thiên, nếu đứng thì Càn trên Khôn dưới, còn nằm cung ly Chánh Bắc Nhâm Quí thủy, cung Khảm chánh Nam Bính Đinh hỏa. Vậy thì Càn chánh Đông, Khôn thì chánh Tây. Nếu khởi Càn thì sang tả đến tứ Chấn trở lên bên hữu ngũ Tốn, nhứt Càn, nhì Đoài, tam Ly, tứ Chấn. Ngũ Tốn, lục Khảm, thất Cấn, bát Khôn, có thu liễm có chưởng giải, còn Hậu Thiên khởi Càn Tây Bắc. Càn Tam Liên, Khảm trung Mãn, Cấn phúc huyễn, Chấn ngưỡng bốn, Tốn hạ đoạn, Ly trung hư, Khôn lục đoạn, Đoài thượng khuyết. Bát Quái Hậu Thiên xoay theo chiều chưởng giải như chữ vạn ngược ở cột phướn trước sân Đền Thánh.

Luận về Bát Quái Cao Đài do Đức Chí Tôn dạy, nên Đức Hộ Pháp lật quẻ hậu thiên trở lộn lại, chỉ có 3 cung Càn Khảm Cấn ở bên Bắc đổi qua Nam thế chỗ cho Khôn Ly Tốn. Nên khởi Càn tại Tây Nam theo chiều thu liễm như chữ vạn ở Báo Ân Từ, Càn vi thiên, Khảm vi thủy, Cấn vi sơn, Chấn vi lôi, Tốn vi phong, Ly vi hỏa, Khôn vi địa, Đoài vi trạch. Còn hà đồ trên lưng Long mã ở nghinh phong Đài Tòa Thánh là Bát Quái Tiên Thiên của Phục Hi bên hữu cũng như bên tả Càn trên Khôn dưới, cái lý trung hòa là thanh huệ kiếm cán chánh tây đứng trước đầu Long Mã nhìn lại sau đuôi tả cung Ly, hữu

cung Khảm, còn mũi kiếm chánh Đông hữu cung Ly tả cung khảm, giữa Tiên Thiên và Hậu Thiên với Bát Quái Cao Đài có thu liễm có chưởng giải. Cơ chưởng giải là cơ hoằng pháp, còn pháp thu liễm là pháp qui nguyên của cơ tận độ sanh. Đó là chân lý của Đại Đạo trong buổi mạc hậu để lập lại đời Thượng Nguơn Thánh Đức. Nên Bát Quái Cao Đài 2 cung Ly Khảm ở Hậu Thiên lật lại trả về vị trí cho Tiên Thiên, nhưng 2 cung Đoài Chấn Đông Tây còn giữ nguyên vị trí của Hậu Thiên, tức thị Cao Đài dùng Bát Quái Trung Thiên đó vậy.

32–Ý NGHĨA CÚNG THỜI

Trong tứ thời thần trụ tập lắng lòng cho an định với phép xét mình, thì Chơn thần dễ gần gũi với các đấng chơn linh trong giờ tụng niệm. Người tu có bái lễ mới thể hiện được cơ đắc nhứt trước mắt Đức Chí Tôn, Đạo trời ở trong Đạo người, bất luận quì hay ngồi đôi bàn chân ngửa lên tiêu biểu âm khởi ra dương, còn đôi bàn tay úp xuống tiêu biểu dương áp lấy âm. Nhờ sự bái lễ ta mới thể hiện đạo người với cung cách hễ đứng đôi bàn chơn cũng bộ chữ nhơn, khi chấp đôi bàn tay đưa ngay lên trán cầu nguyện hoặc lạy cũng thể hiện chữ nhơn tức người hiệp cùng trời bởi trán là thiên đình.

Lúc đứng chấp đôi tay để ngay tim lại là chữ trung, nên khuôn mặt của chúng ta trên mũi dưới là miệng mà nền triết lý Á Đông đã thể hiện chơn pháp đó gọi là nhơn trung để làm lý trung hòa giữa trời và đất. Bởi trán là thiên đình phần cằm là địa cát, nên cái lý trung hòa là pháp giới để vận hành cho khối chúng sanh nơi tiểu Vũ trụ nầy có sự sống. Bên trên là khí thuộc huyền vi thực, phía dưới là vật chất thực để nuôi dưỡng sinh vật, tức thị những tế bào nơi cơ thể con người phải ăn uống mới sống là nhờ khí, thì nguyên lý hơi thở theo nhịp độ đóng mở của quả tim là một thái cực. Chỉ có người Việt nam với cung cách sự hành lễ dầu đời hay đạo phải có áo dài khăn đóng, đó mới là truyền thống của tổ tiên.

Trán gọi thiên đình nên chúng ta đội khăn đóng lớp

thứ 8 thể hình chữ nhơn, còn trên bảy lớp chữ nhứt với trời là thất diệu với người là thất khiếu. Đó là triết lý trời người đồng nhất, còn khăn của chức sắc Đại thiên phong trong tôn giáo từ phẩm phối sư 9 lớp chữ nhứt. Khăn tùy theo sắc phái của mình bởi chữ nhơn vạch dương gối đầu vạch âm, người tu có tâm đức nhơn đắc nhứt thành đại, nhờ công phu đại đắc nhứt thành thiên nên phẩm Thiên Thánh 2 vạch xếp liền thành 9 lớp chữ nhứt của chức sắc đại thiên phong trong cửu phẩm thần tiên với 9 lớp chữ nhứt biểu tượng con số Cửu Thiên Khai Hóa. Với Tôn giáo Cao Đài dầu ở phẩm vị nào cũng quí sự cúng thời, dầu ở Tòa Thánh hay tư gia cũng có thiên bàn, nếu đọc phát âm thinh làm cho các đẳng chơn linh nghe đặng siêu rỗi, bằng mặc niệm chơn kinh làm cho khối chúng sinh trong người không còn phiền não tức là đắc bồ đề tâm. Tại sao vào thời cúng chúng ta hay ngủ gục? Bởi tâm định là khí tịnh, hễ khí tịnh thì thần an, chúng ta không vận dụng kịp phép hồi quang nên để bị an thần, cớ bởi nguyên nhân là vậy.

Còn trường hợp thứ hai những ai làm việc nhiều bằng thể lực hoặc ở trí óc gần tới giờ cúng Ngọ lo tắm rửa cơm nước xong rồi đi hành lễ bởi sự uể oải của con kỵ vật nên dễ bị ngủ gục.

Ta phải chuẩn bị nghỉ trước, cơm nước rồi nằm dưỡng thần chừng 30 phút ít nhất 15 phút mới tránh được sự ngủ gục trong giờ hành lễ.

33—RỒNG CÓ VÒI, RỒNG KHÔNG VÒI

Đền Thánh ngôi thờ Đức Thượng Đế có rất nhiều rồng, phần Cửu Trùng Đài 18 cột rồng xanh, Cung Đạo với Bát Quái 10 rồng vàng tính chung là 28 Rồng không vòi. Tịnh Tâm Đài tại cửa 2 cột rồng đỏ đứng đỡ bao lơn có vòi tiêu biểu cho cơ vận hành của pháp giới chúng sanh, cũng như khoa học những phi vụ có lịnh cất cánh phải kéo ăn tênh lên để liên hệ với các bộ phận viễn thông về điện tử của tổng đài. Nơi Phi Tưởng Đài có 2 cột rồng vàng đứng phía trước, mỗi mỗi đều có cặp vòi để tiêu biểu cơ biến dịch pháp giới tạo đoan của các đấng, với nhiệm vụ cầm quyền điều khiển càn khôn Vũ trụ. Còn trong Đền có 10 khuôn lục long, mỗi khuôn 1 cặp rồng vàng 1 cặp rồng xanh, 1 cặp rồng đỏ, đều có vòi để chứng tỏ cơ vận hành của khuôn luật hư linh, nên có đủ 3 màu phật pháp tăng. Với cặp rồng đỏ nơi bao lam thần vọng cả hai cũng có vòi tiêu biểu cơ vận hành pháp giới trong Ngũ Chi Đại Đạo của cơ hóa độ quần linh, còn 2 rồng vàng có vòi được chạm hình nơi long án ở trước 7 chiếc ngai nằm cấp Nhơn Tiên. Long án đứng dưới cấp địa tiên. Sự tiêu biểu cơ phổ truyền do chi nhơn đạo là đầu mối tối trọng của thánh thể để cầm quyền pháp giới và luật lệ có liên hệ với chúng sanh, với 8 bạch long nơi tòa Bát Quái đuôi châu vào trụ cốt quả càn khôn, đầu quay ra 8 hướng đều không có vòi, sự biểu tượng nơi ngôi thờ Đức Chí Tôn và chư thần thánh để làm cơ an định cho càn khôn thế giới. Còn phần rồng

khoảng Cửu Trùng Đài đều không vòi sự thể hiện đối với thánh thể cùng chúng sinh về tâm linh ấy là pháp Ưng Trụ. Nên nơi đây thờ hầu mỗi bên có một giàn Bát Bửu ở cấp Địa Tiên.

Nếu cộng bên tả 8, bên hữu 8 là 16, vốn con số của nguơn thần, giàn bát bữu mỗi bên có 3 cây lọng, còn cấp Nhơn Tiên mỗi bên có 3 cây tàn vàng xanh đỏ đứng đối diện, tàn với lọng cộng là 12, vốn con số khai thiên của Đại Từ Phụ. Số địa chi của Phật Mẫu biểu tượng ở ngôi thờ Đức Chí Tôn, còn số thiên can của Đức Chí Tôn được thể hiện nơi chánh Điện thờ Đức Phật Mẫu, căn kế ngôi thờ mỗi bên có 3 tàn vàng xanh đỏ, căn kế ngoài mỗi bên có giàn lỗ bộ là 8 báu vật của hiền thần đứng chung giàn lỗ bộ mỗi bên có 2 lọng về tàn với lọng cộng là số thập thiên can. Nên Tòa Bát Quái nơi thờ Đức Chí Tôn bao quanh trước quả càn khôn có 12 long vị Tam Giáo Tam Trấn với Chúa Cứu Thế cùng Khương Thái Công là 8, 2 Long vị chư thánh Nam Nữ là 10, 1 Long vị Đức Chưởng Đạo với 1 long vị thần vị Hourn Dinh là 12, giàn bát bửu tàn lọng được biểu tượng của sự thờ hầu, cũng như các rồng đạo trời thể hiện để chầu Đấng Chí Linh ở trước mắt Vạn linh.

34– TAM THÁNH CÓ MỘT ĐƯỢC CÚNG ĐÀN

Tam Thánh đắc lịnh Đức Thượng đế ký đệ tam Thiên Nhơn hòa ước, Trạng Trình vị sư phó mà chẳng có cúng đàn, Nguyệt Tâm Chơn Nhơn được cúng đàn vào 22 tháng 5 dương lịch, vì Ngài có sứ mạng trọng đại trong buổi Tam Kỳ được Đức Chí Tôn ban quyền hành là Chưởng Đạo kể như vị Chưởng giáo của Hội thánh Ngoại giao nên Chức sắc Hội thánh Ngoại giao do Ngài phong thưởng. Còn nơi bao lam thần vọng có tạc hình Khương Thái Công mà không được cúng đàn, thờ để tượng trưng trong cơ qui nhứt Ngũ Chi Đại Đạo, dầu Ngài là học trò của Đức Nguơn Thỉ lãnh quyền chưởng giáo về Thần Đạo. Nhưng buổi Tam Kỳ trời lập cơ phong Thánh nên những gì của Tôn giáo Cao Đài đều gọi là Thánh. Ví như Thiên Nhãn gọi Thánh tượng, còn niệm danh Đức Cao Đài gọi Thánh danh, còn lấy dấu phật pháp tăng gọi là Thỉnh Thánh, cũng như Đức Chí Tôn Đức Phật Mẫu cùng các chư tiên về cơ đều gọi là Thánh giáo, còn trên đường tu chỗ ở của chúng ta cũng gọi là Thánh Địa. Còn ngôi thờ Thần Thiên lương của nhơn loại tức thờ trời cũng gọi Đền Thánh mà thôi. Vậy chúng ta phải đủ thánh tâm thánh đức để phục vụ cho thánh thể của thầy là Hội Thánh để thay hình thể Đức Chí Tôn, vì lẽ đó mà Hội Thánh không thiết lễ cúng thần nguyên nhân là vậy. Tại sao Đức Hộ Pháp còn đi dự lễ cúng thần nơi đình Hiệp Ninh. Đức Ngài đến vào chiều tối ngoài

giờ của ban Hội đình quì tế.

Đức Ngài đến chỉ niệm hương để lễ nhạc của Ngài điện tam bửu cung hiến thần linh là người biết hy sinh vì nước vì dân. Đức Ngài với bộ quốc phục mặc nơi bản thân để thực hiện nhiệm vụ công dân đối với quê hương của Ngài.

Nói Thần đạo không được cúng đàn tại sao Phẩm Giáo Tông tượng trưng cho Giáo chủ nhơn đạo lại được cúng đàn. Bởi sự đối hàm của thiêng liêng Đức Ngài với phẩm Thiên Tiên mà chớ. Dầu các Đấng trong Ngũ Chi Đại Đạo với các tiền bối mà được chúng ta sùng niệm là nhờ đủ đức tin để thắng khảo mà đoạt đạo. Hiện buổi nầy người tu cũng thế trường đau khổ là chỗ để trui rèn cái đức tin. Bởi cái đức tin là sức mạnh vô hình chẳng phải như đồ vật, nếu chúng ta sợ một tấc khó giữ còn, lấy phương chi để thắng khảo.

Loạt bài nầy có nói về Đức Chưởng Đạo xin luận thêm dầu tiên phật giáng trần đã mang phàm thân phải đi trong cơ chuyển thế của Bạch Vân Động, nên Đức Chí Tôn ban ân cho Ngài được giáng dạy 2 bài kinh trong Tân Kinh về thế đạo, bài Hôn Phối, về thiên đạo bài Tắm Thánh cho kiếp người trăm năm thọ khảo, phải biết thuận căn thuận mạng mới là cao thăng, thế nào là thuận căn, thế nào là thuận mạng. Ví như chúng ta căn tu mà mệnh nghèo không trách trời chẳng hờn người, chỉ biết an phận tức là thuận mệnh, còn với căn tu mà mệnh giàu của ấy không cho vay chỉ biết lấy làm việc từ thiện mới là thuận căn. Về độ tử Đức Ngài có 4 bài từ cầu hồn tới đưa linh. Hiện tại chúng ta là khách trần ở nơi mặt thế, nếu luận về đạo kể như có 4 vách khảo luôn luôn nó ở cái thế công.

Còn chúng ta đứng trong cái thế thủ, phải đủ tinh thần nghị lực chịu đựng đặng tìm phương pháp xô ngã nó ra chớ ta không nên dựa vào vách nào cả.

Nói về vật chất, cái gì ta ưa thích nhất mà nó đến, đó là thuận khảo, muốn quyền có quyền, muốn duyên có duyên, muốn tiền có tiền để đưa ta vào đài các có kẻ phục dịch, có xe đỡ gót lần hồi vật dục thế tình lôi cuốn đến chỗ sa đọa. Còn những điều gì ta sợ mà nó đến với ta là nghịch khảo, nào là tai nạn bịnh hoạn tù đày nghèo nàn chết chóc dễ làm cho thất đạo. Còn nội khảo do dục tình dấy lên xuối tâm ta làm quấy, hoặc gia đình hoặc họ hàng, hoặc ban bộ của ta khảo lấy ta cũng là cơ lập vị cho nhau, phải đủ đức nhẫn nhục và sáng suốt mới được. Còn ngoại khảo do cường hào ác bá hoặc hạng tiểu nhân thừa nước đục thả câu có nhiều thủ đoạn chụp mũ vu khống tạo khổ cho ta còn làm lem ố danh thể chung cho đạo nữa. Chớ riêng cá nhân ta chẳng nói chi. Nếu thiếu tinh thần chịu đựng sẽ thất đạo do 4 vách khảo mà thôi. Vậy chúng ta người tu được ơn trên ban thưởng về tinh thần chẳng cần đòi hỏi nhiều về vật chất e ơn trên sẽ cất giấu những cái về tinh thần. Cho nên mỗi cá nhân đều do quả kiếp và số mệnh.

Cũng như tuổi thọ của chúng ta ở tiểu số muốn vượt lên đại số phải một kỳ khổ nạn, chẳng khác nào về sự học ở bình hạng muốn chiếm ưu hạng phải qua một cơn khảo thí. Nên ở trời đất sáng tối là luật tương đối để phân định thời gian, còn ở kiếp người có thịnh có suy mới am tường chỗ tài mệnh. Hễ cực suy ắt cực thạnh, hễ cực tối ắt cực sáng, cũng như buổi chiều tà trời tỏa màn ráng thật sáng để rắp bóng hoàng hôn. Còn đêm sắp tàn

trời sẽ tối lại rồi mới sáng ra, thì trên đường tu chúng ta cũng thế. Bao nhiêu sự vui mừng nó sẽ dừng ở đoạn đường đau khổ, rồi bao nhiêu sự đau khổ nó sẽ nhường chỗ cho sự vui mừng. Nếu con người ai biết trải qua đoạn đường đau khổ sẽ bước đến chỗ vinh quang. Người tu phải học trong trường đau khổ mà ra thì thân tâm mới biết làm cha làm thầy của sự đau khổ.

35– NHỮNG TIỀM THỨC TRONG KÝ ỨC

Khi Đức Hộ Pháp bị Ngô Triều đàn áp thì Đức Ngài mới nói lên những lời thống thiết: "Bần Đạo không phải sợ Mỹ Diệm chỉ sợ cho nòi giống thân yêu của Thầy sau nầy phải mắc cái tội chối Chúa như dân Do Thái xưa kia. Vì lý do đó mà Bần Đạo phải lưu vong một lúc, chừng Đức Ngài sang Miên rồi thì toàn Đạo nơi nước nhà tợ đám con côi.

Ngô Triều dùng quyền bố siết Đạo Cao Đài nào là lực lượng công an ở Nhàn Du áp đảo bằng vũ khí, nào là mâu thuẫn ở lập trường chánh trị Diệm mới đẻ ra tờ báo Dân Nguyện để bịa chuyện nói xấu Đức Hộ Pháp được đăng tải phổ biến rộng ngày 30–03–57 tức 29–2 Đinh Dậu luôn mấy số để nói xấu Cao Đài. Với ý đồ công giáo hóa Cao Đài tính tạo tại sân vận động chợ Long Hoa một cái nhà thờ. Về tâm lý ở mặt chánh trị xét thấy quá trắng trợn nên bỏ ý đồ nơi đó, xoay qua mật lịnh cho quyền đời xen vào nội bộ tôn giáo triệt hạ quả Càn Khôn đặng sửa chữa chớ dụng ý dựng thập tự giá của Chúa Cứu Thế nhưng việc bất thành chỉ hạ để đó thời gian quá lâu vì bận lo vụ Phật giáo xuống đường 14–4 Quí Mão (1963). Cũng trong giai đoạn nầy lại có một bầy quạ chẳng biết ở đâu bay về nghỉ cánh nơi rừng thiên nhiên mé Đông Khán Đài cứ tối lại cắn lộn kêu lên inh ỏi luôn ba hôm như vậy, nên Thái Phong mới cảm tác bài Hịch đuổi quạ như sau:

Hịch Đuổi Quạ

Rừng Thiên hoa lá sum sê
Tàn cao bóng mát chim về tựa nương.
Quái thay: Quạ ở hà phương,
Nhân sao cảnh tịnh đêm trường đến kêu.
Hịch ta kể tội đủ điều,
Đuổi bay về bến Phong kiều nghe không.
Chốn nầy chay lạc nâu sòng.
Giống bây xưa hại Thầy Công Dã Tràng,
Cấm tên học thói ngang tàng.
Tiếng la bộ mặt dân làng không ưa,
Đội cầu quên trận gió mưa.
Đọa đày thế ấy biết chừa hay chăng,
Chông mồng gắp trứng loài ăn.
Chim muôn cũng ghét huống rằng người ta,
Cá Ếch đời ném ruột da.
Lòng thâm mỏ bén đâu là hôi tanh,
Thượng cầm chưa phải mầy lanh
Nuôi con tu hú tập tành chưa hay.
Bánh ngon chồn gạc xơi ngay,
Ngụ ngôn đời khéo mỉa mai thế nầy.
Núi rừng còn cả ngàn cây,
Thái phong truyền hịch đuổi mầy phải đi.

Giữa lúc nầy Thầy của chúng ta đã lưu vong ở xứ người, còn toàn đạo sống trong cơ khảo tại vùng Thánh Địa như đám con côi.

Nhờ Đức Mẹ Diêu Trì tức là Đại Từ Mẫu của chúng ta chẳng có hồng oai chỉ có đại bi đại ái để dìu độ con cái của Mẹ trong cảnh khổ bằng cách nâng đỡ bồng bế như bà Mẹ phàm của chúng ta vậy. Đó là cái điểm ở con bồng

bồng vào 10 -9 Đinh Dậu. Một Mẹ dẫn 9 con vô Tòa Thánh trong cơn trời bảo từ nơi rừng thiên nhiên mé đông khán đài. Mẹ đi trước 9 con theo sau vào ngay cửa chánh Tịnh Tâm Đài có 5 cấp Mẹ dùng mỏ gắp đỡ đoàn con từ cấp 1 đến cấp 5 dìu vô tận bên trong Đền Thờ. Nên Thái Phong mới cảm tác một bài thơ như sau:

THI

Mưa gió trời thu ướt át lông,
Biết vào chùa đụt giống bồng bồng.
Rừng thiên cội cả không nương tựa,
Điện Thánh tầng cao quyết ruổi dong.
Một mẹ thân dầm lên thót lại,
Chín con mõ gắp đỡ trèo xong.
Cảm thương loài vật còn như thế,
Người phải làm sao khỏi thẹn lòng.

Cái điềm con bồng bồng, một mẹ tượng trưng cho Đức Diêu Trì Kim Mẫu, còn 9 con tiêu biểu cửu phẩm thần tiên trong nền đạo mà được vào tận đền thờ là nơi tượng hình Cửu Thiên Khai Hóa. Nhưng cơ khảo vẫn kéo dài qua năm 1962 Diệm tính thượng thập tự giá nơi Tòa Thánh, nên chỉ thị cho xã ấp bắt Nhơn sanh ở quanh vùng Thánh Địa, mỗi gia đình phải rào 4 thước giao thông hào cao lên 2 thước, cứ chừng 500 thước thì chia thành một ô chỉ chừa một cửa để ra vào tập thể, kể như chim lồng cá chậu.

Thậm chí Hương Đạo, Phận Đạo cũng bị chia năm xẻ bảy. Những trục lộ giao thông vách rào đứng ở giữa lộ chia mỗi bên một nửa mà thôi, lần hồi đến năm 1963 Ngô Triều bị lật đổ chúng ta mới thoát được cái khổ của cảnh gà lồng.

36– MÔ HÌNH LONG HOA THỊ BAN SƠ

Vì đất nước có cuộc đấu tranh cùng thực dân Pháp để giành quyền độc lập, nên Nhơn sanh mỗi ngày chạy dồn về Thánh Địa quá đông. Đức Hộ Pháp mới dạy tạo chợ Long Hoa đặng làm nguồn sống cho Nhơn Sanh vào ngày 2–5 Tân Mão thì Đức Ngài cùng Hội Thánh đến làm lễ khai thị và trấn thần rồi còn ban phép lành cho toàn cả Nhơn sanh đang hội chợ Long Hoa, Đức Ngài định danh từ đây là cái chợ chuyển thế, trước kia nhóm tại Thánh Thất Đệ Nhứt hiện giờ, sau dời về chợ Long Hoa. Một vùng rộng còn nhiều gò mối công quả ban phá cho có mặt bằng, phố xá còn thưa nhà lồng toàn cây ngói.

Còn chợ Long Hoa mới chúng ta được thấy đó phải có nguyên nhân là 12–11 Nhâm Thìn coi như dịp lễ để Đức Ngài phát họa đồ án chợ Long Hoa mới cùng một phái đoàn có Bác Vật Lang, Thời Quân có 2 Ngài Khai Pháp và Cao Tiếp Đạo cùng Chưởng Quản Phước Thiện Trịnh Phong Cương, Trưởng Tộc Phạm môn Phạm Văn Út với Thừa Sử Phan Hữu Phước cùng Tổng Giám Võ Văn Khuê và ban nhiếp ảnh.

Đức Ngài mới hỏi Bần Đạo định cất cái chợ nơi đây nhờ Bác Vật xem có sanh khí không, Bác Vật đáp lời có lẽ Đức Ngài biết trước nơi đây sanh khí thật tốt, có *«Bát long dẫn thủy, Tứ hổ phục triều»*, Đức Ngài phán như vậy. Bần Đạo sẽ mở 8 con lộ, còn ở chánh giữa nhà lồng làm

bồn nước hình Bình Bát Vu, mãi đến 28–4 Ất Mùi mới có lịnh đo nền và cắm nọc 4 cánh nhà lồng phải đúng hướng Đông - Tây - Nam - Bắc, nên quyền Thượng Thống Công Viện Giáo Hữu Thượng Dự cân phân bóng mặt trời lấy hình Pháp Tứ Tượng cả ngày mới xong.

Kể như Đức Hộ Pháp biết trước gấp ở việc làm mới rầy ông Thượng Dự Công Viện chỉ có lấy nền mà lâu như thế. Còn mọi thiết kế khác mới làm sao. Ông Thượng Dự mới bạch cùng Đức Ngài sáng sớm em cắm cây nọc hướng Đông để cân cái bóng rồi mới cắm cây nọc hướng Tây ngã xây cái bóng trở lại coi có đúng cây cắm buổi sáng không, vì lẽ đó mà lâu. Đức Ngài không rầy nữa còn khen ông Dự là người có sáng kiến ở việc làm. Công viện cắm nọc xong đến 1– 5 Ất Mùi ban kiến trúc do Bảy Cung cho công thợ khởi đào móng, vì sự sống còn của Nhơn sanh Đức Hộ Pháp luôn luôn có mặt để đôn đốc công thợ lo kiến tạo chợ Long Hoa cả ngày lẫn đêm, đến khi tạm hoàn tất đã đút xong 4 cây đòn dông cho mỗi cánh nhà lồng, Đức Ngài phán trước công thợ mấy con ráng làm gác cho kỳ được đủ 4 cây đòn dông thì cái quyền làm chủ ở chúng ta, không ngờ nội bộ tôn giáo cũng do cuộc thanh trừng của quân đội Cao Đài một số ở Giang Tân kéo về bao vây Hộ Pháp Đường vào 20–8 Ất Mùi nên còn thừa lại tầng trên bồn binh của nhà lồng, vật liệu nào là ngói mán mỗi tấm phải hai người khiêng mới nổi và đà đường rầy uốn cong đâu đó xong hết để làm bồn nước. Lúc Đức Ngài lưu vong thì Ngô Triều cho Ty Công Chánh Tây Ninh vô chở tất cả vật liệu về ngoài tỉnh. Với hình thể của chợ Long Hoa giữa có bồn binh theo đồ án của Đức Ngài lên một tầng lầu trên nóc là bồn nước hình bình Bát Vu để

rưới giọt Maha thủy ra quanh vùng Thị Trấn, chính giữa dưới bồn binh khơi một địa mạch làm cơ cấp thủy, đó là nguyên lý của Càn Khôn giữa có một tầng nhô lên biểu tượng Thái Cực, nhà lồng 4 cánh hình Pháp Tứ Tượng, mỗi cánh có một cửa chánh ra vào, còn 4 gốc chừa 4 cửa phụ thể hiện cho Tứ Âm, còn 4 cánh của nhà lồng tiêu biểu cho Tứ Dương ở trung tâm, nên chung quanh mở đường Bát Quái, vì đó mà có cái danh từ chợ Long Hoa với pháp môn biểu tượng Bát Quái Đồ Thiên để phát huy tâm đức của con người phải ý thức trong cơ chuyển thế, mọi sinh kế ở vùng Đạo với chợ đạo. Nên cánh Bắc mặt dựng nhà lồng đắp hình Khương Thượng quảy gánh bán bột bị kỵ binh của Hoàng Phi Hổ mang gióng đổ hết, cánh Tây mặt dựng nhà lồng cũng đắp hình Khương Thượng ngồi bán hàng thịt gặp trời mưa suốt ngày không một ai hỏi đến tới sình thúi đành phải đổ coi như lỗ hết vốn, cánh Nam mặêt dựng nhà lồng cũng đắp hình Khương Thượng làm thầy bói giữa đám đông với nắm tay để xem liền bám chặt cổ tay một thiếu nữ đó là Ngọc Thạch Tỳ Bà Tinh, dân chúng chưa rõ thực hư lấy làm bất bình trước hành động với sự hiểu lầm của khán giả nên sau cùng Ngài dùng tam muội Chơn hỏa đốt cho nó hiện nguyên hình quái gỡ ấy để chứng minh sự thật, vì đó mới sanh mối oán thù cùng Đắc Kỷ.

Cánh Đông mặt dựng nhà lồng cũng đắp hình Khương Thượng trổ tài ra giúp nước bị Đắc Kỷ sẵn có mối thù trước, nên tâu với Trụ Vương Khương Thượng là người tài xin bệ hạ cho người đứng ra xây cất Bá Lạc Đài. Với sự hoàn tất có định kỳ ở dụng ý để trả thù cho Ngọc Mỹ Nhơn mà thôi. Khương Thượng mới nghĩ dầu

cố sức làm cho có công cũng không khỏi tội, bằng nương lấy cơ hội nầy làm cho đồ thán nhân dân thêm sự oán ghét. Vì đó mà bỏ trốn đi, quan quân của Đắc Kỷ đuổi theo, thì Ngài chạy tới mé sông tay ném bản đồ Bá Lạc Đài lên không rồi gieo mình xuống sông độn thủy, quan quân về tâu với Trụ Vương cùng Đắc Kỷ nói rằng Khương Thượng đã trầm mình tự tử, thành thử chỗ Bàn Khê là nơi Khương Thượng buôn cần đợi vận.

Đó cũng là Thánh ý của Đức Hộ Pháp cho đây là chợ chuyển thế, muốn làm sao nhơn sanh sớm thức thời và tỉnh ngộ để an phận cho thuận mệnh thì con người biết tu ở cái đức tức nhiên mới giữ còn cái đạo đó vậy. Dầu một trường mưu lợi để sanh kế hằng ngày hội chợ Long Hoa thì ở con người chúng ta phải là đạo đức, với chợ Long Hoa cũ giữa có con lộ coi như "*Nhứt Khí sanh Lưỡng Nghi*". Nên mỗi bên có một cái nhà lồng, trên đi xuống nhìn có 20 cái bar 3 mét vuông mé tả nhà hình Xuân Dung số 1 tới ngã tư đầu nhà lồng là cái thứ 10, bên hữu cũng vậy. Đức Hộ Pháp dạy Hội Thánh Phước Thiện cất cho mấy chị thủ trinh làm Tòa Thánh để buôn bán cho có sự sống.

Chừng Đức Ngài lưu vong sang Miên thì chợ Long Hoa do chánh quyền Miền Nam làm chủ đứng ra kiến tạo cho công thợ lợp bồn binh ở giữa và tô mặt dựng lại bỏ mô hình Khương Thượng, còn chợ cũ lấy làm bến xe. Sau ngày 30–4–75 nhờ chánh quyền cách mạng cho công thợ tu tạo và tiếp tục công trình của đồ án còn dở dang và chỉnh trang các con đường khu chợ. Mặt dựng nhà lồng ta để mắt trông lên như quyển sách vừa mở ra với mô hình thật là thẩm mỹ, thêm vòng trung ốc bao quanh nhà lồng như hình chữ vạn. Nhưng ba mặt đã được làm xong chỉ

có cánh Bắc còn bỏ dỡ, nếu mặt nầy hoàn tất, bên trong nhà lồng là cái tròn còn vòng thành chợ là cái vuông ở lý thiên viên địa phương của cơ biến dịch. Nhắc đến chợ Long Hoa thì chúng ta đâu quên ở thời kỳ Đức Ngài còn sanh tiền đứng ra khởi công kiến tạo; nhưng chưa hoàn tất lại gặp phong ba coi như đồ án còn lở dở, trong giai đoạn nầy tôi còn ký bút hiệu Thái Phong, nhìn vào cảnh vật hiện tại lòng cũng nao nao nên cảm vịnh một vần thơ:

VIẾNG CHỢ LONG HOA

Trời chiều rảo bước dạo thênh thang,
Viếng chợ Long Hoa luống bẽ bàng.
Bốn cánh đau nhìn hồn lữ khách,
Ba năm mờ phủ bụi thời gian.
Đường hình Bát Quái Thầy phân định,
Nóc phép Lưỡng Nghi thế phục hoàn.
Bởi cuộc thanh trừng đành bỏ dở,
Sườn đà còn lại vẫn trơ gan.

37– NHỮNG NGUYÊN NHÂN CỦA NĂM THÂN

Những việc đã qua mà chúng ta đã ghi trong ký ức, đó là đầu xuân năm Nhâm Thân (1932) sắp Đại Lễ Đức Chí Tôn 9 tháng giêng nên chiều tối ngày 8 mới đốt bên trong lòng quả Càn Khôn một ngọn đèn manchon. Do 2 vị chăm sóc cho có ánh sáng 1/ Hồ Văn Lầu 2/ Nguyễn Văn Biện, lối 9 giờ đèn phực dầu phát cháy quả Càn Khôn. Nhờ ông Văn Thắng Trà sau nầy là Lễ sanh Phái Thượng dập tắt được ngọn lửa cháy quả Càn Khôn chỉ còn 1/3 phía Thiên Nhãn.

Đến sáng ngày anh cả Đức Quyền Giáo Tông mới qua hỏi Đức Hộ Pháp, quả Càn Khôn bị cháy Hộ Pháp nghĩ sao, Đức Hộ Pháp nói quả Càn Khôn bị cháy mà Thiên Nhãn còn, tức là Đạo còn, nhưng đời phải tận.

Sau vụ cháy quả Càn Khôn rồi thì Đức Chí Tôn có giáng cơ cho một bài thơ như sau:

THI

Chẳng phải Tây Ninh chịu nạn nghèo,
Cuộc đời luân chuyển thế cheo leo.
Trời còn đất lở tang thương biến,
Ruộng rẫy phố phường lộ mốc meo.
Sắc tướng âm thinh tua giảm bớt,
Mở đường công quả chúng làm theo.
Văn chương đầu rõ thông cùng lý,
Tận thế hưng vong đã thấy vèo.

Nền đạo gặp cơ khảo đảo lớp chia phe phân phái còn bị cường quyền thực dân đàn áp bắt Đức Hộ Pháp hồi năm Tân Tỵ đày qua madagascar, lật bật lại năm Giáp Thân (1944) người Pháp tính xỏ nhượng Cao Đài, có lịnh bắt Chức sắc và Chức việc, nên quý vị đó được tin trốn xuống Sài Gòn hợp tác với Nhựt mới lập ra hãng tàu Nitinan vừa làm mướn vừa tập luyện cho đoàn Nội Ứng Nghĩa Binh thuần thục rồi, nhờ Nhựt hậu thuẫn nghĩa binh cầm tầm vông đầu đội calô Thần Đạo nhảy vô thành bắt quân Pháp, đó là cuộc đảo chánh Pháp 24 tháng giêng Ất Dậu (1945).

Do cuộc đảo chánh nên Thực Dân Pháp trả tự do cho Đức Hộ Pháp từ Madagascar. Đức Ngài xuống chiếc tàu Indépendance về đến Vũng Tàu là 12 ngày đêm, nhằm 27–7 Bính Tuất (1946) bởi tàu lớn nên đậu ngoài khơi nhờ ca nô ra rước Đức Ngài vào bờ rồi về Sài Gòn nghỉ ở nhà ông Hợi hết cả tuần mới về Tòa Thánh, Đức Ngài nhìn lại cảnh vật khác xưa, vừa lo chấn chỉnh mối chơn truyền vừa lo phục lại chủ quyền cho Đạo, tức lập thành Hội Thánh để thay hình thể Đức Chí Tôn và chuẩn bị mở đại hội Nhơn Sanh năm Bính Tuất, còn lo tu bổ đền thờ Đức Chí Tôn, và tạo ngôi thờ Đức Phật Mẫu cùng các dinh thự với 3 cung 3 động vừa xong đâu đó an bài. Nào ngờ cơ khảo lại đến với Đức Ngài. Chừng như Đức Ngài đã biết trước nên cuộc lễ Hội Yến Diêu Trì 15 tháng 8 Ất Mùi, kế tối 16 tại sân Đại Đồng xã có Văn Minh Điện để các đấng cho thay đố, nhưng Đức Ngài chỉ mượn 4 câu ca dao làm để thay đố mà không một ai nói trúng câu 1: *ví dầu cầu váng đóng đinh. Cầu tre lắc lẻo gục ghình khó đi"* xuất nhứt vật "*cái thang*", câu 2: *"Bậu nghe ai dỗ ai*

dành, Chanh chua Bậu chuộng, cam sành Bậu chê", xuất nhứt vật: "*cái trách*", câu 3: *"một may thiếp có xa chàng, Đôi bông thiếp trả đôi vàng thiếp xin"*, xuất nhứt vật: "*cái ly*", câu 4 *"tưởng rằng nghĩa mặn tình nồng, Nào hay tay ẵm tay bồng vai mang"*. Xuất nhứt vật: "*cái khai*". Với câu thay đố 4 chữ Thang Trách Ly Khai. Đó là một chơn ngôn ẩn lý của Đức Ngài nói lên cho chúng ta biết Ngô Triều với ý đồ Công giáo hóa Cao Đài nhưng trước có nhiều thủ đoạn, nên ba hôm sau có cuộc thanh trừng vào 20–8 Ất Mùi do quân đội Cao Đài đứng lên kéo về bao vây Hộ Pháp Đường.

CẢM ĐỀ

Quân đội bao vây Hộ Pháp Đường,
Thanh trừng do lịnh Nguyễn thành Phương.
Giác thơ khởi tố mười điều buộc,
Khảo Đạo phân vân mấy tháng trời.
Nội bộ bất hòa còn giải quyết,
Ngoại quyền dục loạn há khinh thường.
Giống nòi ngại cảnh như Do Thái,
Tết Bính Thân Thầy định xuất dương.

Nhưng mải đến khuya mồng 5 tháng giêng Bính Thân (1956) Đức Ngài cùng phái đoàn mới sang Miên.

CẢM ĐỀ

Chuyến xe khởi điểm lúc tinh kỳ,
Hộ Pháp Đường ra cửa một đi (Hoà viện)
Bốn trạm vượt qua quên kiểm soát, (1)
Bảy người nhóng đợi khỏi biên thùy.(2)
Nặng tình Việt chủng tâm tư hẹn,

Vào cảnh Tần bang nguyện ước ghi.
Cương Lĩnh Hòa Bình kêu thực hiện,
Mong nhờ thế giới phục lương tri.

(1)Trạm Mít một, Báu nâu, Gò dầu, trạm gần biên giới, không tính số lính Đội Chắc gác cửa Hộ Pháp Đường. (2) 1– Đức Hộ Pháp 2– Hồ Bảo Đạo 3– Giáo Hữu Thái Của lái xe 4– Trung tá Thoại người mở cửa ra đi 5– Hồ thái Bạch 6– Ba Hiệu người phục dịch Thầy 7– Cô hai đạm người nấu ăn.

Miên là nước láng giềng có chủ quyền trung lập. Đó là mục đích của Đức Ngài để thực hiện đường lối hòa bình chung sống. Ngô Triều cho Đức Ngài nối giáo giúp cộng đặng chống lại Quốc Gia, nên Đức Ngài phán trước chúng ta: Mấy em muốn theo Qua, Qua sẽ mua đứt cái khám Chí Hòa để thực hiện đường lối chung sống.

Đức Hộ Pháp sang Miên kế đến giai đoạn Đức Thượng Sanh về cầm giềng mối đạo, Đức Ngài lo tạo cơ quan Phát Thanh Giáo Lý mới đổ được một tầng la phong lầu, kể như bên ngoài gốc rào cửa số 8 bắt đầu có cuộc chiến vào 17 tháng giêng Mậu Thân (1968) Mỹ cho máy bay dội bom sập cơ quan Phát Thanh. Vì chiến tranh mà Đạo phải chịu thiệt hại một phần không nhỏ.

Đến 16–3 Canh Thân nhằm 30–4–1980 Ban Hội Đồng Quản Lý, ông Phối Sư Thái Hiểu cho ông Giáo Sư Thái Còn, kể là lần đầu tiên dẫn nhơn viên đi treo cờ đỏ sao vàng ở cửa số 1, cửa số 4, cửa số 6, để kỷ niệm mừng ngày giải phóng Miền Nam đất nước dứt cảnh qua phân thì đạo mới có được cơ may phổ truyền ra Bắc theo thánh ý của Đức Chí Tôn là vậy. Tiếp đến 19–3, Chánh quyền Cách mạng vào quản lý Nội Ô thì trật tự mới được vãn

hồi. Từ năm Nhâm Thân (1932), cháy quả Càn Khôn vừa giáp một chu kỳ vào năm Nhâm Thân (1991), Hội Đồng Chưởng Quản được phép Nhà nước nên cho Ban Kiến trúc khởi công lần nầy kể như đại tu bổ ngôi Đền Thánh đổ tấm chắn dằn chơn nền giáp vòng ngôi Đền và đúc lại những cột vuông hai bên hành lang và sửa chữa hai hầm ga trước Hiệp Thiên Đài với mấy tam cấp bẻ vỉ sắt đúc lại cho khỏi răn nứt.

38– TỪ TÒA THÁNH TẠM ĐẾN BÊ TÔNG

Với bậc thể thiên không phải ngồi luyện Đạo, vì Thượng Đế lo tạo hạnh phúc cho Nhơn sanh, dầu thân có thọ khổ tù đày ăn cay ngậm đắng trong cơ thử thách cũng chẳng oán trách một ai. Đó là Đức Cao Thượng Phẩm chiều 12–2 Đinh Mão hiệp với anh cả Đức Quyền Giáo Tông Thượng Trung Nhựt lúc còn là phẩm Đầu Sư cùng Chư Thiên Phong với Chư Tín hữu xúm xít lo dời cốt Phật Tổ cùng Tòa Bát Quái và pho tượng Ngũ Chi với quả Càn Khôn từ nửa chiều giàn giá đi suốt đêm về đến đất mới Long Thành lúc tảo Thìn ngày 13, cách đường nhìn không xa có lính của Pháp án ngữ không phải giữ an ninh cốt yếu phô trương uy thế để thừa dịp áp đảo tôn giáo.

Nên Đạo Cao Đài Tây Ninh vì đó mà chẳng có người đồng tâm lo chen vai gánh vác đại nghiệp, bởi cớ mà ông Ngô Minh Chiêu không dám nhận Giáo Tông hữu hình nên Đức Lý Đại Tiên ở hư linh phải kiêm Giáo Tông ĐĐTKPĐ đặng phổ biến Đạo Trời về mặt Tín Ngưỡng, coi như chưa có nơi thờ phượng tạm để dưới mái lá che dàn bầu xúm nhau mà chiêm bái. Anh cả chúng ta trong giai đoạn nầy là người lo đối nội và đối ngoại. Trong thì hiệp với Đức Hộ Pháp chận đứng những phần tử phản loạn Chơn truyền, ngoài thì dùng trí mưu khôn khéo để trả lời cùng cường quyền Pháp, mỗi ngày chúng cho mật thám đến dòm ngó và ngăn cản không cho dựng Chùa, anh cả chúng ta có ngày bị Pháp mời ra tỉnh tới ba bốn

lần. Tham Biện Tây Ninh nói cấm đạo không cho dựng Chùa anh cả trả lời chúng tôi chưa có phép đâu dám dựng.

Nhưng tôi có việc cần về Sài Gòn, mai tôi sẽ trở lên, Vilmont nói gặn ông về nói lại với ông Cư đừng dựng Chùa. Tuy Anh Cả của chúng ta trả lời với Pháp như vậy, chừng về cho Đức Thượng Phẩm hay qui động anh em tổ chức nhứt thời chỉ có trong một đêm mà dựng lợp xong hết, sáng ngày lính vô thấy vội vã quay về báo cáo với Tham Biện, ông liền đánh điện về Sài Gòn và gởi thơ đòi Anh Cả ra Tỉnh. Thật đúng như cập luận mà Ngài Văn Pháp Quân cảm tác khen sự khéo léo của Anh Cả như sau:

"*Chuyển vận Đẩu Sư ngừa quỉ kế, Thừa cơ Thượng Phẩm tạo cung đình.*"

Anh Cả chúng ta biết trước chừng đến tận mặt Tham Biện Tây Ninh, Pháp coi thường mề đai Bắc Đẩu Bội Tinh mới dùng lời khiển trách anh cả giả như một tội nhơn dựng chùa trái phép, Anh Cả của chúng ta mới trả lời, tôi nói với quan lớn hôm qua tôi có việc cần về Sài Gòn, còn vụ dựng chùa là do Nhơn sanh họ muốn tu mới ráp nhau mà dựng chớ ông Cư có một mình làm sao dựng lợp xong trong một đêm, nếu quan lớn ra lịnh cho lính triệt hạ e gây rối loạn trong Nhơn Sanh, lỡ rồi chi bằng để vậy chừng ít tháng cũng sập vì tranh tươi cây tạp sẽ bị mối mọt và dông gió chẳng có đủ sức chịu đựng được lâu, nghe hữu lý nên Tham Biện chấp thuận gật đầu.

Thật một nỗi mừng vô hạn bởi sức mạnh của cường quyền dồn ép như gánh nặng cho Anh Cả, bỗng nhiên thở phào nhẹ nhõm. Từ đây có nơi thờ phượng để cho Nhơn sanh chiêm ngưỡng, Đức Thượng Phẩm thì lo ven đường mở ngỏ và đốc công cho người Miên phá rừng. Còn Đức

Quyền Giáo Tông thấy ngôi thờ chỗ nào yếu, thiếu sức chịu đựng cho tu bổ thay vào thứ bảo đảm hơn, lần hồi thành Tòa Thánh tạm có Cửu Trùng, Bát Quái, Hiệp Thiên toàn bằng cây ngói.

Đến năm Canh Ngọ (1930) ông Thái Thơ khởi làm hầm Bát Quái đổ xuống hết 200 khối bê tông rồi bỏ dở, cái hầm đó ngay trước điện hiện giờ là vị trí sân gạch của cột phướn ngôi Đền, qua năm 1948 Đức Hộ Pháp hạ lịnh quy động công quả ở ngoại ô mỗi chiều tập trung vô rừng Thiên Nhiên Đông Khán Đài anh em sắp hàng dọc nhiều hệ thống đứng tại chỗ ky chuyền tay đổ xuống hầm cả mấy đêm lấp đầy mới thôi. Đó là Thánh ý của Đức Lý lúc sơ khởi nhưng lòng Từ Bi của Đức Chí Tôn nhượng lại cả ân trạch đó cho chúng sanh chung hưởng. Bởi Pháp Lục Long phò ấn nằm ngay Cửu Trùng Thiên Đức Lý Đại Tiên dành cho Đức Chí Tôn mà Đại Từ Phụ nhường lại cho cả con cái như lời thỉnh giáo của Lê Văn Thoại hỏi. Thì Thầy cho biết cái khó của Thầy ở chỗ đó, một bên là Đức Lý, một bên là Đức Chí Tôn bảo sụt lại chỗ hiện giờ mà Bác Vật Lang cũng đồng ý với Thầy, người nói nếu cất Tòa Thánh trước đó cứ 50 năm khối đá Lục Long chuyển mình chẳng có cái chi chịu nổi hết. Tuy nói vậy chớ Tòa Thánh hiện tại là Tổ Đình chung của nhơn loại ở Tịch Đạo Thanh Hương, còn trước đó theo chúng ta nghĩ nữa sẽ có một ngôi Tổ Đình chung cho cả vạn quốc ở Tịch Đạo Đạo Tâm vì cơ đạo đã thành, phải có chỗ cho nhơn sanh chiêm ngưỡng trong ngày lễ vía chớ buổi phôi thai thì khác, nên hồi năm Quí Dậu (1933) Đức Quyền Giáo Tông hiệp với Bà Phối Sư Lâm Hương Thanh mướn Bác Vật Phan Hiếu Kinh vẽ bản đồ Tòa Thánh, phỏng theo

sơ đồ của Đức Lý tiền công Hội Thánh phải trả cho người là 3.000 $, vì kiêm luôn đốc công tới lui dòm ngó việc làm của Đạo để tạo pháp lý cùng đời, lập lăng của người vẽ H-T-Đ, có 2 máy nghiêng như Cửu Trùng dính liền với 2 đài chung cỗ, nóc có vọng đài 4 mái hình tứ tượng. Trên nóc tứ tượng có 2 máy ngang qua hình lưỡng nghi chót hết là hình Bình Bát Vu tượng lý Thái Cực nhưng mặt tiền chẳng có bao lơn và vòng bán nguyệt không ông Thiện ông Ác, còn 2 lầu chuông trống hình tròn rút ngọn lại như nóc đền Đế Thiên chia thành 9 lớp, mỗi bên có cột thu lôi, trên chót có chữ vạn ngược, trong giai đoạn nầy làm chưa được bao nhiêu rồi cũng bỏ dở. Kế Ngài Tiếp Thế Lê Thế Vĩnh đứng ra cho đào móng đỗ đà để kiến tạo Hiệp Thiên Đài, có Anh Cả cùng Bà Chánh Phối Sư Lâm Hương Thanh tiếp tay kề giai đoạn 2 chưa an định hòa khí bởi thiếu pháp làm lý trung hòa khó mà gầy nên.

Đó cũng là thiên thơ để chờ người có sứ mạng nên trong giai đoạn nầy vào năm Quí Dậu (1933) Đức Hộ Pháp cho cất Báo Ân Từ, kể như chuẩn bị dành khi dở vạt tạo Tòa Thánh sẽ làm nơi thờ phượng. Qua năm sau thì Đức Quyền Giáo Tông đăng tiên Đức Hộ Pháp nắm quyền thống nhứt định năm Bính Tý (1936) khởi công tạo Tòa Thánh. Bà Lâm Hương Thanh ở ban Phụ Chánh vừa Chủ Trưởng Chức Sắc Nữ Phái Bà liền ra tờ Châu Tri VI Nữ Chủ Trưởng Chức Sắc Nữ Phái đề ngày 12/12/35, gởi cho Châu Tộc và toàn đạo Hội Thánh chuẩn bị kiến tạo Tòa Thánh bước lai niên, tùy sự hảo tâm hĩ hiến của mọi người đối với Đức Chí Tôn. Nhưng khi sắp kiến tạo Tòa Thánh, Đức Hộ Pháp cho khui tủ hộ viện thử xem tài chánh của đạo còn được bao nhiêu chỉ có 1$40 (một

đồng tư). Ta nhận xét thì quá ít nhưng con số khổng lồ nếu 1 cộng 4 là con số ngũ của khung Hồng Phạm, dầu tiền của chẳng có nhờ tinh thần đạo trụ vững nơi Đức Hộ Pháp với việc làm kể như bắt gió nắn hình.

Đức Ngài liền ra lịnh mộ công quả 500 vị lễ thì Nam nhưng Đức Ngài phán phải có Nữ cho đủ lý âm dương, cả hai phải minh thệ thủ trinh, chừng làm xong công trình Tòa Thánh Đức Ngài sẽ giải thệ cho anh em đó lập gia đình. Cùng gởi lịnh cho các sở Phạm Môn phải mở mang Lương Điền Công Nghệ hầu để góp phần vật liệu tạo tác và nuôi công quả. Đâu đó tổ chức xong Đức Ngài chọn một địa mạch bên hông Tòa Thánh, ngang Hiệp Thiên Đài mé Nữ phái, bảo Công Viện đào một cái giếng thật sâu ngang qua miệng gần 3 thước để cấp nước vào việc tạo tác, khi đào xong Đức Ngài đổ cả ô bạc cắt xuống đáy giếng theo ngũ hành kim sanh thủy, giếng cũng hướng Nhâm Quí thủy, Đức Ngài khơi nguồn nước để bố phúc cho nhơn loại, hiện tại tạo xong ngôi Đền thờ Thần Thiên Lương còn làm cơ cấp thủy cho bá tánh thập phương dùng khi viếng Tòa Thánh.

Chừng khởi công tạo tác Tòa Thánh vào ngày 1–11 Bính Tý (1936) cũng nhằm nguyên lý của cơ tạo đoan. Từ Hội yến Diêu Trì của năm Ất Sữu đến Bính Tý là 12 năm ứng vào con số Thập Nhị Khai Thiên, còn Bính là Can thứ ba, tức là con số khởi thỉ. Còn 1–11 cũng tháng Tý ở năm Tý. Nên Đức Hộ Pháp đứng ra vừa kế hoạch vừa đốc công làm Tòa Thánh chừng như non nửa năm, thì bà Nữ Chánh Phối Sư Chủ Trưởng Chức Sắc Nữ phái ban hành tờ Châu Tri số 1 đề ngày 1–1–37, thông báo cho toàn Đạo hay biết cuối tháng tư sẽ xong Hiệp Thiên Đài,

thì Đức Ngài cho công thợ tiếp tục làm Cửu Trùng Đài rồi mới đến Bát Quái Đài.

Chúng ta nghe biết việc làm Tòa Thánh do Đức Ngài phân công, chia mỗi tá lý riêng từ bộ phận nhận việc để làm. Nhưng Đức Ngài điều hành thống nhứt thường trực có mặt tại sở làm. Nhờ lúc khởi công phần nền cho đào mống đổ đá kiềng một lượt, chớ đợt nhứt Đức Quyền Giáo Tông với ông Đầu Sư Thái Thơ cùng bà lớn Nữ Chánh Phối Sư với ông Tiếp Thế. Nhưng ông Tiếp Thế trước kia chấp sự làm Hiệp Thiên Đài đổ lên chừng 1/10 rồi cũng ngưng, bởi Ngài là Chi Thế tượng trưng cho xác thể khó mà tạo thành cái Nguơn Khí cho ngôi Pháp. Đến Đức Hộ Pháp kiến tạo lại cho đập bỏ phần đó bắt đầu khởi công làm Hiệp Thiên Đài trước tức là tạo được cái pháp thông công giữa trời và người.

Ngôi đó thuộc về phần khí vốn nguyên lý ở pháp tạo đoan của cơ khởi thỉ để định vị cho Cửu Trùng Đài là phần xác, còn Bát Quái kể là cái bản tâm nên Bát Quái hoàn thành sau cùng. Với sự kiến tạo Tòa Thánh khác hơn lập Pháp Chánh Truyền mỗi phẩm trật của Chức Sắc vào hàng Thánh để tượng trưng xác thể của Đức Chí Tôn. Có xác thể rồi mới lập Hiệp Thiên Đài, tức là Chơn Thần phải đến sau để giữ gìn xác thể, có nghĩa để bảo thủ chơn truyền của đạo. Còn tạo Tòa Thánh Hiệp Thiên Đài hoàn thành trước tức là Nguơn Khí của Càn Khôn, thể hiện cơ khởi thỉ tạo đoan trời đất cũng như con người phần đầu lỗ mũi có trước với chữ cửu hoàng tỷ tổ, ở trời biến ra cửu thiên, ở người sanh ra cửu khiếu. Sự liên hệ giữa xác thể của con người có xác thể rồi mới có bản tâm. Ngược lại ông Đầu Sư Thái Thơ khởi làm

hầm Bát Quái là sự tiêu biểu cho cái bản tâm mà chưa có xác thể với Chơn Thần hỏi nương lấy đâu mà thành tựu, mà làm cơ an định cho thân tâm. Nên sự kiến tạo Tòa Thánh của Đức Hộ Pháp đúng phương cách, chưa đầy 3 năm sắp hoàn thành.

Đức Ngài phán trước công thợ, các con Nam Nữ ráng làm đến năm Mậu Dần tuổi Đạo đúng 12 năm con số của Đức Chí Tôn sẽ thỉnh quả Càn Khôn ở Báo Ân Từ về thờ nơi Bát Quái. Nhờ Đức Hộ Pháp nắm khuôn luật Hư Linh đủ tinh thần trị loạn đối với giáo phái để giữ vững cái đức tin cho môn đồ vì chân lý đạo. Trong khi kiến tạo Tòa Thánh Đức Ngài phát họa kỹ thuật, chẳng có lập lăng lấy cây vẽ trên cát cho tá lý xem xong thì bôi từng chặng một, rồi mới vẽ tiếp phần khác, cứ như vậy mà tiếp tục.

Nhưng vào năm 1939 chánh phủ Pháp có ý định phá Tòa Thánh dầu trước kia có lịnh đình chỉ công tác, mà Tòa Thánh công thợ lén lút làm về đêm không bỏ dở, gắng câu những đầu mối quan trọng để có sức chịu đựng, thành thử ngôi Đền đã nên hình. Nên cường quyền Pháp sợ khối Đức Tin của con người trụ vào đó mới có kế hoạch diệt đạo mà khỏi mang tiếng đàn áp tôn giáo. Tức nhiên cường quyền Pháp cử một phái đoàn chỉ có 3 quan bác vật, 1 người Việt, 2 người Pháp. Bác vật Lưu Văn Lang làm trưởng phái đoàn hướng dẫn 2 quan bác vật người Pháp có ý đồ đập phá một không có phép xây dựng, hai không đủ chất lượng bảo đảm ở kỹ thuật.

Nhưng nhờ Bác Vật Lang vừa đạo tâm với sự khôn ngoan, với lý luận cho 2 bác vật Pháp biết về thiết kế đó ông đem ra chứng minh có sự bảo đảm, nên cả hai đồng ý

mới ký tờ trình dâng lên cho chánh Phủ Pháp rõ. Chúng ta tìm hiểu tại sao Đức Hộ Pháp kiến tạo Tòa Thánh mau như thế. Bởi có những lý do nhờ Nhơn sanh cùng Chức sắc hiệp một khối đức tin thêm công thợ nhiệt tình làm ngày lẫn đêm dầu cháo rau hẩm hút vẫn xúc tiến việc làm không nản chí.

Tình thế buổi nọ Đạo thì nghèo với sức cung chẳng bổ sung được mức cầu, nên bước đầu gặp phải khó khăn về tài chánh mua sắm, vật liệu xây cất. Đức Ngài mới đến tư thất chị lớn ở Vũng Liêm là bà Lâm Hương Thanh để tạm mượn một số vàng. Bà mới than Đạo thì nghèo, em mượn làm sao trả. Với hảo ý của chị xin hỉ hiến tất cả số nầy có thể đủ cho công trình xây cất Đền Thánh có chỗ thờ Đức Chí Tôn.

Đức Ngài liền phán Tòa Thánh là đền thờ Đấng Chí Linh phải là tiền của và tâm đức với công sức của Vạn linh góp phần vào đó mới có sự bền vững nên số nầy em xin tạm mượn.

Buổi Tam Kỳ Phổ Độ các ban bộ và nghi lễ do Đức Hộ Pháp đặt ra mà được Nhơn sanh chiêm ngưỡng với hiện thân của Chúa Cứu Thế đến khai cơ lập Đạo để tạo một Linh Đài đó là Tòa Thánh Tây Ninh hiệp cả khối Đức Tin của nhơn loại trụ vào đó, có nghĩa là Linh Đài ở một đại thể, còn tâm ta là một tiểu thể cũng để làm tòa ngự cho Đấng Chí Linh, cái điểm rất khó là khi Đức Hộ Pháp khởi công làm Tòa Thánh hiện giờ để thờ đấng Chí Linh. Nhưng trước kia đã có Thánh Giáo của Đức Lý giáng cơ 27–1 Đinh Mão (28–2–1927) tại Gò Kén dạy cất Tòa Thánh Đức Lý định vị trí coi như từ sân gạch trụ phướn ra đến nền Cửu Trùng Thiên chỉ ngay trung tim

mé rừng, cách miếng đất chừng 3 thước rưỡi, đóng một cây nọc tức là con số bát. Đo Hiệp Thiên Đài như vầy ngoài bàu Cà Na đo chừng 50 thước đóng một cây nọc, tức là số ngũ kể như khuôn viên Tòa Thánh với Pháp Bát Quái và ngũ hành, từ cây nọc phải đo vô bìa rừng mé bàu Cà Na 27 thước, mỗi gốc Bát Quái từ mặt đất lên thềm 9 thước. Điện Bát Quái cao 9 thước, ngôi đền bề dài 81 thước, ngang qua 27 thước, 81 cũng 9, 27 cũng 9, mỗi mỗi đều là con số cửu của trời đất. Bởi Đức Lý Đại Tiên cầm quyền trị thế nắm cơ thưởng phạt nên thì lấy, hư thì bỏ mới định nơi đó với lẽ công bình nắm luật Hư Linh mà phán quyết. Nếu Đức Hộ Pháp không làm y theo thì Đức Lý đại nộ rầy mà Thầy của chúng ta còn đòi phen khép nép xưng mình là đệ tử.

Thật vậy Đức Lý Đại Tiên vốn Giáo Tông thiêng liêng tức là Anh Cả của Thánh Thể trong nền Đại Đạo có đủ quyền thưởng phạt và giáo hóa nên ai đã nhập môn vào trong Thánh thể kể là đệ tử của Đức Lý.

Nói về sự xây cất Tòa Thánh nếu Đức Hộ Pháp nghe theo Đức Lý thì bỏ Thánh ý của Đức Chí Tôn vì lòng từ bi khai cơ tận độ, dầu nhơn loại dẫy đầy tiền khiên nghiệt quả cũng ân xá để lập công chuộc tội, Đức Lý chọn ngay đó dưới có Lục Long phò ấn làm tòa ngự cho Đức Chí Tôn, mà Đại Từ Phụ chúng ta cho biết nhượng lại ân trạch ấy cho đám con cái tức là cả sắc dân trên quả địa cầu nầy.

Đức Chí Tôn là Đại Từ Phụ vừa công bình vừa tình thương đạo mới phôi thai dân Việt nam thì nghèo sống trong nô lệ người Pháp làm sao cất nổi. Thảng như ơn trên giúp sức cất nổi thì các sắc dân kia cũng là con cái của Đại Từ Phụ lấy đâu mà lập công để chuộc tội tổ tông.

Vì lẽ đó mà Đức Chí Tôn bảo Hộ Pháp sụt lại chỗ hiện giờ và bớt trọng lượng ở sự kiến trúc nên Đức Hộ Pháp nghe theo thánh ý của Đức Chí Tôn bởi Đức Chí Tôn là Nguơn Linh tức Thị Thần, Đức Lý là Nguơn tinh, Hộ Pháp là Nguơn Khí, vừa mang xác thể khéo làm cái lý trung hòa mới tạo nên Tòa Thánh. Bác Vật Lang là người thông địa lý, nhưng thiên cơ là thánh ý của Đức Chí Tôn định lại thì khác, dầu các sắc dân cũng là con cái của Thầy để sau nầy đạo thành lòng hiếu hạnh của họ muốn góp công xây cất ngôi Tổ Đình khỏi sợ khối đá Lục Long chuyển mình như lời Bác Vật Lang đã nói.

Bởi Đại Từ Phụ vừa ban ân vừa trấn pháp, vừa công bình vừa tình thương há để dân Việt nam hưởng trọn ân huệ đó một mình. Nên Đức Hộ Pháp kiến tạo Tòa Thánh tượng thể hữu hình với công trình xây cất còn tàng ẩn lý số siêu nhiên của trời đất kể là một kỳ quan độc nhứt vô nhị, có ba đài Bát Quái là Phật, Hiệp Thiên là Pháp, Cửu Trùng là Tăng. Phật Pháp Tăng tiêu biểu tam hồn của trời đất và vật loại, Linh hồn để bảo tồn lương tâm, Giác hồn để bảo tồn kiến thức, làm người phải biết đạo đức lẽ nghĩa, nếu mất đạo đức tức là mất lương tri của trí khôn, còn Sanh hồn để bảo tồn cơ thể ấy là nguơn khí sanh quang, nên con người chúng ta khi ba tất hơi đã dứt tức nhiên xác phải chịu định luật đào thải của Thần Phá Hoại, hễ có sanh thì có diệt, phần nhục thể trở lại vật chất lẽ tất nhiên phải có sanh hồn. Ngôi Báo Ân Từ thờ Đức Phật Mẫu với số Trung Ương Mồ Kỷ nên nằm giữa Nội ô, còn Tòa Thánh ở kế cửa Hòa Viện là Pháp Trấn Bắc. Nên Đức Ngài cho cất mé rào cái Tòa Nội Chánh để chận hơi thở con cù để cho Đền Thánh yên tịnh mà hành lễ.

Nên Lộ Hộ Pháp trước kia lộ Bình Dương mé Nam Đức Ngài mở hai chiều bởi mé dương khí, dầu chiều nghịch hễ xây bộ nhìn ngay vào lỗ tai Long mã là Đền Thánh, còn hướng Bắc là âm thuộc Nhâm Quý thủy hướng của Quỉ vương nên lộ mở có một chiều đi ngang qua miệng Long Mã là Tòa Thánh, còn chiều kia không mở tức để chận luồng âm thanh của chúa Quỉ không cho lồng vào lỗ tai Long mã là cửa có cái vòm ở hông Tòa Thánh. Cùng một ý nghĩa như Tòa Nội Chánh là nơi Thánh Thể của Thầy cầm quyền Đạo, bên trong phải Chánh mới tránh được cơ khảo.

Còn ngôi Đền từ chơn nền tính ngang qua 22 thước rưỡi cũng 9, bề dài 99 thước tính từ cấp thứ nhứt của tam cấp trước Đền và mương của giọt nước máy đền ở bên sau. Nếu cộng 99 là 18 nhân 81 cũng 9, bề cao 36 thước cũng 9 bởi bác vật Phan Hiếu Kinh trị nền yếu, nên Đức Hộ Pháp cho xây lên 27 thước cũng 9, thì Đức Ngài cho rút ngọn lại, rồi cắm trụ thu lôi tính chung kích tấc thế nào phải vào con số 36 mới được.

Cửu Trùng từ Nhứt Cửu đến cấp Cửu Cửu mỗi cấp của mặt nền gạch bông là 7 thước, 9 lần 7 là 63 cũng 9, mỗi cấp bước lên thì 1 tấc 8 cũng 9. Như vậy 9 lần 9 là 81 cũng 9, mỗi bên có 9 tòa sen cao cả thước đỡ chơn cột rồng tiêu biểu cửu phẩm liên hoa bên Nam cũng như bên Nữ, mỗi cấp cao 1 tấc 8, mà 9 cấp như vậy thì trong cao hơn ngoài 1 m 62, tại sao con mắt phàm nhìn vào phẩm trật có trước sau mà chẳng thấy thấp chẳng thấy cao, một điều kỳ diệu trước mắt Đức Chí Tôn kể như bình đẳng với nhau về ngôi Phật tánh, bề cao mỗi cột rồng tính từ mặt nền mé dưới đo lên chí đầu săn tô 8 thước 4, vốn con

số 12 của Đại Từ Phụ. Nên sự tượng trưng giáp vòng ngôi đền bên trên dãy cột hành lang có 27 khoản dây nho, ở chính giữa có mô hình tròn kiểu hột xoài, phần dưới lượn bích thủy của biển trần, còn vầng Thái Dương ở giữa. Kế trên đôi chim hạc, như vậy hạc 54 con cũng 9, mặt nhựt 27 cũng 9, dây Nho 27 khoản cũng 9. Tất cả đều 3 con số cửu thể hiện 3 hào dương của ngôi đền thờ Đức Chí Tôn. Nhưng cấp nhứt cửu phải tính phần dính liền tường màu đỏ nhạt với mí đá mài ở Hiệp Thiên Đài mới đủ 7 thước bởi giữa xác thể và Chơn thần có phần liên hệ.

Chỉ riêng cấp nhị cửu ở phẩm Địa Thần có 6 thước 8 cộng 14, 1 với 4 là 5 vốn con số Ngũ Đức Lương Châm ở trong chữ tín đồ. Ngũ cửu ở cấp địa Thánh cũng 6 thước 8 cộng là 14, 1 với 4 là 5 tượng số ngũ hành bởi phẩm Địa Thánh thuộc về cơ sanh để giúp cho Chúng sanh được trọn hưởng phước lành biểu tượng nơi đàn hành pháp của Đức Chí Tôn nào là Hôn Phối, Độ Thăng, Giải Oan, Tắm Thánh, còn cấp Địa Tiên lại đủ 7 thước, đó là con số của trời đất và con người với lý đạo tượng thể ở số là nơi hành lễ của Đại Thiên Phong phẩm lớn nhứt là Giáo Tông kế là Chưởng Pháp đến Đầu Sư tức là 7 vị cầm quyền về luật lệ để sữa trị nền Đạo của Đức Chí Tôn cho ra thiệt tướng, số 7 là tượng trưng cho Thất Diệu để khai thông thất khiếu Thánh thể và Nhơn sanh. Cấp Nhơn Tiên 6 m 92 cộng là 17, 1 với 7 là 8, vốn con số Bát Quái của ngôi chưởng Pháp ở Chi Nhơn Đạo với 7 chiếc ngai để vận hành bát phẩm chơn hồn trong Càn Khôn sớm biết tùng cơ ân xá của Đức Chí Tôn buổi Tam Kỳ đã đến dựng lại nguơn bảo tồn. Nên qui nguyên cả triết lý cũng như bí pháp được tượng hình nơi Đền Thánh, trên đầu tường

hành lang có những bông dây như cái giá võng hai đầu dụm lại, ở giữa có một quả thanh chung như đền Thánh ở Tây Tạng, còn diềm ở máy Đền nhìn giáp vòng mỗi mỗi đều có cái hoa 4 cánh như pháp Tứ Tượng vậy.

Còn hình nơi phong tường bên sau chữ Khí là Tam Thánh ký hòa ước chúng ta được nghe Đức Ngài thuật lại lúc làm Đền Thánh, Đức Lý dạy Bần Đạo cho công thợ đắp một khuôn thật lớn tại Tịnh Tâm Đài chưa biết để chi. Chừng sau khi Bần Đạo mãn hạng đồ lưu trở về lo trùng tu Đền Thánh đặng có chỗ thờ Đức Chí Tôn, khi trấn thần xong mới dời quả Càn Khôn về thờ nơi Bát Quái Đài ngày 8 tháng giêng Đinh Hợi (1947). Bao lam Thần Vọng nơi Tòa Thánh có đắp hình Tam giáo Ngũ chi nền những bửu tượng trước giờ thờ nơi quả Càn Khôn, Đức Ngài dạy đem ra Cực Lạc Cảnh. Sự hành lễ Đức Chí Tôn nơi Tòa Thánh chưa đầy 2 tháng bắt đầu 1–3 Đinh Hợi nhằm ngày vía Đức Cao Thượng Phẩm,Đức Hộ Pháp lịnh cho chúng ta được ngồi kiết tường hiến lễ vì thương Thánh thể của Đức Chí Tôn nhiều vị lớn tuổi ráng quì với thời cúng quá mệt mỏi khó định thần, Đức Ngài nắm quyền Chí Tôn tại thế ban ân cho ngồi hiến lễ tại Tòa Thánh mà thôi.

Rồi sang qua năm 1948 có lịnh Đức Lý do Thánh ý của Đức Chí Tôn mới bảo Bần Đạo nhờ họa sĩ Lê Minh Tòng vẽ hình Tam Thánh. Nhưng sự phát huy vị trí thì Đức Hộ Pháp trình bày, mọi sự đều do ơn trên họa sĩ Lê Minh Tòng đã mãn hạn tù đày nơi Côn Đảo mới về, lại là người giáo phái, hồi năm 1947 lần đầu quân đội Cao Đài đến Cà Mau thì Lê Minh Tòng xin nhập môn với anh Lê Văn Thoại coi như người của Tòa Thánh, do ơn trên

thúc dục nên ông Tòng sửa soạn hành trang vừa mang ra đến bến thì lơ rước lên xe. Chớ ông không nhứt định đi về đâu, vừa đến bến Sài Gòn xe đỗ hành khách xuống. Nhưng ông cũng xuống đang đi vẫn vơ gặp lơ xe Tây Ninh rước lên ngồi rồi ông mới hỏi xe về đâu lơ trả lời về Tây Ninh, ông mới nghỉ nơi đó cũng có bạn mình là Lê Bữu Tài. Thật là cơ may đồng đi một chuyến xe khoản lộ trình Sài Gòn-Tây Ninh gặp vị Đầu Tộc Đạo Đô Thành là Lễ Sanh. Ngọc Ngạc với vẽ đạo mạo ông Tòng biết là người của Tòa Thánh nên làm quen hỏi V P Quốc Sự vụ ở Nội ô, ông có biết không tôi định vô trong đó có một người bạn, ông Ngạc nói biết nhưng ông muốn vào đó mà chẳng có giấy ra vô cửa khó mà vào. Thôi để tôi hướng dẫn cho ông đến tạng mặt ông Tài là bạn thâm giao của ông chừng vào phòng quốc sự Vụ, ông Tòng có ý muốn lưu trú lại một thời gian ở chơi với bạn nên ông Tài dẫn qua Hộ Pháp Đường để thăm Đức Ngài và trình bày lý do của ông, được sự tiếp đãi niềm nở. Lúc hầu chuyện Đức Ngài ngỏ ý nhờ họa sĩ vẽ giùm bức chơn dung Tam Thánh Ký Hòa ước đặng để trước Tịnh Tâm Đài Tòa Thánh. Thì ông Tòng hứa sẵn lòng làm nhiệm vụ đó.

Đức Ngài gởi lịnh cho Hội Thánh bảo Công Viện đóng một cái khuôn lợp vải vừa lọt lòng khung xi măng ở Tịnh Tâm Đài. Khi ông Tòng vẽ tượng Tam Thánh để tại VP Quốc sự Vụ Đức Hộ Pháp thường lui tới đến khi vẽ xong mới thôi. Đức Ngài cho Hội Thánh hay tổ chức lễ rước Tam Thánh từ VP Quốc Sư vụ đến Tòa Thánh Đức Ngài mặc tiểu phục màu vàng đi sau tượng ảnh Tam Thánh. Quốc Sự Vụ thể hiện cơ đời của Đạo chung qui đưa vào Đền Thánh là nguồn cội nền chánh giáo của Đức

Chí Tôn. Đức Ngài dành riêng cho 4 vị Lễ Sanh của Hội Thánh Ngoại Giao với Phẩm Thiên Thần khiêng tượng ảnh 3 vị Thiên Sứ là Tam Thánh, cuộc lễ rước có giàn lỗ bộ lễ nhạc đồng nhi Chức Sắc Hiệp Thiên Cửu Trùng và Phước Thiện với sĩ quan quân đội cùng một số học sinh Đạo Đức Học Đường gần 300 em.

Khi đến Tòa Thánh tượng ảnh khiêng vào cửa hông có Kim Mao Hầu ở phía tả,vô tận Cung Đạo tượng ảnh dai vào Bát Quái Lễ Viện trao cho Đức Ngài 9 cây nhang Đức Ngài liền phán Bần Đạo hành pháp trục thần các đấng đó nhập vào tượng ảnh, chẳng biết các đấng đó ở tầng thiên nào bảo Lễ viện phải đốt đủ 12 cây nhang, trước hết Đức Thanh Sơn kế là Đức Nguyệt Tâm sau cùng là Đức Trung Sơn. Lễ Trấn Thần xong ra vòng lại cửa chánh gắn lên khuôn bình phong tại Tịnh Tâm Đài.

Lễ rước 8 giờ ngày 10–7 Mậu Tý (14–8–48) khi đặt lên xong mỗi người đang để mắt trông vào tượng ảnh, thì Đức Ngài liền phán Chơn Thần đã nhập vào tượng ảnh Tam Thánh kể như người sống đó vậy. Quả thật khi chúng ta nhìn vào tượng ảnh của Tam Thánh với nét vẽ linh động nhưng thời gian cơ tuần hoàn có định luật cho vật thể mới ngoài 20 năm mà tượng ảnh của Tam Thánh hầu đã phai mờ phong vải bị lợt nước sơn có chỗ lổ đổ bún lên.

Nên sau cùng thời kỳ của Đức Thượng Sanh cầm quyền đạo hợp Hội Thánh, Đức Ngài bảo tô điểm lại. Nhưng xét thấy phong vải bị hư nên Hội Thánh định vẽ trên phong tường mới ban nhiệm vụ đó cho anh em Huỳnh Văn Kiếm và Quang con của Giáo Hữu Thái Quận đứng lên thực hiện phỏng theo mô giới bức chơn dung của Lê Minh Tòng mà phát họa, anh em của Kiếm vẽ xong công

đôi hết 8 ngày, sau có vài anh em nhã ý góp phần thẩm mỹ xin với Hội Thánh tô điểm thêm phần thân mình của Tam Thánh. Đến thời kỳ Hội Đồng quản lý vào năm 1988 thì số anh em họa sĩ tuổi trẻ xin tô điểm lại đó là Ba Tài, Tư Phón, Bảy Đoàn Kết với bức chơn dung hiện qua hai lần vẽ lại, ai cũng thấy nếu so sánh tài nghệ của anh em chừng 7 còn ông Lê Minh Tòng gấp 10 đó là họa sĩ Đức Lý Đại Tiên đã chọn trước kia bởi ông Tòng một họa sĩ nổi tiếng có cấp bằng của nhà trường.

Nền Đạo Cao Đài hôm nay là năm thứ 63 mà mọi người chúng ta chỉ biết được 2 khuôn ở bức bình phong Tịnh Tâm Đài trong là phong chữ Khí, phía ngoài là Tam Thánh ký hòa ước mà thôi. Còn nơi Bát Quái Đài có 8 khuôn, Cung Đạo có 4 khuôn, Thông Thiên Đài có 3 khuôn, Phi Tưởng Đài có 4 khuôn với bức bình phong trước chánh điện. Báo Ân Từ có 2 khuôn cộng lại là 21 khuôn, còn để trống với hiện tại ơn trên chưa giáng dạy chúng ta lại là kẻ phàm khó hiểu được việc làm của Đức Hộ Pháp đều do thánh ý của Đức Lý cùng Đức Chí Tôn bởi cơ Hoằng Pháp đạo chưa thành thì Nhơn sanh khó mà đoán được những khuôn còn lại.

Bởi sự khổ nạn của Đức Hộ Pháp trong giai đoạn hiện tại, cất Tòa Thánh kế bị đồ lưu cũng như vua Văn Vương thoát khỏi nơi Vũ lý về lo lập quốc cũng vì thiên hạ nên cất Linh Đài thể hiện cho Tiên Thiên Bát Quái đào ao Linh Chiểu tiêu biểu cho Hậu Thiên Bát Quái lấy lý tượng cho số nên cả con cái Nhà Châu hưởng cảnh thái bình 800 năm cũng nằm trong ý nghĩa đạo dịch, còn Đức Hộ Pháp vì nhơn loại hiện tại lo lập Đạo vừa qui động công thợ kiến tạo Tòa Thánh đặng làm nơi cho Chúng

sanh trụ đức tin tức là Linh Đài để thờ đấng Chí Linh và Vạn Linh, ngôi Đền có 3 đài: Cửu Trùng, Bát Quái, Hiệp Thiên, đều lấy lý tượng cho số hầu khai nguyên cái Chơn Pháp Tiên Thiên Bát Quái, chừng mãn hạn lưu đày lo trùng tu lại ngôi Đền Thánh có chỗ nhơn sanh chiêm ngưỡng, rồi mới tạo chợ Long Hoa kể như Bát Quái Hậu Thiên vậy. Nên chợ Long Hoa Nhà Lồng hình Pháp Tứ Tượng. Do Bát Quái vận hành Long Hoa thành cơ phán xét nhơn sanh toàn thế giới có trả nghiệt đền oan đặng tuyển thăng phật vị, trong buổi Hạ Nguơn hầu mãn để lập lại đời Thượng Nguơn thánh đức. Đó là thời kỳ Bạch Vương đại hội của Đức Di Lạc đến gom cả triết lý hiện có nơi mặt thếvào Toà Cao Đài ngôi thờ Thượng Đế đã phô bày cơ duyên tân pháp Đại Đạo kỳ ba, hầu nắm giữ Bộ Công khai cơ tận độ. Bộ là nơi thống xuất, Công việc công ích chung toàn nhơn loại. Ba vị cỗ Phật có sứ mạng tầng giai đoạn trong nguơn hội, Đức Nhiên Đăng Sơ Hội Long Hoa, Đức Di Đà Nhị Hội Long Hoa, Đức Di Lạc Tam Hội Long Hoa, cũng như Trời có 4 mùa Xuân thì sanh, Hạ thì trưởng,Thu thì liểm, Đông thì tàn, chẳng khác chi ở kiếp người khởi thỉ là sanh, trung niên là trưởng, vãng niên là lão, đến mức chung kết nếu vật thể bị đào thải về tinh thần được hóa giải với định luật tiêu biểu cảnh đông tàn, rồi trở lại Xuân sanh cây cỏ nảy mầm nứt tược. Xuân chủ về mộc trong Ngũ Hành mộc sắc xanh với chữ Đông Phương Thanh Đế. Chỗ khởi thỉ Phật gọi Thanh Vương đại hội. Hạ trưởng cây cỏ đơm hoa kết trái, Hạ chủ về hỏa trong Ngũ Hành hỏa màu đỏ, với chữ Nam Phương Xích Đế, điểm trung hòa Phật gọi Hồng Vương đại hội. Thu liểm có nghĩa gặt hái gom về một, Thu chủ về kim trong Ngũ hành, kim sắc trắng với

chữ Tây Phương Bạch Đế, mức chung kết Phật gọi Bạch Vương đại hội, (Đoài) Chánh Tây Canh Tân kim màu trắng vốn màu đạo gốc của các màu.

Nên buổi Tam Kỳ Đức Di Lạc đến để gom cả triết thuyết trong thời Bạch Vương đại hội ấy là cơ qui nhứt ở đạo Trời vậy.

39– KẾT ĐỀ VỀ SỰ TẠO TÁC ĐỀN THÁNH

Trong giai đoạn nền Đạo bị chia phe phân phái, mà Đức Hộ Pháp cũng trụ được một khối Đức tin con cái của Đại Từ Phụ để chung tâm hiệp sức mới tạo nên ngôi thờ Thần Thiên Lương của nhơn loại, gần 3 năm nếp sống hẩm hút, có bữa cháo bữa rau hoặc bắp đỏ khoai mì mà vẫn an vui với trường công quả. Lúc khởi công làm Tòa Thánh, Đức Ngài vừa Kiến trúc sư vừa đốc công vừa xuống lịnh cho Hội Thánh phải ra Châu Tri gởi cho toàn đạo ở địa phương. Nói Hộ Pháp cấm các Đầu Tỉnh, Đầu Họ không được nhận tiền công quả của Chi Phái về vụ tạo tác Đền Thánh, khi Tòa Thánh sắp hoàn thành thì Đức Ngài cùng với số Môn Đồ đồng hành lên thỉnh pháp ở Núi Bà đem về đặng trấn tâm hầm Bát Quái, trèo hơn nửa chừng núi, đến một hang đá dây mây phủ đầy, đoàn người dọn xong mới đi vào, phải có đèn soi bước lần lượt đến một khoảng trống với ánh sáng hơi chói mắt. Đức Ngài day lại bảo đoàn người ngồi đó. Đức Ngài đi vào thì hai tay không, chừng trở ra có bưng một cái hộp vuông nhỏ chưa ai hiểu trong đó là gì. Nhưng kỳ thật là Ngũ Thạch nhờ Hữu Phan Quân Lê Văn Thoại thỉnh giáo nên Đức Ngài mới nói cho biết.

Kể như loại đá ngũ sắc mà Bà Nữ Oa luyện để vá trời mà huyền sử đã nói, Đức Ngài thỉnh về để nơi Hộ Pháp Đường chừng một tháng. Vào thời dậu đem lại Đền

Thánh có 7 vị đi theo đến cấp Địa Thánh Đức Ngài bảo đoàn người ngồi tại đó, trong dịp nầy có ông Hiền Nhơn Lê Văn Trung thấy tận mắt nên thuật lại, Đức Ngài vắt vai cái khăn đỏ tay xách thùng hồ đã trộn sẵn, tay bưng cái hộp thỉnh ở Núi Bà, đi một mình xuống hầm để hành Pháp trấn tâm tòa Bát Quái.

Ngược lại số anh em phạm môn chẳng những ngồi đó mà còn có ý rình mò bỗng dưng ngủ khì. Đức Ngài trấn pháp xong trở ra còn phải đánh thức mấy anh em đó vậy, khi ra về có số người hiếu kỳ lén ở lại đốt đèn lên xuống hầm Bát Quái xem cùng chẳng thấy dấu vết chi hết. Đến sáng ngày trở lại quan sát thật kỹ cũng chẳng thấy, ai nấy lấy làm ngạc nhiên.

Đức Hộ Pháp với sứ mạng thiêng liêng khi Tòa Thánh sắp hoàn tất, lại bị người Pháp gởi lịnh cho Đức Ngài cấm mọi công tác tạo Tòa Thánh phải đình chỉ. Kể như ngôi Đền còn thừa lại ba khuôn bao lam Thần vọng nơi Chánh Điện với đắp ngói lót gạch và sơn phết nữa là xong.

Suốt thời gian nầy Đức Ngài trù tính làm sao đặng bảo tồn cái đại nghiệp đạo là ngôi thờ Đức Thượng Đế để cho Vạn linh trụ khối đức tin vào đó. Khi trấn pháp hầm Bát Quái rồi chừng đôi tháng sau Đức Ngài mặc bộ tiểu phục màu vàng và đội mão từ Hộ Pháp Đường đến Tòa Thánh lúc nửa chiều để trấn pháp Tịch Địa Đài, hầm tư vuông 1m2, nếu dồn lại là 4m8 cũng 12, bề sâu 1m2 đều là con số khai thiên của Đức Chí Tôn, cũng như Cung Đạo cấp của mặt nền 2m82 nếu cộng với số 12 mà thôi. Đức Ngài hành pháp xong bước xuống hầm Tịch Địa Đài tay cầm một vật nhỏ, cắm ngay giữa hầm nghe có sự trở

ngại, Đức Ngài liền nói lên một tiếng «*Hộ Pháp*» nghe còn nặng tay Đức Ngài liền nói tiếp «*Hộ Pháp*» một lần nữa mới cắm xong một báu vật đó, có nghĩa Long Tuyền chỗ để thể hiện rồng đen của Đức Chí Tôn. Chừng Đức Ngài bước lên bảo anh em đẩy nắp hầm đậy lại chu đáo. Người theo phục dịch Đức Ngài là Giáo Sư Ngọc Tống hiện ông còn sống đang làm việc ở Ban Nghi lễ Tòa Thánh là một nhân vật chứng minh việc nầy.

Sự tạo tác Đền Thánh kể như tạm ngưng chừng 3 tháng, sau cường quyền Pháp vô Tòa Thánh vào 4–6 Tân Tỵ mời Đức Ngài lên xe ra tỉnh rồi giữ luôn, còn nơi Nội ô Tòa Thánh, Quận Huê ra lịnh cho anh em công quả chuẩn bị tư trang trong 3 tiếng đồng hồ phải rời khỏi Nội ô, nếu quá hạn không bảo đảm an ninh. Đâu đó vừa xong thì quân đội Pháp kéo vô chiếm đóng thì Tòa Thánh không cho gọi cái danh Chùa Mới đổi lại là Thành Mới. Chúng lấy Tòa Thánh làm Garage cho quân đội để xe đổ đất hai bên cửa hông và bên trong ngôi Đền chẳng còn cấp bậc đặng cho dễ bề xe lui tới bởi cửa hông chưa có hình Kim Mao Hẫu, còn Thiên Nhãn chung quanh hông Đền người Pháp sợ nên cho thợ tô kín lại hết. Còn vị quan hai ở nơi lầu Hiệp Thiên Đài lấy lầu chuông làm kho bạc nên cắt đứt cầu thang lầu chuông, chỉ chừa một ngỏ lên mé lầu trống mà thôi, vị quan ba thì ở Giáo Tông Đường, còn vị quan Tư ở tại Hộ Pháp Đường, lấy Báo Ân Từ làm câu lạc bộ cho quân đội. Nên quả Càn Khôn còn lại nơi Báo Ân Từ, còn 7 chiếc Ngai với giàn lỗ Bộ và cốt tượng Ngũ Chi do Quận Huê cho một số người tẩu tán trước. Riêng quả Càn Khôn vị Quan Tư của Pháp bắt lính khiêng để bên trong gốc rào Hộ Pháp Đường mé trước Báo Ân Từ

sai lột bớt lớp vải mé dưới để nuôi gà.

Kể như cường quyền Pháp thẳng tay chà đạp trên sự tín ngưỡng Tôn Giáo, về lý đạo cũng là một triệu ứng để chứng tỏ Cao Đài sẽ thoát nạn vào năm con gà. Đó là cuộc đảo chánh Pháp 24 tháng giêng Ất Dậu (1945) thì Tòa Thánh bắt đầu lo tái thiết. Anh Giáo sư Thái Son lúc đó còn là tín hữu đang đục lớp hồ mà người Pháp cho tô lên Thiên Nhãn mới xong cái thứ 5 thì có lịnh ở địa phương nhà xin về lãnh nhiệm vụ BTS, còn ông Bùi Ái Thoại lo đắp 3 khuôn bao lam Thần Vọng đến bao lam Thất Thánh đang đắp mô hình Lôi Chấn Tử mà ông lại đau bữa nào cũng nhờ số nhơn viên đắp vẽ của ông lấy chiếc xe để ông ngồi lên từ nhà 7 Lực đẩy đến Tòa Thánh đặng ông chỉ bảo việc làm và đắp hình Lôi Chấn Tử chỉ được phần mình mà thôi. Nhờ 7 Lực đắp phần đầu khi Lôi Chấn Tử có đủ phần đầu kể như Châu Văn Vương thoát nạn nơi vũ Lý, với tôn giáo Cao Đài là ngày 4–8 Bính Tuất, Đức Hộ Pháp được trả tự do trở về Tòa Thánh. Ban kiến trúc cho thợ đục cái lỗ bị Pháp bít để làm lại cầu thang Lầu Chuông. Đức Hộ Pháp liền phán lỡ rồi thôi để y vậy. Đó cũng là Thánh ý ở lý tạo đoan. Trống Lôi Âm tiêu biểu cho tiếng nổ, bởi tiếng nổ tạo ra tiếng vang là chuông Bạch Ngọc, với tiếng vang khi tường âm thanh dứt sẽ phục hoàn vào ngôi tiếng nổ. Nên người dọng chuông phải lên bên thang lầu trống là ngôi tiếng nổ rồi qua Thông Thiên Đài mới đến lầu chuông để khởi lên tiếng vang. Xong rồi phải trở lại cầu thang ngôi tiếng nổ mà xuống.

Trước đó Đức Ngài bị Pháp bắt thì số gạch bông chuẩn bị lót Tòa Thánh thì Pháp cho người chở hết về ngoài tỉnh để lót chợ Tây Ninh. Chừng đảo chánh Pháp

rồi thì anh em công quả ra cạy lên chở hết về Tòa Thánh. Chừng Người Pháp theo chơn đồng minh trở lại Tây Ninh thì người Pháp buộc vị lãnh đạo Tôn Giáo phải chở trả và lót lại cho họ.

Trong giai đoạn nầy ông Phối Sư Thái Khí Thanh cho anh em lấy chiếc xe hai bánh của Công Viện sáng bữa nào cũng năm bảy vị dỡ cơm xong ráp đẩy xe gạch ra Tỉnh lót xong mới về kể cả tuần mới hoàn tất.

Chừng Đức Hộ Pháp được chánh Phủ Pháp trả tự do thì Tham Biện Tây Ninh cho nhơn viên Công Chánh cạy hết lên chở vô trả cho đạo để lót ngôi thờ Đức Chí Tôn đặng Nhơn sanh chiêm ngưỡng. Thiết tưởng người tu chúng ta cũng phải lắm công phu như viên gạch lót ở Đền Thánh mới là đáng giá. Ông Phối Thánh Bùi Ái Thoại nhờ Đức Hộ Pháp đào tạo ông trở thành bậc chân tài về kỹ thuật, những mô hình tuyệt xảo do bàn tay ông đắp, còn khuôn Lục Long và Tam Linh khuôn cột Rồng bông sen bông nho và khuôn Thiên Nhãn nơi hình tam giác đều do ông tạo thành. Số nhơn viên của ông chỉ có 7 Lực, thực hiện được 2 công trình trong khi xây cất Tòa Thánh, 1/ là Cân công bình trước Tịnh Tâm Đài, 2/ là 6 tia rồng phun nước ở Nam Nữ giảng Đài, 3/ là pho tượng Đức Cao Thượng Phẩm 7 Lực đắp phần đầu còn Tá Lý Cường đắp phần mình. Khi thực hiện công trình nầy có Đức Hộ Pháp giám định dạy đắp chữ Đạo nơi mũi giày Đức Cao Thượng Phẩm, sau nầy ông Giáo Sư Thái Chẩn trợ lý Nghi Lễ Tòa Thánh cho là ngược bảo em Kiệt dũa đắp lại cho thuận. Em sợ chỉ sơn trắng để đó 5; 3 hôm có dư luận xôn xao, thì Ngài Hội Trưởng Phối Sư Thượng Thơ đến Tòa Thánh 10–9 Canh Ngọ, nói chuyện của Đức

Ngài làm tôi không biết do ông Thái Chẩn đề nghị. Bửu tượng của Đức Cao Thượng Phẩm Chi Đạo với lý âm dương 2 người đắp, bửu tượng Đức Hộ Pháp có một tá lý Lực đắp bởi vạn pháp qui nhứt, bửu tượng Đức Thượng Sanh có một tá lý Cường đắp bởi nhứt thuyết chúng sanh nhứt điểm linh.

Sự tạo tác Tòa Thánh phải qua nhiều giai đoạn đến cuối năm Bính Tuất (1946) mới hoàn tất. Ban Kiến trúc tổ chức cuộc lễ bàn giao Tòa Thánh cho Hội Thánh vào mùng 3 tết Đinh Hợi (24–1–47). Đức Hộ Pháp đứng về mé công thợ, đôi bên ký tên giao lãnh xong. Đức Ngài liền phán Hội Thánh có bổn phận gìn giữ cái đại nghiệp nầy cho Nhơn Sanh, tức là khối Thiên Lương của Nhơn loại. Đức Ngài dạy mùng 8 nầy làm lễ di quả Càn Khôn nơi Báo Ân về thờ tại Bát Quái Đài Đền Thánh. Lúc di quả Càn Khôn Đức Ngài liền phán cả con cái Đức Chí Tôn mỗi người một cánh tay chung sức nâng đở quả Càn Khôn đối với đại nghiệp đạo. Nên tôi cảm tác một vần thơ.

LỄ DI QUẢ CÀN KHÔN

Chung tay nâng đở quả Càn Khôn,
Bát Quái an ngôi Vũ trụ hồn.
Tam Giáo hoà đồng qui tín ngưỡng,
Tứ thời tụng niệm họp suy tôn.
Cao Đài hóa chúng cơ duyên định,
Thượng Đế ban ân đạo nghiệp tồn.
Thành một kỳ quan ngươn Thánh Đức,
Thể hình Bạch Ngọc ánh Thiên môn.

Với hiện tại chúng ta thử so sánh Tòa Thánh Tây Ninh là một công trình như vị Bakhanyoud sáng tạo cảnh

Đế Thiên. Tòa Thánh Tây Ninh là một kho tàng huyền nhiệm về tâm linh như nền văn minh Kim Tự Tháp. Tòa Thánh Tây Ninh là một hiện sinh của Đức Chúa Trời tự ngàn đời ở Jérusalem. Tòa Thánh Tây Ninh là một linh thể tượng trưng chơn pháp của Chúa Cứu Thế nơi La Mã. Tòa Thánh Tây Ninh là một khối đức tin của nhơn loại về mặt tín ngưỡng thuần túy như Đền Thánh Tây Tạng.

Tòa Thánh Tây Ninh là một linh khí của Càn Khôn Vũ Trụ, nên được kết tụ những tinh hoa của vạn vật. Tòa Thánh Tây Ninh là mục tiêu hòa bình thế giới được thể hình Đệ Tam Thiên Nhơn Hòa ước ký trước Tịnh Tâm Đài với 4 chữ Bác Ái Công Bình tức là vì nhơn loại.Toà Thánh Tây ninh nhờ công sức của Vạn linh mới tạo nên hình thể Chí Linh với một ngôi thờ khối đức tin duy nhất là Thần Thiên Lương củn nhơn loại. Chính Đức Thượng Đế đến dùng huyền diệu cơ bút khai sáng kỳ ba với cơ qui nhứt, nên tôi có cảm tưởng một vần thi khoán thủ như sau:

CAO trọng ngôi đền thể Ngọc Kinh,
ĐÀI phô Nhân Nghĩa lập Hòa Bình.
ĐẠI đồng Chân Lý gồm nhân chủng,
ĐẠO Cả Chủ Quyền ở Chí Linh.
TAM Giáo ân ban trừ nghiệt khí,
KỲ truyền pháp hoá chuyển hành tinh.
PHỔ thông nền Chánh thời nguơn hạ,
ĐỘ chúng sanh qui nhứt Tổ Đình.

Toà Thánh là Tổ Đình của thời tịch Đạo Thanh Hương, là nơi thờ Đấng Chí Linh, nhờ khối đức tin của nhơn loại trụ vào đó nó mới trường tồn đến thất ức niên.

40– BA CUNG BA ĐỘNG

Trí Huệ Cung, Trí Giác Cung,Vạn Pháp Cung, Thiên Hỉ Động, Địa Linh Động, Nhơn Hòa Động, chữ giữa 3 cung là Huệ Giác Pháp. Chữ giữa 3 động là Hỉ Linh Hòa, chữ đầu 3 động là Thiên Địa Nhơn.

Trí Giác Cung là nhà Tịnh của Hiệp Thiên Đài, phần nền âm sâu tầng dưới là Địa Linh Động, chỗ cửa bước xuống có 3 vòng vô vi người thừa lịnh Đức Hộ Pháp đến nhà tịnh nầy là Trần Khai Pháp với sứ mạng Khai Pháp cho cơ Đạo. Lúc khởi công kiến tạo vào năm Mậu Tý (1948), Đức Hộ Pháp cũng ở thường nơi trường Qui Thiện nên có Hộ Pháp Tịnh Đường lập trước kia Đức Ngài đến nghỉ nơi đó có giảng nhiều về Đạo Pháp với quí vị Phạm Môn, nơi đó kể như có Thánh ý của Thầy chỉ bảo việc làm, thời gian sau nầy ông Đốc Trường có lẽ giữ đúng, còn về Hội Yến Diêu Trì Cung hễ Đức Hộ Pháp ở nơi nào thì Đức Ngài cho lập Hội Bàn Đào nơi đó vì có mặt Hộ Pháp cho phép mới được, cũng như lúc Đức Ngài nghỉ nơi Trường Qui Thiện thì cho phép Hội Yến nơi Trường Qui Thiện, cũng như lúc Đức Ngài lên Kim Biên không tiện để về Tòa Thánh được. Nên cho phép Hội Yến Diêu Trì tại Kim Biên chỉ có một lần đó thôi, vào 1927 cũng là năm Bát Nương giáng bút ban Phật Mẫu Chơn Kinh. Sau khi Đức Hộ Pháp bị lưu đày, ông Đinh Công Trứ là vị Đốc Trường Qui Thiện ở nhà mới tạo Đền Thờ Phật Mẫu xây tường bằng hồ ô dước lợp ngói nhờ số anh em Phạm Môn lúc Pháp chiếm đóng Tòa

Thánh mấy anh len lỏi lén thĩnh linh vị Phật Mẫu đem về thờ cúng cũng noi theo Thánh ý Đức Hộ Pháp. Sau nầy Chí Thiện Lê Văn Chưởng và toàn đạo nơi đây kiến tạo lại bằng Bê tông cốt sắt khi hoàn thành làm lễ an vị Phật Mẫu vào 19–2 Bính Ngọ.

Tổng Quản Ban Trị Sự, Chí Thiện Chưởng cất ngôi Đền nầy tầng trên thờ Đức Chí Tôn, tầng dưới thờ Đức Phật Mẫu bằng Long Vị, bên hữu thờ Cửu Vị Nữ Phật cũng bằng chữ, bên tả thờ Bạch Vân Động Chư Thánh bằng chữ. Bức tường ở Hiệp Thiên Đài mặt ngoài Tam Thánh ký hòa ước, bên trong thờ hình Nam Bình Vương Phật đứng nhìn vô Chánh Điện. Sự hành lễ nơi đây cúng đàn hay thời thường về kinh cũng y như Báo Ân Từ, chỉ khác phần nội nghi Nam Nữ đồng quì hành lễ xong khi đứng dậy xây ra xá Pháp, Nam thì quay qua tay hữu, Nữ thì quay qua tay tả, kể như đâu lưng phần dương thì chưởng giải, phần âm thì thu liễm. Đền thờ Phật Mẫu ở Trí Giác mặt tiền có lầu chuông, lầu trống như Thánh Thất vậy. Trước cổng là Khải Hòa Lộ, còn ngang sân Đền là Thông Minh Đạo, phía sau ngôi Đền là mặt tiền của Trí Giác Cung là Trung Hòa Lộ có 2 cửa để vào Đền thờ đề 4 chữ ĐẠO PHÁP VÔ BIÊN trên có 3 vòng vô vi thể hiện pháp luân thường chuyển, ngõ vào bên tả Thừa Minh Lộ, bên hữu Quản Thông Lộ, còn dựa rào mé tả Mật Thất Lộ, mé hữu Thông Cù Lộ.

Mặt tiền Trí Giác Cung cái lý trung hòa là tên lộ đối diện Trí Giác Cung là Nhà Bảo Sanh Thuần Đức mà Đức Hộ Pháp đã dạy phần đó có nghĩa tượng trưng cho Kim Bồn của Phật Mẫu. Vùng Địa Linh là Pháp nên tượng thể khuôn thuyền Bát Nhã màu xanh được làm lễ khánh

thành 15–10 Nhâm Thìn (1952), còn các nơi từ Trung ương đến địa phương thuyền Bát Nhã đều màu vàng thể hiện cơ giải thoát của Phật lan tràn khắp chúng sanh, với khuôn thuyền Bát Nhã màu xanh nên có tượng Đức Di Lạc ngự trước giữa thuyền để chưởng quyền Pháp giới Bát Nhã của cơ tận độ trong buổi Tam Kỳ nhưng mặc khôi giáp của Hộ Pháp.

Thuyền Bát Nhã ở Địa Linh Động trước kia chỉ đưa xác mà thôi, nhưng cũng có rước những vị Chức Sắc hoặc công quả đã hiến thân cho Đạo và trường trai được đem vô trí giác hành lễ xong. Chừng đưa đám đi an táng thể hiện đủ Phật Pháp Tăng, đường lụa vàng choàng ở cặp gạt rồng xanh, đường lụa đỏ giắt ngang miệng rồng 2 mối choàng lại mui thuyền. Như vậy xa Ngọc Lộ phải rồng đỏ mới đủ 3 màu Phật Pháp Tăng, ngược lại trước kia đỏ do thợ sơn đạm điểm vàng nhiều dần dần không còn màu đỏ. Ngôi Đền tầng trên thờ Đức Chí Tôn là thờ cái nguyên lý của cơ khởi thỉ Càn Khôn, tầng dưới thờ Đức Phật Mẫu là thờ cái chơn khí hóa sanh vạn vật. Nên nghi thờ nơi đây có 2 rồng đỏ trước có vòi sau anh Viễn đắp lại bỏ bớt cả hai đuôi châu vào Long Vị, đầu phủ phục tại tiền bàn, hai rồng: 2 là số âm, còn rồng là dương, nhưng màu đỏ thuộc tăng của cơ sinh hóa với pháp "*lưỡng long phục vị*" ở ngôi Đấng Thiên Hậu là vậy.

Còn thờ Đức Diêu Trì Kim Mẫu nơi Báo Ân Từ có «*Song Phụng Triều Nghi*» giữa thì mặt nhựt thể hiện tại tiền bàn là ngôi phát xuất các tàng linh, phụng loại trống tiêu biểu cho dương ấy là đạo nhưng màu xanh của pháp là âm thể hiện ngôi thờ Đức Mẹ Chưởng Kim Bàn.

Nhưng Vạn Pháp Cung chưa thành là do tâm đức

Chúng sanh còn biến cải. Nên Đức Hộ Pháp chỉ chọn đặt nền mống hướng nam chân núi Bà nhìn về Tòa Thánh. Nên mỗi cung mỗi động phải có đủ Phật Pháp Tăng để chuyển hóa với pháp hồi quang là vậy, còn sự phản chiếu thì khác, với Thiên Hỉ Động, Địa Linh Động, Nhơn Hòa Động phải có pháp định vị.

Nhơn Hòa Động là Tăng thuộc chúng sinh, Tòa Linh Sơn là Pháp, Cung Vạn Pháp qui nhứt tức là Phật, là cơ đoạt đạo của người tu, cũng như Trí Huệ Cung là Tăng. Thiên Hỉ Động là Pháp. Ngôi tịnh thất nầy thờ Đức Hộ Pháp là người sáng lập nắm quyền vi chủ ba cung tức là Phật.

Cung Vạn Pháp là nơi qui cả pháp tánh chúng sanh, Động Nhơn Hòa là cơ họp nguơn chủng, kể ba cung lấy chơn pháp đạo mà hình dung trí giác là cái mỏ ác của con người, còn Động Địa Linh là cơ sinh của Đạo pháp đối cùng vạn loại.

Thiên Hỉ Động là nguyên lý của bản tâm ở đạo trời tượng thể. Cung Trí Huệ tiêu biểu cái dụng của bản tâm từ Thiên Hỉ Động chiếu lên là nơi phát xuất ánh Linh quang cho toàn thiên hạ.

Tòa lầu Trí Huệ Cung là phần trên, có một tầng âm sâu dưới đất là Thiên Hỉ Động. Bước vào phòng thấy cây tủ đứng sát góc tường bên tả, cao 2.05m, hông 1,03 m, mặt tiền ngang 1m 41, là cánh cửa phần trên tượng thể cung Càn () ba vạch chẳng bằng nhau y hình nơi Bát quái. Hé cửa cung Càn vào Thiên hỉ động ở giữa một cây cột vuông đỡ giàn đà với pháp tứ tượng. Từ đầu cột ra, mỗi cánh có 5 bậc. Dưới chân có cây tủ 1,743m cao chừng phân nửa cột, hình tủ vuông 1,89m. Mỗi mỗi có hai cánh cửa

0,50m. Nếu bốn bên mở chừng một cánh phía hữu, trước tầm mắt ta là chữ Vạn ở pháp thu liễm, phần nầy đóng lại. Mở một cánh một góc bên tả là chữ Vạn của cơ chưởng giải. Bằng bốn bên mở cả hai là pháp Bát quái, bởi lòng tủ miệng bát nên mỗi cạnh cột có miếng ván liền ra góc tủ với pháp tứ tượng. Ngay cửa hậu là lộ Thiên Can, Đức Ngài cho mở xắn ngang đất phần bởi Thiên Can tùng Địa Chi chẳng tùng thổ cư, còn ngang qua cặp mé rào là Thanh Tịnh Lộ, phía Tây có Giải Oan Kiều, phía Đông gối đầu Cổ Phong Lộ xẻ giữa phi trường, còn tả hữu với mặt tiền là Pháp Luân Lộ.

Ngay cửa Trí Huệ Cung là An Nhàn Lộ có đoạn Trần Kiều. Đứng ngoài trông vào phía tả là Ao Thất Bửu ở bên cầu, còn sau lưng là chợ Thiên Dương thể hiện cho cơ đời với con người có căn tu muốn tìm về cội đạo. Đến ngang đây ghé mắt trông xuống ao thấy nước soi hình. Nhờ Pháp Thất Bửu của Phật gội rửa thất tình của ta đặng bước qua Đoạn Trần Kiều để vào cung Trí Huệ rồi vượt lên cầu Giải Tục đến trường Qui Thiện mới về Tòa Thánh.

Chúng ta nhìn tòa Trí Huệ Cung có 4 cửa thể hình pháp Tứ Tượng đỡ tòa lầu, đứng trong nhìn ra tính vách rào bên tả thì hình chữ vạn chìu chưởng giải, còn tính vách rào bên hữu thì chữ vạn chìu thu liễm, giáp vòng cung Trí Huệ là một huê viên tuyệt đẹp, cửa Tây Nam Đức Ngài dạy treo một quả chuông có đủ diệu pháp âm dương mới thành đó là cơ mầu nhiệm của đạo trời, đối cùng 92 ức nguyên nhân quả chuông được Đức Ngài trấn thần, vì mấy lần đầu ông Giáo Hữu Thái Mạnh đúc xong đánh lên hơi ngân như hồng chung. Đức Ngài bảo đập đúc lại bởi chuông kiểu tiểu hồng chung miệng úp xuống

tiêu biểu cho âm khó có được tiếng ngân vang của hơi dương. Rốt rồi Đức Ngài dạy ông Giáo Hữu Thái Mạnh em về bảo bạn đời của em chay lạt tắm gội thành tâm ngày mai xuống thổi bể để em nấu đồng đúc lại ắt thành công.

Thật vậy khi đúc xong gõ thử kêu vang như tiếng kiễng nhà thờ, hễ đúng giờ Tý, Ngọ, Mẹo, Dậu giựt lên 3 hồi với chơn pháp tiêu biểu luật lịnh truyền thông trong 3 cõi Thượng Thiên, Trung Thiên và Hạ Thiên. Mỗi hồi dựt 36 cái quả lắc đánh qua đánh lại thành 72 tiếng, mỗi hồi tiêu biểu sự truyền đạt của pháp nhiệm 36 cõi trời làm cho tam hồn vật loại trong Càn Khôn thức tỉnh cùng các Chơn Linh trên 72 quả cầu đặng hồi hướng tứ thời chiêm ngưỡng nơi đây. Tam Thập Lục Thiên là con số Cửu của trời. Thất Thập Nhị Địa là con số Cửu của đất.

Vâng lịnh Đức Ngài nên 3 Hương Đạo quanh vùng này tất cả mọi người khi nghe chuông đổ lo chuẩn bị cúng Thời tại tư gia cũng y như ở Trí Huệ Cung, còn những ai đang đi đường hoặc đang làm công việc cũng ngưng đôi phút để định thần hướng về nơi chuông đổ mà cầu nguyện.

Sự hành lễ cúng thời lúc đó chưa có lập Hương Đạo, ở đây thì khác hơn các nơi, khởi Niệm Hương rồi Khai Kinh và tiếp đọc bài Đại La và Tạo Hóa Thiên đến dâng tam bửu Ngũ Nguyện là xong. Nhưng trong tứ thời chỉ đọc có hai bài kinh để xưng tụng hai đấng phụ mẫu Vạn linh làm cơ hữu hạp Càn Khôn biến sinh vật loại với phép trưởng dưỡng trong nguơn bảo tồn, chẳng có xưng tụng tam giáo nhưng trước lầu Trí Huệ Cung có treo 3 vòng vô vi thể hiện pháp luân Tam Giáo với ánh diệu quang 3 màu.

Người tu chúng ta bền trau cái Thánh tâm từ từ nhi tiến phối hợp 3 cung vận chuyển pháp hóa Tam Thanh

chiếu lên 3 đạo hào quang hình chữ sơn Phật Pháp Tăng là đắc tam diệu ở cơ định vị, Tinh Khí Thần hiệp nhứt tức thị tam huê tụ đảnh. Về tứ thời hành lễ nơi Trí Huệ Cung cái lệ giựt chuông tiêu biểu cho tiếng vang của pháp giới vô cực. Quả chuông nầy được Đức Thầy trấn thần độ nặng chừng 24 ký tuy nhỏ mà kêu vang. Nên bị kẻ trộm để ý cho đó có đồng đen mới lén cắt đứt lấy mất vào đêm 23–9 Canh Ngọ. Nay chỉ dùng quả chuông của Ngài Hồ Bảo Đạo trấn thần rồi tuy lớn mà kêu nhỏ được làm gác chuông cao hơn trước giờ chỉ để đó mà thôi.

Về phép giựt chuông Đức Hộ Pháp có tuyên bố Bần Đạo dạy đến phép giựt chuông là hết sách, đó là pháp trấn tỉnh mãi âm vang trong hàm tàng thức của chúng sanh về tinh thần trí não, phải tìm hiểu Đạo Pháp ở Chơn Lý của Đức Chí Tôn vì lời vàng tiếng ngọc đó sẽ có tiếng ngân vang như chuông trong cõi địa hoàn nầy đến thất ức niên.

Tòa lầu Trí Huệ Cung là một cảnh giới vô cùng tuyệt mỹ khiến thần trí của con người nhìn vào có một cảm giác lâng lâng, nên tôi có đôi vần hứng vịnh như sau:

VÃNG CẢNH TRÍ HUỆ CUNG

Hứng cảnh phong quang khởi sắc,
Ngát trời cảnh vật đưa hương
Kìa sau lưng dãy phố chợ Thiên Dương.
Nọ trước mắt tòa lầu cung Trí Huệ
Nhìn đoạn Trần Kiều dòng suối uốn mình bao thế hệ.
Trông An Nhàn Lộ vườn cây lả ngọn mấy tin sương.
Gió nhẹ lâng chào đón khách thập phương.
Nắng chói rỡ khơi tràn ao Thất Bữu
Động Thiên Hỉ một vùng thế gian danh hy hữu.

Lộ Pháp luân ba mặt đạo dụng lý siêu nhiên,
Kỳ hoa hớn hở bốn cửa đượm màu thiền,
Dị thảo diễm dà ngàn trùng chen cội đức.
Vào đảnh lễ trước một ghế chạm nỗi hình sen Tây Vức
Ngưỡng thành tâm bên mấy nghi thờ soi dấu Phật Nam bang.
Nhớ Tôn Sư từ ngày sống lại cõi Niết bàn
Giúp đệ tử vững chí chung xây nền Đại Đạo.
Cơ nghiệp đó chính tay Người đào tạo.
Hạnh phúc nầy đỡ bước kẻ tu hành
Tầng địa lầu dưới đã thấy đành rành.
Tiếng thần hạc ngoài nghe như văng vẳng.
Dạo gót hiên lan ngòi sương tay vẫy thẳng
Lắng chuông cửa tịnh hồn bướm giấc mơ nhanh
Nhát trông ra quang cảnh đạo an lành
Hồi tưởng lại sơ đồ Thầy vững chắc.
Ngang dọc hình phi trường chừng tái thiết khách trông vui tầm mắt.
Trước sau chòm cổ thụ vẽ tiêu dao chim hót đẹp nguồn thơ.
Viện Bảo Cô kế đó mới khai cơ.
Ban Kỳ Lão bên nầy chưa thượng bảng
Đẹp đẽ trời trưa vui cảnh rạng.
Im lìm gió mát tận lầu cao.
Vòng vô vi treo cửa trước ba cái vẫn ba màu.
Vật kỷ niệm để phía sau hai xe cùng hai loại.
Dãy nhà khách kế rào lầu rộng rãi.
Ấp Trường Xuân đưa mắt cảnh khang trang.
Cửa hậu Trí Huệ Cung ngay phắt lộ Thiên Can
Mặt tiền Ban Kỳ Lão đẹp thay đường Thanh Tịnh.
Giải Oan Kiều nằm mút đường nầy, suối gợi khách trì trai

thiền định.
Văn Hiến Lộ mở ngang rẫy đó, người vui câu kích nhưỡng nhi ca.
Kìa ấp Cây chò Ngũ Luân Lộ xuyên qua,
Nọ cửa trường học Tam Cang Lộ chạy xuống.
Sở Cao su mắt nhìn có luống,
Nhà Nữ phái ngói lợp xây tường.
Lộ Cổ Phong sổ thẳng giữa phi trường.
Cầu Giải Tục nối liền về Trí Giác,
Ngắm cảnh để thơ duyên bát ngát.
Cho cành đọng ngọc sắc long lanh.

THI

Vùng Thiên Hỉ Động đẹp như tranh,
Quang cảnh nơi đây đượm sắc lành.
Bên đoạn Trần Kiều ao Thất Bửu,
Trước cung Trí Huệ bóng Tam Thanh.
Vườn hoa nhân ái thêm nhàn nhã,
Cánh cửa từ bi mãi vận hành.
Trải mấy tang thương còn vững đó,
Làm cơ hoằng pháp độ nhơn sanh.

■ *(4–4 Nhâm Tý)*

Với một tâm hồn nghệ sĩ hay họa sĩ hoặc tu sĩ nhìn vào cảnh vật hiện tại cũng có một vài cảm nghĩ soi rọi lại lòng mình nghe thanh thoát nhẹ lâng.

Hướng niệm Đức Tôn Sư Hộ Pháp nhập tịnh Trí Huệ Cung 16–1–Tân Mão (1951) trong 3 tháng. Đức Ngài tiếp xúc mặt huyền linh để cầu xin Ngọc Hư Cung ân giảm tội tình của nhơn loại ở thời Hạ Nguơn Tam Chuyển nầy.

CẢM ĐỀ

Tôn Sư nhập tịnh cảnh trời xuân,
Trí Huệ Cung ân đượm thế trần.
Phước tục biến hình hoàn xá lợi,
Kim Tiên khai khiếu đấng nguyên nhân.
Chuyển cơ huyền nhiệm hồi chuông lịnh,
Xung ánh Cao quang ngọn gió thần.
Triều kiến Ngọc Hư cầu giảm tội,
Nhơn loài tự tỉnh lánh mê tân.

Vì bả lợi mồi danh nên con người mãi đấu tranh nơi trường khổ não đó là sông mê. Muốn tránh cái họa diệt vong thì con người phải hướng về Thiên lý.

41– LỄ KHÁNH THÀNH TÒA THÁNH VÀ QUANG CẢNH NỘI Ô

Đức Hộ Pháp cầm quyền đạo rất quan trọng về tinh thần lễ nhạc. Bởi nhạc phát xuất nguyên lý tạo đoan với tiếng nổ Khai Thiên có liên hoan trong pháp giới chúng sanh đối cùng tôn giáo.

Nên cuộc Lễ Khánh Thành Tòa Thánh từ khởi công xây cất đến lễ an vị quả Càn Khôn đều nằm trong lý số tạo đoan. Nền Đạo bắt đầu lễ Hội Yến Diêu Trì Cung vào năm Ất Sữu (1925) đến năm Bính Tý (1936) là 12 năm mới khởi công cất Tòa Thánh, từ Bính Tý đến năm Đinh Hợi 47 là 12 năm mới làm lễ an vị quả Càn Khôn vào 4 giờ chiều ngày 8 tháng giêng là con số Thập Nhị Khai Thiên của Đức Chí Tôn. Tháng giêng là 1 cộng ngày 8 là 9 vốn con số dứt của trời, thờ quả Càn Khôn từ năm Đinh Hợi (1947) đến năm Ất Mùi (1955) là 8 năm tức con số Bát Quái của Đức Chí Tôn mới làm Lễ Khánh Thành Tòa Thánh, theo chương trình phần chánh yếu cũng thuộc lý số, khởi cuộc lễ vào mùng 6 tháng giêng Ất Mùi đến 16 là 10 ngày thuộc con số Thập Thiên Can của Trời, sáng 8 giờ 30 lễ rước Đức Hộ Pháp, 8 giờ 40 lễ Thượng Phướn trước Tòa Thánh và Báo Ân Từ, 9 giờ Ngài Khai Đạo Trưởng Ban Tổ chức đọc diễn văn khai mạc cuộc lễ.

Đến ngày 8, 12 giờ đêm Đức Hộ Pháp hành lễ cắt băng mở cửa Đền Thánh để hành đại lễ Tý Thời vào 9 tháng giêng. Sáng ngày 9, 6 giờ Đức Hộ Pháp hành lễ cắt

băng mở cửa Báo Ân Từ nơi thờ Đức Phật Mẫu. Ngày 12, 9 giờ đến 10 giờ khánh thành các dinh thự, ngày 15, 8 giờ 30 hành lễ thiêu xác các Thánh Tông Đồ của Đức Chí Tôn, 1/ là Đức Quyền Giáo Tông, 2/ là Đức Cao Thượng Phẩm, 3/ là Ngài Đầu Sư Ngọc Trang Thanh, 4/ là Bà Nữ Đầu Sư Lâm Hương Thanh, lễ thiêu xác các Thánh kéo dài do Công viện thiếu kỹ thuật, sau nhờ Sãi Miên phụ lực chờ tro tàn mới nhặt hoàn xá lợi thành ra cuộc lễ thêm 2 ngày đến 18 mới xong cũng là con số Thập Nhị Địa Chi của Đại Từ Mẫu.

Nhưng ngoài chương trình cuộc Lễ Khánh Thành sáng ngày 6, 7 giờ Đức Hộ Pháp đến Khánh Thành bộ Lễ Nhạc có sự tham dự Ngài Khai Đạo quyền Ngọc Chánh Phối Sư, Ngài Cao Văn Pháp, Ngài Tiếp Lễ Nhạc Quân, với Ngài Đạo Nhơn Trịnh Phong Cương Chưởng Quản Phước Thiện, cùng một số anh em ở lễ Nhạc Đường. Văn phòng nầy lợp tôn vách ván, hành lễ xong Đức Hộ Pháp liền phán, lễ nhạc thành, đạo mới thành. Vì lý do đó nên Bần Đạo mới hành lễ Khánh Thành văn phòng bộ Lễ Nhạc Trung Ương trước là vậy.

Phần phụ trong cuộc lễ có những chương mục vui về tinh thần. Dọc theo hai bên rừng Thiên Nhiên có nhiều gian hàng triển lãm của các Châu chưng bày. Trước ngựa Phật Tổ Hội Thánh cho dựng một cái khán đài, Đức Hộ Pháp sai anh Lê Văn Thoại đi mướn đoàn hát bộ, anh vâng lịnh xuống Sài Gòn kêu đoàn hát ở tại rạp Thành Xương đường Trần Hưng Đạo lên hát 3 đêm đề tài Đức Ngài 1/ Tiêu Anh Phụng loạn trào, 2/ Đào Tam Xuân vấn tội Hàng Tố Mai, 3/ Nguyệt Kiểu đi tu, với chúng ta hiểu thánh ý của Đức Ngài có loạn mới có trị, có trị rồi mới có

bình. Sự trình diễn 3 đêm đã xong, đoàn hát xin với Hội Thánh để hát cúng một đêm ở đoạn cuối của tuồng San Hậu như vậy là 4 đêm.

Nay là Đông Khán Đài buổi nọ nền trệch đầu rừng Thiên Nhiên, mé ngoài có cuộc thi văn nghệ về lễ Khánh Thành Tòa Thánh. Đầu trong tổ chức cuộc đánh cờ người được nhiều kỳ thủ danh tiếng đến tham dự. Các lộ ở nội ô cũng như bên ngoài sóng người vẫn cuồn cuộn, từ cửa số 2 đến cửa số 3 ở bên trong người ta buôn bán tấp nập, thêm đoàn xiếc Mô tô cũng chen vô để giúp vui. Một đoàn cưỡi xe nhào lộn ngược trong lồng cầu. Một đoàn cưỡi xe nằm ngang vẫn buông tay xe chạy quay ở trong cái thùng tròn, cũng còn vài thú vui nho nhỏ. Gần đến ngày lễ Khánh Thành trong Nội Ô từ dinh thự với các lộ Công Viện cho anh em công quả dọn dẹp rất khang trang. Nặng nhứt từ cửa số 3 đến cửa số 2 lô đất từ mé rào giáp lộ Cao Thượng Phẩm còn chồi Gò Mối. Lịnh Đức Ngài cho Hội Thánh huy động công quả các phận vô làm cho bằng phẳng, sạch sẽ. Giữa lúc đó có quyền đời ngoài tỉnh xin với Hội Thánh để đem xe ủi vô dọn cho đỡ sức nhơn công, Hội Thánh mới bạch lại thì Đức Ngài phán để nhơn sanh làm kiếm công quả. Chớ sau Đạo thành rồi các nước trên thế giới hiểu Đạo họ giành làm bằng máy móc hết, nhơn sanh khó mà có chỗ để lập công, thảng như giấy công quả của chúng ta ai ham tiền bán họ cũng sẵn sàng mua.

Khi Đức Hộ Pháp về Tòa Thánh nắm quyền đạo hồi năm 1946 đến 1948 thì vùng ngoại ô Thánh Địa Đức Ngài cho mở mang lần đầu Bát Phận Đạo. Bát là con số biến hóa nên chừng lễ khánh thành Tòa Thánh vào năm Ất

Mùi (1955) đã lên đến 13 Phận Đạo. Chừng Đức Thượng Sanh về cầm quyền đạo có 4 phận lớn Đệ Tứ, Đệ Ngũ, Đệ Thất, Đệ Cửu nên chia ra và lập thêm tất cả là 19 phận. Khi Ngài Hiến Pháp nắm quyền Chưởng Quản cho lập ra Phận Nhị Thập ở Ninh Sơn là 20 phận.

Cuộc lễ Khánh Thành Tòa Thánh từ Trung Ương đến địa phương nhơn sanh về lễ quá đông, lớp Quan Khách ở trong nước cũng như ngoài nước, mà châu vi Nội ô chỉ vỏn vẹn số đất có 96 hecta. Ngay lúc đó ra vào chỉ có 5 cửa, số 1, số 2, số 3, số 4, số 6. Ranh rào mé đông ngoài hàng tre gai cặp bên trong là lộ Thái Hòa, mé tây ranh rào thay vì xóm nhà cặp trong là lộ Ca Bảo Đạo, mé Nam ngoài ranh rào kẽm gai cặp trong là lộ Phước Đức Cù. Mé bắc bên ngoài rào kẽm gai cặp trong là lộ Thượng La-Ta-Bi. Hiện nay Châu Vi Nội Ô có xây tường rào ra vào tự do tới 12 cửa. Xin kể những con lộ chánh yếu hiện giờ mà Hội Thánh đã định danh nên nhơn sanh thường quen gọi. Ngang cửa Tòa Thánh là lộ Phạm Hộ Pháp, Bắc cửa 1, Nam cửa 7, trước ngựa Phật Tổ là Lộ Cao Thượng Phẩm, Bắc cửa 2, Nam cửa 6, Tại Hậu Điện Tòa Thánh là lộ Cao Thượng Sanh, Bắc cửa 12, Nam cửa 8. Cặp hông Nam Đầu Sư Đường là lộ Oai Linh Tiên, Đông cửa 10, Tây cửa 4. Cặp Giáo Tông Đường là lộ Thượng Trung Nhựt, Đông cửa 11, Tây cửa 3. Cặp hông cơ quan Phát Thanh Giáo Lý là cửa 9, lộ giáp đường Cao Thượng Phẩm chẳng có cửa 5, bởi cửa 5 nằm bên góc rào Nội ô ở phía Tây Nam hướng Cung Càn nên không mở, Đức Ngài dành cho những trang đồ tể tay biết buông đao, những hạng có quyền thế phá đạo làm nhục Chúa khi biết quay đầu, đã là hung ác đến lúc bị linh tâm cảnh giác họ trở lại nâng đở đạo với

hành động phi thường, tuy cửa không mở mà do tâm đức phá vỡ đặng vào, khác nào lời Đại Từ Phu đã nói: Ngôi vị Bạch Ngọc Kinh chẳng ưa chứa kẻ hung hăng mà lạ một điều là kẻ hung hăng đạo đức thường phá cửa lún đặng vào địa vị phần nhiều đoạt bởi kẻ ấy. Với hiện tại pháp số cửa 5 không mở mà mở, ở lý biến dịch Càn sanh Khôn tức thị đường tâm đã khai môn nội.

Ngay trước Đền Thánh là cổng Chánh Môn, bên trong có 2 con lộ gọi là lộ Đại Đồng Xã chạy cặp hông Tòa Thánh. Khoảng trống ở giữa ngay cửa đền là sân lễ. Nhắc đến sân lễ thì trong tiềm thức không thể quên được ngày Lễ Khánh Thành Toà Thánh Tây ninh, Nên tôi mới cảm vịnh một bai thi để tri ân Đức Hộ Pháp trong giai đoạn kiến tạo ngôi đền phải chịu nhiều thách thức của cường quyền Pháp xem Thầy là dân thuộc địa khó dễ đủ điều, dầu bị tù đày chừng mãn hạng được trả về vẫn tiếp tục làm xong đâu đó mới có làm lễ Khánh Thành.

MỪNG LỄ KHÁNH THÀNH

Toà Thánh vui trông Lễ Khánh Thành,
Nhờ ơn Ngự Mã đốc công nhanh.
Nền nhân kiến tạo ngôi đền mới,
Cội phúc khai thông mạch đất lành.
Thần Thánh Phật Tiên qui nhứt bổn,
Thời kỳ đạo pháp ứng tam thanh.
Cao Đài chân lý tâm vi chủ,
Đại nghiệp thiêng liêng Thượng Đế dành.

Đây là một ân huệ Trời ban cho cả chúng sanh lấy sự thương yêu để lập lại cảnh thái bình của thời Thượng nguơn Thánh đức.

42– HÌNH THỨC CAO ĐÀI QUI NHỨT TÍN NGƯỠNG

Về mặt giáo lý phổ truyền Đức Hộ Pháp với sứ mạng để qui nguyên các triết thuyết hữu hình thành một khối tín ngưỡng. Đức Ngài vừa thực hành Thiên Đạo còn lo ấn tống quyển Phương Tu Đại Đạo đặng dạy chư tín đồ về phần Nhơn Đạo. Đối với nhiệm vụ công dân Đức Ngài mới khởi cuộc công du Châu Á vào 2–8 Giáp Ngọ (24–8–54) trước ghé Đài Loan rồi qua Nam Hàn, sau cùng đến Nhựt Bản tại chùa Co Ko Gi nhằm 2–10–54 để thỉnh tro cụ Cường Để đem về Tòa Thánh vào 20–9 Giáp Ngọ. Chừng một thời gian ngắn Đức Ngài cho công thợ xây cất một ngôi Báo Quốc Từ hình lục giác nằm ngay trung tim lộ đến chợ Long Hoa, được làm Lễ Khánh Thành 16–8 Ất Mùi để thờ những bậc biết hiến mình cho Tổ Quốc để biểu dương Thần Đạo. Ngôi thờ nầy phần trên là Đức Quốc Tổ Hùng Vương, dưới chỉ có 4 Long Vị, 1/ là Hàm Nghi, 2/ là Duy Tân, 3/ là Thành Thái, 4/ là Cường Để, cùng một chuyến Á du Đức Ngài ghé Đài Loan được vị Tổng Thống Tưởng Giới Thạch với nghi lễ tiếp đón rất nồng hậu. Trong lúc khoản đãi bổng dưng có người cháu 72 đời của Đức Khổng Tử rất thành kính trao cho Đức Ngài mấy bộ Kinh Nho Giáo, rồi Đức Ngài đến Nam Hàn được Tổng Thống Lý Thừa Vảng tiếp đón ân cần, còn mời một số Chư Sơn trong hàng Cao Đồ của Lão Giáo trao tặng cho Đức Ngài ba bộ Kinh của Tiên Đạo.

Nhờ sự gia công của Đức Ngài mới đem cả cái tinh hoa của Thánh Đạo và Tiên Đạo về nơi Tổ Đình Tòa Thánh Tây Ninh, ơn trên còn chuyển pháp ở mặt huyền linh. Nên Đức Ngài làm lễ cung nghinh 2 báu vật của Đức Thích Ca Bồ Đề và xá lợi gốc từ đảo Tích Lan đưa đến Tòa Thánh vào 16–5 Quí Tỵ do vị Đại Đức Narathera đem qua cấy trong cái lon chau lá mới ngón tay. Tiếp nhận xong để tại Hộ Pháp Đường bị chuột cắn bứt đọt sau mới đăm lên 3 tược khác. Đức Ngài phán với 2 người 1/ là Giáo Thiện Trạng, 2/ là 7 Tia có trách nhiệm săn sóc cây bồ đề, nó tuy một gốc sanh 3 nhưng sau còn là một hẳn vậy.

Khi Hội Thánh cho công thợ làm lại Hộ Pháp Đường Đức Ngài qua nghỉ tại Giáo Tông Đường, thời gian nầy cây bồ đề ở trong chậu để dựa chân tường sân nắng ngọn cao lên cả với, chừng đem đặt xuống sân Đại Đồng xã không xây bồn có rào giáp vòng để chõi thân cây bởi cao gần 3 thước, cây bồ đề được trồng vào 24–6 Ất Mùi nhằm ngày vía Cái Thiên Cổ Phật cúng tý thời vừa mãn đàn, lễ rước Đức Hộ Pháp và Hội Thánh có đèn măn xong ra tại sân Đại Đồng Xã, Đức Ngài phán nhờ vị Thủ Lảnh Bảo Thể Giáo Hữu Thái Thu cùng chánh Bảo Thể là Giáo sư Ngọc Thới hiện nay với hai nhơn viên phụ khiêng để xuống hầm gỡ bồn xong rồi dang ra, tự tay Đức Ngài cầm dá dùa đất úm gốc không cho một ai vịn vào, về bí pháp có phần nào quan trọng khác hơn 2 cuộc lễ trước kia, 1/ là lễ di quả Càn Khôn 4 giờ chiều 8 tháng giêng Đinh Hợi (1947) tại Báo Ân Từ dời về Tòa Thánh. Lúc con cái của đạo đang làm công quả có anh hiện ở trần mặc quần đùi, Đức Ngài liền phán Bần Đạo cho phép cả con cái của Đức Chí Tôn mỗi người phải có một cánh tay xúm nhau

nâng đỡ quả Càn Khôn để đối với Đại Từ Phụ, 2 là lễ an vị của Đại Từ Mẫu, Đức Ngài phán cả con cái của Mẹ phải chung tay vào để phò long vị Đức Mẹ đến tận ngôi thờ là Báo Ân Từ đặng làm nơi chiêm ngưỡng.

Nhờ Đức Hộ Pháp đứng ra đốc công chỉ đạo cho 7 Cung lo kiến tạo lại ngôi thờ hiện giờ có bửu tượng Đức Mẹ cùng cửu vị Nữ Phật. Được làm lễ an vị vào 4–8 Quí Tỵ (11–9–53), thật là một công trình vĩ đại còn lưu lại cho người sau. Nhắc đến Đức Ngài là một chương Sử Đạo tràn đầy gian khổ hết lưu đày tới lưu vong cũng trong sứ mạng thể Thiên lập giáo, lấy tình thương cứu nhơn loại sớm thoát khỏi tai ách chiến tranh của thế giới, vì đó mà Đức Ngài mới vạch ra con đường Hòa Bình Chung Sống theo Thánh ý của Đức Chí Tôn đã tiên tri cùng nhơn loại về đôi liễn ở mỗi cửa vào Toà Thánh như sau:

CAO THƯỢNG CHÍ TÔN ĐẠI ĐẠO HÒA BÌNH DÂN CHỦ MỤC

ĐÀI TIỀN SÙNG BÁI TAM KỲ CỘNG HƯỞNG TỰ DO QUYỀN

Nhắc Đức Ngài người đạo ai cũng mong được phục hồi lễ Giáng Sinh của Đức Hộ Pháp. Ta nhớ đến cuộc lễ triều thiên nơi cõi Hư Linh tiếp vị Phật Hộ Pháp làm xong sứ mạng mà đài Thần Linh Học đã loan tin. Nên tôi mới cảm tưởng một vần thơ:

Vùng đạo mong ngày lễ Giáng Sinh,
Tôn Sư Hộ Pháp Tổ Hòa Bình.
Canh Dần chịu tuổi nhầm Đoan Ngọ,
Aát Sửu xây bàn hiện cứu tinh.
Điển lực Kim Tiên gom thế giới,
Aân quang Ngự Mã chiếu cung đình

. Kỳ ba đắc lịnh khai nguơn hội,

Nhơn loại chung thờ Đấng Chí Linh.

Bởi Đấng Chí Linh giáng bút lập đạo để tạo hòøa bình cho nhơn loại bằng sự thương yêu và chơn thật.

43– CHỦ CHI THẾ THỰC HÀNH THỂ PHÁP

Mùng 4 Tết năm Bính Thân Đức Hộ Pháp sang Miên, đến 15–4 Đinh Dậu Đức Thượng Sanh về tòa Thánh cầm quyền Đạo ngay trong cơ đại khảo có vài phần tử chống đối. Nhưng Đức Ngài vẫn thản nhiên với tánh đức ôn hòa quyết tâm giữ vững mối chơn truyền để lèo lái khuôn thuyền tế độ vượt qua cơn sóng gió, phần nội bộ đạo đâu đó cũng tạm an bài. Nên Đức Ngài lập Đạo Lịnh số 15 ngày rằm tháng giêng Kỷ Hợi (18–2–59), bổ vị Bảo Thế quyền Đầu Sư bên Cửu Trùng Đài đặng khuếch trương cơ truyền giáo vừa lo trùng tu và kiến tạo để bảo tồn đại nghiệp đạo của Đức Chí Tôn đến thất ức niên.

Kể là lần đầu tiên vào 14–8 Tân Sửu (29–9–61) lúc 9 giờ Đức Ngài làm lễ thượng phướn Tam Thanh nơi Báo Ân Từ tức là qui cả tam hồn của nhơn loại vào lòng Đức Mẹ kể như sự hành pháp ở Đức Ngài.

Còn nghĩ đến tương lai cho nền Chánh Giáo trong cơ qui nhứt của Đức Chí Tôn mới có đạo lịnh 032/ĐL 14–8 Nhâm Dần (1962) giao cho Ngài Hiến Pháp Hiệp Thiên Đài thành lập ban Đạo Sử có nghĩa là cái kho để tàng trữ triết lý Vũ Trụ Quan và Nhơn Sanh Quan. Nhờ đó mà Hội Thánh mới có tài liệu tiếp ấn tống quyển Thánh Ngôn thứ nhì để giúp ích Chúng sanh trên đường tu học.

Kế đến ngày 9 tháng giêng Quí Mão, lễ Khánh Thành

nhà Vạn Linh Đức Thượng Sanh cắt băng khai mạc cuộc lễ tức là Chủ Chi Thế mở ngõ cho Vạn linh sớm hồi đầu hướng thiện.

Với Thất Đầu Xà, Đức Ngài là Chi Thế về ngự ở phần đuôi thì 4 cái đầu kia cất lên quậy phá phần Đạo cũng như phần đời. Nên những năm đó toàn đất nước đều có chiến tranh, thậm chí quanh rào Nội Ô Tòa Thánh cũng gánh chịu một phần không nhỏ về tai nạn cuộc chiến góc rào cửa số 8 với góc rào cửa 12, làm cho chúng ta nhớ đến lời Đức Hộ Pháp phán trong khi trấn thần Thất Đầu Xà kể là tiên tri, "E sau nầy Hộ Pháp xuất ngoại, Thượng Sanh về ngự ở nơi đuôi thì tự do thất tình lôi cuốn cơ thử thách nội và ngoại. Ngày nào Hộ Pháp trấn lại trên ngai thì có thể dễ dàng mọi việc đời đạo; quyền thiêng liêng phải vậy trả vay cho sạch oan khiên mới đem thuần phong mỹ tục vãng hồi hòa bình tháng Thuấn ngày Nghiêu trở nên Thượng Cổ ".

Bởi Đức Thượng Sanh thi hành cái sứ mạng trong giai đoạn Chi Thế cầm quyền đạo, Chi Pháp thì lưu vong, nên có một số người bị tà khí ám thị thiên lương không còn ngự trị được bản tâm mới đâm ra cực đoan bất mãn quá khích. Với cái tài lãnh đạo của Đức Thượng Sanh không phải dở nhưng gặp phải ở thời kỳ thử thách để trả nghiệt đền oan và tô thiên vị cho những trang chí Thánh, thì mới thấy rõ ai là người có tâm thành đức vẹn với chí thanh liêm công chính, vì đạo mới dám đứng ra cộng sự cùng Đức Ngài trong cơ khảo, về đối ngoại không xu thời, còn đối nội giữ vững lập trường tôn giáo thuần túy, vừa lo kiến tạo lại cho đại nghiệp nào là tường rào Nội ô với dinh thự trường ốc cùng các cơ sở như sau:

Kìa là VP. Đường Nhơn, VP. Tần Nhơn, VP. Bắc Tông Đạo, đó là những ngưỡng cửa để đưa người vào Thánh Thể, với VP. Ban Thế Đạo là ngưỡng cửa để dẫn phàm nhập Thánh, VP. Nam Đầu Sư Đường là ngôi mệnh của Thánh thể, VP. Tiếp Lễ Nhạc Quân, VP. Lễ Nhạc Đường là hơi thở của Thánh thể, VP. cơ quan Phát thanh giáo lý là lời nói của Thánh Thể. Học đường bị bán công được lịnh dời về tạo lại trường ốc, với VP, Ban Kiến Trúc, VP. Bảo Thể, VP. Thánh Vệ, VP. Ban Kiểm Thủ Thánh Địa, VP. Thuyền Bát Nhã, VP. Công Viện trại mộc hành chánh nhà đèn cùng V.P Hội Thánh Phước Thiện Nam cũng như Nữ, và Hạnh Đường Phước Thiện với cảnh Bá Huê Viên. Điểm chánh cho họa sĩ vẽ lại tượng Tam Thánh ký hòa ước bởi phong vải bị mục nước sơn bị bún lên, và cho tạo lại giỏ quả Càn Khôn mới bằng nhôm vì trước làm bằng vải lúc hạ đem ra để mé hành lang ngang Bát Quái mé phái Nữ, thành thử có số người mê tín xé mất phần dưới với số tinh cầu, với 3 ngôi tháp trước Đền Thánh, vào năm Mậu Thân 1968 cho công thợ xây rào lộ Ca Bảo Đạo chừa ra ngoài Nội ô vài cửa có cổng Tam Quan có cửa chưa, phần có cổng số 1, cổng số 2, cổng số 3, cổng số 4 chừng xây rào làm thêm cổng số 6, cổng số 7, phần còn lại cổng số 8, cổng số 9, cổng số 10, cổng số 11, cổng số 12. Đến năm Giáp Dần 1974 trong giai đoạn nầy Ngài Hiến Pháp mới cho xây tiếp mấy cửa đó. Còn làm lễ đặt viên gạch đầu tiên Tòa Nội Chánh Nữ Phái mé cửa 12. Nhưng trước đã cho kiến tạo lại Bệnh viện HC và lập VP Hội Thánh Hàm Phong với VP Kim Biên Tông Đạo, nhưng cổng số 2 không ở giai đoạn của Đức Ngài, cổng đó có vào thời kỳ của Đức Hộ Pháp còn lưu lại cũng như 3 văn phòng hiện nay, còn cũng con số 12 của Đại Từ Phụ

mà thôi, bởi trước Đức Hộ Pháp lập ra Bát Phận Đạo, mỗi nơi phải có một văn phòng phận Đạo. Do thời kỳ Ngô Triều đàn áp Cao Đài cho người chiếm Trí Huệ Cung và Phạm Nghiệp Ngài Bảo Thế Quyền Đầu Sư ra lịnh các văn phòng phải thượng bảng Thánh Thất để khỏi bị chiếm đóng của quyền đời, vì thời gian nếu ngôi nhà thì ta phải trùng tu, nên dần dần các văn phòng ở mỗi phận trở thành Điện Thờ Thánh Thất chỉ còn hình thể văn phòng từ trước đến giờ, đó là Đệ Nhị, Đệ Tam, Đệ Thất mà con số 12 đã nêu trên.

Nhắc lại lời Đức Hộ Pháp 4 góc Tòa Thánh nữa phải có 4 cái Thánh Thất nhưng ở xa ra.

Nên ở thời kỳ Đức Thượng Sanh lãnh đạo, vì hoàn cảnh hiện tại Hội Thánh mới cho tạo dựng nhiều Thánh Thất cũng như Điện Thờ, thì VP. Thượng Sanh Chỉ Thị số 072/TS điều 2 ngưng công cuộc tạo tác những Thánh Thất và Điện Thờ Phật Mẫu trong các Phận Đạo. Chiếu lời phê của Đức Hộ Pháp và quyết nghị của Hội Nhơn Sanh năm Giáp Thìn, Tòa Thánh 25–8–Ất Tỵ (28–9–65).

Thời gian của Đức Ngài về cầm quyền muốn bảo thủ mối chơn truyền là một điều rất khổ tâm. Nên ngày 22–10 Đinh Mùi (23–11–67) Đức Thượng Sanh gởi văn thư nhờ Hội Thánh Phước Thiện cho Công Viện tạo cho Đức Ngài một cây Thư Hùng Kiếm với Bí pháp Chi Thế để trị loạn. Đức Ngài nói mấy năm qua ngồi xem Chức sắc Hành chánh ra sao đạo hữu tu tâm như thế nào cho biết, nhận thấy một phần Chức sắc không giữ công tâm bất tuân Luật Pháp Chơn Truyền của Đạo, Sự tạo Thư Hùng Kiếm có đủ Diệu Pháp Âm Dương, khi Hội Thánh sai người đi tìm gốc dâu thật lâu năm. Biết được cửa số 7

ngoại ô có một gốc thật lớn đứng tại bìa sân nhà ông Lễ Sanh Ngọc Đức dựa mé đường, anh em công quả vào nhà để hỏi mua hoặc đổi đồ vật, nhưng anh Ngọc Đức nói của cha tôi trồng nay ông đã qua đời, đó là một kỷ niệm của gia đình không thể để mất được, nên anh em bước qua nhà Ngài Khai Đạo nhờ nói hộ dùm với LS Ngọc Đức. Ngài đến nói với Ngọc Đức sự quý báu được tạo Thư Hùng Kiếm hỏi có chi bằng, anh Ngọc Đức vẫn khư khư chối từ không để. Sau nhờ LS Thượng Thứ vốn người Pháp hồi mới lên vùng xóm ruộng thuộc xã Trí Bình cũng là nơi sinh của Đức Thượng Sanh.

Anh Thứ tìm mua được một gốc chừng cắt ngã xuống thấy có bù xè, e làm không đủ mới nài thêm một gốc nữa cở 9, 10 với gốc kia. Khi xong kêu xe chở về trại mộc Phước Thiện giao cho Tá Lý Chước anh Bảy Chước cho thợ cưa thử gốc Bù xè ra chỉ chọn được có một phiến đúng với tầm cở để làm, đây là lời Bảy Chước thuật lại, nên cho thợ cưa gốc nhít hơn mới lựa được một phiến nữa, mới ghép lại đủ thân Thư Hùng Kiếm, còn thừa một phiến lấy chuốc cáng Phất Chủ mà thôi.

Bởi Thư Hùng Kiếm một lưỡi trống một lưỡi mái, phần nhận thức LS Ngọc Đức không phải tiếc với đạo, nếu của Đạo làm vật báu cho đạo đâu bằng của đời đem về làm vật báu cho đạo mới là giá trị, đó cũng do thánh ý Ơn Trên khiến vậy.

Khi Thư Hùng Kiếm tạo xong cũng trong dịp lễ đưa Chư Thánh Triều Thiên 24–12 Đinh Mùi trước giờ cúng Ngài Hiến Pháp làm lễ trấn thần rồi, Lễ Viện sau đem dâng cho Đức Thượng Sanh nắm giữ để sử dụng bí pháp chuyển thế cho kịp kỳ Long Hoa Đại Hội.

Tiếp đến là tết Mậu Thân lần lần bước sang Kỷ Dậu trong 2 năm chiến tranh dữ dội càng khổ Nhơn Sanh.

Nỗi mừng cũng tạm vui xuân Canh Tuất vùng Thánh Địa người người nô nức với tinh thần tín ngưỡng trong dịp tết của nòi giống Rồng Tiên. Còn riêng về mặt Tôn Giáo chúng ta thể hiện sự chiêm bái tầng đoàn lũ lượt kẻ trước người sau hơn mấy ngày qua cùng nhau vào đảnh lễ nơi Tòa Thánh, cái điểm chánh lúc sắp cúng đàn thấy Đức Thượng Sanh thực hành sứ mạng phần yếu nhiệm của Chi Thế nhằm Đại Lễ mồng 9 tháng giêng cúng Đức Chí Tôn Ngọ Thời. Đức Ngài mặc Đại phục tay hữu cầm Phất Chủ, tay tả nắm xâu chuỗi từ bi, lưng dắt Thư Hùng Kiếm, có lễ nhạc rước từ Giáo Tông Đường tới Tòa Thánh chỉ một lần nầy, sau Đức Ngài tự đi chớ không cho rước đưa nữa, nhắc lại trước kia Ngài Bảo Thế qua quyền Đầu Sư bên Cửu Trùng Đài xuống lịnh lễ nhạc và Tổng Giám Kiểm cơ quan Bảo Thế làm lễ rước Đức Thượng Sanh đi cúng Đại Đàn Đức Lý Giáo Tông chỉ có một lần bởi Đức Ngài không cho rước đưa như vậy.

44– TỔNG LUẬN PHẬT PHÁP TĂNG VÀ NHÂN NGHĨA

Phần tượng lý nguơn Vô Thỉ đạo sanh Nhứt là phật, Nhứt sanh Nhị là Pháp, Nhị sanh Tam là Tăng, bởi Tam sanh vạn vật là cơ Khởi Thỉ Đức Chí Tôn là Phật. Diêu Trì Kim Mẫu là Pháp làm cho Càn Khôn hữu hạp biến xuất vạn vật là Tăng, Tăng là Tinh phần sinh hóa, Pháp là khí lý trưởng dưỡng, Phật là thần cơ an định, Phật là tượng lý, Pháp là định vị, Tăng là phát huy. Nên người tín hữu Cao Đài khi thỉnh Thánh lấy dấu với Phật ta trụ được nguơn Thần, với Pháp ta định được nguơn Khí, với Tăng ta chuyển được nguơn Tinh, ở Trời Đất cái tự nhiên là Phật, cái an nhiên là Pháp, cái hiển nhiên là Tăng, còn ở con người Linh hồn là Phật, Chơn Thần là Pháp, bản thân là Tăng, với ngôi Đền Thánh Bát Quái là Phật, Hiệp Thiên là Pháp, Cửu Trùng là Tăng, Phật là nguyên lý phát sinh, Pháp là triết lý biện minh, Tăng là giáo lý phổ trình, nên niệm Phật tập tánh từ bi, niệm Pháp giữ tâm công bằng, niệm Tăng làm Thân tế độ. Nên người tu niệm Phật bảo trọng tâm linh. Niệm Pháp tùng thị Chơn Kinh. Niệm Tăng tận độ chúng sanh, bởi tâm linh là Phật. Con Kỵ Vật là Tăng, nguơn thần cơ năng về Pháp. Nên tôn giáo Cao Đài dạy thờ Thiên Nhãn nói về Tăng là thờ bản thể chữ Chủ nói về Pháp thờ Thiên Nhãn là thờ cái bản tâm con người, nói về Phật thờ Thiên Nhãn là thờ bản chân của Thượng Đế tức là Thần Thiên Lương của nhân loại, vì đó mà giới

người tu phải dùng cái Thiên Lương của mình đặng chế ngự thất tình của bản tâm, cũng như Đức Thích Ca lúc tham Thiền nơi cội Bồ Đề Đức Ngài đã đạt đạo Nguơn Linh ấy là Phật nhờ diệu dụng Như Lai tánh, ánh lên muôn đạo hào quang. Nên phần Tăng là Tinh đã biến hình Kim Thân. Còn phần nguơn Khí là pháp, biến sinh 7 đầu rắn Thần Cất lên ở bên sau để che chở Đức Phật hình như cây lọng kể như thất bửu chẳng còn thất tình, mà đạo trời đã thể hình chữ Tâm với 7 đầu rắn nơi Bán Nguyệt Ngũ Lôi Đài chính đó bửu tượng của ba Ngài thể hiện chữ Sơn phần trên "*Tam điểm như tinh tượng*". Phần kế dưới 3 cấp Tam Qui Thường Bộ, Hiệp Thiên Đài là"Hoành câu tợ nguyệt tà"ø với Đức Thích Ca về Tam Qui. Tâm ta biết thọ giáo là qui y Phật, tánh biết giữ giới là qui y Pháp, Thân biết hành sãi vãi là qui y Tăng, còn ba ngôi tam Bảo Phật bảo Nguơn Thần, Pháp Bảo Nguơn Khí, Tăng Bảo Nguơn Tinh. Nên Phật có những danh từ thật siêu việt, Cực Lạc nước Phật rất vui, Niết Bàn xứ Phật mọi vật điều tan biến, Như Lai Cảnh Phật đồng nhất diệu tánh, Bỉ Ngạn đất Phật bên kia biển mê, Phạm Môn cửa Phật lối về con đường giải thoát.

Còn Lão Giáo cho Đại Đạo phế nhân nghĩa ám chỉ cái đạo lớn của trời đất tức hai đấng tạo đoan hóa dục chúng ta kể như cha mẹ lo cho con, nhưng chổ tình người với nhau ta phải đối xử làm sao cho tròn câu Nhân Nghĩa. Nên Tòa Thánh Tây Ninh đạo trời đã thể hình hai chữ Nhân Nghĩa, Nhân thì bất tương tranh, còn Nghĩa thì bất vụ lợi, Nhân là gốc lợi sanh ở trời, nghĩa là gốc phúc lợi ở đất, với tất cả người tín đồ Cao Đài phải ra tài lợi sanh để làm việc phúc lợi đặng giúp ích chúng

sanh. Chẳng phải cái nợ tình buộc mình lẩn quẩn theo đường nhân nghĩa đối với hương lân, chớ cái thuật Nhân Nghĩa của Thánh nhân đem ra áp dụng cả quốc dân. Chỉ có thuyết Nhân Nghĩa của tôn giáo mới đi đến chỗ đại đồng huynh đệ tương thân tương ái xem toàn nhơn loại trên thế giới là nhà chung.

45– NGUYÊN LÝ TÔN GIÁO TRIẾT LUẬN

Luận về Thiên Đạo, Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế giáng trần lập đạo tá danh Cao Đài là Nho, Tiên Ông là Lão, Đại Bồ Tát là Thích, nên quen gọi Chí Tôn bằng Đức Cao Đài đó là chỉ đài ngự của Đấng Chí Linh chưa hẳn danh Chí Linh, cũng như đời thường gọi Đức Như Lai nhưng chỉ có hai vị Phật Thích Ca Như Lai, Quan Âm Như Lai hoặc Quan Âm Bồ Tát. Nếu gọi Đức Bồ Tát có nhiều vị Phật Chuẩn Đề, Di Lạc, Địa Tạng, Văn Thù, Phổ Hiền, với chữ Như Lai và Bồ Tát đó là cảnh của Phật không phải danh Phật. Về Như Lai sách Phật định nghĩa"Vô sở tòng lai diệc vô sở khứ" không đâu lại mà chẳng đi đâu. Còn Bồ Tát "*Bồ gia,ủ phổ giả, tát giả, tế giả*", với 2 từ ngữ có nghĩa chỉ về tánh hạnh của Phật, tánh Như Lai, hạnh Bồ Tát. Còn tu về Tiên đạo với chữ "*Bản lai diện mục*" nguyên khí vốn có ngưỡng mặt mắt thấy đồng nghĩa như lai, còn với người tín hữu Cao Đài, Đạo pháp vốn tâm linh phát sinh tư tưởng là Như, Thần trí hiện quán thông sự vật là Lai.

Nên triết thuyết Cao Đài Trời người đồng nhất. Phần đại thể là Trời, tiểu thể là người. Vì vậy mà Thánh Ngôn của Đức Chí Tôn có câu "*Thiên giả ngã dã*" Trời ấy là ta vậy. Với Nho cõi Chí Linh gọi là Thiên Thượng, chốn của Vạn linh gọi là Thiên Hạ, về Tiên Giáo cho Thiên Địa Vạn vật đồng nhất thể, có nghĩa cùng một thể khí của chí linh biến sinh vạn vật, còn Kinh Phật cho cõi thế gian có 3 hạng trời người và ác quỉ, Phật ám chỉ trời là hàng vua

chúa ở ngôi thiên tử cầm quyền xử trị, còn hàng người là thứ dân, hàng A Tu La là ác quỉ. Nên Kinh Kim Cang của Phật thiên thứ 12, có câu" Nhứt thiết thế gian Thiên nhơn A Tu La giai ưng cúng dường như Phật Tháp miếu", có nghĩa tất cả Trời người A Tu La trong đời đều nên tu Vựng Linh Sơn Pháp nơi tâm mới là Phật. Chớ chẳng cất miếu thờ Phật, với Cao Đài dạy hòa tâm hiệp tánh, có nghĩa phải hòa tâm cùng mọi người mới hiệp tánh thiên lương của Trời, với phép tu nên thuận mệnh là tu cái đức. Biết suất tánh là tu cái đạo, Đạo Đức tức thị tánh mệnh song tu, còn Phật dạy "*Minh tâm kiến tánh*" có nghĩa giồi giác thứ 8 là Tâm Thức phát xuất huệ quang khiếu là cơ phản chiếu mới thấy chơn tánh như lai.

Còn Tiên thì "*Tu tâm luyện tánh*" có nghĩa trau tâm cho thanh tịnh tánh mới hiệp vô vi. Với Nho thì dạy "*Tồn tâm dưỡng tánh*" có nghĩa phải giữ còn tâm linh để dưỡng sinh cho Chơn Tánh. Bởi triết lý Tam giáo đồng nguyên, với Cao Đài là Phật giáo chấn hưng. Tiên đạo chủ trung, Nho tông chuyển thế. Nên buổi Tam Kỳ Đức Thượng Đế lập đạo hiệp Ngũ Chi qui Tam giáo làm cơ tận độ chúng sanh. Dầu muôn loài ở bản thể nhị nguyên phải nhờ linh khí nhứt nguyên mà tấn hóa. Vạn linh là vật hình chí linh là siêu khí. Nên đạo Cao Đài là một triết lý bình đẳng giữa Trời đất và vạn vật, dầu Chư Thần Thánh Tiên Phật cùng một gốc ở Chí linh mà ra.

Nên Đức Chí Tôn đến khai đạo kỳ ba dạy thờ Thiên Nhãn là căn bản của chúng sanh, về chơn lý thật là khó giải, với sự kiện vừa qua có một nhà thơ lão thành ở Tân Bình đến viếng Tòa Thánh Tây Ninh ý còn thắc mắc cái chơn lý thờ Thiên Nhãn, khi về rồi còn gởi lại một

bức thư trong đó có một bài thi bát cú đề là Thiên Nhãn, mong quí Chức Sắc và các nhà thơ họa vận thế nào cho ông được cởi mở với chơn lý đó.

Nên tôi cũng gắng gượng họa lại năm vần để đáp cái thạnh tình của nguyên xướng.

HỌA VẬN BÀI THIÊN NHÃN

...“Hoàng Thiên hữu nhãn” Nhãn là Trời,
Thần khối Thiên Lương diệu hữu nhai.
Vũ trụ ngô tâm hoằng pháp đạo,
Càn Khôn linh thể biến cơ đời.
Nguyên hồn nhân chủng ban từ thuở,
Chơn lý Thánh Tòa hiện khắp nơi.
Nhãn thị chủ tâm thời ngưỡng vọng,
Nghi thờ Thượng Đế tức thờ người.

Trừ khi những ai họ tự chối bỏ phần Thiên Lương của mình. Nên ta cố biện minh may ra hạng người đó mới có được cái đức tin chỗ thờ Trời cũng là thờ người vậy.

46–TẬP TỤC QUỐC PHONG CHI BỔN

Thời cổ gốc nhân của Triều Chính với lòng hiếu kính lập đàn tế giao tế xã, gốc nhân ở dân gian các hương đảng quý tế Thần Linh nên mỗi xã có Đình Chùa, gốc nhân của ấp kể là tập tục ở người dân, ngay trước sân có bàn Vọng Thiên còn trong nhà thì thờ Cửu Huyền Thất Tổ, ý nghĩa như sau: Sơ của ông Sơ là 1, cố của Sơ là 2, nội của Sơ là 3, cha của Sơ là 4, với Sơ là 5, cộng với cố ta và Nội là 7 ông, phần chắc chích cha ta với ta gọi chung Cửu Huyền Chi Bổn.

Với Đức tín ngưỡng về mặt xã hội mỗi ấp có miếu Bà Cửu Thiên Huyền Nữ tức thị Mẹ Sanh của chúng ta. Tùy địa phương có nơi thờ miếu Thổ Thần, về tinh thần tín ngưỡng đối với Tổ quốc không quên ơn tấc đất ngọn rau. Nên mỗi nghi lễ cúng của người Việt nam dầu đơn giản cũng dành riêng một cỗ để kiến đất đai. Đó là lễ cáo trình cùng viên thừa sai của Hoàng Thiên Hậu Thổ để bổ dụng phò trì dân chúng trong khu phận làm ranh thành thử đất có vành đai nên gọi ngắn gọn với từ đất đai là vậy.

Với lễ Hôn Phối là đầu mối của cơ tạo đoan nên cái triết lý Vũ Trụ Quan đã lồng vào ở đạo người trong việc gã cưới mà tổ tiên ta còn lưu lại. Nói lễ thì dùng khai hộp với 6 miếng trầu, 6 miếng cau, hộp để tượng cái tròn của trời, còn khai thể hiện cái vuông của đất. Với trầu cau mỗi thứ đều 6 đó là 2 con số của Đạo Pháp, chú rể khăn đóng thể hiện cái tròn, cô dâu khăn tua tiêu biểu cái vuông ở

đạo người phụ nữ nếu trải ra có 4 gốc gọi là tứ đức. Khi xếp lại để đội thành khăn bánh ú gọi là tam tùng. Xưa kia nam phái khi bái lễ thể hiện khung Hồng Phạm phần tứ chi hai chơn quì 2 tay bỏ tới mới lạy trán chí đất gọi là ngũ đầu, nam là dương khi bái lễ phải đứng. Còn nữ là âm nên phải ngồi tiêu biểu cho cơ khởi thỉ ở lý âm dương (thanh phù trược giáng).

Trước khi bái lễ với chiếc áo dài thể hiện về cung cách ở đạo người áo trước 1 vạt, sau 1 vạt, với vạt hò gọi là Tam Cang, còn 5 nút tiêu biểu cho cái đạo Ngũ Thường, nên chiếc áo của phụ nữ cũng vậy thôi, còn tiểu phục là áo bà ba, nhưng phụ nữ chúng ta cũng may mặc với áo đàn bà không có túi nên quen gọi áo bà ba, bởi của nam khác hơn có 3 túi nên chiếc áo chánh danh xưa kia gọi là áo ba ba, trước 2 vạt ở sau 1 vạt giới nữ là tam tùng, còn nam về tam cang là 3 vạt tam đạt là 3 túi, bởi trước kia phần trên bên tả có may một túi. Nhưng áo cũng 5 nút thể hiện cái đạo ngũ luân ở con người Việt nam. Riêng về Tổ Tiên của ta xưa kia đàn ông cũng như đàn bà đều có búi tóc, cái đạo của phụ nữ thể hiện nơi đầu tóc hễ bới mé dưới chừa một rẽ tựa bánh lái coi như phận gái là chiếc thuyền tình trong 12 bến lựa mà đỗ, trong thì nhơ,ø đục thì chịu. Nên ông cha ta có câu "*Có chồng phải lụy cùng chồng, đắng cay phải chịu mặn nồng phải cam*".

Nhưng bới mé trên chừa 3 cái mồng rồi quấn 3 vòng có nghĩa họ cha, họ mẹ, họ chồng không đặng gả cưới lấy nhau. Bới xong đuôi tóc tùy trường hợp nếu vắt bên tả cho biết con gái chưa có lễ gả cưới, nếu đuôi tóc ở bên hữu thì mọi người nhìn vào đó biết đóa hoa đã có chủ, sự bới tóc cũng thể hiện cái đạo lý của người đàn bà Việt nam đã

quấn 3 vòng, trên chừa 3 cái mồng, bên dưới rẽ một cánh tiên. Nên ca dao Việt nam có câu hơi ví vỏm "*Bới đầu mà rẽ cánh tiên, chồng kia đi cưới một thiên cá mòi*", phép lịch sự ở người phụ nữ Việt nam đã lập gia đình rồi mà chưa con cái nếu đi về thăm cha mẹ tay luôn luôn phải bưng rổ tuyến để mọi người nhìn đó biết gái đã có chồng.

Nên người Việt Nam từ sự ăn uống hay thờ phượng đến bái lễ đều thể hiện lý số của tạo đoan.

Khi đói thì nói ăn 3 hột cơm, khát thì nói uống 3 hớp nước, chết thì nói dứt 3 tấc hơi, còn nói năng ăn uống cho là nhờ 3 tấc lưỡi, chừng nín thở cái lễ đối với người chết được chong đầu 3 vắt cơm để tỏ lòng của người chết trong kiếp sanh đã thọ 3 ân, 1/ là Quốc Vương, 2/ là Thủy Thổ, 3/ là Tổ Phụ, chừng đem chôn thì nói vùi 3 tấc đất.

Từ khởi thỉ đến chung kết đều là con số 3, Tổ Tiên ta biết nói đến cái nguyên lý của cơ khởi thỉ với 3 nguơn khí của trời đất lẽ tất nhiên cũng ở trong con người đồng nhứt thể về ngôi Tam Tài, 1/ là nguơn khí của lý phản phục nhứt hô nhứt hấp, 2/ là nguơn khí của Pháp thu liễm, nhứt ẩm nhứt trác, 3/ là nguơn khí của cơ định vị nhứt cử nhứt động. Về mặt xã hội với con số 3, chúng ta có dụng cụ làm, có cơm ăn, có áo mặc, mình là người Á Đông không thể vong 3 cái ân 1/ là Phục Hi, 2/ là Thần Nông, 3/ là Huỳnh Đế. Về tinh thần của người Việt nam Tổ Tiên ta cũng nêu ra cái lý số để giới hạn sự ăn uống ở câu "Trà tam rượu tứ, "khuyên chúng ta việc làm phải có điều độ, còn sự ăn uống phải có lễ độ, đó là ám chỉ ở kỹ thuật ướp trà và đặt rượu, ướp trà đọt ngắt nhón 2 lá với đọt là 3 mà thôi, nếu tham ngắt nhiều liều lượng đâu còn giá trị đối với khách hàng, còn đặt rượu mỗi khấp 4

lít mà thôi, bằng tham lấy nhiều đem đậu chung đã đục mà lại không bọt kể là rượu bàu.

Về nhận xét chúng ta cũng hiểu một phần nào cái gì vừa là tốt, nên trong dân gian của người Việt nam còn tàng trữ nhiều từ ngữ thuộc về triết lý nhơn sinh với 2 chữ Nhị tỳ và Đạo tỳ. Nhị tỳ là đất để chôn xác người ai cũng hiểu vậy, còn Đạo tỳ là kẻ trộm xác đất trong áo quan.

Luận theo tôn giáo Cao Đài đất là căn nguyên của Thông Thiên Giáo Chủ để tạo cái xác thú cho con người, khi con người chết bản thân phải trả lại cho đất, nên đất được chọn để dành chôn đất, tất nhiên là đất Nhị tỳ, bởi tỳ thuộc thổ chỗ vùng thổ cũ là nghĩa trang, còn cái trong cổ quan tài là thổ mới, cả hai hiệp lại đời gọi Nhị tỳ.

Về mặt đời khi hành lễ tang đi chôn có vị Vương quan cầm 2 cây dọi xông vào trước đánh phá hoàn còn số Đạo tỳ, mỗi người miệng ngậm thẻ áp tới trộm xác đó là lễ động quan. Còn về mặt Tôn Giáo hiện nay hành lễ tang lúc sắp động quan, có cặp lễ xướng "*Đạo giả bái quan*", đạo giả là kẻ trộm vậy, vị đầu ban cầm cặp sanh dẫn đầu đi vô hàng chiếc vị đầu ban dừng bước, đứng day mặt ra sanh gõ một tiếng cả đạo tỳ lộn lại thành hàng đôi đi ra mỗi bên 6, đó là nhứt khí sanh lưởng nghi rồi vị đầu ban sanh nhịp một tiếng hàng bên tả quay qua hữu, hàng bên hữu quay qua tả, gót chấm đất lúc xây bước ngang qua đi luôn thế bước phải cho vuông gốc tuần tự như vậy đủ 4 vòng, nghe tiếp một nhịp sanh của Đầu ban nhảy lên hàng tư để bái quan ở phép lưỡng nghi, biến tứ tượng, bái quan xong đầu ban quay lại gõ một nhịp sanh trả lại hàng hai vị đầu ban quay vô sanh gõ một tiếng đạo tỳ đi vào ở thế tả hữu xen kẻ hình chữ X, xem như tứ tượng thành Bát

Quái, rồi vị đầu ban đứng trước đầu hàng cầm sanh ra lịnh nhịp đôi 2 tiếng để chuẩn bị tiếng thứ 3 chào quan tài rồi, đâu đó đứng yên nghe tiếng sanh thứ nhứt đến thứ nhì thì tư thế đã sẵn sàng đến tiếng thứ 3 cùng động quan lên một lượt. Dầu rằng những tập tục thuộc về triết lý nhơn sinh trong dân gian nhưng có ảnh hưởng cùng pháp giới tạo đoan.

47– PHẦN THỰC TẬP

Với hai đề thi chữ cùng một thể văn Động Đình của Đức Lý Đại Tiên giáng cơ viết phần tứ dân là "*Sĩ Nông Công Thương*" phần "*Tứ thú*", về lao công mới có hai vế "*Ngư Tiều*", tiểu đệ ý muốn học hỏi nhưng biết hỏi đâu mới hỏi tâm ta mà viết thử cũng lấy sáu chữ "*Công Đức Ngôn Hạnh Tánh Mệnh*". Phần thi chữ đề thứ nhất.

MỪNG CƠ ĐẠO HOẰNG DƯƠNG

Thánh đức phục hồi đắc huệ quang,
Triều nghi Đại Đạo xuất dinh hoàn.
Bảo sanh chủng loại huờn nguyên bổn,
Giải mộng phàm trần diệt trái oan.
Thừa Pháp Tam Kỳ siêu phật tánh,
Hộ thần cứu phẩm thoát nhân gian,
Tùng cơ diệu lý khai chơn giáo.
Thế thượng năng du tạo phước nhàn.

NGỘ ĐẠO

Ngộ Đạo Nam bang kiến Chí Tôn.
Bách vân khai lộ đáo Thiên môn,
Chơn thân xuất hiện tam huê đảnh.
Huệ nhãn chiếu minh bát phẩm hồn,
Đoạt pháp hư vô hòa nhựt nguyệt.
Tri cơ tạo hóa hiệp càn khôn,

Niết bàn tại hưởng Liên trì hội.
Giải mộng huỳnh lương kiếp vĩnh tồn.
■ *(Cả hai để làm hồi năm Canh Dần 1950)*

Cả hai bài nầy được nhà thơ thâm nho học với bút hiệu Bá Tòng phẩn đạo phẩm Giáo Thiện quí danh là Huỳnh Văn Điền, mọi người quen gọi Thầy Tư là vậy, tôi trao cho ông lúc ông còn ngồi đoán xâm Phật Mẫu tại Báo Ân Từ, ông họa rồi rất hay đưa xem chơi rồi mượn lại nói còn sửa chữa nhưng rốt lại lâu ngày thành quên. Tôi còn nhớ bài trên đây ở luận nhì 3 chữ (Quái Biến Khôn) còn bài trước tôi còn nhớ nguyên văn 2 câu phá thừa.

HỌA VẬN

Thiên khai Đại Đạo nhựt trùng quang.
Truyền bá nghĩa nhân bảo địa hoàn.

TẦM ĐẠO

(ĐIỆU VĂN ĐỘNG ĐÌNH)

Đạo bất hoại, nhơn tâm thường hoại,
Luật thương yêu hóa giải đời tàn.
Hạ nguơn sống cảnh lầm than.
Là cơ trả nghiệt đền oan kiếp trần,
Công bình tạo hóa cầm cân.
Lành siêu dữ đọa dứt lần tội khiên,
Lợi
Danh
Tà
Chánh
Đường tu khổ hạnh là duyên.

Vững tay lèo lái khuôn thuyền,
Hưởng ân thiên
Đáng hi hiến
Bước truân chuyên
Tẳng góp mặt
Không ham chen lấn cửa quyền.
Trau tâm từ ái làm giềng bảo sanh,
Thiên lương tạo khối chơn thành.
Đưa đường khách tục thực hành phương tu,
Hiền Ngu
Tánh Đức
Xuân Thu
Vị tha phủi sạch oán thù.
Tâm hành Bồ Tát công phu phật trời,
Lễ khấn nguyện mỗi thời
Trương bườm lúc ra khơi
Bể khổ lúc đầy vơi
Bến giác lúc an nơi
Đỡ chơn khách tục chiều mơi.
Ngoài vòng tranh luận thảnh thơi tinh thần.
Đức khá thi ân
Đạo khá độ nhân
Mệnh khá tùng chân
Lợi danh trong cõi hồng trần
Tu là cội phúc nhẹ phần trái oan,
Cân đai chi lắm buộc ràng.
Khó mong đổi được cảnh nhàn thần tiên,
Xông pha khổ hải
Dìu lại đài liên

Biết trời, biết người, biết tâm, biết giả truyền,
Biết thời, biết thế, biết đạo, biết chơn truyền.
Biết nhục vinh, biết siêu đọa, biết phổ truyền
Không ham vật chất ảo huyền.
Ma Ha nước dập lửa phiền chúng sinh,
Đem Vạn linh hiệp Chí Linh.
Tiểu thể thiên địa thái bình hoan ca.
Nâu sòng tránh chốn cát bụi phồn hoa,
Khua chuông cảnh tỉnh giục khách ta bà,
Tùng cơ ân xá độ tận kỳ ba,
Dìu nhau lên khỏi ái hà.
Bờ dương bóng trải diềm dà nương chân,
Cửa không, tâm đã tẩy trần.
Phục sinh chơn khí chói ngần Như lai,
Mừng Đạo hoằng khai

CÔNG

Đời hưởng duyên may
Nhờ bậc chân tài
Ra tay dìu độ
Chung thân gánh khổ nhơn sanh.
Ơn Trên ban thưởng phép lành vui thay.
Vững lòng vẹt lối chông gai.
Góp công tô điểm ngôi đài thiên lương,
Đủ diệu phương
Đứng chủ trương
Giữ lập trường
Rừng hoang mở ngõ ven đường.
Đem cơ phổ độ xuất dương nước ngoài,

Tổ đình có một không hai.
Khách ngũ châu viếng cảm hoài tiền nhân,
Hòa bình hạnh nguyện,
Thế giới tương thân.

ĐỨC

Nhưng Tôn Giáo chịu bao lần thử thách,
Biết trau tâm làm phương cách phôi pha
Dầu rằng khổ nạn cũng vẫn trôi qua,
Đời muôn nẻo đạo chung nhà,
Với đức nhẫn nhục họ là người ơn,
Dầu dị chủng, khác giang sơn.
Cũng tình nhân loại oán hờn ích chi,
Ta phó mặc thị phi,
Tu sẵn tính từ bi,
Kể giúp vốn vậy thì,
Điều thiện hằng bữa thực thi.
Hiền hòa giữ mực phát huy lòng mình,
Đối xử đặt vững niềm tin.
Khen chê tránh sự bất bình ở ta,
Những là...

NGÔN

Lời lẽ
Thốt ra
Ôn hòa
Văn ve,ủ
Ngôn từ đời sẽ cảm thông.
Chánh pháp luận giải ý mong góp phần,

Phê bình xây dựng thế nhân.
Lời lành lẽ phải cân phân rõ ràng,
Để khuyên nhau điều tình lý giúp dân gian
Không vàng ngọc, cũng khuôn thước, thành bài vở.
Buôn ra chẳng ngỡ món hàng.
Biết dùng vô giá đâu màng rêu rao,
Tùy chỗ minh định thấp cao.
Làm câu ngạn ngữ ca dao để đời,
Kể như con gậy,
Mỗi phút chẳng rời,
Trẻ già nương đỡ,

HẠNH

Khiêm tốn nhân cách tỏ đành rành.
Hòa nhã ấy phương danh,
Muốn oai nghiêm cứ chỉ bệ vệ.
Tâm lý chưa ai nễ,
Nghèo giàu thái độ vẫn hiền lành.
Thật con người đáng kể,
Giữ hạnh kiểm để hòa đồng.
Kỉnh trên nhường dưới với lòng khoan dung,
Nét vui giữ lễ chấp trung.
Sống bên cội phúc đời dùng tặng nhau,
Chỗ tình nghĩa ban giao,
Giữ làm sao người mến,
Việc hiếu ân nghĩ đến,
Không bờ bến nào lường,
Đặt mình ở chốn tầm thường.
Làm cầu tế độ lót đường chúng sanh,

Tâm tu nguyện vọng đắc thành.
Trước sau vẫn một sở hành mà thôi,
Đạo người mãi nhớ trau giồi.
Kết dây liên ái tài bồi cho nhau,
Mới phần nào...

TÁNH

Cái trời phú,
Thể của tâm,
Khỏi suy tầm,
Định mới trụ.
Tư tưởng vi chủ phàm thân.
Tánh vốn màn ảnh trong lần hiện ra,
Hoặc thành thật, hay điêu ngoa.
Nhãn hiệu thường chuyển hiểu qua lịch trình,
Vững niềm tin
Hay bất bình
Nhìn sắc khí
Hành động cử chỉ phơi bày.
Bên trong cố dấu, mặt ngoài hiển nhiên,
Đã phàm tục, mộng thần tiên.
Nhơn sanh thừa hiểu ta thiên cánh nào,
Tùng tâm đắc vị cao

MỆNH

Tu thân thì dưỡng mệnh,
Thuyền khơi người có bến,
Phép trời ban cho ta.
Chịu đựng xông lướt trùng ba

Xuôi gió ngược nước cũng là duyên may,
Hóa công thử khách anh tài.
Thủ thường ấy lúc xây đài vinh quang,
Tùng thiên lý bảo toàn
Thuận nhơn dục tự sát
Vận hội thành đạt do căn.
An phận hàm dưỡng tài năng thức thời,
Biết làm người phải kỉnh trời.
Giới gương đạo để sáng ngời soi chung,
Vui luyện chí khí hùng,
Sống cùng tạo vật.

48– PHẦN BIỆN MINH THAY CÁO TRÌNH

Soạn giả chỉ ghi kích tấc ngôi Đền Thánh lúc chưa có sửa chữa, sau nầy có lịnh sửa chữa lần đầu khởi công 2–4 Ất Sửu (1985) tô cột trên lầu Bát Quái với vài mái Đền bên trong còn chừa lại với những cây đà bên trên từ đầu tường mái Đền ngang qua la phong dù, đến 19–5 mới hoàn thành. Lần thứ 2: 21–6 Canh Ngọ (1990) sửa chữa đúc 6 cây cột sau Bát Quái 5 khúc đà dưới chân tường, 4 khúc đà câu trên đầu lan can với vài công trình nhỏ đến 27 tháng chạp mới hoàn thành. Khởi công lần thứ 3 vào 30–3 Nhâm Thân 92, đúc lại 22 cây cột quanh Đền Thánh đổ đà ép 3 mặt thân lầu chuông trống, tiếp đổ đà trên đầu bửng và mương cặp chân nền. Đổ vĩ nằm 28 cái, vĩ đứng 22 cái để làm tấm chắn bao quanh chân nền, thời gian nầy mấy cửa có tam cấp ở quanh Đền được sữa chữa tô đá mài trở lại, do sân gạch nâng cấp cở 6,7 phân thì tam cấp tấc phân không còn y như trước. Công thợ ban kiến trúc tính chia làm sao con mắt của người ta nhìn vào cho là đẹp, còn bán nguyệt Ngũ Lôi Đài cũng cho tô đá mài lại với vài công trình nhỏ, nên đến ngày 5 tháng 11 Nhâm Thân mới hoàn thành. Lần thứ 4 ngày 8–10 Giáp Tuất (1994) khởi công tô hầm Bát Quái và lót gạch màu vàng đến 30–10 mới hoàn thành.

Ngôi Đền Thánh từ năm Ất Sửu (1985) đến năm Giáp Tuất (1994) có 4 lần sửa chữa.

ĐẠI ĐẠO TRIẾT LÝ NHÂN BẢN

Biên Soạn: HUỆ PHONG

TK@08•11•2017 12:20 PM